

# **BỘ THƯƠNG LUẬT - VNCH - Quyển 1**

31 August 2012  
Hits: 9143

## **BỘ LUẬT THƯƠNG MẠI**

# **SẮC LUẬT số 029 –TT- SLU ngày 20 tháng chạp năm 1972 ban hành Bộ Luật thương mại.**

## **TỔNG THỐNG VIỆT NAM CỘNG HÒA**

Chiếu Hiến pháp Việt nam Cộng hoà ngày mùng 1 tháng tư năm 1967;  
Chiếu sắc lệnh số 394 –TT-SL ngày mùng 1 tháng chín năm 1969 và các văn kiện kế tiếp ấn định thành phần Chánh phủ;  
Chiếu Luật số 005 – 72 ngày 28 tháng sáu năm 1972 ủy quyền cho Tổng thống quyết định và ban hành bằng sắc luật các biện pháp cần thiết trong các lãnh vực an ninh, quốc phòng, kinh tế, tài chánh;  
Sau khi hội đồng Tổng trưởng đã thảo luận.

## **SẮC LUẬT:**

Điều duy nhất – Nay ban hành Bộ Luật Thương Mại gồm quyền I, quyền II, quyền III, quyền IV, quyền V, và điều khoản chung, đính kèm.  
Sắc luật này được đăng vào Công báo Việt nam Cộng hòa.  
Sài gòn, ngày 20 tháng chạp năm 1972  
**NGUYỄN VĂN THIỆU**

## **QUYỀN THỨ NHẤT**

# **ĐIỀU KHOẢN TỔNG QUÁT**

## **Các nhà buôn - Nhiệm vụ của các nhà buôn Các cửa hàng thương mại**

**Điều thứ nhất** - Luật thương mại chi phối những hành vi thương mại và nghề nghiệp thương gia.

Thương gia là những người làm những hành vi thương mại cho chính mình và lấy những hành vi ấy làm nghề nghiệp thường xuyên của mình.

# CHƯƠNG THỨ NHỨT

## CÁC NHÀ BUÔN

**Điều thứ 2** - Mọi người đều được quyền làm thương mại, trừ phi có luật đặc biệt hạn chế quyền này.

**Điều thứ 3** - Muốn làm thương mại phải có đầy đủ năng lực pháp lý.

**Điều thứ 4** - Vị thành niên trai hay gái chỉ được tự mình làm thương mại nếu:

- 1) đã đủ 18 tuổi.
- 2) được thoát quyền;
- 3) được người cha cho phép làm thương mại, và nếu người cha đã tạ thế, thất tung, bị cấm quyền, bị mất phụ quyền hay không sử hành được phụ quyền, sẽ do người mẹ cho phép; và nếu cả cha lẫn mẹ đều không còn hoặc không phát biểu được ý kiến thì do quyết định của hội đồng gia tộc được toà sơ thẩm phê;
- 4) Giấy cho phép và văn thư thoát quyền đã được công bố trên sổ thương mại để tại phòng lục sự toà án, nơi vị thành niên sử hành nghề.

**Điều thứ 5** - Người thủ hộ có thể nhân danh vị thành niên tiếp tục khai thác một cửa hàng thương mại trong di sản mà vị thành niên được hưởng, nếu được hội đồng gia tộc cho phép với sự chuẩn phê của toà án. Sự cho phép và chuẩn phê đều phải được công bố vào sổ thương mại.

**Điều thứ 6** - Vị thành niên, được phép tự làm thương mại, hay thủ hộ được phép làm thương mại cho vị thành niên, như nói ở các điều trên, có thể thế chấp hay để đưng các bất động sản cho vị thành niên đứng tên làm chủ, nếu cần cho việc thương mại. Song muốn bán các bất động sản, thì phải theo các thủ tục do bộ Dân luật quy định.

**Điều thứ 7** - Người đàn bà có chồng có quyền làm thương mại cho riêng mình, trừ phi người chồng phản kháng.

**Điều thứ 8** - Nếu người chồng muốn phản kháng thì phải tổng đạt sự phản kháng này cho người vợ và cho chánh lục sự toà sơ thẩm nơi người vợ hành nghề để chánh lục sự ghi sự phản kháng vào sổ thương mại.

Người vợ có thể xin chánh toà sơ thẩm sở tại giải trừ sự phản kháng này bằng một mệnh lệnh phê đơn, sau khi đã nghe người chồng trần tình.

Mệnh lệnh này có thể bị kháng cáo.

Nếu sự phản kháng được giải trừ, sự giải trừ sẽ được tổng đạt cho chánh lục sự toà sơ thẩm để cũng ghi vào sổ thương mại.

**Điều thứ 9** - Nếu sự phản kháng được giải trừ, mọi hành vi của người vợ đã làm kể từ ngày phản kháng đều hữu hiệu. Nếu sự phản kháng được chấp nhận, hay nếu người vợ không xin giải trừ, mọi hành vi của người vợ làm từ khi có sự phản kháng của người chồng đều không đối kháng được với người này, nhưng với điều kiện là khi lập ước với người vợ, người đệ tam đã được biết rõ có sự phản kháng của người chồng.

**Điều thứ 10** – Người đàn bà có chồng sẽ không coi là thương gia, nếu chỉ giúp việc buôn bán cho chồng, chứ không hành nghề riêng biệt.

**Điều thứ 11** – Người đàn bà thương gia được làm mọi hành vi cần thiết cho sự buôn bán của mình, kể cả những hành vi tiêu thất những tài sản riêng của mình.

Tất cả các sự cam kết của người đàn bà thương gia đều có hiệu lực không những kết buộc người đàn bà mà kết buộc cả người chồng trong chế độ cộng đồng tài sản.

Tuy nhiên, nếu người vợ hành nghề thương mại do sự cho phép của tòa án, những sự cam kết của người vợ sẽ không có hiệu lực đối với các tài sản riêng của người chồng.

Trong trường hợp hai vợ chồng kết hôn theo chế độ không phải chế độ cộng đồng tài sản, người chồng không bị kết buộc bởi các món nợ của người vợ thương gia.

**Điều thứ 12** – Những người bị cấm quyền do luật pháp hay do án văn đều không có pháp năng để làm thương mại.

Người giám hộ cũng không có quyền thay mặt cho những người đó để làm thương mại.

## CHƯƠNG THỨ II

### NHIỆM VỤ CỦA NHÀ BUÔN

#### TIẾT I

## CÁC SỔ SÁCH CỦA NHÀ BUÔN

ê Bất luận thể nhân hay pháp nhân có tư cách là nhà buôn đều phải giữ một cuốn sổ nhật ký ghi chép những nghiệp vụ của doanh nghiệp và những sự chi tiêu trong ngày. Sổ này có thể ghi chép từng ngày hoặc tổng kết từng tháng với điều kiện phải có đủ chứng từ lưu trữ.

**Điều thứ 14** – Các nhà buôn, thể nhân hay pháp nhân, cũng phải dán vào một cuốn sổ để lưu trữ các thư từ nhận được về việc buôn bán của mình và các bản sao thư từ gửi đi.

**Điều thứ 15** – Ngoài ra, mỗi năm phải làm một bảng toàn kê các tiêu sản và tích sản của doanh nghiệp cùng kết toán các chương mục để lập thành một bảng đối kê và bảng chương mục lời lỗ.

Bảng đối kê và bảng chương mục lời lỗ phải được chép vào một cuốn sổ gọi là sổ toàn kê.

**Điều thứ 16** – Sổ nhật ký, sổ thư từ và sổ toàn kê, trước khi dùng, phải trình chánh án tòa sơ thẩm tại quản hạt nơi doanh nghiệp đặt trụ sở để được phê duyệt và đánh số trang.

Trong khi dùng, phải theo thứ tự ngày tháng, không được bỏ trống chỗ nào, biên ra ngoài lề hay tẩy xóa.

**Điều thứ 17** – Các cuốn sổ nói ở các điều 13, 14 và 15 phải được lưu trữ trong 10 năm.

**Điều thứ 18** – Các cuốn sổ nhà buôn được giữ hợp lệ có thể dùng làm bằng chứng giữa các nhà buôn với nhau về công việc mua bán.

**Điều thứ 19** – Tòa có quyền buộc thương gia đương sự hoặc trích sao sổ sách thương mại của mình về những phần có liên quan đến vụ kiện, hoặc xuất trình sổ sách để tòa tự xem xét và quyền trích sao những phần liên hệ cần thiết cho việc xét xử.

Sổ sách chỉ có thể được thông tri toàn bộ cho đối phương trong những vụ kiện về di sản, về tài sản cộng đồng, phân chia tài sản hội và về khánh tận.

## TIẾT II

# VIỆC GHI TÊN VÀO SỔ THƯƠNG MẠI

**Điều thứ 20** – Điều phải được ghi tên vào sổ thương mại, trong các điều kiện định ở các điều kế tiếp:

1) Bất luận thể nhân nào, không phân biệt quốc tịch, có tư cách là thương gia theo định nghĩa của luật Việt nam, và hoạt động thương mại ở trên lãnh thổ Việt nam.

2) Bất luận pháp nhân nào, không phân biệt quốc tịch, thành lập dưới hình thức thương mại hoặc với mục đích để làm thương mại, có trụ sở tại Việt nam, hoặc có tại Việt nam một chi nhánh, phân cục hay bất cứ doanh sở hoạt động nào.

**Điều thứ 21** – Các cơ quan công lập có tính cách kỹ nghệ hay thương mại và được tự trị tài chánh cũng phải ghi tên vào sổ thương mại.

**Điều thứ 22** – Sổ thương mại gồm có:

- 1) Sổ trung ương,
- 2) Các sổ địa phương.

Các sổ địa phương được giữ tại phòng lục sự mỗi tòa sơ thẩm bởi chánh lục sự và dưới sự kiểm soát của chánh án hoặc một thẩm phán được chỉ định bởi chánh án.

Sổ trung ương được giữ tại Bộ kinh tế theo thể thức định ở điều 29 dưới đây.

**Điều thứ 23** – Việc ghi tên được làm tại phòng lục sự tòa sơ thẩm nơi nhà buôn có doanh sở chánh. Nếu nhà buôn là một pháp nhân, việc ghi tên sẽ làm tại phòng lục sự tòa sơ thẩm nơi hội sở.

Trong trường hợp một nhà buôn, thể nhân hay pháp nhân, có nhiều doanh sở chánh, chi nhánh hay phân cục ở tại nhiều nơi khác nhau, việc ghi tên phải làm cả ở phòng lục sự tòa sơ thẩm nơi có các doanh sở phụ, chi nhánh hay phân cục.

Việc ghi tên phải được làm trong thời hạn một tháng trước khi bắt đầu hoạt động.

**Điều thứ 24** – Đơn xin ghi tên phải được gửi cho chánh lục sự tòa sơ thẩm. Trong đơn, đương sự phải khai trình tên họ, quốc tịch, thân trạng, năng lực, chế độ hôn nhân, thương hiệu của mình cũng như các chi tiết về các cửa hàng hay doanh nghiệp mà mình khai thác, nói chung mọi yếu tố về tình trạng pháp lý và sự hoạt động thương mại của mình mà các đệ tam nhân cần biết.

**Điều thứ 25** – Về những doanh nghiệp mà luật pháp có dự định những thể thức gì đặc biệt khác trước khi được mở doanh nghiệp, đương đơn phải chứng minh là đã thi hành đầy đủ các thể thức này.

Ngoài ra, nếu đương đơn định khai thác một doanh nghiệp sẵn có, thì phải xuất trình giấy chứng minh:

- 1) Sự chuyển nhượng hợp lệ doanh nghiệp này.
- 2) Tư cách đứng ra khai thác doanh nghiệp đó.

**Điều thứ 26** – Chánh lục sự nhận được đơn xin ghi tên phải kiểm soát xem trong đơn có đầy đủ các điều phải khai trình và đơn có được kèm theo các văn kiện chứng minh cần thiết không.

Nếu không, chánh lục sự phải buộc đương đơn bổ túc đơn, cũng như xuất trình các văn kiện thiếu sót.

Mọi sự tranh chấp giữa chánh lục sự và đương đơn về sự ghi tên, sẽ do chánh án tòa hay thẩm phán được chỉ định giải quyết bằng một án lệnh thường. Đương đơn có thể xin kháng cáo án lệnh này.

**Điều thứ 27** – Sau khi đã ghi tên, nếu có sự thay đổi gì về doanh nghiệp hay về tình trạng pháp lý của mình khiến phải sửa đổi các điều đã khai trình, thì nhà buôn, thể nhân cũng như pháp nhân, phải khai sự thay đổi này cho chánh lục sự để ghi vào sổ. Thời hạn khai trễ nhất là một tháng sau khi có sự thay đổi.

Thể thức khai cũng làm theo như ở điều 25.

**Điều thứ 28** – Nhà buôn, thể nhân hay pháp nhân, đã ghi tên, nếu thôi hành nghề, bất cứ vì một lý do gì, cũng phải khai trình việc này cho chánh lục sự để gạch tên mình trong sổ. Thời hạn khai trễ nhất là một tháng sau khi thôi hành nghề hay giải tán công ty.

Thể thức khai cũng làm theo như ở điều 25.

**Điều thứ 29** – Chánh lục sự mỗi tòa trong thời hạn một tháng, sau ghi tên nhà buôn vào sổ địa phương phải gửi một bản trích lục các lời khai trình đã nhận được lên Bộ kinh tế để ghi vào sổ trung ương.

Mỗi khi có sự thay đổi trong các lời khai trình, chánh lục sự cũng phải gửi lên Bộ kinh tế một bản trích lục lời khai xin sửa đổi, trong thời hạn nói trên.

**Điều thứ 30** – Bất luận nhà buôn nào, thể nhân hay pháp nhân, có ghi tên trên sổ thương mại, đều phải ghi rõ trên các hóa đơn, phiếu giao hàng hay đặt hàng, giấy quảng cáo, cũng như trên tất cả các thư từ của mình, sổ đăng tịch thương bạ của mình và chỉ rõ nơi tòa án mà thương gia đó đã khai xin ghi tên.

Mọi sự vi phạm điều này sẽ bị phạt vạ từ 1.000\$ đến 10.000\$.

**Điều thứ 31** – Sẽ bị phạt tù từ mười một ngày đến sáu tháng và bị phạt vạ từ 3.000\$ đến 30.000\$ hay là một trong hai hình phạt nói trên, thương gia nào, bất luận thể nhân hay pháp nhân, phải khai trình để ghi tên, để sửa đổi hay bổ túc các lời ghi trước, hoặc để gạch bỏ sự ghi tên, mà đã không làm các việc này trong thời hạn đã định.

Nếu thương gia là một pháp nhân, thì người quản lý hay quản trị viên công ty, sẽ bị truy tố và chịu hình phạt. Trong trường hợp một chi nhánh hay phân cục, giám đốc chi nhánh hay phân cục sẽ bị truy tố và chịu hình phạt.

Sự truy tố sẽ do yêu cầu của chánh án hay thẩm phán được chỉ định để kiểm soát sổ thương mại.

Tòa án tuyên hình phạt sẽ buộc nhà buôn vi phạm phải thực hiện việc khai trình trong thời hạn một tháng kể từ ngày tuyên án. Quá thời hạn trên, nếu bất tuân, đương sự có thể bị phạt một lần nữa.

Ngoài ra, tòa án tuyên hình phạt có thể truyền đóng cửa doanh nghiệp, hay chi nhánh, phân cục doanh nghiệp đó, cho tới khi nào các thể thức phải làm đã được thi hành xong.

**Điều thứ 32** – Sẽ bị phạt tù từ một tháng đến sáu tháng và bị phạt vạ từ 5.000\$ đến 50.000\$ hay là một trong hai hình phạt nói trên, thương gia nào, bất luận thể nhân hay pháp nhân, để xin ghi tên, gạch tên, hay xin sửa đổi các điều đã ghi trong sổ, đã cố tình khai những điều không đúng sự thật.

Nếu thương gia là một pháp nhân thì người quản lý hay quản trị viên công ty sẽ bị truy tố và chịu hình phạt. Trong trường hợp một chi nhánh hay phân cục, giám đốc chi nhánh hay phân cục sẽ bị truy tố và chịu hình phạt.

Sự truy tố sẽ do yêu cầu của chánh án hay thẩm phán được chỉ định để kiểm soát sổ thương mại.

Tòa tuyên phạt sẽ truyền cho cho sửa lại trong sổ thương mại các điều đã khai sai.

Ngoài ra, tòa án còn có thể tuyên bố thương gia vi phạm mất quyền ứng cử và bầu cử vào phòng thương mại.

**Điều thứ 33** – Thương gia, thể nhân hay pháp nhân, chỉ có thể đem đối kháng được với đệ tam nhân giao thiệp thương mại với mình những việc liên quan đến tình trạng pháp lý của mình nếu các việc này đã được khia trình hợp lệ và ghi vào sổ thương mại theo các điều kiện đã nói ở các điều trên.

Thương gia, thể nhân hay pháp nhân, đã bán cửa hàng của mình hay cho thuê cửa hàng, chỉ có thể viện dẫn sự chuyển nhượng hay sự cho thuê để giải trừ trách nhiệm về các sự kết ước của người kế quyền kể từ ngày sự chuyển nhượng hay cho thuê được công bố vào sổ thương mại.

Tuy nhiên, thương gia có thể đem đối kháng với người đệ tam những sự kiện không đăng ký nếu có bằng chứng là người đệ tam đã hay biết.

**Điều thứ 34** – Những văn kiện lập quy sẽ được ban hành để ấn định, chiếu theo các điều khoản trên, hình thức của các sổ thương mại, các điều kiện và cách thức làm đơn để xin ghi tên, các điều phải khai trình khi xin ghi tên, các sự thay đổi phải khai lại, các văn kiện chứng minh phải được nạp theo đơn, và cách thức khai trình để ghi tên về các chi nhánh, phân cục hay doanh nghiệp phụ.

Những văn kiện lập quy đó cũng sẽ định cách thức làm sổ, giữ sổ cùng kiểm soát sổ và các điều ghi trong sổ.

Ngoài ra, các văn kiện lập quy đó cũng sẽ định cách thức và điều kiện cho phép công chúng được xem các sổ thương mại hay xin các trích lục cần thiết.

Những văn kiện lập quy nói trên có thể dự định một vài trường hợp mà thương gia được miễn khỏi phải ghi tên vào sổ thương mại.

**Điều thứ 35** – Sắc lệnh ngày 8-7-1927 sửa đổi bởi sắc lệnh ngày 20-7-1939 và các nghị định kế tiếp được tiếp tục áp dụng cho đến khi ban hành những văn kiện lập quy nói trên.

## TIẾT III

# VỀ SỰ CÔNG BỐ HÔN THỨ VÀ HÔN ƯỚC

**Điều thứ 36** – Nhà buôn đương buôn bán mà lập gia đình, phải công bố hôn thú và hôn ước nếu có vào sổ thương mại.

Chưởng khế hay viên chức lập hôn ước cho hai vợ chồng, trong đó có một người là thương gia, có nhiệm vụ phải gửi một bản trích lục hôn ước tới phòng lục sự tòa án có thẩm quyền để ghi vào sổ thương mại.

Trong trích lục này phải nói rõ chế độ hôn sản của hai vợ chồng.

Thời gian gửi là một tháng kể từ ngày lập hôn ước.

**Điều thứ 37** – Người nào có gia đình rồi mà nay muốn làm thương mại, hay tới hành nghề buôn bán trong một quán hạt khác nơi quán hạt tòa án đã ký nạp trích lục hôn ước, phải nạp tại phòng lục sự tòa án có thẩm quyền một bản trích lục hôn ước của mình để ghi vào sổ thương mại.

**Điều thứ 38** – Người đàn bà thương gia có chồng hay người vợ của một thương gia, xin biệt sản với chồng phải xin ghi đơn khởi tố vào sổ thương mại.

Trong trường hợp trên, tờ khai phải được nạp tại phòng lục sự trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày vào đơn. Tòa chỉ có thể tuyên án biệt sản nếu đơn khởi tố đã được ghi hợp lệ vào sổ thương mại, bằng không bản án sẽ vô hiệu.

Các bản án chấp nhận hay bác bỏ đơn xin biệt sản cũng phải được ghi vào sổ thương mại trong thời hạn đã định tại điều 27, do lời khai của đương sự.

**Điều thứ 39** - Người vợ hay người chồng thương gia có án nhứt định tuyên bố tiêu hôn, ly thân hay ly hôn cũng phải làm tờ khai xin ghi án vào sổ thương mại.

Thời hạn khai là thời hạn định tại điều 27.

**Điều thứ 40** – Trong trường hợp hai vợ chồng mà một người là thương gia tái lập khỏi cộng đồng tài sản đã bị giải tán vì biệt sản, sự tái lập này cũng phải được kê khai để ghi vào sổ thương mại.

Chưởng khế lập chứng thư tái lập có nhiệm vụ phải gửi một trích lục chứng thư nói trên tới phòng lục sự tòa án có thẩm quyền để ghi vào sổ thương mại.

Thời hạn là một tháng kể từ ngày lập chứng thư.

**Điều thứ 41** - Sẽ bị hình phạt đã định ở các điều 30 và 31 người vợ hay người chồng thương gia vi phạm các điều kể trên.

Chưởng khế hay viên chức hộ tịch có nhiệm vụ khai trình chiếu các điều khoản kể trên, mà không làm hay không làm trong thời hạn, sẽ bị phạt số tiền vạ dân sự từ 1.000\$ đến 4.000\$ chưa kể những trừng phạt về kỷ luật.

Ngoài ra, các hôn khế, án văn và chứng thư đã nói ở trên, nếu không công bố, sẽ không đem đối kháng được với đệ tam nhân .



# CHƯƠNG THỨ III

## CÁC CỬA HÀNG THƯƠNG MẠI

**Điều thứ 42** - Cửa hàng thương mại gồm toàn thể các tài vật, động sản hợp thành một khối đem sung dụng vào một hoạt động thương mại.

Cửa hàng thương mại gồm có khách hàng là yếu tố chính và, trừ phi có điều khoản trái lại, tất cả những tài vật khác cần thiết cho sự khai thác cửa hàng, như bảng hiệu, thương hiệu, quyền thuê mướn, dụng cụ, khí cụ, hàng hóa, giấy phép, bằng sáng chế, nhãn hiệu chế tạo, hình vẽ và kiểu mẫu, quyền sở hữu văn nghệ và mỹ thuật.

**Điều thứ 43** - Cửa hàng thương mại có tính chất một động sản vô hình.

**Điều thứ 44** – Các sự mua bán, cầm cố, thuê mướn cửa hàng thương mại được chi phối bởi các điều khoản của Dân luật. Ngoài ra cũng phải tuân theo các điều kiện nói ở các điều luật sau đây.

### TIẾT I

## VIỆC MUA BÁN CỬA HÀNG THƯƠNG MẠI

#### PHỤ TIẾT I ĐIỀU KIỆN MUA BÁN

**Điều thứ 45** - Việc mua bán cửa hàng thương mại có tính cách thương mại đối với người bán cũng như đối với người mua.

**Điều thứ 46** - Mọi việc mua bán hay hứa mua bán cửa hàng thương mại, có điều kiện hay không có điều kiện, cũng như việc hùn cửa hàng vào công ty, đều phải được làm bằng giấy tờ, công chứng thư hay tư chứng thư có trước bạ.

**Điều thứ 47** – Trong chứng thư, các đương sự phải chỉ định rõ những yếu tố đem bán. Nếu không có sự chỉ định rõ thì đối tượng việc đoạn mại chỉ có bảng hiệu, thương hiệu, quyền thuê mướn và khách hàng mà thôi.

Sẽ không được coi là có sự đoạn mại cửa hàng, nếu việc đoạn mại chỉ gồm có hàng hóa hay dụng cụ, hay một trong những yếu tố vô hình không phải là khách hàng.

**Điều thứ 48** – Trong chứng thư, các đương sự cũng phải khai rõ giá bán của từng yếu tố một: giá bán các yếu tố vô hình, giá bán các hàng hóa và giá bán các dụng cụ.

**Điều thứ 49** – Trong chứng thư chủ bán phải khai:

- 1) Tên họ của chủ bán trước, ngày tháng lập chứng thư do đó mình đã mua được cửa hàng, tính chất của chứng thư này và giá mua các yếu tố vô hình, hàng hóa và dụng cụ.
- 2) Các ưu quyền và diễn áp mà cửa hàng phải chịu.
- 3) Số thương vụ mà chủ bán đã thực hiện được mỗi năm về ba năm khai thác chót vừa qua, hay là từ ngày thủ đắc, nếu người bán khai thác chưa được ba năm.
- 4) Số lợi tức thương mại đã thực hiện được trong thời gian nói trên.
- 5) Giao kèo thuê mướn nơi đặt cửa hàng, ngày tháng lập giao kèo, thời hạn hưởng dụng, tên họ và địa chỉ người chủ bất động sản hay là của người sang nhượng giao kèo, nếu có.

Nếu trong chứng thư, các yếu tố ghi trên bị bỏ sót không khai, chủ mua có thể, nếu muốn, xin hủy bỏ chứng thư đoạn mại trong thời hạn một năm kể từ ngày lập chứng thư.

**Điều thứ 50** - Mặc dầu có kết ước trái lại, người bán vẫn phải chịu sự đảm bảo đối với người mua theo các điều kiện do Bộ dân luật qui định về các lời khai của mình, trong trường hợp các lời khai này không được xác thật.

**Điều thứ 51** - Tổ quyền do nơi điều trên phải được sử hành bởi người mua trong thời hạn một năm kể từ ngày chiếm hữu cửa hàng.

**Điều thứ 52** – Vào ngày đoạn mại, người bán và người mua phải cùng phê duyệt tất cả các sổ sách kế toán về cửa hàng thuộc ba năm trước ngày đoạn mại, hoặc thuộc thời gian mà người bán làm chủ cửa hàng, nếu cửa hàng mua chưa được ba năm.

Chủ bán và chủ mua cũng phải làm một tờ kê khai các sổ sách nói trên. Tờ khai này phải làm thành hai bản, cả hai bên đồng ký và mỗi bên giữ một bản.

Chủ bán phải giữ các sổ sách trên và để sổ sách này cho chủ mua sử dụng trong thời hạn mười năm, kể từ ngày chủ mua hưởng dụng cửa hàng.

Mọi giao ước trái ngược với điều này đều coi như vô giá trị.

## **PHỤ TIẾT II**

### **VỀ ĐẶC QUYỀN VÀ TỔ QUYỀN XIN GIẢI TIÊU ĐOẠN MẠI CỦA NGƯỜI BÁN CỬA HÀNG**

**Điều thứ 53** - Người bán cửa hàng chưa trả tiền hoặc cho người mua chịu một phần tiền, được hưởng đặc quyền lấy nợ trên cửa hàng đem bán, ngoài tổ quyền xin giải tiêu việc đoạn mại định bởi Dân luật.

**Điều thứ 54** - Người bán chỉ có đặc quyền nếu đặc quyền đó được đăng ký vào một cuốn sổ giữ tại phòng lục sự toà sơ thẩm, nơi cửa hàng được khai thác.

Việc đăng ký phải được làm trong một thời hạn là mười lăm ngày kể từ ngày làm giấy đoạn mại, bằng không thì vô hiệu. Sự vô hiệu này có thể được nêu lên bởi bất cứ đương sự nào, kể cả con nợ. Việc đăng ký làm trong thời hạn loại trừ tất cả các đăng ký khác được làm trong thời hạn đó do nơi người mua. Việc đăng ký này đối kháng được với sự khánh tận và sự thanh toán tư pháp của người mua.

**Điều thứ 55** - Đặc quyền sẽ chỉ sử dụng trên những yếu tố được chỉ định trong chứng thư đoạn mại và trong đơn xin đăng ký.

Trong trường hợp không có sự chỉ định rõ, thì đặc quyền sẽ sử dụng trên bảng hiệu, thương hiệu, quyền thuê mướn, mối hàng và khách hàng.

**Điều thứ 56** - Đặc quyền của người bán cửa hàng không có tính cách bất khả phân. Đặc quyền đó không đảm bảo giá bán của toàn thể cửa hàng mà bảo đảm giá bán của mỗi yếu tố một, hay số còn thiếu trong giá bán của mỗi yếu tố đó.

Sau khi cửa hàng được đem bán lại đặc quyền sẽ thi hành riêng biệt trên giá tiền thu được về mỗi yếu tố của cửa hàng.

Nếu khi đem bán lại, cửa hàng có thêm một hay nhiều yếu tố mới, các yếu tố này sẽ không chịu sự đặc quyền và sẽ có một sự tách khoản giá bán được đem phân chia.

**Điều thứ 57** – Trong trường hợp giá bán được người mua trả dần, thì những số tiền trả dần sẽ được đem trừ vào các hàng hoá trước tiên, rồi sau đó vào giá các dụng cụ và sau chót vào giá các yếu tố vô hình.

Mọi ước khoản trái ngược lại với điều này đều coi như vô hiệu.

**Điều thứ 58** - Tổ quyền xin giải tiêu việc đoạn mại của người bán muốn phát sinh hiệu lực phải được ghi và minh bạch dành giữ trong đơn xin đăng ký đặc quyền nói ở điều 54 trên.

Tổ quyền này không thể đem xử hành làm thiệt cho đệ tam nhân, nếu đặc quyền vô giá trị hay đã bị tiêu diệt.

Tổ quyền xin giải tiêu sự đoạn mại cũng hạn chế, như đặc quyền vào những yếu tố nào đã đem bán mà thôi.

**Điều thứ 59** - Người bán sử dụng tổ quyền xin giải tiêu việc đoạn mại phải tổng đạt đơn khởi tố cho các trái chủ có đăng ký trên cửa hàng. Việc tổng đạt này sẽ làm bằng văn thư ngoại tư pháp nơi trú quán mà các trái chủ đã tuyển định trong đơn xin đăng ký của họ.

Bản án chỉ được tuyên đọc sau thời hạn một tháng kể từ ngày tổng đạt.

**Điều thứ 60** – Trong trường hợp văn tự đoạn mại có giao ước rằng nếu người mua không trả tiền thì việc đoạn mại đương nhiên giải tiền, hoặc trong trường hợp mà giữa người mua và người bán có một sự thỏa thuận để giải tiêu việc mua bán, sự giải tiêu cũng phải được tổng đạt bằng văn thư ngoại tư pháp cho các chủ nợ có đăng ký tại nơi trú quán tuyên định của họ. Sự giải tiêu này chỉ trở thành nhất định sau thời hạn một tháng kể từ ngày tổng đạt.

**Điều thứ 61** – Trong trường hợp sự đoạn mại cửa hàng bị giải tiêu hoặc do sự thỏa thuận giữa hai bên đương sự, hoặc bởi toà án, người bán phải lấy về toàn thể các yếu tố đã bán, kể cả những yếu tố nào trên đó người bán đã hết đặc quyền, cũng như không còn quyền xin giải tiêu.

Sẽ có một cuộc giám định đối tịch bởi một giám định viên được chỉ định hoặc bởi toà án, hoặc do sự thỏa thuận giữa hai bên đương sự, để trị giá hàng hóa và dụng cụ của cửa hàng, vào ngày cửa hàng được lấy về.

Trên giá đã định cho mỗi yếu tố nói trên, người bán sẽ khấu trừ số nợ mà mình được ưu tiên đòi về mỗi yếu tố đó. Số còn lại, nếu có, sẽ được người bán giữ lại để làm đảm bảo cho các trái chủ đăng ký và nếu không có các trái chủ đăng ký thì cho các trái chủ thường.

**Điều thứ 62** – Trong trường hợp cửa hàng bị đem bán phát mại công khai, hoặc do lời yêu cầu của một quản tài khánh tận, hay của bất cứ thanh toán viên hay quản trị viên tư pháp nào, hoặc do lời xin trước toà của bất cứ người nào có quyền, thì việc phát mại phải được tổng đạt bằng văn thư ngoại tư pháp cho các người bán trước, tại nơi trú quán mà các người này đã tuyên định trong lời khai xin đăng ký của họ. Trong tổng đạt, người đứng ra truy tố phát mại sẽ bảo cho các người bán trước biết rằng nếu các người này không thi hành tố quyền xin giải tiêu trong thời hạn một tháng kể từ ngày tổng đạt, thì họ sẽ mất quyền sử dụng tố quyền đó đối với người đầu giá được.

**Điều thứ 63** - Điều 971 của bộ luật thương mại sẽ không áp dụng đối với quyền ưu tiên cũng như đối với tố quyền xin giải tiêu của người bán cửa hàng thương mại.

Điều thứ 64 – Trong trường hợp sự đoạn mại của cửa hàng thương mại bị giải tiêu, hoặc do sự thỏa thuận giữa hai bên đương sự, hoặc bởi do toà án, người nào xin được giải tiêu này phải công bố trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày sự giải tiêu trở thành nhất định.

Việc công bố này cũng làm theo các điều kiện về thể thức của việc công bố sự đoạn mại.

### PHỤ TIẾT III

#### VỀ VIỆC CÔNG BỐ SỰ MUA BÁN CỬA HÀNG VÀ CÁC SỰ NGĂN CHẶN SỐ TIỀN MUA

**Điều thứ 65** - Mọi việc mua bán cửa hàng thương mại, được làm dù với điều kiện hay hình thức một giao kèo khác, kể cả những việc nhận cửa hàng do tương phân hay cạnh mại đều phải được công bố, do sự miễn các của người thủ đắc trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày lập giấy tờ, dưới hình thức một trích lục hay bố cáo trong một tờ báo có quyền đăng bố cáo pháp định thuộc quản hạt toà thượng thẩm mà toà sơ thẩm nơi cửa hàng tọa lạc trực thuộc.

**Điều thứ 66** – Trong trích lục, hay bố cáo làm theo điều trên, người thủ đắc cửa hàng phải công bố ngày tháng của chứng thư thủ đắc, nhật kỳ trước bạ của chứng thư cũng như tổ, quyền và cơ quan đã thu tiền trước bạ, tên, họ và địa chỉ của người chủ cũ và chủ mới của cửa hàng, tính chất và nơi tọa lạc cửa hàng, giá mua cửa hàng, kể cả các trách vụ.

Ngoài ra, trong trích lục hay bố cáo, người thủ đắc cũng phải cho biết thời hạn luật định để ngăn chặn tiền bán cửa hàng, và nơi mình tuyển định trú quán trong quản hạt toà án nơi tọa lạc cửa hàng.

Mọi trích lục hay bố cáo không làm theo đúng các điều khoản trên đều coi như vô hiệu.

**Điều thứ 67** - Việc công bố nói ở điều 65 trên sẽ được lập lại trong thời hạn từ tám đến mười lăm ngày, sau ngày công bố lần thứ nhất.

**Điều thứ 68** - Trễ nhưt là trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày có sự công bố lần thứ nhì, mọi trái chủ của người chủ bán, dù trái quyền đáo hạn hay chưa đáo hạn cũng vậy, đều có thể ngăn chặn không cho trả giá tiền mua hàng. Sự ngăn chặn này sẽ được làm bằng văn thư ngoại tư pháp, tại nơi tuyển định trú quán của người mua.

Sự ngăn chặn muốn có hiệu lực phải cho biết rõ số ngạch và nguyên do của trái quyền, và nơi mà trái chủ đã tuyển định trú quán trong quản hạt toà án nơi cửa hàng tọa lạc.

Tuy nhiên, người chủ nhà chỉ có quyền ngăn chặn để đòi các số tiền thuê đã đáo hạn mà thôi, chứ không thể ngăn chặn để đòi số tiền thuê chưa đáo kỳ.

Mọi kết ước trái lại đều coi như vô hiệu.

**Điều thứ 69** - Mọi sự sai áp chế chỉ, mọi sự phó nhượng tương thuận toàn thể hay một phần giá bán, đều không đối kháng được với các trái chủ đã ngăn chặn trong thời hạn.

**Điều thứ 70** – Trong trường hợp có sự ngăn cản việc trả giá mua, người chủ bán có thể bắt luận trong giai đoạn tố tụng nào, sau thời hạn mười lăm ngày nói ở điều 68, khởi tố người mua và các trái chủ đã ngăn chặn ra trước toà khẩn cấp để xin toà cho phép thu nhận giá bán, mặc dầu có sự ngăn chặn, với điều kiện là phải ký quỹ tại quỹ cung thác và trữ kim hay tại nơi tay một đệ tam nhân được chỉ định, một số tiền do toà khẩn cấp định, đủ để lâm thời trả các số nợ được các người bán nhìn nhận hay bị toà lên án phải trả cho các trái chủ đã ngăn chặn.

Số tiền ký quỹ nói trên sẽ được dành riêng trong tay người đệ tam nhân, tri chủ, để bảo đảm các trái quyền của các trái chủ đã ngăn chặn. Các trái chủ đã ngăn chặn sẽ có đặc quyền trên số tiền ký quỹ. Đặc quyền này loại trừ tất cả các đặc quyền khác trên số tiền đã ký quỹ.

Kể từ ngày mà án lệnh khẩn cấp được thi hành, người mua cửa hàng sẽ được giải trách và các hiệu quả của sự ngăn chặn sẽ được chuyển qua cho người đệ tam tri thủ.

**Điều thứ 71** - Thảm phán xử về khẩn cấp chỉ chuẩn chấp đơn khởi tố xin ký quỹ nếu người mua xác nhận dưới sự trách nhiệm riêng của mình là không có những trái chủ ngăn chặn nào khác,

ngoài những trái chủ ngăn chặn mà người bán đã khai trước toà. Lời khai của người mua sẽ được toà khẩn cấp ghi nhận trong án lệnh.

Dầu thi hành đúng án lệnh, người mua nếu khai sai, vẫn phải chịu trách nhiệm với số tiền mua đối với các trái chủ đã ngăn chặn trước khi có án lệnh mà bị bỏ sót.

Các trái chủ bị bỏ sót này cũng có quyền phủ nhận đặc quyền trên số tiền ký quỹ của các trái chủ mà người bán đã khởi tố ra trước toà khẩn cấp, coi như không đối kháng được với họ.

**Điều thứ 72** - Nếu sự ngăn chặn của các trái chủ không có chứng thư mà cũng không có nguyên nhân, hay là vô hiệu về hình thức, thì người bán có thể khởi tố xin toà khẩn cấp cho phép được lấy về số tiền đã bán dù có sự ngăn chặn.

**Điều thứ 73** - Người mua, nếu không làm các sự công bố theo các thể thức đã định, hoặc trả tiền cho người bán trước khi thời hạn mười lăm ngày đã mãn, sẽ không được giải trừ về giá mua đối với các đệ tam nhân.

**Điều thứ 74** - Nếu việc chuyển nhượng cửa hàng gồm có cả các chi nhánh ở nhiều nơi khác nhau thì việc đăng ký và công bố nói ở các điều 54 và 65 phải được làm cả ở tại mỗi quán hạt mà các chi nhánh đó tọa lạc.

Thời hạn đăng ký và công bố là mười lăm ngày.

Trong công bố, người mua chỉ cần cho biết rõ nơi tuyển định trú quán trong quán hạt toà án nơi tọa lạc doanh nghiệp chánh.

**Điều thứ 75** - Nếu chỉ chuyển nhượng chi nhánh cửa hàng mà thôi, thì việc đăng ký và công bố nói ở các điều 54 và 65 phải được làm tại quán hạt toà án nơi tọa lạc doanh nghiệp chánh và tại quán hạt toà án nơi tọa lạc chi nhánh đem bán.

Thời hạn đăng ký và công bố cũng là mười lăm ngày.

Trong công bố người mua phải cho biết rõ nơi mình đã tuyển định trú quán trong quán hạt toà án nơi tọa lạc doanh nghiệp chánh và trong quán hạt toà án nơi tọa lạc chi nhánh đem bán.

## PHỤ TIẾT IV

### VỀ QUYỀN CỦA CÁC TRÁI CHỦ ĐĂNG KÝ VÀ NGĂN CHẶN XIN TĂNG GIÁ CẠNH MẠI

**Điều thứ 76** – Trong một thời hạn hai mươi ngày sau ngày công bố lần thứ nhì, người mua phải để tại nơi mình tuyển định trú quán một bản toàn sao hay một bản chánh tờ đoạn mại, để các trái chủ có đăng ký hay ngăn chặn tham khảo, nhưng không được đem đi nơi khác.

Cũng trong thời hạn trên, các trái chủ có đăng ký và các trái chủ đã ngăn chặn trong thời hạn mười lăm ngày định ở điều 68, có thể tới nơi trú quán đã tuyển định để xem tờ bán và các chứng

thư ngăn chặn, và nếu thấy là giá bán không đủ để trả hết các trái chủ có đăng ký và các trái chủ đã xuất hiện bằng sự ngăn chặn trong thời kỳ mười lăm ngày sau ngày công bố lần thứ nhì, thì có quyền xin tăng giá cạnh mại một phần sáu giá bán chánh của cửa hàng, không tính giá các dụng cụ và hàng hoá.

Việc xin tăng giá cạnh mại này sẽ được làm theo thủ tục nói ở các điều 116 và kế tiếp dưới đây.

**Điều thứ 77** - Việc tăng giá cạnh mại một phần sáu nói ở trên sẽ không được chấp nhận, nếu cửa hàng đem bán dưới hình thức đấu giá công khai, y theo điều 116 dưới đây, hoặc vì có sự phát mại tài phán, hoặc do lời yêu cầu của một quản tài khánh tận, thanh toán viên, quản trị viên, tư pháp hay cộng chủ vị phân của cửa hàng.

**Điều thứ 78** - Chương khế được đề cử để thi hành việc phát mại, sau khi có sự tăng giá cạnh mại, sẽ chỉ chấp nhận cho bỏ giá những người nào mà chương khế đó biết rõ là có tư lực, hoặc những người nào đã ký quỹ nơi phòng chương khế hoặc tại quỹ cung thác và trữ kim một số tiền không dưới phân nửa tổng số giá bán lần thứ nhứt, cộng thêm phần trăm xin tăng để cạnh mại. Nếu trong kỳ bán lần thứ nhứt, người bán cho người mua chịu một phần tiền, thì người muốn cạnh mại phải ký quỹ một số tiền không được dưới phân giá trả ngay, cộng thêm phần xin tăng để cạnh mại.

Số tiền mà người muốn cạnh mại ký quỹ sẽ dành riêng để bảo đảm cho việc trả giá mua.

**Điều thứ 79** - Việc phát mại, sau khi có xin tăng giá cạnh mại 1/6, sẽ được làm theo các điều kiện và kỳ hạn của việc đoạn mại thỏa thuận bị tố giá dự liệu ở các điều 116 và kế tiếp.

**Điều thứ 80** - Người mua cửa hàng bị truất đoạt, vì có sự tăng giá cạnh mại, sẽ phải, dưới sự trách nhiệm của mình, trao lại tất cả các chứng thư ngăn chặn mà mình đã nhận được, cho người mua đấu giá được, trong thời hạn tám ngày, kể từ ngày đấu giá, trừ phi người mua cửa hàng khai trước đấu giá về các sự ngăn chặn này rồi và lời khai đã có ghi trong điều kiện sách.

Người mua đấu giá được cửa hàng sẽ cấp biên nhận cho người mua trước, và hiệu lực của các sự ngăn chặn sẽ chuyển sang số tiền đấu giá.

## TIẾT II

# SỰ THẾ CHẤP CỦA HÀNG THƯƠNG MẠI

**Điều thứ 81** - Cửa hàng thương mại có thể được đem thế chấp, không bắt buộc phải theo các thể thức hay điều kiện nào khác, ngoài các điều kiện và thể thức định ở các điều sau.

Việc thế chấp cửa hàng không cho người trái chủ thế chấp quyền lấy cửa hàng làm của riêng để trừ nợ.

**Điều thứ 82** – Đương nhiên được gồm vào việc thế chấp, như là thuộc về cửa hàng: bảng hiệu, thương hiệu, quyền thuê mướn, khách hàng và mối hàng.

**Điều thứ 83** – Trong chứng thư thế chấp, các đương sự có thể minh định rằng việc thế chấp sẽ gồm có cả:

- 1) Đồ đạc, dụng cụ và khí cụ, ngay cả trong trường hợp mà cửa hàng được khai thác trong một bất động sản do người đem thế chấp làm chủ.
- 2) Các bằng sáng chế, các giấy phép, các nhãn hiệu chế tạo và thương mại, các hình vẽ và kiểu mẫu kỹ nghệ và nói chung các quyền sở hữu kỹ nghệ, văn nghệ và mỹ nghệ tùy thuộc vào cửa hàng.

**Điều thứ 84** - Việc thế chấp cửa hàng thương mại phải được làm bằng công chứng hay tư chứng thư có trước bạ.

Trong chứng thư, người chủ cửa hàng đem thế chấp phải cho biết rõ cội rễ quyền sở hữu của hàng, ngày tháng giao kèo thuê mướn, số trước bạ của giao kèo cũng như tên, họ và địa chỉ của người chủ bất động sản, thời hạn giao kèo, giá mướn và các điều kiện thiết yếu của giao kèo.

**Điều thứ 85** - Việc thế chấp phải được đăng ký vào một cuốn sổ công khai giữ tại phòng lục sự toà sơ thẩm nơi cửa hàng được khai thác. Trái chủ thế chấp chỉ có được đặc quyền nếu việc thế chấp được đăng ký.

Nếu việc thế chấp gồm cả một hay nhiều chi nhánh ở tại nhiều nơi khác nhau, thì việc đăng ký phải được làm cả ở tại phòng lục sự toà sơ thẩm quản hạt nơi mỗi chi nhánh đem thế chấp tọa lạc.

Nếu đối tượng của việc thế chấp chỉ là chi nhánh thôi, thì việc đăng ký cũng phải được làm vừa ở tại phòng lục sự toà sơ thẩm nơi cửa hàng chính được khai thác, vừa ở phòng lục sự toà sơ thẩm nơi chi nhánh đem thế chấp tọa lạc.

**Điều thứ 86** - Việc đăng ký nói ở điều trên phải được làm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày lập chứng thư thế chấp, bằng không thì vô hiệu.

Sự vô hiệu này có thể được nêu lên bởi bất cứ đương sự nào, kể cả con nợ.

**Điều thứ 87** – Trong trường hợp có khánh tận hay thanh toán tư pháp, các điều 873, 874 và 875 của bộ luật này sẽ áp dụng cho việc thế chấp cửa hàng thương mại.

**Điều thứ 88** - Nếu cửa hàng có nhiều trái chủ thế chấp, thứ bậc giữa các người này sẽ được định theo nhật ký đăng ký của họ.

Những trái chủ đăng ký cùng ngày sẽ được xếp đồng hạng và dự chia theo tỷ lệ số nợ.



## TIẾT III

# CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG CHO VIỆC ĐOẠN MẠI VÀ THẺ CHẤP CỦA HÀNG THƯƠNG MẠI

### PHỤ TIẾT I VỀ CÁC THỦ TỤC VÀ THẺ THỨC ĐĂNG KÝ

**Điều thứ 89** - Để đăng ký đặc quyền, chủ bán cửa hàng hay trái chủ thẻ chấp, hoặc tự mình, hoặc do một người đệ tam, phải xuất trình chứng thư đoạn mại hay chứng thư thẻ chấp tại phòng lục sự toà án có thẩm quyền.

Nếu chứng thư nói trên là công chứng thư, đương sự phải xuất trình một bản toàn sao; nếu là tư chứng thư, phải xuất trình một bản chánh. Bản chánh của tư chứng thư này sẽ được lưu trữ tại phòng lục sự.

**Điều thứ 90** – Cùng với việc xuất trình nói trên, chủ bán cửa hàng hay trái chủ thẻ chấp phải lập và nộp hai tờ phiếu trên đó có ghi:

- 1) Tên họ và địa chỉ của người bán và người mua, hay của chủ nợ và con nợ cũng như tên họ và địa chỉ của người sở hữu chủ cửa hàng, nếu người này là một đệ tam nhân; nghề nghiệp của tất cả nếu có.
  - 2) Nhặt kỳ và tính chất của chứng thư.
  - 3) Giá bán, được lập phân biệt cho công cụ, hàng hóa và các yếu tố vô hình của cửa hàng, cũng như các đảm phụ đã được định giá nếu có; hay ngạch số của trái quyền đã ghi trong chứng thư, các điều kiện về tiền lời và về tính cách khả sách của trái quyền.
  - 4) Sự chỉ định cửa hàng và các chi nhánh của cửa hàng này nếu có, với sự chỉ dẫn minh bạch các yếu tố cấu thành cửa hàng và gồm trong việc đoạn mại hay thẻ chấp, tính chất của các nghiệp vụ của cửa hàng và chi nhánh, nơi cửa hàng và chi nhánh tọa lạc, cùng những chi tiết khác để cho cửa hàng và chi nhánh được xác định rõ.
- Ngoài bảng hiệu, thương hiệu, quyền thuê mướn và khách hàng, nếu việc đoạn mại hay thẻ chấp còn gồm những yếu tố khác nữa thì các yếu tố khác nữa thì các yếu tố này phải được chỉ định minh bạch từng món một.
- 5) Trú quán mà người bán hay người trái chủ thẻ chấp đã tuyên định trong quản hạt của toà án nơi cửa hàng tọa lạc.

**Điều thứ 91** - Việc bỏ sót không khai trên phiếu một hay nhiều điểm nói ở điều trên sẽ chỉ khiến cho sự đăng ký vô hiệu nếu sự bỏ sót đó gây thiệt hại cho các đệ tam nhân.

Chỉ các người nào bị thiệt hại bởi sự bỏ sót mới có thể viện dẫn sự vô hiệu này, và toà án sẽ tùy theo tính chất và mức quan trọng của sự thiệt hại, hoặc hủy bỏ hoặc giảm bớt hiệu lực của sự đăng ký.

**Điều thứ 92** – Chánh lục sự sẽ chép vào sổ của mình với các lời ghi trên phiếu và sẽ trao trả lại cho đương sự một tờ, sau khi đã chứng nhận ở dưới tờ đó là sự đăng ký đã được làm rồi.

**Điều thứ 93** – Chánh lục sự, khi có chứng minh, sẽ ghi bên lề của các tờ đăng ký, những sự thế quyền, và những sự xóa bỏ một phần hay toàn phần đăng ký.

Các sự thế quyền có thể được làm bằng tư chứng thư có trước bạ.

**Điều thứ 94** - Nếu chứng khoán phát sinh trái quyền đăng ký là một chứng khoán có lệnh hành và nếu chứng khoán được chuyển cho người khác bằng cách bồi thực, thì đặc quyền cũng đương nhiên được chuyển theo.

**Điều thứ 95** - Sự đăng ký sẽ bảo tồn đặc quyền trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày đăng ký. Sự đăng ký sẽ hết hiệu lực nếu không được tái đăng ký trước ngày mãn hạn.

Sự đăng ký sẽ bảo đảm hai năm tiền lời ngang bậc với nợ chánh.

**Điều thứ 96** – Các sự đăng ký sẽ được xóa bỏ, hoặc do sự thỏa thuận của các đương sự liên hệ, có năng lực để làm việc này, hoặc chiếu theo một án văn đã trở thành nhứt định. Chánh lục sự sẽ thực hiện sự xoá bỏ bằng cách ghi vào bên lề trang sổ đã đăng ký.

Chánh lục sự sẽ cấp phát chứng thư xóa bỏ cho các đương sự, nếu họ yêu cầu.

**Điều thứ 97** - Nếu không có án văn, thì sự xoá bỏ toàn thể hay một phần chỉ có thể thực hiện bởi chánh lục sự nếu đương sự xuất nạp được một công chứng thư xác nhận sự đồng ý của người chủ nợ, hay của người thụ nhượng được thế quyền hợp lệ.

**Điều thứ 98** - Nếu sự xoá bỏ không được chủ nợ chấp thuận, thì con nợ có quyền khởi tố để xin án văn truyền xoá bỏ. Đơn khởi tố sẽ nạp tại toà sơ thẩm nơi sự đăng ký đã làm.

Nếu tố quyền gồm cả việc xin xoá bỏ các sự đăng ký làm trên các chi nhánh tại nhiều quận hạt khác nhau, thì chỉ cần nạp một đơn khởi tố trước toà sơ thẩm nơi đặt doanh nghiệp chánh.

**Điều thứ 99** - Bất cứ ai cũng có thể yêu cầu chánh lục sự toà sơ thẩm sở quan cấp phát cho mình, hoặc một bản kê khai các sự đăng ký hiện có trên một cửa hàng, với các sự ghi chú về các sự xoá bỏ một phần các sự thế quyền một phần hay toàn thể, hoặc một chứng thư xác nhận là không có sự đăng ký nào trên cửa hàng, hoặc một chứng thư nói tổng quát rằng cửa hàng đã vắng đăng ký.

Chương khế hay viên chức được đề cử đứng ra phát mại một cửa hàng thương mại có thể, nếu thấy cần, yêu cầu chánh lục sự cấp phát bản sao các tư chứng thư đoạn mại về cửa hàng đem bán gửi tại phòng lục sự.

Chương khế cũng có thể xin cấp một bản toàn sao các công chứng thư đoạn mại liên hệ đến cửa hàng đem bán, lưu trữ ở các văn phòng khác.

**Điều thứ 100** - Bất cứ trong trường hợp nào, chánh lục sự không được từ chối hay trì hoãn các sự đăng ký, hoặc từ chối hay trì hoãn việc cấp phát các bản kê và các chứng thư nói trên.

Chánh lục sự phải chịu trách nhiệm nếu bỏ sót không ghi vào sổ các sự đăng ký được yêu cầu, hay bỏ sót một hay nhiều đăng ký hiện hữu không ghi trong bản kê và các chứng thư cấp phát nói ở điều trên, trừ phi trong trường hợp sau, sự lầm lẫn đã xảy ra là do sự chỉ dẫn thiếu sót không thể quy trách được cho chánh lục sự.

**Điều thứ 101** – Khi sự đoạn mại hay chuyển nhượng khác hay thế chấp cửa hàng gồm cả các nhãn hiệu chế tạo và thương mại, các hình vẽ hay kiểu mẫu kỹ nghệ, hoặc các bằng sáng chế, thì sự đoạn mại hay thế chấp phải được đăng ký cả ở sở công nghiệp sở hữu trong một thời hạn mười lăm ngày, sau ngày đăng ký việc đoạn mại hay thế chấp tại phòng lục sự. Bằng không, đối với các đệ tam nhân, sự đoạn mại hay thế chấp sẽ coi như vô hiệu, riêng về các nhãn hiệu chế tạo và thương mại, các hình vẽ hay kiểu mẫu kỹ nghệ, các bằng sáng chế đem bán hoặc thế chấp.

Các việc đăng ký, xóa bỏ một phần hay toàn phần và sửa đổi các đăng ký tại sở công nghiệp sở hữu, cũng như việc xin cấp phát các bản kê khai các đăng ký tại nơi trên, sẽ được làm theo các thể thức ấn định trong các điều khoản của các luật và bản văn liên hệ nói về bằng sáng chế và nhãn hiệu chế tạo.

Nếu các luật và bản văn trên có ấn định thể thức gì riêng cho các sự chuyển nhượng hay thế chấp bằng sáng chế và nhãn hiệu chế tạo thì cũng phải tuân theo các thể thức này.

**Điều thứ 102** - Một văn kiện lập quy sẽ được ban hành để ấn định các sổ đăng ký mà phòng lục sự phải giữ, cách thức làm sổ và giữ sổ, nói chung các thể thức thi hành các điều khoản của phụ tiết này.

## PHỤ TIẾT II

### VỀ CÁC NGƯỜI TRUNG GIAN

**Điều thứ 103** – Không được trực tiếp hoặc gián tiếp, dẫu với danh nghĩa là thừa sai, làm môi giới, trung gian, cố vấn chuyên nghiệp hay soạn thảo chứng thư trong các việc chuyển nhượng, mua bán, và thế chấp cửa hàng thương mại những người sau đây:

1) Các người đã bị kết án về một trong những tội dự định ở điều 21 luật ngân hàng ngày 24-10-1964.

2) Các người đã bị kết án về một trọng tội thường phạm, hoặc về các tội sau đây: phá sản, trộm, sang đoạt, lường gạt, biển thủ công quỹ, sách thủ tiền bạc, chữ ký, giá khoán, phát hành chi phiếu không tiền bảo chứng, thề gian, làm chứng gian, mua chuộc nhân chứng.

3) Các người đã bị kết án vì toan tính hoặc đồng lõa phạm các trọng tội và khinh tội nói ở hai khoản trên.

4) Các thương gia bị khánh tận mà chưa được phục quyền.

5) Các cựu nhiệm lại bị bãi chức hay chuyển chức.

6) Các luật sư bị gạch tên trên danh biểu vì kỷ luật.

**Điều thứ 104** – Các người nói ở điều trên cũng không được, bất cứ với danh nghĩa nào, làm thụ thác tiền bán cửa hàng thương mại.

**Điều thứ 105** – Vi phạm các sự cấm chỉ nói ở hai điều trên, sẽ bị phạt tù từ một tháng đến sáu tháng và phạt vạ từ 50.000\$ đến 500.000\$

Trong trường hợp tái phạm, các hình phạt sẽ tăng lên gấp đôi.

## TIẾT IV

# NÓI VỀ QUYỀN CÁC TRÁI CHỦ ĐĂNG KÝ, VIỆC PHÁT MẠI CỬA HÀNG THƯƠNG MẠI

# VÀ VỀ VIỆC CHIA TIỀN CHO CÁC TRÁI CHỦ

## PHỤ TIẾT I

### VỀ QUYỀN CÁC TRÁI CHỦ ĐĂNG KÝ VÀ VỀ VIỆC PHÁT MẠI CỬA HÀNG THƯƠNG MẠI

**Điều thứ 106** – Trong trường hợp muốn dời cửa hàng đi nơi khác, người chủ phải cáo tri y định của mình, cũng như nơi tọa lạc cửa hàng, cho các trái chủ đăng ký biết trước ít nhất là mười lăm ngày bằng văn thư ngoại tư pháp tổng đạt tới trú quán tuyển định của các trái chủ, bằng không thì các trái quyền đã đăng ký sẽ đương nhiên khả sách.

Muốn giữ thứ bậc của sự đăng ký, chủ bán và trái chủ thế chấp trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày được cáo tri, hay kể từ ngày mà họ được biết cửa hàng đã được dời chỗ, phải xin ghi chú nơi tọa lạc mới vào bên cạnh sự đăng ký đã có; và nếu nơi tọa lạc mới này thuộc một quán hạt khác, chủ bán và trái chủ thế chấp phải xin thực hiện tại phòng lục sự toà sơ thẩm nơi quán hạt này một sự đăng ký mới giữ nguyên nhứt kỳ của sự đăng ký cũ, và chỉ rõ nơi tọa lạc mới của cửa hàng.

Trong trường hợp các trái chủ có đăng ký không thi hành các thể thức nói ở khoản trên, họ có thể bị tuyên bố mất đặc quyền, nếu có sự chứng minh rằng do sự sơ xuất của họ, các đệ tam nhân đã bị thiệt hại vì bị lầm tưởng về tình trạng pháp lý của cửa hàng.

**Điều thứ 107** - Nếu vì dời đi nơi khác mà cửa hàng bị mất giá, các trái quyền đăng ký có thể do đó trở nên khả sách trừ phi người bán và các chủ nợ thế chấp đã ưng thuận cho dời chỗ.

Đơn xin tuyên bố khả sách trái quyền phải đệ nạp trước toà sơ thẩm nơi tọa lạc cửa hàng.

**Điều thứ 108** - Chủ nhà muốn xin giải hiệu giao kèo thuê mướn bất động sản tại đó cửa hàng đăng ký được thiết lập, phải tổng đạt bằng văn thư ngoại tư pháp đơn khởi tố của mình cho các trái chủ đã đăng ký trước, tại nơi trú quán tuyển định khi khai đăng ký. Tòa án chỉ có thể tuyên án sau một tháng, kể từ ngày tổng đạt.

Sự giải hiệu tương thuận giao kèo, hay do một điều khoảng trong giao kèo, chỉ trở thành nhất định một tháng sau tổng đạt bằng văn thư ngoại tư pháp cho các trái chủ đã được đăng ký nơi trú quán tuyển định của họ.

**Điều thứ 109** - Bất cứ trái chủ nào sai áp chấp hành con nợ và cả con nợ bị sai áp chấp hành, điều có thể xin toà sơ thẩm nơi tọa lạc cửa hàng, cho phép phát mại toàn thể cửa hàng cùng với các dụng cụ và hàng hoá tùy thuộc cửa hàng.

Tòa án, trong bản án, sẽ cử một quản trị viên tạm thời để quản trị cửa hàng nếu cần, định các giá đặt bán, các điều kiện chánh của việc bán, và cử một chương khế để lập điều kiện sách và thi hành phát mại.

Toà án thụ lý đơn phải xét xử trong điều kiện một tháng kể từ phiên tòa lần đầu. Án văn tuyên đọc sẽ được kháng tố, và sẽ được thi hành trên nguyên bản. Án văn nói trên có thể bị kháng cáo và sự kháng cáo sẽ có hiệu lực đình chỉ. Đơn kháng cáo phải làm trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày cáo tri của phòng lục sự. Phòng lục sự phải cáo tri án văn trong hạn 48 giờ sau tuyên án, mặc dầu sau tuyên án các đương sự hay luật sư của họ có mặt hay không. Phúc quyết sẽ không bị kháng tố và sẽ được thi hành trên nguyên bản.

**Điều thứ 110** – Các trái chủ có đăng ký trên cửa hàng chủ bán và trái chủ thế chấp, dù chỉ có trong tay một chứng khoán bằng tư chứng thư, cũng có thể, tám ngày sau một tờ độc thúc trả tiền tỏ ra vô hiệu quả, cho con nợ và cho người đệ tam trì chủ cửa hàng, nếu có, xin toà án cho phép được phát mại cửa hàng.

**Điều thứ 111** - Người đứng truy tố, sẽ đốc thúc bằng văn thư ngoại tư pháp, ít nhất là mười lăm ngày trước ngày bán, cho người chủ cửa hàng và cho các trái chủ đã đăng ký trước ngày có án văn ra lệnh bán cửa hàng đề các đương sự đến xem điều kiện sách và nạp những nhận xét của họ và dự cuộc phát mại, nếu họ thấy cần. Tờ đốc thúc sẽ tổng đạt tận nơi trú quán mà các đương sự đã tuyển định trong lời khai đăng ký của họ.

Việc phát mại sẽ được cử hành sớm nhất là mười ngày, sau ngày dán yết thị bán. Trong yết thị sẽ cho biết: tên họ, nghề nghiệp và địa chỉ của người đứng truy tố và của người chủ cửa hàng, án văn chiêu đó việc phát mại được thi hành, trú quán được tuyển định trong quản hạt toà án nơi cửa hàng tọa lạc, những yếu tố của cửa hàng, tính chất nghiệp vụ của hàng, nơi tọa lạc cửa hàng, giá đặt bán các yếu tố, ngày giờ và nơi đấu giá; tên họ và địa chỉ của chương khế hay viên chức được chỉ định để thi hành phát mại và giữ điều kiện sách.

Các yết thị này phải được chương khế hay viên chức thi hành phát mại cho dán tại nơi cửa chánh bất động sản nơi đặt cửa hàng, tại toà thị sảnh và toà án nơi tọa lạc cửa hàng, và tại văn phòng chương chế hay viên chức được chỉ định.

Yết thị trên cũng được cho đăng ít nhất là mười ngày trước ngày phát mại, trên một tờ báo có quyền đăng những bố cáo pháp định thuộc quản hạt toà thượng thẩm mà toà sơ thẩm nơi tọa lạc cửa hàng trực thuộc.

Các sự công bố trên đây sẽ được ghi chú trong vi bằng phát mại.

Mọi sự vô hiệu về thủ tục tiền phát mại phải được nêu ra ít nhất là tám ngày trước phát mại, bằng không sẽ thất hiệu. Chánh án toà sơ thẩm nơi cửa hàng tọa lạc sẽ xét xử các phương chước vô hiệu trên đây theo thủ tục khẩn cấp. Án lệnh của chánh án không được kháng tố hoặc kháng cáo.

**Điều thứ 112** – Toà án thụ lý đơn xin trả một món nợ có liên quan đến cửa hàng thương mại có thể, nếu lên án buộc trả tiền, và nếu người trái chủ yêu cầu, truyền cho phát mại cửa hàng trong một phán quyết chung.

Toà án có thẩm quyền cho phép là toà sơ thẩm nơi tọa lạc cửa hàng. Toà này sẽ ấn định cho con nợ một thời hạn sau đó cửa hàng sẽ đem đi phát mại, nếu nợ không trả, và sẽ phán xử theo thể thức định ở điều 109 khoản 2.

Các điều khoản ở điều 109 khoản chót và điều 111 sẽ áp dụng cho việc phát mại.

**Điều thứ 113** – Trong trường hợp người mua đấu giá cửa hàng không thi hành các điều kiện của việc phát mại, cửa hàng sẽ được đem ra bán cưỡng dáu, theo các thể thức định ở điều 111.

Người cưỡng dáu sẽ phải trả cho các trái chủ của người chủ cửa hàng cũng như cho người chủ cửa hàng, số sai biệt giữa giá mà y đã trả và giá bán được sau khi có cưỡng dáu. Nếu giá bán sau khi có cưỡng dáu trội hơn, người cưỡng dáu không có quyền đòi số dư khoản.

**Điều thứ 114** - Bất cứ trái chủ nào định đem phát mại riêng một hay nhiều yếu tố của một cửa hàng bị đăng ký, sau khi sai áp chấp hành, phải tổng đạt bằng văn thư ngoại tư pháp việc chấp hành này cho các trái chủ nào đã đăng ký quyền lợi của họ ít ra được mười lăm ngày tính đến ngày tổng đạt, sẽ tổng đạt cho các chủ nợ tại nơi trú quán mà họ đã tuyên định trong lời khai đăng ký. Phải tổng đạt ít nhất là mười ngày trước ngày định đem bán.

Trong thời hạn mười ngày nói trên, bất cứ trái chủ đăng ký nào, dù trái quyền đã đáo hạn hay chưa đáo hạn, đều có thể khởi tố các người liên hệ ra trước toà sơ thẩm nơi cửa hàng tọa lạc để xin tòa án cho đem bán toàn thể cửa hàng, theo lời yêu cầu của người đứng truy tố, hay lời yêu cầu của chính trái chủ đăng ký, và theo như quy định ở các điều 109, 110 và 111 nói trên.

Các dụng cụ và hàng hoá sẽ được đem ra phát mại chung với cửa hàng, nhưng sẽ được đặt giá riêng. Tuy nhiên, toà án có thể, trong bản án cho phát mại, định rằng người nào đấu giá được các yếu tố vô hình sẽ phải lấy các dụng cụ và hàng hoá, theo sự ước lượng của giám định viên.

Trong trường hợp chỉ có một yếu tố của cửa hàng bị đặc quyền đăng ký, sẽ phân định giá cho các yếu tố khác.

**Điều thứ 115** - Sẽ không chấp nhận một sự tăng giá cạnh mại nào đối với những sự phát mại được thực hiện trong các trường hợp và theo thể thức định ở các điều 76, 109, 110, 111, 112, 114 và 117 của luật này.

## PHỤ TIẾT II

### VỀ VIỆC THANH TIÊU CÁC ĐẶC QUYỀN VÀ VỀ QUYỀN XIN TĂNG GIÁ CẠNH MẠI 1/10 CỦA TRÁI CHỦ CÓ ĐẶC QUYỀN

**Điều thứ 116** - Đặc quyền của chủ bán trái chủ thế chấp được duy trì trên cửa hàng dù cửa hàng di chuyển qua bất cứ tay ai.

Nếu cửa hàng được chuyển nhượng không phải do đấu giá công khai chiếu theo các điều 76, 109, 110, 112, 114 và 117 của luật này, người thụ đắc muốn tránh sự truy tố của các trái chủ đăng ký, phải tổng đạt bằng văn thư ngoại tư pháp cho các người này biết rằng mình sẵn sàng xin trả lập tức bằng tiền mặt tất cả các số nợ đã đăng ký cho tới giá mua của mình không phân biệt nợ khả sách hay chưa khả sách.

Sự tổng đạt này sẽ làm trước khi có truy tố, hoặc trong thời hạn mười lăm ngày (15) kể từ ngày nhận được đốc thúc trả tiền, nếu không thì thất hiệu.

Tờ tổng đạt sẽ chỉ định cửa hàng một cách chính xác và ghi rõ họ tên, địa chỉ của người chuyển nhượng, giá mua cửa hàng, không kể giá các vật dụng và hàng hoá. Trong trường hợp cửa hàng được chuyển nhượng vô thường hay đổi chác không định giá, tờ tổng đạt sẽ phải ghi sự trị giá cửa hàng.

Phải đính theo tờ tổng đạt một bảng kê gồm ba cột: cột thứ nhất ghi các nhật kỳ các việc đoạn mại và thế chấp trước cùng nhật kỳ các sự đăng ký hiện hữu, cột thứ hai ghi tên họ và địa chỉ các trái chủ đăng ký; cột thứ ba ghi số nợ đăng ký.

Trong tờ tổng đạt, người thủ đắc sẽ tuyên định cư trú trong quản hạt toà sơ thẩm nơi cửa hàng tọa lạc.

Trong trường hợp chứng khoán của người chủ mới gồm nhiều yếu tố, phân tán ở nhiều nơi, có bị đăng ký tất cả hay không, được đem bán chung một giá hay theo giá riêng, thì tờ tổng đạt sẽ ghi giá riêng cho mỗi yếu tố, nếu cần, bằng cách phân định một giá riêng cho mỗi yếu tố trong giá chung ghi tại chứng khoán.

**Điều thứ 117** – Khi điều 115 không được áp dụng, bất cứ trái chủ nào đều có thể, bằng truyền phiếu của thừa phát lại đứng giá cạnh mại và xin bán cửa hàng này theo cách đấu giá công khai. Trái chủ phải đề cung tố giá thêm một phần mười giá chánh, không tính dụng cụ và hàng hoá và phải chỉ định người bảo lãnh về giá mua và đảm phụ, hoặc phải chứng minh tư lực đầy đủ của mình.

Lời yêu cầu này do trái chủ ký tên phải tổng đạt cho người mua, cho con nợ, trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày người mua tổng đạt như nói ở điều 116 trên, bằng không thì thất hiệu. Tờ tổng đạt phải triệu hoán các người mua và con nợ ra trước toà sơ thẩm nơi tọa lạc cửa hàng, để toà xét xử về sự hữu hiệu của việc gia tăng cạnh mại, về việc chấp nhận bảo lãnh hay về tư lực của người tố giá, và về sự phát mại. Toà sẽ truyền người mua bị tố giá phải thông tri chứng thư của y và giao kèo thuê mượn hoặc văn tự nhượng giao kèo cho chương khế được chỉ định thi hành phát mại.

Thời hạn mười lăm ngày nói trên, sẽ không được gia tăng, vì lý do xa cách giữa trú sở tuyên định và trú sở thật sự của trái chủ đăng ký.

**Điều thứ 118** - Kể từ ngày sự tăng giá cạnh mại được tổng đạt, người mua chấp hữu cửa hàng sẽ đương nhiên làm quản trị cung thác cửa hàng đó, và sẽ chỉ được thi hành những hành vi quản trị mà thôi. Tuy nhiên, người nào có quyền lợi cũng có thể trong bất cứ giai đoạn tố tụng nào, xin tòa khẩn cấp cử một quản trị viên khác.

**Điều thứ 119** – Sau khi sự tăng giá cạnh mại được tổng đạt, theo như nói ở các điều từ 76 đến 80 và từ 117 đến 125 mỗi trái chủ ngăn chặn hoặc đăng ký, đều có thể đứng ra thế người tố giá để truy hành phát mại, nếu người này không tiếp tục tố quyền của mình trong tháng có sự tăng giá cạnh mại. Người tố giá không được phép, dù trả số tiền đã bỏ thêm để cạnh mại, bãi nại để hủy bỏ việc phát mại, trừ phi có sự thỏa thuận của tất cả các trái chủ ngăn chặn hoặc đăng ký.

**Điều thứ 120** – Các thể thức về thủ tục và về việc phát mại sẽ được thi hành do sự miễn cán của người tố giá, theo thể lệ định ở các điều 109 khoản 2 và 3, 111 và 114 khoản 4. Nếu có sự khiếm khuyết của người này, thì sự thi hành sẽ do người mua hay bất cứ trái chủ đăng ký nào đảm trách, rui ro và phí tổn do người tố giá phải chịu, và người bảo lãnh của người tố giá vẫn phải chịu sự bảo đảm.



**Điều thứ 121** – Khi phát mại, nếu không có ai trả giá, thì trái chủ tổ giá sẽ được tuyên bố đấu giá được.

**Điều thứ 122** - Người đấu giá được phải nhận các dụng cụ và hàng hoá trong tình trạng hiện có khi chấp hữu; một cuộc giám định tương thuận hoặc tư pháp sẽ thực hiện đối tịch giữa người mua bị tổ giá, người bán cửa hàng và người mua đấu giá được, để định giá cho dụng cụ và hàng hoá nói trên.

**Điều thứ 123** - Người đấu giá được phải trả giá mua, ngoài ra phải hoàn lại cho người mua bị truất hữu các sở phí xác đáng về tờ giao kèo của người này cũng như các sở phí về tổng đạt, đăng ký và công bố định ở các điều 54, 64, 65 và 66 nói trên.

**Điều thứ 124** - Người đấu giá được cũng phải hoàn lại cho kẻ hữu quyền các sở phí đã chi xuất cho việc bán cạnh mại.

**Điều thứ 125** - Điều 113 sẽ áp dụng cho phát mại và cạnh mại.

### **PHỤ TIẾT III**

#### **VỀ VIỆC CHIA TIỀN CHO CÁC TRÁI CHỦ**

**Điều thứ 126** – Khi giá bán cửa hàng thương mại đã trở thành nhứt định, bất luận người nào trì thủ tiền bán cũng phải ký thác vào quỹ cung thác số tiền này; nếu có phần tiền chưa khả sách, thì số tiền đáo hạn đến đâu sẽ ký thác đến đó, kèm theo sự ký thác, người mua phải khai cho quỹ cung thác và gọi cho chánh lục sự toà án nơi cửa hàng tọa lạc bảng kê khai các sự ngăn chặn cùng với các sự đăng ký trên cửa hàng hay yếu tố cửa hàng và các sự di nhượng trái quyền đã tổng đạt cho người mua.

**Điều thứ 127** – Chánh lục sự nhận được hồ sơ phải làm ngay thủ tục phân chia tiền cho các trái chủ.

**Điều thứ 128** - Thủ tục phân chia giá cửa hàng thương mại sẽ làm theo như ấn định trong Bộ dân sự và thương sự tổ tụng về sự phân phối tiền phát mại bất động sản.

### **TIẾT V**

#### **VỀ VIỆC HÙN CỬA HÀNG VÀO CÔNG TY**

#### **VÀ VIỆC QUẢN LÝ TỰ DO CỬA HÀNG**

## **PHỤ TIẾT I VỀ VIỆC HÙN CỬA HÀNG VÀO CÔNG TY**

**Điều thứ 129** - Mọi việc hùn cửa hàng thương mại vào một công ty đương thành lập hay sẵn có đều phải được công bố theo các điều kiện và thể thức đã định ở phụ tiết III, tiết I, chương III quyền 1, cho các đệ tam nhân được biết.

**Điều thứ 130** – Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày có sự công bố lần thứ nhì, mọi trái chủ không đăng ký của người hùn cửa hàng sẽ phải cho phòng lục sự toà sơ thẩm nơi cửa hàng tọa lạc biết tư cách trái chủ cũng như số tiền mà người hùn thiếu của mình. Chánh lục sự sẽ cấp biên nhận lời khai trên cho trái chủ.

**Điều thứ 131** – Trong thời hạn ba mươi ngày, sau thời hạn nói ở điều 130, các hội viên hoặc một trong các hội viên này, có quyền khởi tố xin hủy công ty hay sự hùn cửa hàng vào công ty.

Nếu không có sự khởi tố, hoặc đơn xin hủy không được toà án chấp thuận, thì công ty sẽ phải liên đới với con nợ chánh trả các món nợ đã khai trong thời hạn và được chứng minh.

## **PHỤ TIẾT II VỀ VIỆC QUẢN LÝ TỰ DO CỦA HÀNG**

**Điều thứ 132** - Việc quản lý một phần hay toàn thể một cửa hàng thương mại, với trách nhiệm bản thân của người quản lý, được quy định như sau đây, mặc dầu khế ước quản lý có những ước khoản trái ngược.

**Điều thứ 133** - Người quản lý tự do sẽ có tư cách thương gia và phải chịu các trách vụ do đó mà có. Đặc biệt người quản lý tự do phải xin ghi tên vào sổ thương mại, với sự chỉ dẫn tư cách quản lý tự do của mình và tên họ của người thuận cho quản lý.

**Điều thứ 134** - Người quản lý tự do cửa hàng cũng phải xin sửa đổi đăng bạ của chính mình trên sổ thương mại, với sự ghi chú minh bạch là cửa hàng được cho quản lý.

**Điều thứ 135** - Mọi giao kèo quản lý tự do phải được công bố trễ nhất là mười lăm ngày, sau ngày ký, bằng một trích lục hay bố cáo trong tờ báo có quyền đăng những bố cáo pháp định.

**Điều thứ 136** – Khi sự quản lý tự do chấm dứt, cũng sẽ phải đăng ký và công bố như trên.

**Điều thứ 137** – Trên đầu các hoá đơn, thư từ, giấy đặt hàng, tài liệu ngân hàng, sổ giá mục, sổ giao hàng và trên tất cả các văn kiện do người quản lý hay đại diện ký, sẽ bó buộc phải ghi rõ: số đăng bạ tại sổ thương mại toà án nào; tư cách quản lý tự do, tên họ, địa chỉ, số quốc gia danh bộ, số đăng bộ tại sổ thương mại của người cho quản lý, tên, họ, địa chỉ của người này.

Mọi vi phạm khoản trên sẽ bị phạt vạ từ 5.000\$00 đến 50.000\$00.

**Điều thứ 138** – Toà án có thể, tuyên bố các món nợ của người quản lý tự do cửa hàng, liên quan đến cửa hàng này, tức khắc khả sách vào ngày cửa hàng được cho quản lý tự do, nếu toà án xét rằng việc cho quản lý có thể làm nguy hại cho việc truy thu số nợ.

**Điều thứ 139** – Đơn xin tuyên bố món nợ khả sách phải được đệ nạp trước tòa sơ thẩm nơi cửa hàng tọa lạc trong thời hạn ba tháng kể từ ngày sự quản lý được công bố trên một tờ báo có quyền đăng bố cáo pháp đình, bằng không thì thất hiệu.

**Điều thứ 140** – Cho đến khi sự quản lý tự do được công bố, người cho quản lý phải liên đới với người quản lý chịu trách nhiệm về các món nợ do người này vay để khai thác cửa hàng.

**Điều thứ 141** - Điều 139 không áp dụng cho trường hợp các thụ ủy tư pháp để cho quản lý tự do cửa hàng, miễn là họ được phép hợp lệ và đã thi hành đầy đủ các biện pháp công bố luật định.

**Điều thứ 142** – Khi sự quản lý tự do chấm dứt, tất cả các món nợ của người quản lý tự do, liên hệ đến việc khai thác cửa hàng, vay trong thời kỳ quản lý sẽ lập tức khả sách.

**MỤC LỤC \* QUYỂN 2 \* QUYỂN 3  
\* QUYỂN 4 \* QUYỂN 5**

## **BỘ THƯƠNG LUẬT - VNCH - Quyển 2**

31 August 2012

Hits: 6992

*QUYỂN THỨ NHÌ*

NHỮNG THƯƠNG HỘI

# CHƯƠNG THỨ NHỨT

NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG CHO CÁC THƯƠNG HỘI

## TIẾT I

# ĐỊNH NGHĨA - QUỐC TỊCH - HỘI QUY

**Điều thứ 143** - Được coi như là thương hội:

- a) Những hội có đối tượng thương mại.
- b) Những hội được thành lập dưới hình thức hội cộng tư (hay hội cổ phần) và hội trách nhiệm

hữu hạn, bất kể đối tượng có tính cách thương mại hay không.  
c) Những hội mà luật lệ riêng biệt coi là thương hội.

**Điều thứ 144** – Giao kèo lập hội được quy định do Dân luật, do các luật lệ đặc biệt về thương mại và do các hợp ước giữa các hội viên.

**Điều thứ 145** – Thương hội phải được thành lập bằng một chứng thư dưới hình thức tư chứng thư có trước bạ hay công chứng thư, bằng không thì vô hiệu.  
Điều khoản này không áp dụng cho hội dự phần.

**Điều thứ 146** - Những thương hội được thành lập để hoạt động về bảo hiểm, tồn tích, tín dụng và tiết kiệm phải được Chính phủ cho phép theo thể lệ hiện hành.

**Điều thứ 147** - Hội sở là nơi có cơ quan điều khiển hội. Hội sở phải được chỉ định trong hội quy.

**Điều thứ 148** - Quốc tịch của hội tùy thuộc nơi hội sở. Tuy nhiên một hội có quốc tịch Việt nam theo định nghĩa của điều này, nếu đặt dưới quyền kiểm soát và điều khiển của người ngoại quốc, sẽ không đương nhiên được hưởng những quyền lợi đặc biệt dành cho người Việt nam.

**Điều thứ 149** - Hội quy hay chứng thư lập hội phải ghi những điều khoản chính sau đây:

- 1) hình thức của hội.
- 2) hội danh hay danh hiệu thương mại của hội.
- 3) mục tiêu của hội.
- 4) trụ sở của hội.
- 5) vốn hội, thành phần của vốn trong đó được tả sơ lược những phần hùn bằng hiện vật, phần vốn đã đóng, nếu có.
- 6) chế độ quản trị và kiểm soát hội.
  - 7) chế độ đại hội đồng các hội viên hay các cổ đông.
- 8) thời gian hoạt động,
- 9) thể thức lập các khoản dự trữ,
- 10) thể thức chia lỗ lãi.
- 11) những nguyên nhân giải tán hội, thể thức thanh toán hội.

## TIẾT II

# THẺ THỨC CÔNG BỐ

**Điều thứ 150** – Trong thời hạn một tháng kể từ ngày hội được thành lập, hai bản chính hội quy nếu là tư chứng thư hay hai bản toàn sao, nếu là công chứng thư, phải được ký nạp tại phòng lục sự toà án nơi trụ sở hội.

Phải đính kèm hội quy:

- a) nếu là hội trách nhiệm hữu hạn, hai bản chánh hay bản toàn sao, tùy trường hợp, chứng thư chỉ định quản lý đầu tiên, nếu quản lý không được chỉ định ngay trong hội quy.
- b) nếu là hội cổ phần: hai bản toàn sao chứng thư của phòng chứng khê chứng nhận vốn hội đã được ký nhận mua hết và số tiền đã đóng về những cổ phần được ký nhận mua.
- hai bản danh sách có thị thực ghi tên, họ, địa chỉ, nghề nghiệp của những người ký nhận mua cổ phần, số cổ phần ký nhận mua và số tiền mà mỗi người đã đóng;
  - hai bản sao có thị thực những quyết nghị của đại hội đồng sáng lập nói ở các điều 246, 247, 248, 249 và 250, sau cùng là tờ trình của ủy viên trị giá phân hùn.

**Điều thứ 151** – Cũng trong thời hạn một tháng kể từ ngày hội được thành lập, một bản trích lục hội quy và các bản phụ đính nếu có, sẽ đăng trên một tờ báo được phép đăng những bố cáo pháp định.

Trích lục ghi những điểm sau đây :

- 1) hình thức của hội,
- 2) hội danh hay danh hiệu thương mại của hội,
- 3) mục tiêu của hội,
- 4) trụ sở của hội,
- 5) tên họ, tư cách, địa chỉ riêng của những hội viên phải gánh chịu trách nhiệm vô hạn về những món nợ của hội, nếu là hội đối nhân hay hợp tư đơn thường.
- 6) tên họ, tư cách và địa chỉ riêng của những hội viên hay đệ tam nhân được ủy quyền quản lý hay quản trị hội, của nhân viên hội đồng giám thị trong hội trách nhiệm hữu hạn nếu có, và trong hội hợp tư cổ phần, của những ủy viên kiểm toán trong hội nặc danh,
- 7) vốn của hội, phần vốn hùn bằng tiền mặt, mô tả những phần hùn bằng hiện vật, trị giá của những phần hùn này.
- 8) đối với hội hợp tư đơn thường hay hợp tư cổ phần, phần đóng góp của các hội viên xuất tư.
- 9) những điều khoản liên quan đến việc lập các khoản dự trữ bất thường, nếu có, đối với hội nặc danh.
- 10) những điều khoản liên quan đến việc tạo lập hội phân sáng lập.
- 11) thời gian hoạt động của hội.
- 12) phòng lục sự nơi ký nạp nội quy, ngày ký nạp.

Việc đăng báo sẽ được chứng minh bằng một số báo trong đó có đăng bản trích lục nội quy. Số báo này do chủ nhà in chứng thực và được trước bạ.

**Điều thứ 152** – Cũng phải tuân theo thể thức ký nạp dự liệu ở điều 150 trên:

- 1) tất cả những văn kiện, quyết định có mục tiêu: sửa đổi những điều khoản của hội quy đã được công bố theo điều 151 trên, trừ việc thay đổi nhân viên hội đồng giám thị, nhân viên hội đồng quản trị và ủy viên kiểm toán trong hội cổ phần.
- 2) Quyết định giải tán hội trước kỳ hạn và thể thức thanh toán.

**Điều thứ 153** – Cũng phải tuân theo thể thức công bố dự liệu ở điều 151 trên :

1) Mọi sửa đổi về những điều khoản mà điều 151 buộc phải công bố, trừ việc thay đổi nhân viên hội đồng giám thị, nhân viên hội đồng quản trị, ủy viên kiểm toán trong hội cổ phần.

2) Sự vô hiệu và giải tán hội, danh tính và địa chỉ của các thanh toán viên, quyền hạn của những người này.

**Điều thứ 154** - Những trích lục chứng thư và văn kiện ký nạp, sẽ do chương khế ký tên, nếu là công chứng thư, hay do các hội viên hợp danh, quản lý các hội hợp tư đơn thường và hợp tư cổ phần, quản trị viên trong hội nặc danh ký tên, nếu là tư chứng thư.

**Điều thứ 155** - Nếu hội đặt một hay nhiều chi nhánh ở các tỉnh khác ngoài nơi đặt trụ sở hội, việc ký nạp dự liệu ở điều 150 trên phải được thi hành cả tại nơi đặt chi nhánh. Việc công bố dự liệu ở điều 151 cũng phải được thi hành cả tại nơi đặt chi nhánh, nếu có phương tiện địa phương.

**Điều thứ 156** - Bất cứ ai cũng có thể yêu cầu viên lục sự nơi ký nạp hội quy:

- 1) Cho xem những văn kiện mà hội đã ký nạp tại phòng lục sự.
- 2) Cấp phát trích lục hay bản sao những văn kiện ấy, sau khi nạp lệ phí.

**Điều thứ 157** - Sự bất tuân thể thức ký nạp và công bố dự liệu ở điều 150 và 151 trên khiến cho hội vô hiệu, trừ phi có sự điều chỉnh.

Nếu không được ký nạp và công bố, các chứng thư và quyết nghị nói ở điều 152, 153 sẽ vô hiệu lực, trừ phi được điều chỉnh.

Hội viên không thể viện dẫn sự vô hiệu nói trên đối kháng với đệ tam nhân.

**Điều thứ 158** - Nếu cần triệu tập một đại hội đồng để điều chỉnh sự vô hiệu, tố quyền vô hiệu sẽ không được chấp nhận nữa, kể từ ngày có sự triệu tập hợp lệ đại hội.

Tố quyền xin tiêu hủy hội hay các chứng thư, quyết nghị làm sau ngày hội được thành lập, bị tiêu diệt nếu nguyên nhân vô hiệu không còn hoặc trước khi khởi tố, hoặc vào ngày toà phán quyết sơ thẩm về nội dung. Mặc dầu có sự hợp thức hoá, những tụng phí về tố quyền vô hiệu được phát động trước khi có sự hợp thức hoá sẽ do các bị đơn gánh chịu.

Toà án thụ lý đơn khởi tố xin tiêu hủy có thể tự ý ấn định cho một thời hạn để điều chỉnh sự vô hiệu.

Những tố quyền vô hiệu nói trên bị thời tiêu sau năm năm, kể từ ngày vô hiệu phát sinh.

Tố quyền qui trách về những hành động phát sinh ra sự vô hiệu cũng không được chấp nhận nữa, nếu nguyên nhân vô hiệu không còn:

- a) Hoặc trước khi đệ đơn khởi tố;
- b) Hoặc từ ngày toà án đã phán quyết sơ thẩm về nội dung;
- c) Hoặc trong thời hạn mà toà án định để điều chỉnh sự vô hiệu;
- d) Hoặc ba năm đã qua kể từ ngày sự vô hiệu phát sinh.

**Điều thứ 159** – Trong những văn thư, hoá đơn, quảng cáo, bố cáo và các tài liệu khác in hay viết tay do hội phát hành, hội trách nhiệm hữu hạn, hội hợp tư cổ phần, hội nặc danh, phải ghi những chữ sau đây, viết rõ ràng và toàn chữ: “hội trách nhiệm hữu hạn” hay “hội hợp tư cổ phần” hay “hội nặc danh” và ghi số vốn của hội.

## **TIẾT III**

# **THANH TOÁN**

**Điều thứ 160** - Thời kỳ thanh toán của hội bắt đầu từ lúc hội bị giải tán, bất kể sự giải tán vì nguyên nhân gì.

Tư cách pháp nhân của hội vẫn tồn tại trong suốt thời kỳ thanh toán và cho đến khi việc thanh toán kết thúc.

**Điều thứ 161** - Sự giải tán hội chấm dứt nhiệm vụ của quản lý hay của hội đồng quản trị. Tuy nhiên, nhiệm vụ của hội đồng giám thị hay của những ủy viên kiểm toán vẫn được duy trì. Đối với những hội không có những cơ quan kể trên, các hội viên sẽ thảo luận theo nơi điều 166 đề cử một hay nhiều kiểm toán viên; bằng không, toà án có thể theo thủ tục khẩn cấp cử những người này, theo đơn xin của người quan thiết.

Điều khoản của hội quy hay những giao ước trái với điều khoản trên đều vô hiệu. Chứng thư cử kiểm toán viên ấn định quyền hành, trách vụ, lương bổng và nhiệm kỳ của những người này.

**Điều thứ 162** - Việc thanh toán hội sẽ do hội quy ấn định, ngoại trừ những điều khoản có tính cách cưỡng hành của luật này. Nếu hội quy không dự liệu thủ tục thanh toán, thì những điều khoản của các điều sau đây sẽ được áp dụng.

**Điều thứ 163** –

a) Một hay nhiều thanh toán viên sẽ do các hội viên hay toà án cử.

b) Việc cử thanh toán viên do các hội viên phải được:

- Toàn thể hội viên chấp thuận, đối với hội hợp danh và hội dự phần;
- Toàn thể hội viên thụ tư và những hội viên xuất tư tập hợp được trên đa số vốn, đối với hội hợp tư đơn thường. Đa số hội viên có trên đa số vốn đối với hội trách nhiệm hữu hạn;
- Theo những điều kiện về định túc số và đa số dự liệu về các phiên họp của đại hội đồng thường lệ, đối với hội nặc danh;
- Đối với hội hợp tư cổ phần, về phần các hội viên thụ tư, toàn thể các hội viên, về phần các cổ đông, theo những điều kiện về định túc số và đa số dự liệu cho các phiên họp của đại hội đồng thường lệ.

c) Nếu những điều kiện ghi trên không thể có đầy đủ, người quan thiết nào cũng có thể xin toà cấp thẩm nơi trụ sở hội cử một thanh toán viên.

- d) Không được cử làm thanh toán viên, những người bị cấm giữ nhiệm vụ quản trị các thương hội, hay bị tước quyền này.
- e) Lương bổng của thanh toán viên do các hội viên thảo luận và quyết định theo những điều kiện ấn định ở điều 166 sau đây hay do toà ấn định.

**Điều thứ 164** – Thanh toán viên thay mặt hội và thi hành mọi tác vụ thanh toán.

Thanh toán viên được trao quyền rộng rãi để hiện kim hoá tích sản của hội, kể cả bằng cách thức thỏa thuận, trả các khoản nợ của hội và phân chia kết số dư, trừ những việc hạn chế do các hội viên hay toà ấn định.

Thanh toán viên, nếu cần, có thể tiếp tục những công việc của hội còn dở dang và có thể làm những công việc mới, nhưng chỉ khi nào xét cần cho việc thanh toán.

Thanh toán viên cần được phép trước của các hội viên theo thể thức điều 116 dưới đây, nếu muốn đem nhượng toàn thể hay đem hùn tất cả hay một phần tích sản vào một hội khác, dầu có sự sáp nhập hay không.

Trong trường hợp có nhiều thanh toán viên, mỗi người có thể hành động riêng rẽ, trừ điều khoản trái ngược ghi trong văn thư chỉ định.

**Điều thứ 165** – Trong thời hạn ba tháng kể từ ngày nhận chức, thanh toán viên phải lập bản kê tình hình tích sản và tiêu sản của hội.

Nếu sự thanh toán kéo dài thì cuối mỗi năm, thanh toán viên lập bảng tổng kết đối chiếu, trương mục lỗ lãi và một bản tường trình về những công việc trong năm vừa qua.

Khi việc thanh toán kết liễu, thanh toán viên phải lập một bản thanh toán chung kết về những công việc của mình.

**Điều thứ 166** –

a) Các hội viên phải được triệu tập ít nhất một năm một lần để quyết định về những bản kết toán hàng năm:

- lâm thời để cho phép thanh toán viên làm những tác vụ vượt thẩm quyền của họ hay những tác vụ mà thanh toán viên muốn xin ý kiến của các hội viên, hoặc để gia hạn ủy nhiệm cho hội đồng giám thị hay ủy viên kiểm toán;

- khi việc thanh toán hoàn tất, để quyết định về bản thanh toán chung kết, cấp thanh khoản giải trừ trách nhiệm cho thanh toán viên và xác nhận là việc thanh toán kết thúc.

b) Thanh toán viên sẽ triệu tập các hội viên, nếu thanh toán viên không triệu tập, thì các cơ quan kiểm soát có quyền triệu tập, hoặc bất cứ người quan thiết nào cũng có thể xin toà khẩn cấp nơi trụ sở hội ra lệnh triệu tập.

c) Trong những phiên họp của các hội viên, quyết định sẽ lấy:



- theo đa số hội viên có đa số vốn đối với hội hợp danh, hội hợp tư đơn thường và hội trách nhiệm hữu hạn;
- theo những điều kiện về định túc số và đa số dự liệu cho các đại hội đồng thường lệ đối với các hội cổ phần.

Nếu không đủ đa số bắt buộc, toà án sẽ quyết định theo đơn xin của thanh toán viên hay của bất cứ người quan thiết nào.

Nếu quyết định có hậu quả trái với hội quy thì phải tuân theo những điều kiện cũng như là thay đổi hội quy của mỗi loại hội.

Thanh toán viên nếu là hội viên có thể dự vào cuộc bỏ thăm.

d) Trong suốt thời kỳ thanh toán, các hội viên tiếp tục được sử dụng quyền xem các tài liệu kế toán như trước.

**Điều thứ 167** – Thanh toán viên do các hội viên cử có thể bị thay thế theo những điều kiện về định túc số và đa số như khi được cử.

Thanh toán viên do toà án cử có thể bị thay thế bằng mệnh lệnh phê đơn và, trong trường hợp có sự tranh nại bằng án lệnh cấp thẩm.

**Điều thứ 168** – Thanh toán viên không phải chịu trách nhiệm cá nhân hay liên đới về những kết ước mà họ đã ký nhận nhân danh hội.

Trong khi thi hành nhiệm vụ, họ chịu trách nhiệm dân sự và hình sự như quản trị viên trong hội nặc danh.

**Điều thứ 169** - Những tố quyền quy trách cho thanh toán viên bị thời tiêu sau ba năm kể từ ngày xảy ra những việc phát sinh tố quyền, dầu những sự việc này không phải là những vi phạm hình luật. Tuy nhiên, nếu những sự việc ấy là trọng tội, thời hiệu sẽ là mười năm.

**Điều thứ 170** - Việc phân chia tích sản còn lại sau khi đã hoàn trả các phần hùn hay trừ số tiền lỗ, sẽ thực hiện giữa các người quan thiết theo tỷ lệ đã áp dụng trong việc chia tiền lời hàng năm.

Những số tiền dành cho các chủ nợ của hội hay các hội viên mà những người này không đòi trước khi việc thanh toán kết thúc phải đem ký thác tại quỹ cung thác đứng tên những người này.

## CHƯƠNG THỨ II

### HỘI HỢP DANH

**Điều thứ 171** - Hội hợp danh là một hội lập giữa hai hay nhiều người trong đó toàn thể hội viên, mà số ít nhất phải là hai người, được coi là thương gia và chịu trách nhiệm liên đới và vô hạn định về mọi trái khoản của hội, trên tất cả tài sản của họ.

**Điều thứ 172** - Hội hợp danh hoạt động dưới một hội danh mang tên của tất cả các hội viên hay của một hay vài hội viên, trong trường hợp sau này phải ghi hai chữ “Công ty” sau tên hội viên được dùng làm hội danh.

Ngoài ra, hội hợp danh có thể có một thương hiệu.

**Điều thứ 173** - Chứng thư lập hội, có thể là công chứng thư hoặc tư chứng thư có trước bạ. Nếu là tư chứng thư thì có bao nhiêu hội viên phải lập bằng ấy chính bản ngoài sổ chính bản cần có để thi hành các thủ tục cần thiết.

**Điều thứ 174** - Quản lý hội hợp danh chỉ định ngay trong hội quy hay trong một quyết định ngoại hội quy của các hội viên.  
Quản lý có thể không là hội viên.

**Điều thứ 175** - Nếu hội không chỉ định quản lý và cũng không có quyết nghị nào ngoài hội quy chỉ định quản lý thì những hội viên đều là quản lý có quyền ngang nhau.

Những hành động của một hội viên lấy danh nghĩa hội đều ràng buộc tất cả các hội viên khác.

**Điều thứ 176** - Quản lý quy tuyến chỉ có thể từ chức vì lý do chánh đáng.

Quản lý quy tuyến nếu là hội viên, chỉ có thể bị bãi chức do một phán quyết của toà án nơi trụ sở hội, theo đơn xin truất quyền của hội viên có nêu những lý do chánh đáng.

Quản lý quy tuyến, nếu không là hội viên, có thể bị các hội viên bãi chức trong một quyết nghị của toàn thể hội viên hay của đa số tuyệt đối hội viên, nếu hội quy cho phép.

Toà án nơi trụ sở hội cũng có quyền bãi chức quản lý này theo đơn xin truất quyền của một hội viên có nêu những lý do chánh đáng.

**Điều thứ 177** - Quản lý được chỉ định ngoài hội quy phải được toàn thể hội viên chọn cử, trừ phi hội quy cho phép chọn cử theo đa số tuyệt đối, và có thể bị bãi chức theo như thể thức áp dụng khi chỉ định. Quản lý này không phải là thương gia, nếu là người ngoài hội.

**Điều thứ 178** - Quản lý có bổn phận hành động miễn cán theo mục tiêu hội, thi hành đúng hội quy và những quyết nghị do các hội viên biểu quyết, nếu không, sẽ chịu trách nhiệm trong trường hợp làm cho hội bị thiệt hại.

**Điều thứ 179** - Nếu hội quy không ấn định rõ rệt những quyền hành của quản lý thì quản lý có quyền làm tất cả các nghiệp vụ cần thiết thuộc mục tiêu của hội.

**Điều thứ 180** - Hội chịu trách nhiệm đối với đệ tam nhân về những cam kết và thiệt hại gây ra do hành vi của quản lý hoạt động nhân danh hội và trong giới hạn quyền hành của mình, nhưng hội có thể phản hồi kiện quản lý, nếu người này phạm lỗi.

**Điều thứ 181** - Nếu có chỉ định nhiều quản lý thì các hội viên phải ấn định quyền hạn rõ rệt của mỗi người.

**Điều thứ 182** - Những hội viên không là quản lý không được xen vào việc quản lý, nhưng họ có thể cho ý kiến hay kiểm soát quản lý, miễn là không trở ngại cho hoạt động của quản lý trong khi thi hành nhiệm vụ.

**Điều thứ 183** - Quản lý có thể được hưởng thù lao ấn định trong hội quy hay trong quyết nghị của các hội viên.

**Điều thứ 184** - Hội quy ấn định việc chia lời thuộc mỗi tài khoá cho các hội viên, bằng không, tiền lời sẽ được chia theo tỷ lệ hội phần của mỗi hội viên trên tổng số vốn hội.

**Điều thứ 185** - Nếu hội quy có dự liệu trước, các hội viên có thể trong một phiên họp, biểu quyết, theo đa số thường, về việc nhập tiền lời vào vốn hội hay dùng một phần tiền lời để lập quỹ dự trữ. Nếu hội quy không dự liệu trước thì cần phải có sự đồng ý của toàn thể hội viên.

**Điều thứ 186** - Mọi việc tăng vốn hội bằng cách góp đóng thêm hay việc thay đổi một hay nhiều điều khoản của hội quy phải được toàn thể hội viên biểu quyết ưng thuận.

**Điều thứ 187** - Hình thức hội hợp danh không được áp dụng cho các hội hoạt động về bảo hiểm, tồn tích, tiết kiệm hay tín dụng, nếu không sẽ bị vô hiệu tuyệt đối.

**Điều thứ 188** - Muốn chuyển nhượng hội phần của mình cho một hội viên khác hay cho một người ngoài hội, hội viên phải được sự chấp thuận của tất cả các hội viên khác, trừ phi hội quy định khác. Chứng thư chuyển nhượng phải được ký nạm và công bố theo những điều kiện áp dụng cho chứng thư lập hội, dự liệu ở điều 150 – 151 trên.

**Điều thứ 189** - Nếu hội không có kỳ hạn nhất định, hội viên nào cũng có quyền xin giải tán hội, miễn là có lý do chánh đáng.

**Điều thứ 190** - Đối với hội có hạn kỳ được ấn định trong hội quy, mỗi hội viên có quyền xin toà án nơi trụ sở hội giải tán hội trước kỳ hạn, nếu có lý do chánh đáng.

Toàn thể hội viên có thể chấp thuận sự giải tán hội trước kỳ hạn, trừ phi sự biểu quyết theo đa số được hội quy dự liệu cho việc ấy.

**Điều thứ 191** - Sự mệnh của một hội viên là một lý do giải tán hội, ngoại trừ trường hợp hội quy có ấn định là hội tiếp tục hoạt động giữa những hội viên còn sống hay với sự gia nhập hội của các người thừa kế của hội viên mệnh một.

Hội cũng bị giải tán, nếu một hội viên mất năng cách hoặc bị cấm quyền hay bị tuyên cáo khánh tận, hay thanh toán tài khoản, trừ phi hội quy có dự định khác.

**Điều thứ 192** – Trong trường hợp hội bị giải tán, thanh toán viên được chỉ định sẽ đại diện cho hội và các hội viên với tư cách thụ ủy. Thanh toán viên có quyền làm các hành vi bảo toàn, có bản phân thu hồi các số nợ, thanh toán các tiêu sản và thực hiện tích sản.

Tuy nhiên, thanh toán viên phải có ủy quyền đặc biệt mới được vay mượn, để dương và phát mãi bất động sản cùng điều đình về các vụ tranh chấp trên bất động sản.

**Điều thứ 193** - Nếu hội quy không dự liệu trước về thể thức phân chia số tích sản thặng dư hoặc còn lại, hay gánh chịu tiền lỗ, thì mỗi hội viên sẽ hưởng phần tích sản hay gánh chịu tiền lỗ theo tỷ lệ phần góp vào vốn hội của mình. Đối với hội viên chỉ góp công lao thì phần lời hay lỗ của hội viên này được coi bằng phần của hội viên góp vốn ít nhất, trừ phi hội có dự liệu khác.

## CHƯƠNG THỨ III

### HỘI HỢP TƯ ĐƠN THƯỜNG

**Điều thứ 194** - Hội hợp tư đơn thường là hội thành lập để hoạt động về thương mại giữa một hay nhiều hội viên được gọi là hội viên thụ tư liên đới chịu trách nhiệm vô hạn định về mọi khoản nợ của hội và một hay nhiều hội viên xuất tư chỉ chịu trách nhiệm tới phần hùn của mình.

**Điều thứ 195** - Hội viên xuất tư không có tư cách thương gia.

**Điều thứ 196** - Hội hợp tư đơn thường hoạt động dưới một hội danh gồm có tên một vài hay tất cả các hội viên thụ tư, kèm theo hai chữ công ty.

Hội viên xuất tư không được đề tên trong hội danh, nếu không, họ sẽ bị coi như hội viên thụ tư đối với đệ tam nhân.

**Điều thứ 197** - Hội hợp tư đơn thường, trên nguyên tắc, tuân theo những điều khoản ấn định cho hội hợp danh về hình thức cũng như về nội dung.

**Điều thứ 198** – Trong bản trích lục đem công bố trên tờ báo được phép đăng các bố cáo pháp định, không được ghi tên các hội viên xuất tư, nhưng phải ghi tổng số phần hùn của họ trong tổng số vốn của hội.

**Điều thứ 199** - Hội phần của hội viên xuất tư không được tự do chuyển nhượng, trừ phi được đa số hội viên thụ tư ưng thuận. Việc chuyển nhượng này không cần phải công bố.

**Điều thứ 200** - Việc quản lý hội hợp tư đơn thường tuân theo những điều khoản ấn định cho hội hợp danh. Tuy nhiên, hội viên xuất tư không được làm một hành vi quản lý nào, dầu là có giấy ủy quyền, nếu không họ sẽ bị coi như hội viên thụ tư đối với đệ tam nhân.

**Điều thứ 201** - Hội viên xuất tư kiểm soát công việc của quản lý như những hội viên thụ tư không là quản lý, miễn là sự kiểm soát này không làm trở ngại việc thi hành nhiệm vụ của quản lý.

# CHƯƠNG THỨ IV

## HỘI DỰ PHẦN

**Điều thứ 202** - Hội dự phần chỉ là một hội giữa các hội viên với nhau, không có tư cách pháp nhân và không xuất diện với đệ tam nhân.

**Điều thứ 203** – Các mục tiêu, điều kiện, thể thức dự phần, chia lời lỗ và thanh toán, tuân theo các điều khoản do các đương sự ấn định.

**Điều thứ 204** - Hội dự phần được chứng minh bằng mọi phương tiện.

**Điều thứ 205** - Hội viên nào phụ trách việc thi hành các nghiệp vụ hành động chung với tư cách cá nhân và riêng chịu trách nhiệm, trừ phi các hội viên khác cùng đứng kết ước hoặc có những hành vi có thể coi như vậy.

**Điều thứ 206** - Hội không được phát hành chứng khoán có thể chuyển dịch.

# CHƯƠNG THỨ V

## HỘI TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

**Điều thứ 207** - Hội trách nhiệm hữu hạn là một thương hội trong đó tất cả các hội viên chỉ phải chịu trách nhiệm tới phần hùn của mình.

**Điều thứ 208** - Số hội viên tối thiểu mà hội phải có trong suốt thời gian hoạt động của hội là hai người.

Hội viên hội trách nhiệm hữu hạn không có tư cách thương gia.

**Điều thứ 209** - Vốn tối thiểu của hội trách nhiệm hữu hạn là năm trăm ngàn đồng (500.000\$). Vốn hội phải được chia thành những hội phần có mệnh giá bằng nhau, mệnh giá này không được dưới một ngàn đồng (1.000\$).

**Điều thứ 210** - Hội trách nhiệm hữu hạn được thành lập hẳn sau khi các hội phần đã phân chia hết cho các hội viên và được góp đủ.

Những phần hùn bằng hiện vật phải được trị giá ngay trong hội quy.

Hội quy phải ghi rõ là những phần hùn đã góp đủ và các phần hùn bằng hiện vật đã được trị giá là bao nhiêu.

**Điều thứ 211** – Các hội viên phải liên đới chịu trách nhiệm với đệ tam nhân về số vốn hội và về giá ấn định cho những phần hùn bằng hiện vật.

Tổ quyền trách nhiệm bị thời tiêu sau mười năm kể từ ngày lập hội.

**Điều thứ 212** - Hội trách nhiệm hữu hạn không được phát hành bất cứ động sản giá khoán nào trong công chúng.

**Điều thứ 213** - Hội trách nhiệm hữu hạn phải được chứng thực bằng công chứng thư hay tư chứng thư có trước bạ. Nếu là tư chứng thư thì số chính bản phải lập đủ số để có một bản lưu trữ tại trụ sở hội và các bản khác để dùng vào các thủ tục cần thiết.

Các hội viên phải đích thân ký tên trên chứng thư lập hội hay cử người có giấy ủy quyền đặc biệt ký thay.

**Điều thứ 214** - Mọi thể thức thành lập hội trách nhiệm hữu hạn trái với các điều 208, 209, 210, 212 và 213 trên đều khiến hội trở thành vô hiệu.

Các hội viên không thể đem sự vô hiệu này đối kháng với đệ tam nhân.

**Điều thứ 215** - Nếu hội bị tuyên phán vô hiệu vì thành lập không đúng thể thức theo điều trên, thì hội viên nào có lỗi gây ra sự vô hiệu phải chịu trách nhiệm liên đới với quản lý đầu tiên về những thiệt hại do sự vô hiệu gây ra cho các hội viên khác và cho đệ tam nhân.

Nếu phải tham khảo ý kiến các hội viên để điều chỉnh sự vô hiệu, tổ quyền vô hiệu sẽ không được chấp nhận nữa kể từ ngày triệu tập đại hội hợp lệ hay kể từ ngày dự thảo quyết nghị đã được gửi tới các hội viên.

Tổ quyền nhằm tuyên bố hội vô hiệu hay nhằm tuyên bố vô hiệu các văn kiện và quyết định làm sau khi hội thành lập sẽ bị tiêu diệt một khi nguyên nhân vô hiệu không còn nữa; trước khi khởi tố, hoặc vào ngày toà phán quyết sơ thẩm về nội dung. Mặc dầu đã có sự điều chỉnh, các tụng phí về tổ quyền vô hiệu được phát động trước khi có sự hợp thức quá sẽ do bị đơn gánh chịu.

Toà án thụ lý về một tổ quyền vô hiệu có thể đương nhiên ấn định một thời hạn để điều chỉnh sự vô hiệu.

Tổ quyền quy trách về các sự kiện gây ra sự vô hiệu cũng không được chấp nhận nữa nếu ba năm đã qua kể từ ngày phát sinh ra sự vô hiệu và nếu nguyên nhân vô hiệu không còn :

- a) Hoặc trước khi khởi tố;
- b) Hoặc vào ngày toà phán quyết sơ thẩm về nội dung;
- c) Hoặc trong thời hạn mà toà đã ấn định để điều chỉnh sự vô hiệu.

Các tổ quyền vô hiệu nói trên bị thời tiêu sau năm năm kể từ ngày sự vô hiệu phát sinh.

**Điều thứ 216** – Có thể lấy đối tượng của hội để đặt tên cho hội; cũng có thể đặt tên cho hội một hội danh gồm có tên của một hay nhiều hội viên.

**Điều thứ 217** - Hội phần của các hội viên không được thể hiện bằng những chứng khoán khả nhượng dịch, ký danh, vô danh hay chiếu lệnh.

Hội phần được tự do chuyển nhượng giữa các hội viên. Nếu chuyển nhượng cho đệ tam nhân thì phải được đa số hội viên tiêu biểu ít nhất cho ba phần tư vốn hội ủng thuận.

**Điều thứ 218** - Việc chuyển nhượng hội phần phải được thực hiện bằng một công chứng thư hay tư chứng thư có trước bạ. Chứng thư chuyển nhượng chỉ có thể đem đối kháng với hội và đệ tam nhân sau khi đã tổng đạt cho hội bằng văn thư ngoại tư pháp hoặc đã được hội chấp nhận trong một công chứng thư.

**Điều thứ 219** - Hội trách nhiệm hữu hạn được quản lý do một hay nhiều người thụ ủy chọn trong các hội viên hay người ngoài hội.

**Điều thứ 220** - Quản lý do các hội viên chỉ định, ngay trong hội quy hoặc trong một văn thư sau, với thời hạn nhất định hay vô định.

**Điều thứ 221** - Quản lý, nếu là hội viên, chỉ có thể bị cất chức vì những lý do chánh đáng.

**Điều thứ 222** - Trừ phi hội quy định khác, quản lý có đủ mọi quyền hành để hoạt động nhân hội danh trong mọi trường hợp.

Mọi hạn chế quyền hành có ước định ngoài hội quy đều không đối kháng được với đệ tam nhân.

Các quản lý chịu trách nhiệm theo thường luật, cá nhân hay liên đới, tùy trường hợp, đối với hội hay đệ tam nhân về những vi phạm các điều luật chi phối hội trách nhiệm hữu hạn, về vi phạm hội quy hoặc về những lỗi đã phạm trong việc quản lý.

**Điều thứ 223** – Khi một hội trách nhiệm hữu hạn bị tuyên bố khánh tận, quản lý viên có thể bị truất quyền chiếu điều 1006 và kế tiếp. Ngoài ra, trong trường hợp hội trách nhiệm hữu hạn bị tuyên bố khánh tận hay thanh toán tư pháp mà tích sản của hội không đủ trả nợ, toà án thụ lý có thể, theo lời yêu cầu của thanh toán viên tư pháp hay của viên quản tài, quyết định là các quản lý hoặc các hội viên hoặc một hay nhiều hơn trong các người trên phải liên đới, hay không liên đới gánh chịu số nợ tới một mức nào tùy toà định. Tuy nhiên, đối với hội viên họ chỉ phải chịu trách nhiệm nếu họ có tham gia thực sự vào việc quản trị hội.

Muốn được giải trách, các hội viên và quản lý bị trách cứ phải dẫn chứng là họ đã quản trị các công việc của hội với tất cả khả năng và mẫn cán của một người thụ uỷ được trả lương.

**Điều thứ 224** – Các quản lý, dù là hội viên hay không, có thể được hưởng thù lao.

**Điều thứ 225** – Các quyết nghị của hội trách nhiệm hữu hạn do các hội viên họp biểu quyết thành đại hội đồng. Tuy nhiên, có thể áp dụng thể thức hỏi ý kiến tại nhà, nếu số hội viên không quá hai mươi người.

Nếu họp đại hội, quản lý phải gửi giấy triệu tập bằng thư bảo đảm kèm theo chương trình nghị sự cho các hội viên, chậm nhất là tám ngày trước đại hội.

Nếu hỏi ý kiến tại nhà, quản lý sẽ lập dự thảo quyết nghị gửi đến các hội viên, và hội viên sẽ nghi rõ ràng trên bản dự thảo ý kiến thuận hay nghịch của mình.

Trong cả hai trường hợp, quyết định chỉ có giá trị, nếu được các hội viên tiêu biểu cho trên phân nửa số vốn hội chấp thuận.

Trừ phi hội quy định khác, nếu con số trên không đạt được trong kỳ họp đại hội hay hỏi ý kiến lần đầu, các hội viên sẽ được triệu tập hay hỏi ý kiến lần thứ hai bằng thư bảo đảm. Lần này quyết định sẽ có giá trị nếu được đa số phiếu chấp thuận, bất luận phần vốn được tiêu biểu là bao nhiêu.

**Điều thứ 226** - Quản lý phải lập biên bản về mỗi phiên đại hội hay mỗi khi hỏi ý kiến tại nhà. Biên bản đại hội sẽ do tất cả các hội viên có mặt ký tên, biên bản hỏi tại nhà sẽ do quản lý ký. Các biên bản phải được lưu trữ cùng với các tài liệu dùng vào việc lập biên bản tại trụ sở hội trong mười năm liền và phải được chép trong một quyển sổ do chánh án toà án nơi trụ sở hội đánh số và ký tên.

**Điều thứ 227** - Tất cả các hội viên hội trách nhiệm hữu hạn đều có quyền tham gia thảo luận và phát biểu ý kiến về những quyết nghị của hội, dầu hội có quy định khác. Mỗi hội viên có số phiếu bằng số hội phần của mình.

**Điều thứ 228** - Những điều khoản của hội quy có thể được sửa đổi nếu đa số hội viên tiêu biểu cho ba phần tư vốn hội chấp thuận, trừ phi hội quy định khác. Riêng việc tăng phần đóng góp của hội viên phải được toàn thể hội viên chấp thuận.

**Điều thứ 229** – Trong các công ty có trên hai mươi hội viên, đại hội phải được triệu tập mỗi năm ít nhất một lần vào thời kỳ ấn định trong hội quy. Ngoài ra mỗi khi cần thiết, đại hội có thể được triệu tập do quản lý hay nếu quản lý không triệu tập, do uỷ ban kiểm soát nói ở điều 233 và nếu uỷ ban kiểm soát không triệu tập, do các hội viên đại diện cho trên nửa số hội.

**Điều thứ 230** - Mỗi hội viên đều có quyền đích thân hay uỷ quyền cho người khác đến tham khảo tại trụ sở hội bảng thống kê tài sản, bảng kết toán đối chiếu, trương mục lỗ lãi và tờ trình của uỷ ban kiểm soát.

Quản lý phải để sẵn các tài liệu trên tại hội sở ít nhất là mười lăm ngày trước ngày đại hội để các hội viên tham khảo.

**Điều thứ 231** – Các tiền lợi đã chia không phù hợp với tiền lời thật sự của hội có thể bị đòi lại nơi các hội viên đã nhận tiền đó.

Tổ quyền đòi lại này bị thời tiêu sau năm năm kể từ ngày ấn định chia lời.



**Điều thứ 232** - Mỗi năm, hội phải trích ra ít nhất năm phần trăm của số tiền lời để sung vào tiền quỹ dự trữ.

Khi quỹ dự trữ đã lên tới một phần mười của vốn hội thì việc trích tiền lời nói ở đoạn trên không có tính cách bắt buộc nữa.

**Điều thứ 233** - Hội có trên hai mươi hội viên phải thành lập ngay trong hội quy một uỷ ban kiểm soát gồm có ít nhất ba hội viên. Thời kỳ và thể thức bầu lại uỷ ban này được ấn định trong hội quy .

Uỷ ban kiểm soát có nhiệm vụ xét sổ sách, tiền bạc, của hội và mỗi năm làm tờ trình lên đại hội một lần về việc giữ sổ sách và đề nghị chia tiền lời của quản lý.

Mỗi uỷ viên trong uỷ ban kiểm soát chịu trách nhiệm đối với hội và đệ tam nhân về những lỗi riêng của mình trong khi thi hành nhiệm vụ. Tuy nhiên, các uỷ viên kiểm soát không chịu trách nhiệm về hành vi của quản lý và kết quả của sự quản lý.

**Điều thứ 234** - Hội trách nhiệm hữu hạn không bị giải tán vì sự cầm quyền, khánh tận, vỡ nợ hay mệnh nột của một hội viên. Tuy nhiên, trong trường hợp mệnh một, hội quy có thể định khác được.

**Điều thứ 235** - Nếu vốn hội bị hụt mất ba phần tư, quản lý phải triệu tập hay hỏi ý kiến các hội viên về việc giải tán hội hay không.

Trong mọi trường hợp, quyết định của các hội viên phải được đăng vào một tờ báo được phép đăng các bố cáo pháp định trong thời hạn một tháng kể từ ngày quyết định.

Nếu quản lý không hỏi ý kiến hay triệu tập các hội viên về việc đó, cũng như trong trường hợp các hội viên không thể quyết nghị hợp lệ, thì bất cứ người quan thiết nào cũng có thể xin tòa án giải tán hội.

## CHƯƠNG THỨ VI

### NHỮNG HỘI CỘNG TƯ HAY HỘI CỔ PHẦN

**Điều thứ 236** - Những hội cổ phần được chia làm hai loại: hội hợp tư cổ phần hay hội nặc danh.

Hội hợp tư cổ phần gồm có một hay nhiều hội viên thư tư liên đới chịu trách nhiệm vô hạn về mọi trái khoản của hội và những hội viên xuất tư chỉ chịu trách nhiệm trong giới hạn phần hùn của mình dưới hình thức cổ phần. Hội nặc danh gồm có hội viên mệnh danh cổ đông, chỉ chịu trách nhiệm trong giới hạn phần hùn của mình dưới hình thức cổ phần.

# TIẾT I

## ĐIỀU KHOẢN CHUNG

**Điều thứ 237** - Vốn của hội cổ phần chia thành cổ phần.

Mệnh giá của mỗi cổ phần phải là một ngàn đồng hay bội số của ngàn đồng.  
Các cổ phần không được phát hành dưới mệnh giá đã ấn định.

**Điều thứ 238** - Hội chỉ có thể được thành lập sau khi vốn hội đã được ký thuận mua đủ số và những người ký thuận mua cổ phần đã đóng bằng tiền mặt ít nhất một phần tư giá ngạch cổ phần mà họ muốn mua.

Thời hạn phải đóng đủ chậm nhất là năm năm kể từ ngày hội được thành lập hẳn.  
Những phần hùn bằng hiện vật phải đóng đủ ngay khi lập hội.

**Điều thứ 239** - Nếu có sự gọi vốn trong công chúng thì chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước khi gọi hùn vốn, sáng lập viên phải ký nạp tại phòng lục sự toà án nơi trụ sở hội một bản dự thảo hội quy và bản danh sách ghi tên họ, địa chỉ và nghề nghiệp của sáng lập viên. Phòng lục sự sẽ cấp giấy biên nhận làm bằng.

Dự thảo hội quy lập dưới hình thức công chứng thư hay tư chứng thư.

**Điều thứ 240** – Khế ước ký thuận mua cổ phần được chứng nhận bằng một phiếu do người ký thuận hay thụ ủy của người này ký tên, phiếu đó phải ghi :

- 1) tên hội;
- 2) trụ sở hội;
- 3) đối tượng của hội.
- 4) số vốn gọi hùn; ghi rõ phần vốn bằng tiền mặt, phần vốn hùn bằng hiện vật.
- 5) nơi ký thác nơi đóng của những người ký thuận mua cổ phần;
- 6) ngày, tháng, năm ký nạp hội quy và danh sách các sáng lập viên tại phòng lục sự.

Một bản phiếu ký thuận mua lập trên giấy thường được giao cho người ký thuận và việc này phải ghi chú vào bản chính phiếu ký thuận.

**Điều thứ 241** – Sáng lập viên phải đem ký thác những số tiền đóng của các hội viên vào quỹ cung thác hay một trương mục đặc biệt mở ở một ngân hàng với danh sách những người đã ký thuận mua cổ phần và số tiền mà mỗi người đã đóng.

Hội chỉ có thể lấy số tiền này ra sau khi hội đã được chính thức thành lập.

**Điều thứ 242** – Sau thời hạn sáu tháng kể từ ngày ký nạp dự thảo hội quy tại phòng lục sự, nếu hội không thành lập thì mỗi người đã ký thuận mua cổ phần có thể xin toà khản cấp chỉ định một hội viên quản tài có nhiệm vụ lấy ra khỏi quỹ cung thác hay ngân hàng số tiền ký thác và hoàn lại cho các đương sự sau khi đã trừ các sở phí phân chia của viên quản tài.

**Điều thứ 243** – Sau khi tổng số cổ phần đã được ký mua đầy đủ và những người ký thuận mua đã đóng tiền theo luật định, quản lý trong hội hợp tư cổ phần, sáng lập viên trong hội nặc danh phải lập tờ khai về việc trên trước chường khế.

Tờ khai có kèm các tài liệu sau đây:

- bản danh sách những người ký thuận mua cổ phần;
- bản liệt kê số tiền đóng của mỗi người ;
- một bản chính hội quy nếu là tư chứng thư hoặc bản toàn sao hội quy, nếu chường khế nhận lời khai không phải là chường khế đã lập hội quy hay tiếp nhận hội quy.

Chường khế phải đòi xuất trình những phiếu ký thuận mua cổ phần và biên lai ký thác tiền.

**Điều thứ 244** – Sau khi lập tờ khai nói ở điều trên, quản lý hay sáng lập viên sẽ triệu tập một đại hội đồng sáng lập duy nhất, nếu vốn hội gồm toàn bằng tiền mặt, hoặc hai đại hội đồng sáng lập liên tiếp, nếu có phần hùn bằng hiện vật hay nếu hội quy có dự liệu những đặc lợi cho một vài hội viên. Nhiệm vụ của các đại hội đồng này được ấn định trong các điều 245 và kế tiếp.

Cổ đông nào cũng có quyền tham dự đại hội đồng sáng lập với số thăm ấn định trong hội quy, nhưng số thăm này không được quá mười.

Muốn có giá trị, các phiên họp của đại hội đồng sáng lập phải gồm một số hội viên tiêu biểu cho hơn nửa số vốn hội bằng tiền mặt và các quyết định của đại hội đồng này phải được trên nửa số thăm của các hội viên có mặt.

**Điều thứ 245** - Đối với hội hợp tư cổ phần, đại hội đồng sáng lập duy nhất sẽ do quản lý triệu tập ngay sau khi lập tờ khai tại phòng chường khế và trước khi bắt đầu hoạt động.

Đại hội đồng có nhiệm vụ cử một hội đồng giám thị.

Hội đồng giám thị này ngay sau khi được cử, phải kiểm soát xem những điều khoản quy định việc thành lập hội hợp tư cổ phần có được tôn trọng không.

**Điều thứ 246** - Đối với hội nặc danh, đại hội đồng sáng lập duy nhất sẽ do sáng lập viên triệu tập. Đại hội đồng kiểm soát sự thành thật lời khai của sáng lập viên trước chường khế, chấp thuận hội quy, cử hội đồng quản trị đầu tiên, cử các ủy viên kiểm toán cho niên khóa đầu tiên của hội.

Biên bản của phiên họp đại hội phải ghi sự ưng thuận lãnh nhiệm vụ của các nhân viên hội đồng quản trị và ủy viên kiểm toán.

**Điều thứ 247** - Hội hợp tư cổ phần được coi là chính thức thành lập kể từ lúc quản lý đã lập tờ khai trước chương khế nói ở điều 243.

Hội nặc danh được coi là chính thức thành lập kể từ lúc các nhân viên hội đồng quản trị và ủy viên kiểm toán ưng thuận lãnh nhiệm vụ nói ở điều 246.

**Điều thứ 248** – Trong trường hợp vốn của hội có phần hùn bằng hiện vật hay hội quy có dự liệu cấp cho một vài hội viên một đặc lợi nào, đại hội đồng sáng lập được triệu tập lần thứ nhất sẽ cử một hay nhiều ủy viên hỗ phần để trị giá phần hùn bằng hiện vật hay thẩm xét lý do cấp đữ đặc lợi.

**Điều thứ 249** - Ủy viên hỗ phần làm tờ trình trong thời hạn do đại hội ấn định. Tờ trình này phải được in và để tại trụ sở hội cho các cổ đông tiện cứu xét, chậm nhất là tám ngày chẵn trước phiên họp của đại hội đồng sáng lập triệu tập lần thứ hai.

**Điều thứ 250** - Đại hội đồng sáng lập họp lần thứ hai biểu quyết chấp thuận phần hùn bằng hiện vật hay đặc lợi.

Đại hội cũng thảo luận và chấp thuận hội quy, cử hội đồng giám thị nếu là hội hợp tư cổ phần, hay cử hội đồng quản trị, ủy viên kiểm toán, nếu là hội nặc danh.

**Điều thứ 251** - Định túc số dự liệu ở điều 44 đoạn 2 và 3 được áp dụng trong các phiên họp của đại hội nói ở điều 248 và 250. Trong định túc số chỉ kể đến vốn góp bằng tiền mặt mà thôi. Các cổ đông hùn bằng hiện vật hay được đề nghị hưởng đặc lợi được phép dự phiên họp của đại hội, nhưng không có quyền bỏ thăm.

**Điều thứ 252** - Nếu phần hùn bằng hiện vật hay đặc lợi không được đại hội chấp thuận, hội được coi như không thành lập.

Sự chấp thuận của đại hội không làm trở ngại việc sử hành sau này tố quyền căn cứ vào nguyên nhân khí trá hay gian lận.

**Điều thứ 253** – Trong trường hợp tăng vốn, quản lý trong hội hợp tư cổ phần, hội đồng quản trị trong hội nặc danh, phải ghi riêng, từng phần vốn hùn bằng tiền mặt, từng phần vốn hùn bằng cách hoán cải những hội trái ra cổ phần, nếu có.

**Điều thứ 254** –

1) Không được cử làm ủy viên cổ phần, người phối ngẫu hay thân thuộc, thích thuộc trực hệ với bất cứ đến bậc nào và hàng hệ kế đến và kể cả chú, bác, cô, dì, cậu, cháu:

- của người hùn bằng hiện vật;
- của sáng lập viên, khi hội mới thành lập;
- của quản lý hoặc quản trị viên khi hội tăng vốn.

2) Cũng không được cử làm ủy viên hỗ phần, những người vì một chức vụ gì, lãnh lương bất cứ dưới hình thức nào:

- a) của người hùn bằng hiện vật;
- b) của sáng lập viên hay một hội khác đã ký thuận hùn một phần mười vốn hội khi mới thành lập.

3) Cũng như không được cử làm ủy viên hồ phần, trong trường hợp tăng vốn, những người nào lãnh lương bất cứ dưới hình thức nào:

- a) của quản lý hay quản trị viên của chính hội;
  - b) của quản lý hay quản trị viên của một doanh nghiệp có một phần mười vốn của hội;
  - c) của quản lý hay quản trị viên của một doanh nghiệp mà hội có một phần mười vốn.
- 4) Cũng không được cử làm ủy viên hồ phần, những người bị cấm hay bị truất quyền giữ chức vụ quản lý hay quản trị.

5) Cũng không được cử làm ủy viên hồ phần, phối ngẫu của tất cả những người kể trên.

Nếu một nguyên nhân bất khả kiêm nhiệm xảy ra trong khi thi hành ủy nhiệm, ủy viên hồ phần phải đình chỉ ngay công việc và phải báo cho quản lý hay sáng lập viên, tùy trường hợp, chậm lắm là mười lăm ngày, kể từ ngày xảy ra nguyên nhân bất khả kiêm nhiệm.

**Điều thứ 255** – Coi là vô hiệu, đối với những người quan thiết hội hợp tư cổ phần hay nặc danh thành lập trái với các điều 237, 238, 239, 240, 241, 242, 243, 248, 249, 250, 251, 252, 253, 260, 261.

Các hội viên không thể đem sự vô hiệu này đối kháng với đệ tam nhân.

**Điều thứ 256** – Khi hội hợp tư cổ phần bị tuyên bố vô hiệu, chiếu theo điều 255 trên, nhân viên của hội đồng giám thị đầu tiên có thể bị trách nhiệm cùng với quản lý về sự thiệt hại do sự vô hiệu này gây ra cho hội hay cho đệ tam nhân.

Cũng như có thể bị trách nhiệm như trên, hội viên nào mà phần hùn bằng hiện vật hay đặc lợi được hưởng, không được kiểm soát và chấp thuận theo như điều 248, 250 trên.

**Điều thứ 258** - Điều 245 ngoại trừ đoạn 1, cũng được áp dụng cho các hội cổ phần.

**Điều thứ 259** – Các cổ phần được thể hiện bằng chứng khoán gọi là cổ phiếu phát hành dưới hình thức vô danh hay ký danh.

Mỗi cổ phần là một đơn vị bất khả phản đối với hội.

**Điều thứ 260** - Cổ phiếu đã đóng tiền được một phần tư có thể được đem nhượng dịch, nhưng phải giữ hình thức ký danh cho đến khi đóng đủ.

Những sở hữu chủ, những người thụ nhượng kế tiếp và những người ký thuận mua cổ phần phải liên đới chịu trách nhiệm về số tiền chưa đóng.

Người ký thuận mua cổ phần hay người cổ đông, khi nhượng lại cổ phần của mình, được hết trách nhiệm sau hai năm kể từ ngày nhượng cổ phần về những số tiền chưa gọi đóng.

**Điều thứ 261** - Những cổ phiếu thuộc về phần hùn bằng hiện vật chỉ có thể được tách khỏi cuống và đem nhượng dịch sau hai năm kể từ ngày hội thành lập hẳn. Trong thời hạn ấy, những cổ phiếu này phải đóng dấu có ghi rõ tính chất bất khả nhượng dịch.

Nếu có sự hợp nhất hội bằng cách sáp nhập một hay nhiều hội vào một hội khác, hay bằng cách tạo lập một hội mới bao gồm một số hội đã có từ trước, hoặc nếu một hội đem hùn một phần tích sản bằng hiện vật của hội vào một hội khác, thì sự cấm đoán nói ở đoạn trên không áp dụng cho những cổ phiếu cấp cho hội cổ phần nào đã được thành lập trên hai năm.

**Điều thứ 262** - Hội quy đầu tiên hay các hội đồng bất thường có thể ấn định một số điều kiện cho việc chuyển dịch những cổ phần ký danh; tuy nhiên không được có điều khoản cho phép hội đồng quản trị được quyền chuyển quyết khước từ việc chuyển dịch không cần viện dẫn lý do, hay không đề nghị một người khác được mua thay thế người bị khước từ.

Nếu hội sử dụng quyền tiên mãi đã được dự liệu thì giá mua không được dưới giá trị thực sự của các cổ phần liên hệ.

**Điều thứ 263** - Những sáng lập viên buộc phải ký thuận mua một số cổ phần, giá ngạch tổng số các cổ phần của tất cả các sáng lập viên ít nhất một năm một lần.

Những đại hội đồng này là đại hội đồng thường lệ.

**Điều thứ 264** - Hội quy có thể dự liệu phiên họp định kỳ của đại hội đồng các cổ đông, nhưng đại hội đồng các cổ đông phải được triệu tập ít nhất một năm một lần.

Những đại hội đồng này là đại hội đồng thường lệ.

**Điều thứ 265** – Trong thời hạn ít nhất là mười lăm ngày trước ngày họp đại hội đồng thường lệ, các cổ đông có thể đích thân hay nhờ đại diện xem và ghi chép bảng tổng kê tài sản, bảng kết toán đối chiếu, trương mục lỗ lãi và tờ trình của hội đồng giám thị hay của ủy viên kiểm toán.

**Điều thứ 266** - Đại hội đồng thường lệ phải gồm một số cổ đông tiêu biểu ít ra cho một phần tư vốn hội. Nếu định túc số đó không đủ, đại hội sẽ được triệu tập lần thứ hai. Đại hội đồng này có quyền thảo luận hợp lệ mặc dầu số vốn hội được tiêu biểu là bao nhiêu.

Ngày họp của đại hội đồng sau phải cách ngày họp của đại hội đồng trước ít nhất là 30 ngày.

**Điều thứ 267** - Đại hội đồng thường lệ được triệu tập bằng thư bảo đảm có biên nhận hay bằng bố cáo trên một tờ báo được phép đăng các bố cáo pháp định. Bố cáo này phải được đăng hai lần, lần sau cách lần trước ít nhất là tám ngày và lần thứ hai phải đăng trước ngày họp ít nhất là mười lăm ngày.

**Điều thứ 268** - Việc triệu tập đại hội đồng thường lệ thuộc nhiệm vụ của quản lý hay của hội đồng quản trị.

Nếu quản lý hay hội đồng quản trị xao lãng hay ở vào trường hợp không thể triệu tập được đại hội, thì hội đồng giám thị hay các ủy viên kiểm toán được quyền triệu tập.

Ngoài ra, trong trường hợp khẩn cấp, cổ đông cũng có thể xin toà cấp thẩm ra án lệnh cử một thụ ủy để triệu tập đại hội.

**Điều thứ 269** - Trong mỗi phiên họp, đại hội đồng thường lệ sẽ lập một tờ kiểm diện trong đó có ghi tên, họ, địa chỉ của các cổ đông có mặt hay được đại diện, cùng số cổ phần của mỗi người. Các cổ đông hay người đại diện có mặt ký tên vào tờ kiểm diện.

Tờ kiểm diện do văn phòng hội đồng chứng thực được lưu trữ tại trụ sở để mọi người xem hoặc chép tại chỗ.

**Điều thứ 270** - Hội quy ấn định số cổ phần tối thiểu của mỗi cổ đông để có quyền dự những phiên họp của đại hội đồng và số thăm dành cho mỗi cổ đông chiếu theo số cổ phần của họ. Tuy nhiên, cổ đông nào có mười cổ phần đều có quyền có một thăm, khi đó, số cổ phần bắt buộc có thể trên mười nhưng không quá hai mươi, dẫu rằng hai mươi cổ phần đó vẫn chưa đủ để tiêu biểu cho 10 phần ngàn vốn hội.

**Điều thứ 271** - Những người có cổ phần dưới số ấn định trong hội quy để được dự đại hội, có thể họp nhau lại để đủ số cổ phần bắt buộc và cử một người trong bọn thay mặt trong đại hội đồng.

**Điều thứ 272** - Cấm không được tạo những cổ phần có quyền có nhiều thăm.

**Điều thứ 273** – Trong những phiên đại hội đồng thường lệ, quyết nghị lấy theo đa số tương đối những lá thăm đã biểu quyết.

**Điều thứ 274** - Nếu muốn thay đổi hội quy, cổ đông viên sẽ được triệu tập để họp thành đại hội bất thường.

Chỉ có quản lý hội hợp tư cổ phần và hội đồng quản trị hội nặc danh được quyền triệu tập đại hội đồng bất thường.

Tuy nhiên, trong trường hợp khẩn cấp và nếu quản lý hay hội đồng quản trị không chịu triệu tập đại hội đồng thì hội đồng giám thị của hội hợp tư cổ phần, ủy viên kiểm toán hội nặc danh có quyền triệu tập đại hội đồng bất thường.

**Điều thứ 275** - Những đại hội đồng bất thường phải có một số cổ đông tiêu biểu ít nhất cho phân nửa số vốn hội. Cổ đông nào cũng có quyền tham dự đại hội đồng bất thường.

Nếu trong phiên họp đầu, định túc số phân nửa không đạt được, thì một đại hội đồng thứ hai sẽ được triệu tập. Việc triệu tập sẽ được loan báo trên một tờ báo được phép đăng bố cáo pháp định xuất bản nơi trụ sở hội, chậm nhất là mười lăm ngày trước ngày họp.

Nếu trong đại hội thứ hai, định túc số vẫn không đủ thì đại hội coi như không thể họp được.

**Điều thứ 276** - Nếu định túc số có đủ trong một phiên họp đại hội đồng bất thường nói ở điều trên thì biểu quyết của đại hội đồng phải được chấp thuận do hai phần ba số phiếu của cổ đông có mặt hay được đại diện.

Các cổ đông có mặt hay đại diện ký tên trên tờ kiểm diện. Mỗi cổ đông có bao nhiêu cổ phần là có từng nấy số thăm.

**Điều thứ 277** - Việc thay đổi hình thức hội, mục tiêu hội cùng gia tăng phần cam kết của các cổ đông phải được toàn thể các cổ đông ưng thuận.

**Điều thứ 278** - Nếu hội lỗ vốn tới ba phần tư vốn hội, quản lý hay hội đồng quản trị phải triệu tập đại hội đồng bất thường, để quyết định có nên giải tán hội hay tiếp tục hoạt động. Quyết định của đại hội phải được công bố.

Trong trường hợp quản lý hay hội đồng quản trị không triệu tập đại hội bất thường, cũng như trong trường hợp đại hội không thành lập hợp lệ được, bất cứ người quan thiết nào cũng có thể xin toà án giải tán hội.

## TIẾT II

# HỘI HỢP TƯ CỔ PHẦN

**Điều thứ 279** - Hội hợp tư cổ phần do một hay nhiều hội viên thụ tư đại diện, những người này phải chịu trách nhiệm về sự vô hiệu của hội do họ thành lập nhất là về việc triệu tập đại hội đồng sáng lập.

**Điều thứ 280** - Hội được quản trị bởi một hay nhiều quản lý chọn trong các hội viên thụ tư: quản lý đầu tiên được chỉ định ngay trong hội quy.

**Điều thứ 281** - Quản lý chỉ có thể bị cất chức vì những lý do chính đáng bởi một quyết định tư pháp.

Toà án thụ lý đơn xin cất chức có thể chỉ định một quản trị viên lâm thời, nếu quyền lợi của hội đòi hỏi.

**Điều thứ 282** - Quản lý có quyền hành rộng rãi để hành động nhân danh hội và làm mọi tác vụ có liên quan đến mục tiêu của hội, trừ những vấn đề được dành cho đại hội đồng cổ đông quyết định.



Trong trường hợp có nhiều quản lý, mỗi quản lý có quyền hành động riêng biệt, trừ những điều khoản trái ngược của hội quy.

Quản lý không thể ủy thác nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, họ có thể ủy thác một phần nhiệm vụ của mình cho giám đốc hay đệ tam nhân, là cổ đông hay không phải là cổ đông.

**Điều thứ 283** – Lương bổng của quản lý do hội quy hay do đại hội đồng cổ đông ấn định.

**Điều thứ 284** - Những điều khoản của các điều 306, 310 sau khi áp dụng cho các quản lý và hội đồng giám thị.

**Điều thứ 285** – Các hội hợp tư cổ phần nào thành lập không theo đúng các điều khoản luật định đều bị coi là vô hiệu đối với người quan thiết. Các hội viên thụ tư không thể đối kháng sự thể vô hiệu đó với đệ tam nhân.

**Điều thứ 286** - Hội đồng giám thị do đại hội đồng sáng lập chỉ định theo các điều 245, 250 trên, và gồm có ít nhất ba cổ đông. Hội đồng giám thị được bầu lại trong đại hội đồng cổ đông thường niên theo kỳ hạn và điều kiện ấn định trong hội quy.

Tuy nhiên, hội đồng giám thị đầu tiên chỉ có thể được chỉ định cho một thời gian là một năm, hội đồng này có thể được bầu lại, trừ phi hội quy định khác.

**Điều thứ 287** – Nhân viên hội đồng giám thị có nhiệm vụ kiểm soát sổ sách, ngân quỹ, chứng khoán của hội, nhưng không được can thiệp vào công việc quản lý hội.

**Điều thứ 288** - Hội đồng giám thị không chịu trách nhiệm về công việc quản lý hội.

Mỗi nhân viên hội đồng giám thị chịu trách nhiệm theo thường luật về những lỗi cá nhân trong khi thi hành nhiệm vụ. Họ chỉ chịu trách nhiệm dân sự về các tội phạm của quản lý, nếu biết rõ tội phạm đó mà không cáo giác trong tờ trình đại hội cổ đông.

**Điều thứ 289** - Mỗi năm hội đồng giám thị làm một tờ trình cho đại hội đồng cổ đông. Tờ trình này ghi những việc bất hợp lệ hay những sai lầm trong bảng tổng kê tài sản hội và lâm thời, những lý do phản đối việc phân chia tiền lời do quản lý đề nghị.

**Điều thứ 290** - Hội đồng giám thị có thể triệu tập đại hội đồng cổ đông bất thường và chiếu ý kiến của đại hội, xin toà án giải tán hội.

**Điều thứ 291** – Trong giữa niên khoá, nếu một hay vài nhân viên trong hội đồng giám thị mắc bệnh hay từ chối thi hành nhiệm vụ, hoặc nếu đại hội đồng thường niên đã quên không chỉ định hội đồng giám thị mới, bất cứ người quan thiết nào cũng có quyền xin chánh án toà nơi trụ sở hội cử người thay thế sau khi nghe quản lý trình bày.

**Điều thứ 292** - Đại hội đồng thường lệ có nhiệm vụ xét và chấp nhận những bản kế toán của quản lý, quyết định về việc phân chia tiền lời, cử hội đồng giám thị, quyết định về những vấn đề vượt thẩm quyền của quản lý.

**Điều thứ 293** - Những hội viên thụ tư nếu có cổ phần có quyền được bỏ thăm trong đại hội đồng cổ đông.

**Điều thứ 294** - Những tổ quyền tuyên định trách nhiệm của quản lý, nhân viên hội đồng giám thị, bị thời tiêu sau ba năm kể từ ngày xảy ra những sự kiện phát sinh tổ quyền, dầu rằng những sự kiện này không phải là vi phạm hình luật.

Tuy nhiên, nếu những sự kiện ấy là trọng tội, thời hiệu là mười năm.

Tổ quyền nhằm mục đích đòi bồi thường về sự thiệt hại gây ra cho hội, căn cứ vào những sự kiện hay những trường hợp do tờ trình của quản lý hay của hội đồng giám thị cáo giác trước đại hội đồng cổ đông phải sử dụng trong thời hạn một năm, kể từ ngày họp đại hội đồng nói trên, nếu không thì bị tiêu diệt.

Những điều khoản của điều này áp dụng cả cho hội nặc danh, đối với chủ tịch kiêm tổng giám đốc và ủy viên kiểm toán.

## **TIẾT III**

# **HỘI NẶC DANH**

**Điều thứ 295** - Hội nặc danh chỉ được thành lập nếu hội có số hội viên từ bảy người trở lên.

**Điều thứ 296** - Hội nặc danh do một hội đồng quản trị gồm có ít nhất ba và nhiều nhất mười hai nhân viên. Những nhân viên này là những thụ ủy hữu hạn và có thể bị truất bãi: họ có thể được hưởng tiền thù lao.

**Điều thứ 297** - Nhân viên hội đồng quản trị phải là sở hữu chủ một số cổ phần do hội quy ấn định.

Những cổ phần dùng để bảo đảm những hành vi quản trị của họ, và ngay cả những hành vi riêng của mỗi nhân viên.

Những cổ phần này phải ký danh, bất khả chuyển nhượng mang dấu ghi tính cách này và ký thác tại quỹ hội.

**Điều thứ 298** - Hội đồng quản trị đầu tiên do đại hội đồng sáng lập cử; sau đó, việc cử hội đồng quản trị thuộc thẩm quyền đại hội đồng thường niên.

Nhiệm kỳ của hội đồng quản trị do đại hội đồng sáng lập hay đại hội đồng thường niên cử không được quá sáu năm.

Tuy nhiên, hội đồng quản trị đầu tiên có thể được cử ngay trong hội quy; trong trường hợp này nhiệm kỳ của hội đồng quản trị không được quá ba năm.

Nhân viên của hội đồng quản trị có thể được tái cử, trừ phi hội quy định khác.

**Điều thứ 299** - Nhiệm vụ giao phó cho nhân viên quản trị có tính cách một sự ủy thác, có thể bị chấm dứt vì những lý do thông thường phế bỏ sự ủy thác và nhất là có thể bị truất bãi bất cứ lúc nào.

**Điều thứ 300** - Hội đồng quản trị bầu trong số quản trị viên một chủ tịch theo đa số tuyệt đối. Hội đồng có thể bất cứ lúc nào truất bãi nhiệm vụ ấy theo đa số nói trên.

**Điều thứ 301** - Chủ tịch hội đồng quản trị phải là thể nhân; chủ tịch điều khiển hội với tư cách chủ tịch kiêm tổng giám đốc và chịu trách nhiệm với tư cách ấy. Chủ tịch có thể đề nghị lấy một người trong hay ngoài hội đồng quản trị làm tổng giám đốc để phụ tá dưới trách nhiệm của mình. Ngoài ra không một nhân viên hội đồng quản trị nào khác được quyền điều khiển hội.

**Điều thứ 302** – Trong trường hợp bị cản trở không điều khiển được hội, chủ tịch kiêm tổng giám đốc có thể ủy thác tất cả hay một phần quyền hạn cho một nhân viên trong hội đồng. Sự ủy quyền này phải có hạn kỳ và có thể tái tục.

Nếu chủ tịch ở trong tình trạng bất năng tạm thời không thể làm việc ủy quyền ấy được, hội đồng quản trị sẽ đương nhiên thay thế làm việc này, theo điều kiện nói ở trên.

**Điều thứ 303** – Không ai có thể đồng thời làm chủ tịch 2 (hai) công ty hoặc làm nhân viên hội đồng quản trị quá 6 (sáu) công ty.

**Điều thứ 304** - Cuối mỗi niên khoá, hội đồng quản trị có nhiệm vụ lập tờ trình về tình hình hội và cuối mỗi năm bảng tổng kê tài sản, đối chiếu biểu, mục lỗ lãi để trình đại hội đồng thường niên.

**Điều thứ 305** – Hàng năm, hội phải trích trên số lời ròng ít nhất năm phần trăm để lập quỹ dự trữ.

Việc trích tiền nói trên không bắt buộc nữa, khi quỹ dự trữ lên tới một phần mười vốn hội.

**Điều thứ 306** - Mọi khế ước ký kết giữa hội với một nhân viên quản trị, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp, hoặc nhờ người khác đứng tên, phải được phép trước của hội đồng quản trị, ủy viên kiểm toán phải được cáo tri.

Cũng phải tuân theo thể thức nói trên, những khế ước ký kết giữa hội với một doanh nghiệp khác, nếu một nhân viên quản trị của hội là sở hữu chủ, hội viên hợp danh quản lý, quản trị hay giám đốc của doanh nghiệp ấy. Nhân viên quản trị ở vào những trường hợp này phải khai trình với hội đồng quản trị, ủy viên kiểm toán phải được cáo tri.

Những điều khoản trên không áp dụng cho những khế ước thông thường thuộc về những tác vụ của hội với khách hàng của hội.

Các quản trị viên của hội trừ phi quản trị viên là pháp nhân, được vay tiền của hội, bất cứ dưới hình thức nào, được mở trương mục vãng lai có thâm chi với hội hay nhờ hội đứng bảo lãnh hay bảo đảm cho những cam kết của họ với đệ tam nhân.

Tuy nhiên, nếu hội khai thác thương nghiệp ngân hàng, sự cấm chỉ trên không áp dụng cho những tác vụ thông thường của thương nghiệp này.

**Điều thứ 307** - Chủ tịch tổng giám đốc được coi là thương gia trước luật khánh tận. Nếu hội bị tuyên án khánh tận, sự truất quyền định trong luật về khánh tận được áp dụng cho chủ tịch tổng giám đốc như trên sẽ nói ở điều 1006 và kế tiếp. Nếu chủ tịch tổng giám đốc chứng minh được là sự khánh tận của hội không do những lỗi nặng của mình, toà án có thể miễn áp dụng sự truất quyền nói trên cho đương sự.

Trong trường hợp chủ tịch tổng giám đốc ủy tất cả hay một phần quyền hành của mình cho một quản trị viên, chiếu theo điều 302, người được ủy nhiệm phải gánh chịu trách nhiệm ghi ở điều này thay thế cho chủ tịch và trong phạm vi các quyền hạn được ủy nhiệm.

**Điều thứ 308** - Số ủy viên kiểm toán trong hội nặc danh có thể là một hay nhiều người, nhưng không được quá ba người.

Những điều khoản của điều 254 nói về những người bị cấm không được làm ủy viên hồ phần được áp dụng cho việc chọn ủy viên kiểm toán.

Nhiệm kỳ của ủy viên kiểm toán đầu tiên do đại hội đồng sáng lập cử là một năm; sau đó, mỗi năm, đại hội đồng thường lệ sẽ cử ủy viên kiểm toán.

Đối với những hội nặc danh có gọi vốn công cộng, ít nhất một trong các ủy viên kiểm toán phải chọn một trong danh sách do một ủy ban đặt tại trụ sở toà thượng thẩm nơi có trụ sở hội thiết lập.

Ủy ban này gồm có 4 nhân viên:

- 1) Chánh nhất hay hội thẩm tòa thượng thẩm, chủ tịch và có quyền tài quyết;
- 2) Hai thẩm phán sơ thẩm, do chánh nhất chỉ định mỗi năm;
- 3) Giám đốc nha hay trưởng ty trước bạ nơi trụ sở tòa thượng thẩm.

Nếu đại hội đồng cổ đông của một hội gọi góp vốn công cộng, không chỉ định một ủy viên kiểm toán chọn trong danh sách nói trên, cổ đông nào cũng có thể thỉnh cầu chánh án cấp thẩm cử một người chọn trong danh sách ấy, những đại diện của hội phải được triệu thỉnh ra trước chánh án, ủy viên được chỉ định có đủ quyền hành của một ủy viên do đại hội đồng cử; nhiệm kỳ là một năm.

Một sắc lệnh sẽ ấn định thủ tục lập danh sách những ủy viên kiểm toán và những điều kiện kỷ luật áp dụng cho những ủy viên kiểm toán được lựa chọn.

**Điều thứ 309** - Ủy viên kiểm toán có nhiệm vụ kiểm soát sổ sách, ngân quỹ, chứng khoán và tài sản của hội, cùng cứu xét tính cách chân thật của các bảng tổng kê tài sản, đối chiếu biểu mục lỗ

lãi, tờ trình của hội đồng quản trị về tình hình hội trước đại hội đồng cổ đông. Họ có thể bất cứ lúc nào thi hành mọi việc kiểm soát mà họ xét ra là cần thiết.

Để có đủ tài liệu làm tờ trình trước đại hội đồng, hội đồng quản trị phải đệ bảng tổng kê tài sản, đối chiếu biểu, mục lỗ lãi cho ủy viên kiểm soát sử dụng ít nhất là bốn mươi ngày trước ngày họp đại hội.

**Điều thứ 310** - Trước đại hội đồng, ủy viên kiểm toán phải lập tờ trình về việc thi hành nhiệm vụ của mình và phải cho biết những điều bất hợp lệ hay lầm lỗi đã khám phá được.

Ủy viên kiểm toán phải làm một tờ trình riêng về những tác vụ nói ở điều 306 trên.

**Điều thứ 311** - Ủy viên kiểm toán có thể triệu tập đại hội đồng trong trường hợp khẩn cấp.

**Điều thứ 312** - Nếu đại hội đồng không cử ủy viên kiểm toán hay nếu một hay nhiều ủy viên kiểm toán đã được chỉ định, bị cản trở hay từ chối, bất cứ người quan thiết nào cũng có thể xin chánh án tòa sơ thẩm nơi trụ sở hội chỉ định ủy viên kiểm toán mới hay thay thế sau khi mời các nhân viên hội đồng quản trị đến để hỏi ý kiến.

Ủy viên kiểm toán được chỉ định thay thế chỉ có thể thi hành nhiệm vụ trong thời hạn còn lại cho đến khi hết nhiệm kỳ của quỹ viên cũ.

**Điều thứ 313** - Đối với hội, ủy viên kiểm toán là người thụ ủy chịu trách nhiệm theo thường luật về những lỗi cá nhân khi thừa hành ủy nhiệm. Ủy viên kiểm toán không chịu trách nhiệm về những hành vi của người điều khiển hội và hậu quả của những hành vi này.

Ngoài ra, ủy viên kiểm toán sẽ chịu trách nhiệm theo hình luật như ở điều 331.

**Điều thứ 314** - Ủy viên kiểm toán chỉ có thể làm quản trị viên của hội mà họ kiểm soát ít nhất là ba năm sau khi hết ủy nhiệm.

Để thi hành điều khoản trên, coi như là hội bị kiểm soát:

- những công ty trong đó hội do ủy viên kiểm toán kiểm soát có ít nhất một phần mười vốn của hội, lúc ủy viên kiểm soát thôi việc;
- những công ty có ít nhất một phần mười vốn của hội, do ủy viên kiểm toán kiểm soát, lúc người này thôi việc.

## CHƯƠNG THỨ VII

### VỀ NHỮNG HỘI CÓ TRỤ SỞ TẠI NGOẠI QUỐC

**Điều thứ 315** - Những thương hội có trụ sở tại ngoại quốc có thể hoạt động trên lãnh thổ Việt nam, trừ phi có luật lệ khác.

**Điều thứ 316** - Trước khi hoạt động, hội phải ký nạp tại phòng lục sự toà sơ thẩm nơi đặt chi nhánh, phân cục hay đại lý, một bản hội quy kèm theo danh sách nhân viên điều khiển của hội tại Việt nam và đồng thời thi hành thủ tục công bố dự liệu ở điều 150, 151.

Những thay đổi về hội quy cũng như về nhân viên điều khiển phải được khai báo và công bố như trên, trong thời hạn một tháng kể từ ngày có sự thay đổi.

**Điều thứ 317** - Nếu hội dời chi nhánh, phân cục hay đại lý tới một nơi thuộc thẩm quyền một toà sơ thẩm khác thì hội phải thi hành các thủ tục ký nạp và công bố như dữ liệu ở điều trên, trong thời hạn một tháng kể từ ngày di dời chi nhánh, phân cục hay đại lý.

**Điều thứ 318** - Hội phải giữ sổ sách kế toán ghi bằng Việt ngữ và bằng đơn vị tiền tệ Việt nam và theo luật định về những nghiệp vụ làm tại Việt nam.

**Điều thứ 319** – Trong thời hạn sáu tháng sau mỗi khi kết thúc tài khoá, hội phải trong một tờ báo được phép đăng các báo cáo pháp định bản lược kê kết quả hoạt động của hội ở Việt nam trong tài khoá kết thúc.

## CHƯƠNG THỨ VIII

### CẤM QUYỀN VÀ TRỪNG PHẠT

**Điều thứ 320** - Sẽ đương nhiên bị cấm quyền điều khiển, quản trị, quản lý những hội cổ phần hay trách nhiệm hữu hạn, hay phân cục, chi cục hoặc đại lý các thương hội này, và bị cấm quyền giữ các chức vụ ủy viên kiểm toán hoặc nhân viên hội đồng giám thị hay ủy ban kiểm soát, những người đã bị kết án nhất định về các về các tội thường luật đại hình hay tiểu hình sau đây: đoạt thiết, sang đoạt, lường gạt hay các tội khác bị hình phạt như tội lường gạt, phá sản, biển thủ của công, sách thủ tiền bạc hay tài vật, phát ngân phiếu không tiền bảo chứng, tội phạm đến tín dụng quốc gia và tội ca trữ tài vật do các phạm pháp trên.

Người bị xử phạt đồng lõa hay toan phạm về các tội trên cũng sẽ bị cấm quyền như chánh phạm.

Trong trường hợp hình phạt tuyên xử bởi một toà án ngoại quốc đã có uy lực tố tụng về một phạm pháp được luật Việt nam coi như một trong những trọng tội hay khinh tội dẫn chiếu ở trên, tòa tiểu hình nơi cư sở của đương sự, theo lời yêu cầu của công tố viện và sau khi đã kiểm tra lại sự hợp pháp thủ tục làm ở ngoại quốc, quyết định sẽ được áp dụng sự cấm quyền nói trên. Người bị kết án phải được gọi ra trần tình, trước khi tòa phán quyết.

Những người vi phạm các sự cấm quyền nói trên sẽ bị xử phạt tù từ 6 tháng đến 2 năm và phạt vạ từ 50.000\$ đến 500.000\$ hay một trong hai hình phạt đó.

Nếu đã bị xử theo điều khoản này thì đương sự không thể làm việc bất cứ với tước vị nào tại thương hội đã dùng người đó. Phạm vào cấm điều này, cả người phạm pháp lẫn chủ nhân đều bị xử phạt như ở đoạn trên.

**Điều thứ 321** - Quản lý hay chủ tịch tổng giám đốc bị phạt vạ năm ngàn đồng về mỗi lần vi phạm điều 155, không kể là chi nhánh có thể bị tòa án ra lệnh đóng cửa cho đến khi thi hành đầy đủ các thể thức ký nạm và công bố dự liệu ở điều ấy.

Mọi vi phạm điều 159 sẽ bị phạt vạ từ 500\$ đến 5.000\$.

## TIẾT I

### HỘI TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

**Điều thứ 322** - Bị phạt vạ từ năm ngàn đồng đến một trăm ngàn đồng và phạt tù từ mười lăm ngày đến sáu tháng, hay một trong hai hình phạt ấy:

- a) Những sáng lập viên hội trách nhiệm hữu hạn đã khai man trong chứng thư lập hội về việc phân chia các hội phần cho các hội viên và số tiền đóng góp cho những hội phần này;
- b) Quản lý, hoặc trực tiếp hoặc do trung gian, kêu gọi công chúng mua giá khoán do hội phát hành.

**Điều thứ 323** - Phải chịu những hình phạt dự liệu cho tội lường gạt ở Bộ hình luật:

- a) Những người đã dùng những mảnh khốe gian xảo khiến phần hùn bằng hiện vật được tính một giá cao hơn giá trị thực của nó;
- b) Quản lý không có lập những bảng tổng kê tài sản của hội hay dùng những bảng tổng kê lập một cách gian trá để chia tiền lời giả tạo;
- c) Quản lý đã cố ý trình bày cho các hội viên bản kết toán đối chiếu không đúng sự thật để che đậy tình trạng thực sự của hội, dầu là không có chia tiền lời;
- d) Quản lý đã gian tình lợi dụng tài sản, uy tín của hội cùng quyền hành của mình để làm những việc mà họ biết trái với quyền lợi của hội, nhưng lợi cho họ hay cho một hội mà họ có quyền lợi trực tiếp hay gián tiếp.

Các nhân viên trong ủy ban kiểm soát không chịu trách nhiệm dân sự về những lỗi của quản lý trừ phi họ biết mà không tố giác ra trong tờ trình lên đại hội.

## TIẾT II

### HỘI CỘNG TƯ HAY HỘI CỔ PHẦN

**Điều thứ 324** - Việc phát hành những cổ phần hay những phân số của cổ phần của một hội thành lập trái với các điều 239, 240, 241, 242, 243, 244, 245, 246, 247, 248, 249, 250, 251, 252, 253, 272 sẽ bị phạt vạ từ một trăm ngàn đồng đến năm trăm ngàn đồng.

Cũng phải chịu hình phạt trên:

- a) Quản lý trong hội hợp tư cổ phần đã khởi sự làm những nghiệp vụ của hội, trước khi hội đồng giám thị nhận chức;
- b) Những người dùng cổ phần hay phân số của cổ phần không thuộc quyền sở hữu của mình để dự cuộc bỏ phiếu trong một đại hội đồng; những người này còn có thể buộc phải bồi thường thiệt hại, nếu có, cho hội hay cho đệ tam nhân;
- c) Những người đã trao những cổ phần hay phân số cổ phần cho người khác để sử dụng như nói ở trên.

Trong trường hợp dự liệu ở đoạn b/ và c/ trên, can phạm còn có thể bị phạt tù từ mười lăm ngày đến sáu tháng.

**Điều thứ 325** - Phải chịu những hình phạt dự diêu ở điều 405 Bộ hình luật, chưa kể là vẫn có thể bị truy tố về tội lường gạt ở Bộ hình luật :

a) Những người trong tờ khai trước chương khế dự liệu ở điều 243, đã đoán quyết là những dự dính vốn hội là thành thật và chân thực, nhưng họ biết những dự dính ấy là giả tạo, hoặc đã khai là các người dự dính đã đóng góp theo luật định, nhưng kỳ thực những người này thực sự chưa đóng góp hay chưa đóng góp đủ;

b) Những người lừa dối hay toan lừa dối công chúng để họ dự dính vốn hội hay đóng tiền:  
- Giả tạo những việc dự dính hay đóng tiền;  
- Công bố thời gian ý những việc dự dính hay đóng tiền giả tạo hay những sự kiện giả tạo;  
- Công bố với gian ý và trái ngược với sự thực tên những người mà họ nói man là có liên quan tới hội, bất cứ với danh nghĩa gì.

c) Quản lý trong hội hợp tư cổ phần, quản trị viên trong hội nặc danh đã chi tiền lời giả tạo, mà không có lập những bảng tổng kê tài sản của hội hay dùng những bảng tổng kê đã lập một cách gian trá.

d) Quản lý hay quản trị viên đã cố ý trình bày cho đại hội đồng cổ đông bảng kết toán đối chiếu không đúng sự thật để che đậy tình trạng thực sự của hội, mặc dầu là không có chia cổ tức.

e) Quản lý hay quản trị viên nào đã lợi dụng uy tín, tài chánh của hội cùng quyền hành để làm những việc mà họ biết trái với quyền lợi của hội, nhưng lợi cho họ hay một hội mà họ có quyền lợi trực tiếp hay gián tiếp.

**Điều thứ 326** - Bị phạt vạ từ một trăm ngàn đồng đến năm trăm ngàn đồng, ủy viên hõ phân nào nhận nhiệm vụ hay tiếp tục thi hành ủy nhiệm mặc dầu biết mình ở trong trường hợp bất khả kiêm nhiệm nói ở điều 254.



Những quyết định của đại hội đồng sáng lập căn cứ trên tờ trình của ủy viên hồ phần được cử hay lưu tại chức trái với điều 254 trên không thể bị hủy bỏ vì lý do vi phạm vào điều ấy.

**Điều thứ 327** - Việc nhượng dịch cổ phần hay phân số cổ phần mà mệnh giá hay hình thức trái với các điều 237, 260, 261 bị phạt từ năm ngàn đồng đến năm mươi ngàn đồng. Mọi sự tham dự vào việc nhượng dịch này cũng bị phạt như trên.

**Điều thứ 328** - Mọi vi phạm vào các điều 303, 308 đoạn 3, 314 bị phạt vạ từ một trăm ngàn đồng đến năm trăm ngàn đồng.

**Điều thứ 329** - Bị phạt vạ từ một trăm ngàn đồng đến năm trăm ngàn đồng, quản trị viên hay quản lý không gọi đúng số vốn của hội theo điều kiện ấn định ở điều 328 đoạn 2 trên.

**Điều thứ 330** - Sự vi phạm điều 316 sẽ bị phạt vạ từ năm ngàn đồng đến năm mươi ngàn đồng.

**Điều thứ 331** - Bị phạt tù từ một năm đến ba năm và phạt vạ từ một trăm ngàn đồng đến năm trăm ngàn đồng hay một trong hai hình phạt ấy, ủy viên kiểm toán nào đã tri tình cung cấp hay công nhận những tin tức dối trá về tình hình hội, hay đã không tố cáo với đại hội những lạm dụng của các quản trị viên.

Những hình phạt về tiết lộ bí mật nghề nghiệp dự liệu hình thành trong hình luật áp dụng cho ủy viên kiểm toán.

## CHƯƠNG THỨ IX

### NHỮNG HỘI CÓ VỐN KHÔNG NHỨT ĐỊNH

**Điều thứ 332** - Bất cứ hội cổ phần nào cũng có thể dự liệu trong hội quy rằng vốn hội sẽ không nhứt định mà có thể gia tăng, do hội viên đóng góp thêm hoặc do hội viên mới gia nhập, hay giảm thiểu do hội viên rút ra tất cả hay một phần số vốn đã góp vào hội.

**Điều thứ 333** - Những hội thành lập với điều lệ trên, ngoài những thể lệ chung chi phối hội ấy, sẽ phải tuân theo những thể lệ đặc biệt dưới đây:

**Điều thứ 334** - Hội quy phải ấn định một số tiền tối thiểu, tới mức đó hội viên không thể rút vốn ra được nữa.

Số tiền này ít ra phải bằng một phần tư (1/4) vốn của hội ấn định trong hội quy.

Hội chỉ được coi như thực sự thành lập khi một phần tư (1/4) số vốn đã đóng đủ.

**Điều thứ 335** – Các cổ phần và phân số cổ phần đều phải ký danh, dấu rằng giá tiền đã đóng đủ và chỉ có thể chuyển nhượng sau khi hội được thật sự thành lập. Sự chuyển nhượng chỉ được thực hiện bằng cách ghi trong sổ sách của hội.

Hội quy có thể định rằng sự chuyển nhượng phải được hội đồng quản trị cho phép trước.

**Điều thứ 336** - Mỗi hội viên có thể tùy ý ra khỏi hội, tuy nhiên hội viên sẽ không được quyền này nếu do sự ra hội, vốn hội sẽ bị giảm xuống dưới mức tối thiểu định ở điều 334.

**Điều thứ 337** - Nếu có dự liệu trong hội quy, đại hội đồng cũng có thể, với đa số ấn định cho sự việc thay đổi nội quy, khai trừ một hội viên ra khỏi hội.

**Điều thứ 338** – Trong hai trường hợp trên, hội viên vẫn phải chịu trách nhiệm trong thời hạn ba năm về những nghĩa vụ hiện hữu khi ra hội, đối với các hội viên khác và các người đệ tam.

**Điều thứ 339** - Bất kể là được thành lập dưới hình thức nào, hội cũng sẽ do các quản trị viên đại diện trước Toà án.

## MỤC LỤC \* QUYỂN 1 \* QUYỂN 3 \* QUYỂN 4 \* QUYỂN 5

### **BỘ THƯƠNG LUẬT - VNCH - Quyển 3**

31 August 2012

Hits: 7007

#### *QUYỂN THỨ BA*

#### **NHỮNG HÀNH VI THƯƠNG MẠI**

## **CHƯƠNG THỨ NHỨT**

### **CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**Điều thứ 340** – Hành vi thương mại là những hành vi chế tạo, lưu chuyển, trung gian có mục đích kiếm lời trực tiếp hay gián tiếp, trừ những ngoại lệ do Bộ luật này hoặc các luật lệ đặc biệt quy định.

**Điều thứ 341** – Các hành vi pháp lý có tính cách thương mại hoặc vì bản chất hoặc vì hình thức hay vì phụ thuộc vào thương nghiệp.

**Điều thứ 342** - Được xem như hành vi thương mại với tính cách chỉ dẫn:

- sự khai thác hầm mỏ và nguyên liệu,
- sự chế tạo và biến chế mọi sản phẩm kỹ nghệ,
- sự mua để bán lại và cho thuê các tài vật và hàng hoá bất cứ loại gì,
- các nghiệp vụ ký kho và tồn trữ hàng hoá,

- mọi việc chuyên chở hành khách, tài vật và hàng hoá,
- các nghiệp vụ bảo hiểm dưới mọi hình thức,
- các nghiệp vụ hối đoái, ngân hàng, giao dịch chứng khoán,
- các nghiệp vụ trung gian, trọng mãi, đại diện, đại lý thương mại,
- các doanh nghiệp cung cấp vật liệu, dịch vụ xây cất, giải trí công cộng, xuất bản, truyền tin, truyền hình.

**Điều thứ 343** – Cũng được xem như hành vi thương mại:

- việc đóng thuyền tàu và phi cơ,
- sự chuyên chở hàng hải và hàng không,
- mua bán hay thuê mướn thuyền tàu, phi cơ để dùng trong sự giao thông quốc nội hay quốc ngoại,
- mọi khế ước thủy vận và không vận.

**Điều thứ 344** - Sự phát hành hối phiếu bất kể trong trường hợp nào đều là một hành vi thương mại.

**Điều thứ 345** – Có tính cách thương mại, mọi hoạt động và hành vi pháp lý phụ thuộc vào thương nghiệp.

Được coi như có tính cách thương mại phụ thuộc vào thương nghiệp, trừ bằng chứng tương phản, mọi hành vi pháp lý của thương gia.

**Điều thứ 346** – Không có tính cách thương mại, các hành vi pháp lý:

- thuộc những nghề tự do, trừ phi đương sự khai thác một cơ sở với mục đích doanh lợi.
- thuộc tiểu công nghệ, trừ phi có luật lệ đặc biệt định khác.
- thuộc nông nghiệp, trong trường hợp đương sự chỉ chế biến và bán các sản phẩm của mình.

**Điều thứ 347** - Trừ phi luật định khác, những khế ước thương mại có thể được dẫn chứng bằng mọi phương cách.

**Điều thứ 348** – Các nghĩa vụ phát sinh do các hành vi thương mại bị thời tiêu sau 10 năm. Giữa một thương gia và một người dân sự, thời tiêu trên chỉ áp dụng cho tố quyền của thương gia.

## CHƯƠNG THỨ II

### VỀ GIAO KÈO MUA VÀ BÁN

**Điều thứ 349** – Mua với dụng ý bán lại để kiếm lời, là việc mua bán có tính cách thương mại.

**Điều thứ 350** - Người bán có thể đề cung bằng mọi phương pháp như quảng cáo, trưng bày v.v... và đề cung này bó buộc thương gia khi hàng hoá còn trong tay.

**Điều thứ 351** - Người mua có thể minh thị nhận mua và nếu nhận bằng thư tín thì hợp đồng được kể như thành lập tại nơi và lúc thơ nhận mua được gửi đi, căn cứ vào con dấu nhà bưu điện hoặc bằng chứng nào khác.

Nếu người được hưởng sự đề cung im lặng thì không phải là thuận nhận, nhưng đã nhận điều khoản chính mà im lặng về các điều khoản phụ, tức là nhận các điều khoản này.

**Điều thứ 352** - Sự mua bán được chứng nhận bằng:

- công chứng thư,
- tư chứng thư,
- biên lục của các trọng mãi được các đương sự ký nhận,
- hóa đơn được chấp nhận,
- thư tín,
- sổ sách thương mại của các đương sự,
- nhân chứng trong trường hợp được toà chấp nhận.

**Điều thứ 353** - Nếu đã có giao ước mà người bán không giao hàng thì người mua, sau khi đốc thúc vô hiệu bằng văn thư ngoại tư pháp, có thể mua một số hàng cùng loại để thay thế, và xin toà buộc người bán phải chịu phí tổn cùng giá sai biệt.

**Điều thứ 354** - Nếu người mua hàng không trả tiền, người bán có quyền lưu trì hàng, và nếu đã giao hàng cho người mua thì người bán có ưu quyền trên món hàng này.

**Điều thứ 355** - Nếu người mua không chịu hay không thể lấy hàng đi thì, sau khi đốc thúc vô hiệu bằng văn thư ngoại tư pháp, người bán có thể đem hàng ký thác tại một thương khố, mọi phí tổn do người mua phải chịu. Sau đó, người bán cũng phải bằng văn thư ngoại tư pháp, cho người mua biết.

Nếu hàng hoá thuộc loại dễ hư hao thì người bán có quyền xin chánh án Toà Sơ thẩm ra án lệnh cho phép phát mại, tiền bán trừ phí tổn phải được nộp tại quỹ cung thác và trữ kim.

**Điều thứ 356** – Khi nhận hàng, người mua phải xem có đúng phẩm, đúng lượng không để kịp thời phản kháng.

Trong trường hợp có hà tì ần nặc, người mua phải phản kháng trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày hay biết. Tuy nhiên, người mua không có quyền xin tiêu hủy khế ước, mà chỉ có thể xin giảm giá hoặc xin hoàn lại một phần số tiền đã trả.

## CHƯƠNG THỨ III

### VỀ KHẾ ƯỚC TRỌNG MÃI

**Điều thứ 357** - Khế ước trọng mãi là một khế ước theo đó người trọng mãi cam kết tìm một người để liên lạc với một người khác hầu đi đến chỗ ký kết một khế ước giữa hai người này.

**Điều thứ 358** – Thù lao đã thỏa hiệp người trọng mãi được thủ đắc ngay khi khế ước do y làm trung gian được ký kết.

Nếu đã định trước rằng phí tổn của người trọng mãi sẽ được hoàn lại, thì người trọng mãi có quyền đòi, mặc dầu khế ước không thành tựu.

## CHƯƠNG THỨ IV

### VỀ KHẾ ƯỚC NHA BẢO

**Điều thứ 359** - Khế ước nha bảo là một khế ước do đó người gọi là nha viên nhận đứng tên mình làm một hành vi cho người khác gọi là nha ủy.

**Điều thứ 360** - Để bảo đảm mọi số tiền đã cho vay, hay ứng trước hay đã trả, dù là trước khi nhận được hàng hay là trong khi hàng ở trong tay mình, nha viên đứng tên mua hay đứng tên bán, đều có ưu quyền trên giá trị các hàng hoá đang được gửi cho mình hay đã do mình chấp giữ rồi.

Trái quyền đặc ưu của nha viên gồm cả vốn, lời, hoa hồng và phí tổn.  
Nếu bán và giao hàng hoá thay cho nha ủy thì nha viên có quyền lấy lại giá ngạch trái quyền của y trên số tiền bán trước các trái chủ của nha ủy.

**Điều thứ 361** – Ưu quyền này chỉ tồn tại khi mà các hàng hoá còn ở trong tay nha viên hay một người khác giữ hộ.

Được coi như ở trong tay nha viên :

- 1) hàng hoá thuộc quyền sử dụng của nha viên tại quan thuế, tại kho hàng công cộng hay kho của nha viên, hoặc khi được nha viên chuyên chở bằng phương tiện riêng.
- 2) hàng hoá tuy chưa tới tay nhưng nha viên đã nhận được tải hoá đơn hay chứng thư vận tải.
- 3) khi nha viên đã gửi hàng đi nhưng chưa tới tay người nhận mà vẫn còn giữ tải hoá đơn hoặc chứng thư vận tải.

**Điều thứ 362** – Khi nha viên nhờ một nha viên khác thay thế, người này chỉ được ưu quyền nói ở điều 360 và 361 về những số tiền mà người nha ủy có thể còn thiếu lại.

**Điều thứ 363** - Trừ phi được minh thị cho phép, nha viên không được là đối ước của nha ủy trong hợp đồng phải thực hiện.

**Điều thứ 364** – Nha viên phải cho nha ủy biết tên người thứ ủy của nha viên.

Nha ủy có tố quyền trực tiếp đối với những người này về những thiệt hại gây ra do sự không thi hành, hoặc thi hành khiếm khuyết hay trễ nải hợp đồng nha viên phải được gọi dự sự.

**Điều thứ 365** - Nếu khế ước nha bảo có điều khoản bảo lãnh thì nha viên phải liên đới với đệ tam nhân để bảo đảm đối với nha ủy về việc thi hành khế ước ký kết giữa nha ủy và đệ tam nhân.

Hiệu lực của sự bảo lãnh có thể được hạn chế trong khế ước.

## CHƯƠNG THỨ V

### VỀ KHẾ ƯỚC CHUYÊN CHỜ VÀ KHẾ ƯỚC NHA BẢO CHUYÊN CHỜ

**Điều thứ 366** – Khế ước chuyên chờ là một giao ước hữu thường, theo đó một người cam kết chuyển vận người hay vật đến một nơi chỉ định.

**Điều thứ 367** - Khế ước nha bảo chuyên chờ là một giao ước hữu thường, theo đó, nhân danh chính mình hoặc nhân danh nha ủy hay đệ tam nhân, một người cam kết đứng mượn chuyển vận người hay vật, và làm luôn các tác vụ liên quan đến sự chuyên chờ này.

Điều thứ 368 - Khế ước chuyên chờ và khế ước nha bảo chuyên chờ chỉ được thành tựu do sự ưng thuận của các đương sự.

## TIẾT I

### VỀ SỰ CHUYÊN CHỜ ĐỒ VẬT

**Điều thứ 369** - Người nhận hàng có minh thị hay mặc nhiên ưng thuận khế ước chuyên chờ thì mới phải thi hành các trách vụ phát sinh do khế ước.

**Điều thứ 370** - Chứng thư chuyên chờ có thể được phát chiếu lệnh, nếu người gửi và người nhận hàng đều thỏa thuận.

**Điều thứ 371** - Người gửi hàng phải trả cước phí về vật được chuyên chờ.  
Trong trường hợp hàng gửi theo thể thức cước phí trả sau, thì người gửi hàng vẫn phải chịu trách nhiệm nếu người nhận hàng không trả.

**Điều thứ 372** - Người gửi phải ghi tên họ và địa chỉ người nhận, nơi giao hàng, số lượng đồ vật được chuyên chờ. Người gửi phải chịu trách nhiệm đối với người chuyên chờ và người nhận về các thiệt hại xảy ra do sự thiếu sót các điểm ghi trên.

**Điều thứ 373** - Nếu hàng còn trong tay người chuyên chờ thì người gửi có quyền đổi tên người nhận, hoặc lấy hàng lại, nhưng phải hoàn lại các số tiền người chuyên chờ đã ứng ra, và bồi thường các sự thiệt hại gây ra do việc lấy hàng lại.

Tuy nhiên, người gửi không còn quyền nói trên :

- 1) nếu người nhận hàng đã nhận được chứng thư chuyên chờ.
- 2) khi hàng đã được chở đến nơi chỉ định và người nhận hàng đã yêu cầu được giao.

**Điều thứ 374** - Nếu hàng chuyên chở cần được bao gói thì người gửi phải bao gói cách nào để khỏi mất mát, hư hỏng và làm thiệt hại lây đến người, vật dụng và hàng hoá khác cùng được chuyên chở chung.

Người gửi chịu trách nhiệm về các sự thiệt hại do sự bao gói không cẩn thận gây nên. Tuy nhiên, nếu người chuyên chở biết rằng các hàng hoá không được bao gói hay không được bao gói kỹ càng mà vẫn nhận, thì người chuyên chở phải chịu trách nhiệm.

Các khuyết điểm về sự bao gói hàng chuyên chở không bao giờ miễn cho người chuyên chở các trách vụ phát sinh do các hợp đồng chuyên chở khác.

**Điều thứ 375** - Nếu hàng được chuyên chở không buộc giao tận nhà, thì người chuyên chở phải báo ngay cho người nhận biết lúc nào người này có thể nhận hàng.

**Điều thứ 376** - Trong trường hợp chứng thư chuyên chở chiếu lệnh có chỉ định một đệ tam nhân để nhận báo thị hàng đã tới, thì người chuyên chở phải báo thị cho người này dù hàng có buộc giao tận nhà hay không.

**Điều thứ 377** - Trừ những trường hợp ghi ở điều 384, nếu hàng không giao được thì người chuyên chở phải báo cho người gửi biết, và chờ chỉ thị của người này. Tuy nhiên, người chuyên chở có thể đem hàng ký kho, và nếu hàng có thể bị hư hỏng trước khi có chỉ thị, thì có thể xin phát mại.

**Điều thứ 378** - Người chuyên chở có thể được miễn trách toàn phần hay một phần về sự không thi hành hoặc thi hành sai lầm, khiếm khuyết hay chậm trễ trách vụ của mình, nếu chứng minh được trường hợp bất khả kháng, hà tì bản chất của hàng chuyên chở, hoặc lỗi của người gửi hay người nhận.

**Điều thứ 379** - Kể từ lúc nhận hàng, người chuyên chở phải chịu trách nhiệm nếu hàng bị mất tất cả, hoặc một phần, hoặc bị hư hỏng.

**Điều thứ 380** - Nếu có nhiều người chuyên chở liên tiếp dự vào việc thi hành một kế ước chuyên chở:

1) người chuyên chở thứ nhất và người cuối cùng phải liên đới chịu trách nhiệm đối với người gửi và người nhận hàng về toàn thể sự chuyên chở, coi như mỗi người đã thi hành toàn bộ sự chuyên chở.

2) mỗi người chuyên chở trung gian phải chịu trách nhiệm về sự tổn hại xảy ra, trong đoạn đường chuyên chở của mình, đối với người gửi và người nhận hàng, cũng như đối với người chuyên chở thứ nhất và cuối cùng.

Nếu không thể ấn định được sự tổn hại xảy ra trong đoạn đường nào, thì người chuyên chở nào đã bồi thường thiệt hại có thể đòi các người kia phải trả theo tỷ lệ đoạn đường của họ; phần của những người vô tội lực cũng do những kia gánh chịu theo tỷ lệ trên.

**Điều thứ 381** - Đối với những hàng do bản chất thường hao ngót vì chuyên chở, người chuyên chở chỉ chịu trách nhiệm về phần hao ngót quá mức thường được tục lệ chấp nhận. Khi hàng chuyên chở do một chứng thư duy nhất nhưng được chia thành nhiều lô hay kiện, sự hao ngót phải tính cho từng lô hay từng kiện, nếu trọng lượng của từng lô, từng kiện đã được ghi trên chứng thư chuyên chở, hoặc có thể xác định bằng cách nào khác.

**Điều thứ 382** - Trừ phi chính mình hay người thụ ủy phạm lỗi dụng ý hay phạm lỗi nặng, người chuyên chở có thể, bằng một điều khoản viết, cho người gửi biết:

- 1) giới hạn trách nhiệm của mình khi hàng bị mất hay bị hư hại, với điều kiện là bồi khoản dự liệu không kém xa giá trị thật của hàng bị tiêu thất đến nỗi bồi khoản hoá hư hỏng.
- 2) được miễn trách toàn phần hoặc một phần vì lý do giao hàng trễ.

**Điều thứ 383** - Sẽ coi như vô hiệu mọi điều khoản do đó người chuyên chở tự miễn hoàn toàn trách nhiệm cho mình khi hàng hoá bị mất tất cả hay một phần, hoặc khi hàng bị hư hại.

**Điều thứ 384** – Khi có tranh chấp về sự thành lập hay thi hành khế ước chuyên chở, hoặc có rắc rối xảy ra trong hay nhân khi chuyên chở, thì tình trạng của hàng được chuyên chở hay được giao để chuyên chở, sẽ do một hay nhiều giám định viên nhận xét; giám định viên có thể được chỉ định bằng án lệnh của chánh án; khi thi hành giám định, mọi đương sự liên hệ phải được thông báo để tham dự.

Toà có thể truyền cung thác số hàng và cho đem ký gởi vào tổng hoá khố. Toà cũng có thể cho đem bán một phần hàng đủ để trả các chi phí chuyên chở và chi phí khác cho đương sự nào đã xuất ra.

**Điều thứ 385** – Trong trường hợp hàng bị hư hại hay mất một phần, người nhận phải phản kháng với người chuyên chở bằng văn thư ngoại tư pháp hoặc thư bảo đảm có nêu lý do, trong thời hạn 8 ngày tròn, không kể ngày lễ, kể từ khi nhận hàng; quá thời hạn trên, mọi tố quyền chống người chuyên chở sẽ bị tiêu diệt.

Tuy nhiên, sự phản kháng dẫu dưới hình thức khác, cũng có giá trị nếu chứng minh được rằng người chuyên chở đã có nhận được sự phản kháng trong thời hạn nói trên.

Nếu trước khi nhận hàng hoặc trong hạn tám ngày kể từ khi nhận hàng, một đương sự xin giám định như dự liệu ở điều 384 thì đơn xin giám định có giá trị như sự phản kháng mà không phải tuân theo các thể thức nói ở đoạn 1.

Thời hạn để sử dụng mỗi tố quyền phản hoàn là ba tháng và khởi lưu kể từ ngày người được bảo đảm nhận được trát đòi ra toà.

## TIẾT II

# VỀ SỰ CHUYÊN CHỞ HÀNH KHÁCH



**Điều thứ 386** - Người lãnh chuyên chở cam kết đưa hành khách an toàn đến nơi đã định, theo những điều kiện dự liệu trong hợp đồng.

**Điều thứ 387** - Người chuyên chở được miễn tất cả hay một phần trách nhiệm về sự không thi hành, thi hành sai lầm, khiếm khuyết hay chậm trễ trách vụ của mình, nếu chứng minh được trường hợp bất khả kháng hoặc lỗi của người hành khách.

**Điều thứ 388** - Người chuyên chở, kể từ lúc người hành khách lên xe, tàu, phải chịu trách nhiệm về những tổn hại thân thể xảy ra cho người này.

**Điều thứ 389** - Mọi điều khoản miễn trách toàn phần hay một phần cho người chuyên chở về sự thiệt hại cho thân thể của người hành khách, đều vô hiệu.

**Điều thứ 390** - Do một điều khoản viết, người chuyên chở có thể được miễn một phần hay tất cả trách nhiệm về sự chậm trễ trong việc chuyên chở, hay về sự thiệt hại không thuộc về thân thể, gây ra cho hành khách, trừ phi người chuyên chở hoặc thừa sai phạm lỗi dụng ý hay phạm lỗi nặng.

**Điều thứ 391** - Người chuyên chở không phải trông coi các hành lý xách tay của hành khách.

**Điều thứ 392** - Sự chuyên chở các hành lý ký gửi cho người chuyên chở được quy định bởi các điều 377, 378, 379 và 391 nói trên.

## TIẾT III

# VỀ KHÉ ƯỚC NHA BẢO CHUYÊN CHỞ

**Điều thứ 393** - Nha viên chuyên chở có ưu quyền ấn định ở điều 360 và 361 ngay cả khi y không hành động nhân danh mình.

**Điều thứ 394** - Nha viên có thể được miễn trách toàn phần hay một phần về sự không thi hành hay thi hành sai lầm, khiếm khuyết hoặc chậm trễ trách vụ của mình, nếu chứng minh được rằng có trường hợp bất khả kháng, có hà tì về bản chất của vật chuyên chở, hoặc lỗi của người nha ủy hay người nhận hàng.

**Điều thứ 395** - Kể từ lúc nhận hàng để chuyên chở, nha viên phải chịu trách nhiệm nếu hàng bị mất tất cả hay một phần, bị hư hại hay bị giao chậm trễ.

**Điều thứ 396** - Trừ phi chính mình hay thừa sai, hoặc người chuyên chở hay thừa sai của người này phạm tội dụng ý hay phạm lỗi nặng, nha viên có thể được miễn tất cả hay một phần trách nhiệm bằng một điều khoản minh thị.

**Điều thứ 397** - Người gửi hàng hay hành khách có thể khởi tố trực tiếp người chuyên chở đòi bồi thường sự thiệt hại do việc không thi hành, thi hành sai lầm, khiếm khuyết hay chậm trễ khế

ước chuyên chở gây ra, nha viên phải được đòi dự sự.  
Người chuyên chở có thể khởi tố trực tiếp nha ủy để đòi bồi thường về mọi sự thiệt hại do việc thi hành khế ước chuyên chở gây ra.

## TIẾT IV

# ĐIỀU KHOẢN CHUNG

**Điều thứ 398** - Được coi như điều khoản miễn trách theo sự dự liệu bởi điều 382, 390, 396, điều khoản trực tiếp hay gián tiếp để người gửi, người nhận, hành khách, hay nha ủy đảm nhiệm việc bảo hiểm tất cả hay một phần trách nhiệm của người chuyên chở hay nha viên.

**Điều thứ 399** – Trong trường hợp tiêu quyền quy định bởi các điều 385, 401 và 402 trái chủ không còn đòi được quyền của mình, dù bằng cách hành sử tố quyền, hay thỉnh cầu phản tố, hay bằng cách nêu khước biện.

**Điều thứ 400** – Coi như vô hiệu mọi ước khoản với mục đích tránh sự áp dụng :

- 1) Các điều 372, 374 § 3, 380 § 1, 381, 383, 385, 389, 401, 402.
- 2) Các điều 379, 386, 388, 395, ngoại trừ trong giới hạn được các điều 382, 390, 396 cho phép.

Toà án có thể tuyên phán những sự vô hiệu khác nếu có vi phạm những điều khoản căn bản.

**Điều thứ 401** - Tất cả các tố quyền phát sinh do khế ước chuyên chở hàng hoá và khế ước nha bảo chuyên chở hàng hoá, đều được thời tiêu sau một năm.

Thời hạn này được kể, trong trường hợp hàng bị mất toàn thể, từ ngày mà hàng đáng lẽ được giao, và trong tất cả các trường hợp khác, từ ngày mà hàng được giao hoặc đề cung giao cho người nhận.

**Điều thứ 402** – Các tố quyền phát sinh do khế ước chuyên chở người và khế ước nha bảo chuyên chở người bị thời tiêu theo thường luật.

## CHƯƠNG THỨ VI

### VỀ KHẾ ƯỚC THẺ CHẤP THƯƠNG MẠI

**Điều thứ 403** - Khế ước thẻ chấp thương mại là một khế ước do một người thương gia hay không, lập ra để bảo đảm cho một hành vi thương mại.

**Điều thứ 404** - Khế ước thẻ chấp thương mại được chứng minh đối với đệ tam nhân cũng như đối với đương sự kết ước, theo điều 352 của bộ luật này.

Đối với các giá khoán có thể được nhượng dịch, sự thế chấp được thiết lập:

- Về các chứng khoán vô danh, bằng cách chuyển giao sự chấp hữu cho trái chủ thế chấp, cũng như đối với các động sản hữu hình.

- Về các chứng khoán ký danh bằng cách ghi sự thế chấp vào sổ sách của công ty hay cơ quan liên hệ, các chứng khoán cũng phải được giao cho trái chủ thế chấp.

- Về các văn tự nợ thường, sự thế chấp phải được cáo tri cho người ký nợ. Nếu là thế chấp thương phiếu, trái chủ thế chấp được lãnh tiền khi đáo hạn.

**Điều thứ 405** – Ưu quyền của trái chủ thế chấp trên vật thế chấp chỉ tồn tại khi đồ vật này đã được giao và còn trong tay trái chủ thế chấp, hoặc còn trong tay một đệ tam nhân đã được các đương sự thoả thuận giao giữ.

Trái chủ được coi như chấp hữu hàng hoá khi hàng này thuộc quyền sử dụng của trái chủ, tại nhà quan thuế hay trong một kho công cộng, hay tại kho tàu của trái chủ hoặc nếu hàng chưa tới tay, trái chủ đã nhận được tải hoá đơn.

**Điều thứ 406** – Khi trái khoán đáo hạn mà không được trả thì trái chủ thế chấp có thể đem phát mãi vật thế chấp 8 ngày tròn sau khi đã cáo tri bằng văn thư ngoại tư pháp cho con nợ, và người đệ tam cho mượn vật thế chấp, nếu có.

Sự phát mãi này phải theo thể thức phát mãi công khai do một công lại được chánh án chỉ định.

Trái chủ thế chấp có ưu quyền trên số tiền bán.

**Điều thứ 407** - Mọi điều khoản cho phép trái chủ thế chấp trở thành sở hữu chủ vật thế chấp mà không tuân theo thể thức nói trên, đều vô hiệu.

## CHƯƠNG THỨ VII

### NHỮNG THƯƠNG PHIẾU

#### TIẾT I

### ĐIỀU KHOẢN CHUNG

**Điều thứ 408** – Thương phiếu là một thứ phiếu có thể chuyển dịch được, dùng để xác nhận cho người cầm phiếu một trái quyền ngắn hạn.

**Điều thứ 409** - Hối phiếu, lệnh phiếu và chi phiếu đều là thương phiếu. Hối phiếu bao giờ cũng có tính cách thương mại.

Lệnh phiếu và chi phiếu chỉ có tính cách thương mại, nếu do một thương gia làm ra vì nhu cầu thương mại, ngoài ra đều có tính cách dân sự.

## TIẾT II

# HỎI PHIẾU

**Điều thứ 410** - Hối phiếu là một tấm phiếu do người phát lệnh đưa cho người thụ hưởng để người này “hay người khác theo lệnh của người thụ hưởng” được quyền đòi người thụ lệnh phải trả một khoản tiền vào một ngày nhất định.

### PHỤ TIẾT I

#### ĐIỀU KIỆN VỀ HÌNH THỨC

**Điều thứ 411** - Hối phiếu phải ghi rõ:

- 1) Danh từ “hối phiếu” trên văn thư; làm hối phiếu theo ngôn ngữ nào thì danh từ “hối phiếu” cũng theo ngôn ngữ ấy;
- 2) Lệnh buộc vô điều kiện trả một khoản tiền nhất định;
- 3) Tên họ người thụ lệnh tức là người phải trả tiền;
- 4) Kỳ hạn trả tiền;
- 5) Nơi trả tiền;
- 6) Tên họ người nhận tiền hay cho phép người khác nhận tiền;
- 7) Nơi và ngày tháng làm ra hối phiếu;
- 8) Phải có chữ ký tay của người phát lệnh.

**Điều thứ 412** - Nếu ghi thiếu một trong những khoản nói trên, tờ phiếu làm ra không có giá trị một hối phiếu, trừ các trường hợp kể sau:

Nếu phiếu không ghi kỳ hạn trả tiền thì sẽ coi như một hối phiếu tức phó, nghĩa là người thụ hưởng trình ra thì người thụ lệnh phải trả tiền ngay.

Nếu không ghi rõ nơi trả tiền thì địa điểm ghi bên cạnh tên người thụ lệnh sẽ là nơi trả tiền, và cũng là nơi cư sở của người thụ lệnh.

Nếu không ghi rõ nơi làm ra hối phiếu thì coi như đã làm ở địa điểm ghi bên cạnh tên người phát lệnh.

**Điều thứ 413** - Hối phiếu có thể do người phát lệnh làm ra cho chính mình thụ hưởng.

Hối phiếu cũng có thể do người phát lệnh làm ra để chính mình trả.  
Hối phiếu cũng có thể do một người làm nhân danh người đệ tam.

**Điều thứ 414** - Hối phiếu có thể chỉ định cư sở của một người đệ tam để trả tiền, người này có thể cùng ở một nơi với người thụ lệnh hay ở một nơi khác.

**Điều thứ 415** – Trong một hối phiếu tức phó hoặc một hối phiếu được trả tiền sau một thời hạn đưa trình, người phát lệnh có thể ghi điều khoản sinh lời. Trong các loại hối phiếu khác, nếu có ghi điều khoản sinh lời sẽ kể như không có.

Phải ghi rõ phân suất tiền lời, nếu thiếu sẽ kể như không có.

Tiền lời được tính kể từ ngày làm hối phiếu, nếu không ghi rõ ngày nào khác.

**Điều thứ 416** - Nếu trong hối phiếu số tiền biên bằng số và số tiền biên bằng chữ hoàn toàn sai biệt nhau thì phải căn cứ vào số biên bằng toàn chữ.

Nếu số tiền được viết nhiều lần bằng số hay bằng toàn chữ mà sai biệt nhau thì phải căn cứ vào số nhỏ nhất.

**Điều thứ 417** - Hối phiếu do vị thành niên chưa được phép làm thương mại hoặc do người bị cấm quyền làm ra sẽ vô hiệu đối với họ, trừ trường hợp có bằng chứng rằng họ đã đắc lợi thì phải bồi hoàn.

Trong một hối phiếu, chỉ bị coi là vô hiệu chữ ký của những người vô năng lực để ký hối phiếu, chữ ký giả mạo, chữ ký của những người tưởng tượng hoặc chữ ký bất cứ vì nguyên nhân nào không có hiệu lực ràng buộc người ký, hoặc do người khác đứng tên ký thay; còn các chữ ký khác hợp lệ vẫn có giá trị.

Người nào ký thay cho người khác mà xét ra không có tư cách thụ ủy hay vượt quá quyền hạn sự ủy thác thì chỉ riêng người ấy phải chịu những trách nhiệm về hối phiếu, và nếu đã trả tiền thì sẽ có những quyền lợi của mình mà mình đã tự ý thay mặt.

**Điều thứ 418** - Người phát lệnh có nhiệm vụ bảo đảm sự chuẩn nhận và việc trả tiền hối phiếu. Có thể sự miễn bảo đảm việc chuẩn nhận nhưng điều khoản tự miễn bảo đảm trả tiền sẽ coi như không có.

## PHỤ TIẾT II

### TIỀN DỰ KIM

**Điều thứ 419** - Người phát lệnh hay người nào ra lệnh cho người khác làm hối phiếu thay cho mình phải có tiền dự kim trong tay người thụ lệnh.

Tuy làm hối phiếu nhân danh người khác người làm phiếu vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với những người bồi thụ và đối với người cầm phiếu.

Có tiền dự kim là khi nào vào ngày đáo hạn hối phiếu, người thụ lệnh phải trả cho người phát lệnh hay người ra lệnh phát phiếu, một khoản tiền ít nhất bằng số tiền ghi trong hối phiếu.

Quyền hưởng dự kim đương nhiên lưu chuyển qua tay những người liên tiếp cầm hối phiếu. Khi người thụ lệnh chuẩn nhận hối phiếu tức là đã có tiền dự kim.

Đối với những người bồi thụ sự chuẩn nhận là bằng chứng có tiền dự kim.

Dầu cho người thụ lệnh có chuẩn nhận hay không, người phát lệnh phải chứng minh, trong trường hợp bị phủ nhận, rằng người thụ lệnh có tiền dự kim vào ngày đáo hạn hối phiếu; nếu không, người phát lệnh phải chịu trách nhiệm dầu chứng thư cự tuyệt có làm sau thời hạn ấn định tại điều 451.

### PHỤ TIẾT III

#### SỰ BỒI THỤ HỐI PHIẾU

**Điều thứ 420** - Dầu không ghi điều khoản chiếu lệnh, hối phiếu vẫn có thể lưu hành bằng cách bồi thụ.

Nếu trong hối phiếu có ghi rằng chỉ được trả cho người thụ hưởng, thì phiếu sẽ không bồi thụ được, mà chỉ có thể đem đi nhượng theo thể thức và với các hậu quả định bởi dân luật hối phiếu có thể bồi thụ cho cả người thụ lệnh, dầu có chuẩn nhận hay không, cho người phát lệnh hay cho bất cứ người nào khác có trách vụ về hối phiếu đó.

Sự bồi thụ phải vô điều kiện, nếu có ghi điều kiện thì khoản này kể như không có.

Đã bồi thụ thì phải chuyển thụ toàn thể hối phiếu, không được chuyển thụ một phần, nếu không, sự bồi thụ sẽ vô hiệu.

Sự bồi thụ phải ghi rõ vào hối phiếu, hoặc vào mảnh giấy tiếp liền với hối phiếu (tiếp phiếu), và phải có chữ ký của người bồi thụ.

Người thụ có thể không chỉ định tên người thụ hưởng hay chỉ ký tên mình mà thôi. Trong trường hợp sau này, phải ký vào mặt sau hối phiếu hay trên tờ tiếp phiếu.

Sự bồi thụ vô ký danh có giá trị như bồi thụ trống, còn gọi là bồi thụ không bạch.

**Điều thứ 421** – Sự bồi thụ có hậu quả di chuyển quyền lợi cho tờ hối phiếu phát sinh. Nếu là bồi thụ trống, người cầm hối phiếu có thể:

- 1) Ghi tên mình hay tên người khác vào chỗ trống;
- 2) Bồi thụ trống lại cho người khác;
- 3) Giao hối phiếu cho người đệ tam, không ghi thêm gì khác và cũng không bồi thụ.

**Điều thứ 422** – Trừ trường hợp có ước khoản trái lại, người bồi thụ có trách nhiệm bảo đảm sự chuẩn nhận và việc trả tiền hối phiếu.

Người bồi thự có thể cầm người bồi hưởng đem bồi thự lại cho người khác; trong trường hợp này, người ấy không có trách nhiệm bảo đảm đối với những người được bồi hưởng về sau.

**Điều thứ 423** – Người giữ hồi phiếu được coi như có quyền lợi chân chánh khi nào chứng minh có những sự bồi thự liên tiếp, không bị gián đoạn, đầu cho sự bồi thự sau cùng là bồi thự trống.

Nếu sự bồi thự bị gach bỏ kể như không có.

Khi có sự bồi thự kế tiếp một bồi thự trống, người ký bồi thự sau kể như đã thủ đắc hồi phiếu do sự bồi thự trống.

Trong trường hợp hồi phiếu bị truất đoạt bất cứ vì lý do gì, người cầm phiếu chứng minh được sự thủ đắc như trên không phải trả lại hồi phiếu, trừ phi thủ đắc gian tình hay phạm lỗi nặng.

**Điều thứ 424** – Những người bị kiện về hồi phiếu không có quyền đem đối kháng với người thụ hưởng cầm phiếu cuối cùng những kháng biện mà họ chỉ có thể đem đối kháng riêng với người phát lệnh hay những người thụ hưởng trước trừ trường hợp người cầm phiếu khi thủ đắc hồi phiếu này đã tri tình hành động thiệt hại cho người phải trả tiền.

**Điều thứ 425** – Trong trường hợp sự bồi thự hồi phiếu chỉ có tính cách ủy quyền, người được bồi thự có thể sử hành tất cả quyền lợi của hồi phiếu; nhưng nếu bồi thự lại cho người khác, thì sự bồi thự chỉ có thể có tính cách ủy quyền.

Trong trường hợp này, những người can trách về hồi phiếu chỉ có thể viện dẫn chống lại người cầm phiếu những kháng biện mà có thể đem đối kháng với người bồi thự.

Sự ủy quyền trong việc bồi thự ủy quyền không bị chấm dứt bởi sự mệnh một hay sự vô năng hậu lai của người ủy quyền.

Trong trường hợp bồi thự để thế chấp, người được bồi thự có thể sử hành mọi quyền lợi do tờ hồi phiếu, nhưng nếu bồi thự lại thì sự bồi thự chỉ coi như là bồi thự ủy quyền.

Những người can trách về hồi phiếu không thể viện dẫn chống lại người cầm phiếu những kháng biện mà họ chỉ có thể đối kháng riêng với người bồi thự, trừ phi người cầm phiếu, khi nhận phiếu đã tri tình hành động thiệt hại cho người phải trả tiền.

**Điều thứ 426** – Sau khi kỳ hạn trả tiền đã qua, người cầm phiếu vẫn có thể đem bồi thự; sự bồi thự này cũng có hiệu lực như bồi thự trước kỳ hạn. Tuy nhiên, nếu sự bồi thự thực hiện sau khi đã đòi tiền không được và đã lập chứng thư cự tuyệt, hay bồi thự sau khi mãn hạn luật định để lập chứng thư cự tuyệt, thì việc bồi thự chỉ có tính cách một việc di nhượng trái quyền theo dân luật.

Trừ trường hợp có bằng cứ trái lại, sự bồi thự không ghi ngày tháng được kể như làm trước khi mãn hạn ấn định để lập chứng thư cự tuyệt.

Cầm ghi lùi về ngày trước ngày tháng bồi thự, nếu vi phạm sẽ bị tội giả mạo.

## PHỤ TIẾT IV

### SỰ CHUẨN NHẬN HỒI PHIẾU

**Điều thứ 427** - Cho đến ngày đáo hạn, hồi phiếu có thể do người thụ hưởng hay người cầm phiếu đem trình cho người thụ lệnh chuẩn nhận tại nơi cư sở của người này.

Khi làm phiếu, người phát lệnh có thể định rằng hồi phiếu phải đem trình cho người thụ lệnh để chuẩn nhận, trong một thời hạn nào đó, hoặc không định thời gian.

Người phát lệnh cũng có thể cấm trình phiếu cho người thụ lệnh để chuẩn nhận, trừ trường hợp hồi phiếu được trả tiền nơi trú quán một người đệ tam hay được trả nơi nào khác hơn nơi trú quán người thụ lệnh và trường hợp hồi phiếu có định một kỳ hạn để trả tiền sau khi đưa trình.

Người phát lệnh cũng có thể định rằng không thể trình hồi phiếu để chuẩn nhận trước một thời hạn nào đó.

Mọi người bồi thụ đều có thể định rằng hồi phiếu sẽ phải đem trình để chuẩn nhận trong một thời hạn nào đó hoặc không định thời hạn, trừ trường hợp người phát lệnh đã cấm chuẩn nhận.

Nếu là hồi phiếu có định kỳ hạn trả tiền sau khi đưa trình, thì phải đưa trình để chuẩn nhận trong thời hạn một năm kể từ ngày phát hành.

Người phát lệnh có thể định một thời hạn ngắn hơn hay dài hơn. Người bồi thụ có thể rút ngắn các thời hạn trên.

**Điều thứ 428** – Trong trường hợp hồi phiếu được tạo ra để thi hành giao ước liên quan đến việc cung cấp hàng hóa giữa thương gia với nhau, và người phát lệnh đã thực thi nghĩa vụ theo giao ước, người thụ lệnh không thể khước từ chuẩn nhận hồi phiếu khi hết thời hạn theo các tập quán thương mại để kiểm nhận hàng hóa, nếu không chịu chuẩn nhận sẽ đương nhiên mất quyền hưởng kỳ hạn trả nợ và phải chịu mọi sở phí.

**Điều thứ 429** – Khi được xuất trình hồi phiếu để chuẩn nhận, người thụ lệnh có thể yêu cầu người cầm phiếu đến tái trình vào ngày hôm sau. Sự từ khước thỉnh cầu này chỉ có thể nại dẫn về sau nếu có ghi vào chứng thư cự tuyệt. Người cầm hồi phiếu không bắt buộc phải trao tờ phiếu cho người thụ lệnh giữ.

**Điều thứ 430** – Sự chuẩn nhận phải được ghi ngay trên hồi phiếu và do người thụ lệnh ký, dưới danh từ “chuẩn nhận“ hay một văn từ tương đương.

Nếu người thụ lệnh chỉ ký vào mặt trước tờ hồi phiếu thì cũng kể như là đã chuẩn nhận. Trong trường hợp hồi phiếu có thể được lãnh tiền sau một kỳ hạn kể từ ngày đưa trình, hoặc là hồi phiếu phải đưa trình để chuẩn nhận trong một thời hạn ước định trước thì chuẩn nhận ngày nào phải ghi đúng ngày đó, trừ phi người cầm phiếu bắt buộc phải lấy ngày trình phiếu làm ngày chuẩn.



Nếu không ghi ngày tháng chuẩn nhận, người cầm hối phiếu muốn bảo vệ quyền lợi của mình đối với người phát lệnh và các người bồi thụ, sẽ làm một chứng thư cự tuyệt trong thời hạn thích nghi để chứng nhận sự thiếu sót ấy.

Sự chuẩn nhận phải vô điều kiện, nhưng có thể chỉ hạn định vào một phần số tiền thôi. Mọi sự thay đổi khác về nội dung hối phiếu khi chuẩn nhận được kể như khước từ chuẩn nhận. Tuy nhiên, người chuẩn nhận vẫn bị ràng buộc bởi lời lẽ chuẩn nhận của mình.

**Điều thứ 431** – Trong trường hợp người phát lệnh chỉ định trong hối phiếu một nơi trả tiền khác hơn là trú quán người thụ lệnh mà không ghi rõ tên và địa chỉ người đệ tam để trả tiền tại nơi đó thì người thụ lệnh có thể chỉ định người đệ tam này khi chuẩn nhận hối phiếu. Nếu không chỉ định thì người chuẩn nhận coi như chính mình chịu trả tiền tại nơi chỉ định bởi người phát lệnh.

Nếu hối phiếu được trả tiền nơi trú quán người thụ lệnh thì khi chuẩn nhận, người này có thể chỉ định một địa chỉ tại cùng nơi để trả tiền.

**Điều thứ 432** – Nếu đã chuẩn nhận, người thụ lệnh phải trả tiền khi hối phiếu đáo hạn. Trong trường hợp không được trả, người cầm phiếu, dù là người phát lệnh, các tổ quyền trực tiếp đối với người thụ lệnh đã chuẩn nhận, để đòi tất cả các khoản có thể đòi được, chiếu các điều 456 và 457 dưới đây.

Điều thứ 433 – Người thụ lệnh đã chuẩn nhận rồi lại bỏ trước khi giao hoàn hối phiếu, thì sự chuẩn nhận kể như bị từ khước. Sự gach bỏ kể như làm trước khi hoàn cho người cầm phiếu, trừ bằng chứng trái lại.

Tuy nhiên, nếu đã cáo tri bằng văn thư cho người cầm phiếu hay bất cứ một người nào đã ký tên trên phiếu rằng mình đã chuẩn nhận, thì người thụ lệnh bị kết buộc đối với những người này, theo lời lẽ chuẩn nhận của mình.

## PHỤ TIẾT V

### SỰ BẢO LÃNH HỐI PHIẾU

**Điều thứ 434** – Hối phiếu có thể do một người đệ tam hay người ký hối phiếu bảo lãnh một phần hay toàn phần.

Sự bảo lãnh được ghi ngay trong hối phiếu hay tờ tiếp phiếu, hoặc do chứng thư riêng ghi rõ nơi thực hiện.

Người bảo lãnh phải ghi trên hối phiếu mấy chữ “ nhận bảo lãnh “ hay văn thức tương đương, và ký tên.

Tuy nhiên, chữ ký ở mặt trước hối phiếu của một người không phải là phát lệnh hay thụ lệnh đủ có nghĩa là người ấy nhận bảo lãnh.

Khi bảo lãnh phải ghi rõ bảo lãnh cho người nào, nếu không ghi thì coi như bảo lãnh cho người phát lệnh.

Người phát lệnh có trách vụ như người mà mình bảo lãnh.

Sự cam kết của người bảo lãnh vẫn có giá trị, dầu cho trái vụ được bảo lãnh có vô hiệu, trừ trường hợp vô hiệu về hình thức.

Sau khi trả tiền, người bảo lãnh hồi phiếu được hưởng các quyền lợi do hồi phiếu phát sinh đối với người mà mình bảo lãnh và tất cả những người nào có trách vụ về hồi phiếu đối với người này.

## PHỤ TIẾT VI

### KỲ HẠN HỒI PHIẾU

Điều thứ 435 – Khi làm hồi phiếu có thể định rằng hồi phiếu sẽ được trả tiền:

Ngay khi đưa trình (hồi phiếu tức phó);

Hoặc trong một thời hạn nào đó sau khi trình;

Hoặc trong một thời hạn nào đó kể từ ngày phát hành;

Hoặc một ngày nhất định.

Nếu ghi những kỳ hạn nào khác với những kỳ hạn trên, hay ghi nhiều kỳ hạn liên tiếp, hồi phiếu sẽ vô hiệu.

**Điều thứ 436** – Hồi phiếu tức phó phải được trả tiền ngay sau khi đưa trình. Phải đưa trình trong hạn một năm kể từ ngày phát hành. Người phát lệnh có thể định thời hạn ngắn hơn hoặc dài hơn; người bồi thụ có thể rút ngắn các thời hạn trên.

Người phát lệnh có thể định rằng hồi phiếu tức phó không thể đưa trình trước một ngày nào đó và trong trường hợp này thời hạn đưa trình bắt đầu kể từ ngày ấy.

**Điều thứ 437** – Nếu là hồi phiếu được trả tiền sau một thời hạn nào đó sau khi đưa trình, nhật kỳ chuẩn nhận, hay nhật kỳ của chứng thư cự tuyệt sẽ là khởi điểm để xác định ngày trả tiền.

Trong trường hợp không có lập chứng thư cự tuyệt, sự chuẩn nhận không đề ngày tháng được coi như đã thực hiện đối với người chuẩn nhận, vào ngày cuối cùng của thời hạn dự liệu để đưa trình chuẩn nhận.

Nếu hồi phiếu ghi được trả sau một hay nhiều tháng kể từ ngày trình phiếu hay ngày phát hành, thì ngày đáo hạn cũng là ngày ấy của tháng phải trả tiền; nếu không có ngày tương đương thì ngày đáo hạn là ngày cuối cùng trong tháng.

Nếu kỳ hạn có nửa tháng lẻ thì tính các tháng chẵn trước.

Nếu ngày trả tiền được ghi là đầu tháng, giữa tháng hay cuối tháng thì phải được coi là ngày 1, ngày 15 hay ngày cuối cùng của tháng ấy.

Kỳ hạn 8 ngày hay 15 ngày phải kể đủ số ngày, chứ không được tính là một tuần lễ hay hai tuần lễ.

Kỳ hạn nửa tháng phải kể 15 ngày.

**Điều thứ 438** – Nếu hối phiếu được trả tiền vào một ngày nhất định tại một nơi dùng thứ lịch khác lịch nơi phát hành hối phiếu, ngày đáo hạn coi như được ấn định theo nơi lịch nơi trả tiền. Trong trường hợp hối phiếu được trả tiền sau một thời hạn kể từ ngày phát hành, tại một nơi dùng lịch khác lịch nơi phát hành hối phiếu, thì ngày phát hành sẽ là ngày tương đương theo lịch nơi trả tiền và kỳ hạn cũng sẽ theo đó mà ấn định.

Thời hạn đưa trình hối phiếu cũng tính theo qui tắc ấn định ở khoản trên.

Khi làm hối phiếu có thể ấn định rõ cách tính thời hạn khác với qui tắc này.

## PHỤ TIẾT VII

### VIỆC TRẢ TIỀN HỐI PHIẾU

**Điều thứ 439** - Nếu hối phiếu phải được trả tiền vào một ngày nhất định hay sau một thời hạn kể từ ngày trình phiếu hay kể từ ngày phát hành thì người cầm phiếu phải xuất trình phiếu để đòi tiền vào ngày đáo hạn hay sau đó trong hai ngày có làm việc.

Sự đưa trình hối phiếu cho một phòng bù trừ coi như đưa trình để được trả tiền.

**Điều thứ 440** – Người thụ lệnh khi trả tiền có thể buộc người cầm phiếu giao hối phiếu có chữ ký nhận lãnh tiền.

Dù chỉ được trả một phần tiền người cầm phiếu cũng phải nhận.

Trong trường hợp chỉ trả một phần tiền, người thụ lệnh có thể buộc người thụ hưởng ghi rõ việc trả này vào hối phiếu và ký nhận.

Trả được phần tiền nào thì các người phát lệnh và bồi thụ giảm được trách nhiệm đi phần ấy.

Đối với phần còn lại, người cầm phiếu phải lập chứng thư cự tuyệt.

**Điều thứ 441** – Người cầm phiếu không thể bị bắt buộc phải nhận tiền trước ngày đáo hạn.

Nếu người thụ lệnh trả tiền trước kỳ hạn thì phải chịu lấy mọi hậu quả, nếu có.

Người nào đã trả tiền phiếu vào ngày đáo hạn thì được giải trách hợp lệ, trừ trường hợp có sự gian trá hay có lỗi nặng.

Người trả tiền phải kiểm soát sự hợp lệ của các việc bồi thụ liên tiếp, nhưng không buộc phải kiểm soát chữ ký của các người bồi thụ.

**Điều thứ 442** – Nếu hối phiếu ghi trả bằng ngoại tệ không lưu dụng tại nơi trả thì có thể tính ra nội tệ mà trả, theo thời giá vào ngày đã được chỉ định, nếu không chỉ định thời giá ngày nào thì tính theo thời giá vào ngày đáo hạn hối phiếu.

Nếu trả trễ kỳ hạn, người cầm phiếu có thể đòi trả theo thời giá vào ngày đáo hạn hoặc ngày trả tiền.

Tùy theo luật lệ nơi trả tiền mà định thời giá ngoại tệ.

Trong trường hợp hối phiếu được trả bằng một tiền tệ đồng danh song giá trị khác nhau tại nơi phát hành và nơi trả tiền, thì hối phiếu được coi như phải trả bằng tiền tệ nơi trả.

**Điều thứ 443** – Nếu người cầm phiếu không xuất trình hối phiếu để được trả tiền vào ngày đáo hạn hay một trong hai ngày có làm việc kế tiếp, bất cứ người nào phải trả tiền hối phiếu cũng có quyền ký thác số tiền vào quỹ cung thác, mọi tổn phí và hậu quả người cầm hối phiếu phải chịu.

**Điều thứ 444** – Chỉ trong trường hợp hối phiếu bị thất lạc hay người cầm hối phiếu bị khánh tận, mới có thể ngăn chặn sự trả tiền.

**Điều thứ 445** – Nếu hối phiếu bị mất là một bản không được chuẩn nhận, người chủ hối phiếu có thể xuất trình một bản khác để đòi tiền.

Nếu hối phiếu bị mất là bản đã được người thụ lệnh chuẩn nhận thì muốn đòi tiền bằng cách xuất trình một bản khác phải có án lệnh của chánh án và phải có bảo lãnh.

**Điều thứ 446** – Người nào làm mất hối phiếu, được chuẩn nhận hay không, mà không xuất trình được bản nào khác, thì chỉ được trả tiền nếu chứng minh được quyền sở hữu bằng giấy tờ, sổ sách và được án lệnh của chánh án cho phép và có bảo lãnh.

**Điều thứ 447** – Trong trường hợp đã có đòi như nói ở hai điều trên mà không được trả tiền, người sở hữu chủ hối phiếu bị mất vẫn được giữ nguyên tất cả các quyền lợi của mình nếu có lập chứng thư phản kháng. Chứng thư này phải làm ngay hôm sau ngày đáo hạn hối phiếu bị mất và phải cáo tri cho người phát lệnh và các người bồi thự theo thể thức và trong thời hạn ấn định tại điều 453.

**Điều thứ 448** – Người chủ hối phiếu bị thất lạc có quyền buộc người bồi thự cho mình làm một bản khác và người này sẽ đòi được người bồi thự trước bồi thự lại, và cứ như thế đi ngược lên cho đến người phát lệnh.

Người làm thất lạc hối phiếu phải chịu sở phí.

**Điều thứ 449** – Sự cam kết của người bảo đảm dự liệu ở điều 445 và điều 446 sẽ tiêu diệt sau ba năm nếu trong thời hạn đó không có thưa kiện.

## PHỤ TIẾT VIII

### NHỮNG PHƯƠNG PHÁP TỐ CẦU TỐ CẦU VÌ KHÔNG ĐƯỢC TRẢ TIỀN

**Điều thứ 450** – Vào ngày đáo hạn, nếu không được trả tiền, người cầm hối phiếu có quyền sử dụng những phương pháp tố cầu đối với người phát lệnh, các người bồi thụ và các người hữu trách khác.

Trước ngày đáo hạn, người cầm phiếu cũng có quyền ấy trong các trường hợp sau đây :

- 1) Người thụ lệnh từ chối không chịu chuẩn nhận một phần hay toàn thể tấm hối phiếu;
- 2) Người thụ lệnh dù có chuẩn nhận hay không , bị khánh tận tuy chưa có án văn tuyên nhận.
- 3) Người phát lệnh bị khánh tận, mà hối phiếu lại không được phép xuất trình cho người thụ lệnh để chuẩn nhận.

Tuy nhiên, các người bảo đảm bị tố cầu trong hai trường hợp 2 và 3 nói trên có thể đệ đơn trong thời ba ngày kể từ ngày bị tố cầu đến chánh án nơi trú quán để xin ân hạn. Nếu xét đơn chánh đáng, chánh án sẽ ra án lệnh ấn định ngày người bảo đảm phải trả, nhưng không được quá hạn kỳ hối phiếu. Án lệnh không thể bị kháng tố hay kháng cáo.

**Điều thứ 451** – Nếu người thụ lệnh không chuẩn nhận hối phiếu hay không chịu trả tiền thì người thụ hưởng phải phản kháng bằng chứng thư cự tuyệt vì không chuẩn nhận hay chứng thư cự tuyệt vì không trả tiền.

Chứng thư cự tuyệt vì không chuẩn nhận phải làm trong thời hạn đã định để xuất trình hối phiếu để chuẩn nhận. Nếu ngày trình phiếu lần đầu chiếu điều 429 khoản 1 là ngày cuối cùng của thời hạn, chứng thư cự tuyệt còn có thể lập vào ngày hôm sau.

Đối với hối phiếu được trả tiền vào một ngày nhất định hay trong một thời hạn nào đó kể từ ngày phát hành hay kể từ ngày trình phiếu, chứng thư cự tuyệt phải lập nội hai ngày có làm việc sau ngày phải trả. Nếu là hối phiếu tức phó, chứng thư cự tuyệt phải làm theo điều kiện ấn định ở đoạn trên cho chứng thư cự tuyệt vì không chuẩn nhận.

Nếu đã lập chứng thư cự tuyệt vì không chuẩn nhận rồi thì không cần trình hối phiếu để đòi tiền, và không cần lập chứng thư cự tuyệt vì không trả tiền.

Trong trường hợp người thụ lệnh dù có chuẩn nhận hối phiếu hay không mà ngưng trả nợ hay bị sai áp vô hiệu quả, người cầm hối phiếu chỉ có thể sử dụng những phương pháp tố cầu sau khi đã xuất trình hối phiếu cho người thụ lệnh để đòi tiền và sau khi đã lập chứng thư cự tuyệt.

Trong trường hợp người thụ lệnh dù có chuẩn nhận hối phiếu hay không, bị tuyên án khánh tận cũng như trong trường hợp người phát lệnh bị tuyên án khánh tận, mà hối phiếu lại không được phép xuất trình cho người thụ lệnh để chuẩn nhận, người cầm phiếu chỉ cần xuất trình án văn tuyên bố khánh tận là có thể sử dụng những phương pháp tố cầu.

**Điều thứ 452** – Người cầm phiếu có thể chấp nhận sự trả tiền bằng chi phiếu thường hay bưu chi phiếu.

Nếu thanh toán bằng chi phiếu thường mà chi phiếu không được trả tiền thì phải tổng đạt tờ chứng thư cự tuyệt vì không trả tiền chi phiếu đến trú quán nơi trả tiền hối phiếu trong thời hạn

án định tại điều 524 nói về chi phiếu. Tờ chứng thư cự tuyệt và tờ tổng đạt làm chung bằng một truyền phiếu, trừ trường hợp vì thẩm quyền quản hạt phải cần có hai nhiệm lại.

Nếu thanh toán bằng bưu chi phiếu mà bị trung khu bưu phiếu khước từ thì phải tổng đạt sự khước từ đến trú quán người phát hành bưu chi phiếu ấy trong hạn tám ngày kể từ ngày phát hành bằng văn thư do thừa phát lại lập.

Nếu ngày cuối cùng của thời hạn tổng đạt nhằm ngày lễ pháp định thì lui lại đến ngày có làm việc tiếp sau. Những ngày lễ ở khoảng giữa phải được tính vào thời hạn. Cũng kể như ngày lễ pháp định những ngày mà theo luật hiện hành không thể đòi tiền và không thể lập chứng thư cự tuyệt.

Người thụ lệnh hồi phiếu khi nhận được tổng đạt, nếu không chịu trả tiền hồi phiếu và sở phí tổng đạt cùng sở phí về chứng thư cự tuyệt chi phiếu nếu có, phải hoàn trả hồi phiếu cho nhiệm lại hành sự; người này tức thời lập chứng thư cự tuyệt vì không trả tiền.

Nếu người thụ lệnh không chịu hoàn trả hồi phiếu, thì sẽ lập chứng thư phản kháng và trong trường hợp ấy, người cầm hồi phiếu khỏi phải theo các điều kiện án định tại điều 445 và điều 446 nói về hồi phiếu bị thất lạc.

Người thụ lệnh không hoàn trả hồi phiếu có thể bị trừng phạt về tội bội tín.

**Điều thứ 453** – Người cầm hồi phiếu bị từ chối chuẩn nhận hay từ chối trả tiền phải cáo tri cho người bồi thụ cho mình trong thời hạn bốn ngày có làm việc sau ngày lập chứng thư cự tuyệt, hay sau ngày trình phiếu nêu trong hồi phiếu có ghi khoản miễn lập chứng thư cự tuyệt. Trong trường hợp hồi phiếu có ghi tên và địa chỉ người phát lệnh, thừa phát lại trong hạn 48 giờ sau khi trước bạ tờ chứng thư cự tuyệt phải thông báo bằng thơ bảo đảm cho người phát lệnh biết lý do sự từ chối trả tiền, nếu không, có thể bị xử bồi thường thiệt hại.

Mỗi người bồi thụ lại phải cáo tri cho người bồi thụ trước trong hạn hai ngày có làm việc kể từ ngày nhận được cáo tri, phải ghi rõ tên và địa chỉ những người đã cáo tri trước đó và cứ như thế cho đến khi người tạo phiếu được cáo tri sự cự tuyệt.

Nếu một người ký hồi phiếu có người bảo lãnh thì người này cũng phải được cáo tri trong thời hạn nói ở đoạn trên.

Nếu một người bồi thụ nào không ghi hoặc ghi không rõ địa chỉ thì chỉ cần cáo tri cho người bồi thụ trước đó.

Sự cáo tri có thể làm bất cứ dưới hình thức nào, cũng có thể chỉ cần gọi trả lại hồi phiếu. Người có trách vụ cáo tri phải chứng minh rằng đã làm trong hạn luật định.

Thời hạn coi như được tôn trọng nếu thơ cáo tri được gửi bảo đảm trong thời hạn.

Người nào không cáo tri trong hạn định như trên sẽ không bị thất quyền, nhưng có thể bị trách nhiệm bồi thường nếu vì sự câu thả của mình mà gây thiệt hại cho người khác, tuy nhiên, bồi khoản không được quá ngạch số hồi phiếu.

**Điều thứ 454** – Người phát lệnh, người bồi thự hay người bảo lãnh có thể ghi vào hồi phiếu khoản “ miễn lập chứng thư cự tuyệt “, “trả lại miễn phí “ hay một khoản tương đương có ký tên và như vậy, người cầm hồi phiếu có thể sử dụng phương pháp tố cầu mà khỏi cần lập chứng thư cự tuyệt vì không chuẩn nhận hay không trả tiền.

Mặc dầu có điều khoản miễn lập chứng thư cự tuyệt người cầm phiếu vẫn phải xuất trình hồi phiếu trong hạn định và phải cáo tri trong trường hợp cần thiết.

Người nào nại sự bất tôn trọng thời hạn đối với người cầm hồi phiếu thì phải dẫn chứng. Nếu điều khoản miễn lập chứng thư cự tuyệt do người phát lệnh ghi thì điều khoản này có hiệu lực đối với tất cả những người đã ký tên vào hồi phiếu. Nếu điều khoản miễn trừ do một người bồi thự hay người bảo lãnh ghi chú thì chỉ có hiệu lực đối với họ mà thôi. Nếu đã có khoản miễn trừ do người phát lệnh ghi mà người cầm phiếu vẫn lập chứng thư cự tuyệt thì phải chịu sở phí. Nếu do người bồi thự hay người bảo lãnh ghi thì sở phí chứng thư cự tuyệt có thể đòi tất cả các người ký hồi phiếu phải chịu.

**Điều thứ 455** – Tất cả các người phát lệnh chuẩn nhận, bồi thự, bảo lãnh, đều phải liên đới chịu trách nhiệm đối với người cầm phiếu.

Người cầm hồi phiếu có thể kiện chung tất cả những người này hoặc chỉ chọn một trong những người ấy mà kiện, không cần phân biệt thứ tự.

Người nào đã trả tiền hồi phiếu rồi cũng có quyền kiện như trên.

Sau khi kiện một người rồi, nếu chưa được hoàn trả vẫn có quyền kiện một người khác, dù người này có cam kết sau người bị kiện trước.

**Điều thứ 456** – Người cầm hồi phiếu được quyền đòi người bị tố cầu:

- 1) Số tiền ghi trong hồi phiếu, với tiền lời nếu có định trước;
- 2) Tiền lời pháp định kể từ ngày hồi phiếu đáo hạn;
- 3) Tiền phí tổn chứng thư cự tuyệt, cáo tri và các sở phí khác.

Nếu trước ngày hồi phiếu đáo hạn thì phải khấu trừ số tiền lời tương đương theo phân suất chiết khấu chánh thức của ngân hàng quốc gia áp dụng vào ngày khởi tố tại nơi trú quán người cầm phiếu.

**Điều thứ 457** – Người nào đã trả tiền hồi phiếu có quyền đòi các người có trách vụ về hồi phiếu:

- 1) toàn thể số tiền đã trả;
- 2) tiền lời pháp định kể từ ngày trả;
- 3) sở phí đã ứng ra.

**Điều thứ 458** – Người có trách vụ trả tiền hồi phiếu nếu đã bị kiện hay có thể bị kiện, có quyền khi trả tiền, đòi giao hoàn hồi phiếu cùng tờ chứng thư cự tuyệt với thanh khoản. Người bồi thự đã trả tiền có thể gạch bỏ sự bồi thự của mình và các khoản bồi thự về sau.

**Điều thứ 459** – Trong trường hợp có tố cầu được sử dụng vì hối phiếu chỉ được chuẩn nhận một phần, người nào đã trả số tiền có quyền xin ghi nhận sự trả tiền này trên hối phiếu và cấp biên lai. Người cầm phiếu phải giao cho người đã trả tiền một bản sao có thị thực của tấm phiếu và tờ chứng thư cự tuyệt, để người này có thể sử dụng những phương pháp tố cầu về sau.

**Điều thứ 460** – Sau khi đã mãn các thời hạn đã định để:

- xuất trình hối phiếu tức phó hay hối phiếu có thời hạn trình phiếu.
- lập chứng thư cự tuyệt vì không chuẩn nhận hoặc vì không trả tiền.
- xuất trình hối phiếu để đòi tiền nếu có điều khoản miễn lập chứng thư cự tuyệt.

Người cầm hối phiếu sẽ bị thất quyền đối với các người bồi thụ, người phát lệnh và các người khác có trách vụ trả tiền về hối phiếu, ngoại trừ đối với người thụ lệnh đã chuẩn nhận. Tuy nhiên, chỉ thất quyền đối với người phát lệnh khi người này chứng minh được rằng đã có tiền dự kim vào ngày hối phiếu đáo hạn. Trong trường hợp này, người cầm phiếu chỉ có còn có tố quyền đối với người thụ lệnh.

Nếu không xuất trình hối phiếu để chuẩn nhận trong thời hạn do người phát lệnh đã định, người cầm phiếu sẽ thất quyền khiếu nại về việc không được trả tiền và về việc không được chuẩn nhận, trừ trường hợp người phát lệnh chỉ tự miễn cho mình sự bảo đảm chuẩn nhận mà thôi.

Nếu ước khoản về thời hạn trình phiếu được định khi bồi thụ thì chỉ có người bồi thụ được quyền viện dẫn.

**Điều thứ 461** – Nếu vì trường hợp bất khả kháng mà không xuất trình hối phiếu hay lập chứng thư cự tuyệt được trong thời hạn bắt buộc, thì thời hạn được gia tăng.

Người cầm phiếu phải cáo tri ngay cho người đã bồi thụ cho mình biết trường hợp bất khả kháng và phải ghi việc cáo tri có đề ngày tháng và ký tên vào hối phiếu hay tờ tiếp phiếu. Các điều khoản của điều 453 được áp dụng cho sự cáo tri này.

Sau khi trường hợp bất khả kháng chấm dứt, người cầm phiếu phải xuất trình ngay hối phiếu để chuẩn nhận hay để đòi tiền và lâm thời, lập chứng thư cự tuyệt.

Nếu trường hợp bất khả kháng kéo dài quá 30 ngày sau ngày đáo hạn thì có thể sử dụng những phương pháp tố cầu mà không cần phải trình phiếu và lập chứng thư cự tuyệt nữa.

Đối với hối phiếu tức phó hay hối phiếu được trả tiền sau một thời hạn trình phiếu, thời hạn 30 ngày nói trên được kể từ ngày người cầm phiếu cáo tri cho người bồi thụ biết trường hợp bất khả kháng, dù cho cáo tri trước ngày mãn hạn trình phiếu cũng vậy, đối với hối phiếu có thời hạn trình phiếu, thời hạn này được tính thêm vào thời hạn 30 ngày.

Không được kể như trường hợp bất khả kháng những hành động cá nhân của người cầm phiếu hay của người được cầm phiếu giao phó cho việc trình phiếu hay lập chứng thư cự tuyệt.

**Điều thứ 462** – Người cầm một hối phiếu đã bị cự tuyệt vì không trả tiền có thể xin án lệnh sai áp bảo lưu tài vật của các người phát lệnh, chuẩn nhận, hay bồi thụ.



## CHỨNG THƯ CỤ TUYỆT

**Điều thứ 463** – Chứng thư cụ tuyệt vì không chuẩn nhận hay không trả tiền sẽ do thừa phát lại làm tại nơi trú quán người thụ lệnh hay trú quán cuối cùng được biết của người này, trú quán của các người được chỉ định trong phiếu để trả tiền, trú quán người đệ tam đã can thiệp để chuẩn nhận hồi phiếu; tất cả bằng một chứng thư duy nhất. Trong trường phiếu ghi một trú quán hư ngụy, trước khi lập chứng thư cụ tuyệt phải làm biên bản truy tầm địa chỉ đích xác.

**Điều thứ 464** – Chứng thư cụ tuyệt phải chép nguyên văn tờ hồi phiếu, cùng các khoản về sự chuẩn nhận, bồi thự, bảo lãnh, chỉ định người trả tiền và ghi sự độc thúc trả tiền, sự hiện diện hay khiếm diện của người phải trả, lý do từ chối trả tiền, lý do đương sự không thể hay không chịu ký tên.

**Điều thứ 465** – Không thể thay thế chứng thư cụ tuyệt bằng bất cứ chứng thư nào của người cầm phiếu, trừ trường hợp quy định nơi điều 445 và kế tiếp và điều 452.

**Điều thứ 466** – “Thừa phát lại phải giao bản sao chứng thư cụ tuyệt cho các đương sự và chép lại chứng thư vào một quyển sổ có đánh số trang, được chánh án duyệt ký, nếu bất tuân sẽ phải chịu phí tổn và bồi thường thiệt hại, ngoài ra còn có thể bị trừng phạt về kỷ luật”.

## PHÚC HỒI PHIẾU

**Điều thứ 467** – Trừ trường hợp có ước khoản trái lại, người có quyền sử dụng hành các phương pháp tố tụng có thể làm một hồi phiếu khác gọi là phúc hồi phiếu để đòi một trong những người đã bảo đảm cho mình phải trả tiền ngay khi trình phiếu tại nơi trú quán của người này.

Phúc hồi phiếu gồm, ngoài các số tiền ấn định tại điều 456 và điều 457, các lệ phí khác và phí niêm.

Nếu phúc hồi phiếu do người cầm phiếu phát hành, ngạch số được ấn định theo thời giá một hồi phiếu tức phó phát hành tại nơi trả tiền của phiếu nguyên thủy để được trả tiền nơi trú quán của người bảo đảm.

Nếu phúc hồi phiếu do người bồi thự phát hành, ngạch số được ấn định theo thời giá một hồi phiếu tức phó phát hành tại nơi trú quán mà người phát lệnh phúc hồi phiếu để được trả tiền nơi trú quán của người bảo đảm.

**Điều thứ 468** – Phúc hồi phiếu bất khả kiêm thu. Mỗi người bồi thự, cũng như người phát lệnh chỉ có thể phải chịu một lần phúc hồi phiếu.

## PHỤ TIẾT IX

### SỰ CAN THIỆP

**Điều thứ 469** – Người phát lệnh, bồi thự hay bảo lãnh có thể chỉ định một người để chuẩn nhận hay trả tiền hối phiếu.

Có thể tự ý can thiệp để chuẩn nhận hay trả tiền hối phiếu thay thế bất cứ một người thiếu nợ nào có thể bị kiện.

Người can thiệp có thể là một người đệ tam, người thụ lệnh hay người hữu trách nào khác về hối phiếu, trừ người đã chuẩn nhận.

Người can thiệp phải cáo tri cho người mà mình can thiệp giúp biết hành động của mình trong thời hạn hai ngày có làm việc; nếu bất tuân thời hạn này, sẽ phải chịu trách nhiệm về sự thiệt hại, xảy ra nếu có, nhưng số bồi tổn không được quá ngạch số hối phiếu.

**Điều thứ 470** – Sự can thiệp để chuẩn nhận có thể thực hiện trong tất cả các trường hợp hối phiếu là một phiếu phải xin chuẩn nhận mà người cầm phiếu có quyền sử dụng tố cáo trước khi hối phiếu đáo hạn.

Nếu hối phiếu có chỉ định một người để chuẩn nhận hay trả tiền, người cầm hối phiếu không được sử dụng tố cáo trước khi đáo hạn, đối với người đã ghi sự chỉ định và đối với các người ký phiếu về sau, trừ phi đã trình hối phiếu cho người được chỉ định mà không được chuẩn nhận và nếu sự từ chối chuẩn nhận đã được xác nhận bằng một chứng thư cự tuyệt.

Trong các trường hợp can thiệp khác, người cầm phiếu có thể từ chối sự can thiệp để chuẩn nhận.

Tuy nhiên, nếu đã chấp nhận, người cầm phiếu sẽ mất tố cáo khả dụng trước khi hối phiếu đáo hạn, đối với người được hưởng sự can thiệp cũng như đối với những người ký phiếu về sau.

Sự chuẩn nhận bằng cách can thiệp được ghi vào hối phiếu và do người can thiệp ký tên. Phải biên rõ can thiệp cho ai, nếu không, phải kể như can thiệp cho người phát lệnh. Người can thiệp để chuẩn nhận bị kết buộc đối với người cầm phiếu và những người bồi thự sau người mà y can thiệp giúp, cũng như người này.

Mặc dầu đã có người can thiệp để chuẩn nhận, người được hưởng sự can thiệp và những người bảo đảm cho người này có thể, khi trả các số tiền nói ở điều 456, buộc người cầm phiếu phải giao hối phiếu cùng tờ chứng thư cự tuyệt với thanh khoản nếu có.

**Điều thứ 471** – Sự can thiệp để trả tiền có thể thực hiện trong mọi trường hợp mà người cầm phiếu có quyền sử dụng những tố cáo vào ngày hối phiếu đáo hạn hoặc trước ngày đáo hạn.

Người can thiệp phải trả toàn thể số tiền mà đáng lẽ người được hưởng sự can thiệp phải trả.

Phải trả trễ lắm vào ngày hôm sau ngày cuối cùng của thời hạn lập tờ chứng thư cự tuyệt vì không trả tiền.

**Điều thứ 472** – Nếu hồi phiếu đã được chuẩn nhận bởi những người can thiệp có trú quán tại nơi phải trả tiền hay nếu các người được chỉ định để trả tiền cư ngụ tại nơi đó, người cầm phiếu phải xuất trình hồi phiếu cho tất cả các người trên và nếu cần, lập tờ chứng thư cự tuyệt vì không trả tiền, trễ lắm là hôm sau ngày cuối cùng của thời hạn lập chứng thư cự tuyệt.

Nếu người cầm phiếu không lập chứng thư cự tuyệt trong hạn trên, người đã chỉ định ai phải trả tiền, người được hưởng sự chuẩn nhận bằng cách can thiệp và các người bồi thụ về sau, đều được giải trách.

**Điều thứ 473** – Nếu đã từ chối sự trả tiền bằng cách can thiệp, người cầm phiếu sẽ mất tố quyền đối với những người đáng lẽ được giải trái vì sự can thiệp.

**Điều thứ 474** – Khi trả tiền bằng cách can thiệp phải ghi và ký nhận trên hồi phiếu và phải biên rõ người được hưởng sự can thiệp, nếu không, kể như đã trả tiền thay cho người phát lệnh.

Hồi phiếu và chứng thư cự tuyệt, nếu có, phải giao cho người can thiệp đã trả tiền.

**Điều thứ 475** – Người can thiệp đã trả tiền rồi sẽ thụ hưởng mọi quyền lợi về tờ phiếu đối với người mà mình can thiệp giúp và đối với những người bị kết buộc với người này do tờ phiếu. Tuy nhiên, không thể đem hồi phiếu bồi thụ lại cho ai được.

Nếu đã trả tiền bằng cách can thiệp cho người nào rồi, thì những người bồi thụ hồi phiếu sau người ấy sẽ được giải trái.

Nếu có nhiều người cùng can thiệp ưu tiên sẽ dành cho sự can thiệp nào giải trái nhiều hơn.

Người nào tri tình can thiệp trái với nguyên tắc trên sẽ mất tố quyền đối với những người đáng lẽ được giải trái.

## PHỤ TIẾT X

### SỰ THÀNH LẬP HỒI PHIẾU LÀM NHIỀU BẢN – BẢN SAO HỒI PHIẾU

**Điều thứ 476** – Hồi phiếu có thể lập thành nhiều bản giống y nhau; mỗi bản phải ghi số thứ tự ngay trong chủ văn hồi phiếu, nếu không, mỗi bản sẽ được coi như một hồi phiếu khác biệt.

Nếu tấm hồi phiếu không ghi rõ là phiếu được thành lập một bản duy nhất, người cầm phiếu có thể yêu cầu được cấp nhiều bản, nhưng phải chịu sở phí. Muốn được vậy, phải xin người bồi thụ của mình lập bản khác, người này phải xin người bồi thụ trước, và cứ như thế cho đến người phát lệnh. Những người bồi thụ phải ghi lại khoản bồi thụ trên các bản mới.

**Điều thứ 477** – Sự trả tiền về một trong các bản hồi phiếu có hiệu lực giải trái, mặc dầu không có ghi rõ rằng các bản khác hết hiệu lực. Tuy nhiên, nếu đã chuẩn nhận người thụ lệnh vẫn phải bị kết buộc về mỗi bản hồi phiếu đã được chuẩn nhận mà không được giao hoàn.

Người bồi thự đã chuyển các bản hồi phiếu cho những người khác, cũng như các người bồi thự kê tiếp bị kết buộc bởi tất cả các bản không được giao hoàn có mang chữ ký của mình.

**Điều thứ 478** – Người nào đã gửi một trong các bản hồi phiếu đi để được chuẩn nhận, phải ghi trên những bản khác tên họ người hiện đang giữ bản đó. Người này phải giao trả hồi phiếu cho người cầm một bản khác có quyền lợi chánh đáng.

Nếu bị từ chối, người cầm phiếu chỉ có thể sử dụng tố cầu sau khi đã lập tờ chứng thư cự tuyệt ghi rõ ràng :

- 1) Bản hồi phiếu gửi đi để chuẩn nhận không được giao trả lại mặc dầu có yêu cầu;
- 2) Đương sự đã không được chuẩn nhận hay trả tiền trên một bản hồi phiếu khác.

**Điều thứ 479** – Người cầm hồi phiếu có quyền sao lại thành nhiều bản.

Bản sao chép phải nguyên văn nội dung bản chính với các khoản bồi thự cùng những ghi chú khác.

Bản sao phải ghi rõ là sao đến chỗ nào của bản chính.

Bản sao có thể được bồi thự và bảo lãnh theo cách thức và hậu quả y như bản chánh.

**Điều thứ 480** – Bản sao phải ghi rõ tên người giữ bản chính. Người này phải giao trả hồi phiếu cho người cầm bản sao có quyền lợi chánh đáng.

Nếu bị từ chối, người cầm bản sao chỉ có thể sử dụng tố cầu đối với những người bồi thự hay bảo lãnh tên bản sao, sau khi đã lập tờ chứng thư cự tuyệt rằng bản chính không được giao trả mặc dầu có yêu cầu.

Nếu trên bản chính sau khoản bồi thự cuối cùng trước khi làm bản sao, có ghi điều khoản: “kể từ đây sự bồi thự chỉ có giá trị trên bản sao”, hay ghi văn thức tương đương, thì sự bồi thự thực hiện về sau trên bản chính sẽ vô hiệu.

**Điều thứ 481** – Trong trường hợp chính văn hồi phiếu bị biến cải, những người ký vào hồi phiếu sau khi có sự biến cải bị kết buộc theo lời lẽ bản văn bị biến cải, còn những người ký tên trước đó bị kết buộc theo lời lẽ văn bản nguyên thủy.

## PHỤ TIẾT XI

### THỜI HIỆU

**Điều thứ 482** - Mọi tố quyền phát sinh do hồi phiếu, chống người chuẩn nhận, đều bị thời tiêu sau ba năm kể từ ngày hồi phiếu đáo hạn.

Các tổ quyền của người cầm phiếu chống người phát lệnh và những người bồi thự bị thời tiêu sau một năm kể từ ngày chứng thự cự tuyệt được lập đúng thời hạn, hay kể từ ngày hồi phiếu đáo hạn, nếu hồi phiếu có khoản miễn lập chứng thự cự tuyệt.

Các tổ quyền của những người bồi thự chống đối nhau và chống người phát lệnh bị thời tiêu sau sáu tháng kể từ ngày người bồi thự đã trả nợ hay từ ngày người ấy bị kiện. Nếu đã có sự khởi tố, các thời hiệu chỉ bắt đầu kể từ ngày có hành vi truy tố sau cùng. Các thời hiệu không được áp dụng nếu đã có án văn xử phải trả tiền hay nếu món nợ đã được nhìn nhận trong một chứng thự riêng biệt.

Sự gián đoạn thời hiệu chỉ có thể đem đối kháng với người nào mà mình đã làm một hành vi để gián đoạn.

Tuy nhiên, những người bị gán là thiếu nợ, nếu bị yêu cầu sẽ phải thề rằng họ không còn thiếu nữa; và các goá phụ thừa kế hay kế quyền của họ phải thề mình ngay tình tin rằng không còn thiếu gì nữa hết.

## PHỤ TIẾT XII

### ĐIỀU KHOẢN TỔNG QUÁT

**Điều thứ 483** - Nếu nhật hạn của hồi phiếu nhằm vào ngày lễ pháp định thì chỉ có thể đòi tiền ngày có làm việc tiếp sau.

Tất cả các hành vi liên quan đến hồi phiếu, như sự xuất trình hồi phiếu để chuẩn nhận và chứng thự cự tuyệt, chỉ có thể thực hiện vào ngày có làm việc.

Nếu hành vi phải làm trong một thời hạn nào đó mà ngày cuối cùng là ngày lễ pháp định thì phải lui lại ngày có làm việc tiếp sau.

Những ngày lễ ở khoảng giữa thời hạn phải được tính trong thời hạn.

**Điều thứ 484** - Được kể như ngày lễ pháp định những ngày mà theo luật hiện hành không thể đòi tiền và không thể lập chứng thự cự tuyệt.

**Điều thứ 485** - Thời hạn pháp định hay ước định không bao gồm ngày khởi điểm của thời hạn.

Không một ân hạn pháp định hay tài phán nào được chấp nhận ngoài trường hợp dự liệu nơi điều 450 và điều 461.

## TIẾT III

# LỆNH PHIẾU

**Điều thứ 486** - Lệnh phiếu là một chứng thư trong đó người ký phát cam kết sẽ phải trả một số tiền nhất định vào một ngày nhất định cho người thụ hưởng ghi trong phiếu hoặc cho một người nào khác theo lệnh của người thụ hưởng.

**Điều thứ 487** - Lệnh phiếu phải ghi rõ :

- 1) Điều khoản lệnh hành, hoặc danh tự “ Lệnh phiếu” theo ngôn ngữ được dùng trong việc biên thảo tờ phiếu;
- 2) Sự cam kết vô điều kiện trả một khoản tiền nhất định;
- 3) Kỳ hạn trả tiền;
- 4) Nơi trả tiền;
- 5) Tên họ người nhận tiền hay cho phép người khác nhận tiền;
- 6) Nơi và ngày tháng làm ra tờ phiếu;
- 7) Phải có chữ ký tay của người ký phát.

**Điều thứ 488** - Chứng thư nào ghi thiếu một trong những khoản nói ở điều trên sẽ không có giá trị một lệnh phiếu, trừ các trường hợp kể sau :

Nếu không ghi kỳ hạn trả tiền thì sẽ được coi như một tức phó phiếu, nghĩa là người thụ hưởng trình ra thì người ký phát phải trả tiền ngay.

Nếu không ghi rõ nơi trả tiền thì được coi như trả tiền nơi lập lệnh phiếu và cũng là nơi trú quán của người ký phát.

Nếu không ghi rõ nơi lập lệnh phiếu thì coi như đã làm nơi địa điểm ghi bên cạnh tên người ký phát.

**Điều thứ 489** - Những điều khoản nói về hối phiếu, trừ những khoản nào không tương dung với tính chất lệnh phiếu, sẽ được áp dụng cho lệnh phiếu, như kể sau đây:

- Về sự bồi thự (từ điều 420 đến điều 426) ;
- Về kỳ hạn (từ điều 435 đến điều 438) ;
- Về việc trả tiền (từ điều 439 đến điều 449) ;
- Về phương pháp tố cầu vì không được trả tiền (từ điều 450 đến điều 458, điều 460, 461, 462) ;
- Về chứng thư cự tuyệt (từ điều 463 đến điều 466)
- Về phúc hối phiếu (điều 467, 468) ;
- Về sự trả tiền (điều 469, 471 đến 475) ;
- Về bản sao phiếu (điều 479, 480) ;
- Về sự cải biên phiếu (điều 481) ;
- Về thời hiệu (điều 482) ;
- Về những ngày lễ, cách tính thời hạn và cấm ban ân hạn (điều 483, 484, 485).

**Điều thứ 490** – Cũng được áp dụng cho lệnh phiếu các điều khoản về hối phiếu được trả tiền tại trú quán của một người đệ tam, hay nơi nào khác hơn là trú quán người thụ lệnh (điều 414 và điều 430), điều khoản về sự ước định tiền lời (điều 415), về sự ghi chú sai biệt ngạch số tiền phải

trả (điều 416), về hiệu lực chữ ký của những người vô năng lực hay vô tư cách thụ ủy hoặc vượt quá quyền hạn người thụ ủy (điều 417).

**Điều thứ 491** – Cũng được áp dụng cho lệnh phiếu các điều khoản nói về sự bảo lãnh (điều 434). Trong trường hợp dự liệu ở khoản 5 điều 433, nếu không ghi rõ bảo lãnh cho ai thì kể như bảo lãnh cho người ký phát lệnh phiếu.

**Điều thứ 492** - Người ký phát một lệnh phiếu bị kết buộc như người chuẩn nhận một hối phiếu.

**Điều thứ 493** - Nếu là lệnh phiếu được trả tiền sau một thời hạn trình phiếu thì phải đưa trình cho người ký phát chiếu khán trong thời hạn ấn định nơi điều 427. Thời hạn trả tiền bắt đầu từ ngày người ký phát ký tên chiếu khán. Nếu người ký phát không chịu ký chiếu khán, người cầm phiếu sẽ nhờ chứng nhận bằng một chứng thư cự tuyệt và thời hạn trả tiền sẽ phát khởi kể từ ngày lập chứng thư cự tuyệt.

## TIẾT IV

# CHI PHIẾU

**Điều thứ 494** – Chi phiếu là một chứng thư do người phát hành đưa cho người thụ hưởng để người này hay một người khác theo lệnh của người thụ hưởng, được quyền đòi người thụ lệnh còn gọi là người thừa phó, - là một nhà ngân hàng hay một doanh nghiệp đồng loại, - phải trả ngay một khoản tiền đã được ký thác cho người thụ hưởng sử dụng.

### PHỤ TIẾT I

#### THẺ LỆ VỀ VIỆC PHÁT HÀNH CHI PHIẾU

**Điều thứ 495** – Chi phiếu phải ghi rõ:

- 1) Danh từ “chi phiếu” trên văn thư; làm chi phiếu theo ngôn ngữ nào thì danh từ “chi phiếu” cũng theo ngôn ngữ ấy;
- 2) Lệnh buộc vô điều kiện trả một khoản tiền nhứt định;
- 3) Tên họ người thụ lệnh, tức là người phải trả tiền;
- 4) Nơi trả tiền;
- 5) Nơi và ngày tháng làm ra cho phiếu;
- 6) Phải có chữ ký tay của người phát hành.

**Điều thứ 496** - Chứng thư nào ghi thiếu một trong những khoản nói ở điều trên sẽ không có giá trị một chi phiếu, trừ các trường hợp kể sau:  
Nếu không ghi rõ nơi trả tiền thì địa điểm ghi bên cạnh tên người thụ lệnh sẽ là nơi trả tiền. Nếu bên cạnh tên người thụ lệnh có ghi nhiều địa điểm thì phải trả tiền tại địa điểm ghi đầu tiên.

Nếu không ghi địa điểm nào thì nơi trả tiền sẽ là nơi tọa lạc cơ sở chánh của người thụ lệnh. Nếu không ghi rõ nơi làm chi phiếu thì coi như đã làm ở địa điểm ghi bên cạnh tên người phát hành.

**Điều thứ 497** - Người thụ lệnh bao giờ cũng là một nhà ngân hàng hay một doanh nghiệp đồng loại, theo luật lệ về ngân hàng, tổng nha ngân khố và các trung khu bưu chi phiếu.

Chứng khoán nào phát hành dưới hình thức chi phiếu mà chỉ định một người phải trả tiền khác hơn là những người nói ở trên, không có giá trị như chi phiếu.

**Điều thứ 498** - Người phát hành hay người nào ra lệnh cho người khác làm chi phiếu cho mình phải có tiền dự kim trong tay người thụ lệnh ngay từ lúc phát hành chi phiếu để người thụ hưởng có quyền sử dụng.

Tuy nhiên, người nào làm chi phiếu nhân danh người khác chỉ phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với những người bồi thụ và đối với người cầm phiếu mà thôi.

Chỉ người phát hành phải chứng minh trong trường hợp bị phủ nhận rằng vào lúc phát hành chi phiếu đã có dự kim trong tay người thừa phó, nếu không sẽ phải bảo đảm, mặc dầu chứng thư cự tuyệt làm sau thời hạn pháp định.

**Điều thứ 499** – Chi phiếu không thể được chuẩn nhận; nếu có ghi khoản chuẩn nhận thì khoản này coi như không có.

Tuy nhiên, người thụ lệnh có thể chiếu khán chi phiếu; sự chiếu khán có hậu quả chứng nhận là có tiền dự kim vào ngày chiếu khán.

**Điều thứ 500** - Mặc dầu có điều khoản trái lại, khi người phát hành hay người cầm phiếu yêu cầu, nếu chi phiếu có đủ dự kim, người thụ lệnh phải xác nhận việc này và ký tên vào chi phiếu. Chỉ có thể từ chối xác nhận khi nào tiền dự kim không đủ.

Người thụ lệnh xác nhận chi phiếu có trách nhiệm giữ lại tiền dự kim cho người cầm phiếu cho đến hết thời hạn xuất trình chi phiếu, thời hạn này sẽ ấn định nơi điều 512 sau.

**Điều thứ 501** – Chi phiếu có thể ghi rõ tên người được lãnh tiền, với điều khoản chiếu lệnh hay không, hoặc với điều khoản “không chiếu lệnh” hay điều khoản tương đương. Cũng có thể ghi là trả cho người cầm phiếu.

Nếu đã ghi tên người được lãnh tiền rồi lại thêm khoản “hay cho người cầm phiếu” hay một khoản tương đương, thì kể như chi phiếu được trả cho người cầm phiếu. Nếu không ghi gì về người thụ hưởng thì chi phiếu được coi như phải trả cho người cầm phiếu.

**Điều thứ 502** – Chi phiếu có thể do người phát hành làm ra cho chính mình được hưởng.

Chi phiếu cũng có thể do một người làm nhân danh người đệ tam.



Không thể làm chi phiếu để chính mình phải trả, trừ trường hợp chi phiếu ký phát giữa các doanh nghiệp khác nhau của một ngân hàng duy nhất và với điều kiện là chi phiếu ấy phải là một chi phiếu ký danh.

**Điều thứ 503** - Điều khoản sinh tiền lời nếu ghi vào chi phiếu sẽ kể như không có.

**Điều thứ 504** – Chi phiếu có thể trả tiền tại trú quán một người đệ tam, người này có thể ở cùng một nơi với người thụ lệnh hay ở một nơi khác, nhưng với điều kiện là người đệ tam phải là người một nhà ngân hàng hay bưu chi phiếu cuộc.

**Điều thứ 505** - Được áp dụng cho chi phiếu các điều 416, 417 (đoạn 3 và 3) nói về hối phiếu.

**Điều thứ 506** - Người phát hành phải bảo đảm việc trả tiền chi phiếu. Điều khoản miễn trừ bảo đảm ghi trong phiếu sẽ coi như không có.

## PHỤ TIẾT II

### SỰ LƯU HÀNH CHI PHIẾU

**Điều thứ 507** – Chi phiếu ghi rõ tên người được lãnh tiền, dù có hay không điều khoản chiếu lệnh, có thể đem lưu hành bằng cách bồi thụ.

Nếu chi phiếu có chỉ danh người được lãnh tiền với điều khoản “không chiếu lệnh” hay một điều khoản tương đương, người cầm phiếu chỉ có thể di nhượng theo thể thức và với các hậu quả định bởi thường luật.

**Điều thứ 508** - Những điều khoản nói về sự bồi thụ hối phiếu (tiết II, phụ tiết III) cũng được áp dụng cho chi phiếu, trừ những khoản nào không tương ứng với tính chất chi phiếu, như sẽ nói sau đây.

**Điều thứ 509** - Sự bồi thụ do người thụ lệnh làm sẽ vô hiệu.

Sự bồi thụ cho người thụ lệnh chỉ có giá trị như một tờ biên nhận, trừ trường hợp người này có nhiều cơ sở mà sự bồi thụ lợi ích cho một cơ sở khác hơn là cơ sở phải trả tiền.

Người được bồi thụ sẽ thành sở hữu chủ tiền dự kim.

Sự bồi thụ một chi phiếu vô danh kết buộc người bồi thụ theo như các điều khoản nói về những phương pháp tố cầu, nhưng không hoán cải chi phiếu thành chi phiếu có lệnh khoản.

## PHỤ TIẾT III

### SỰ BẢO LÃNH CHI PHIẾU

**Điều thứ 510** – Chi phiếu có thể được bảo lãnh một phần hay toàn phần do một người đệ tam hay bất cứ một người nào có ký tên trên chi phiếu, trừ người thụ lệnh. Những điều khoản nói về sự bảo lãnh hối phiếu (Tiết II, phụ tiết V) cũng được áp dụng cho chi phiếu.

## PHỤ TIẾT IV

### VIỆC TRẢ TIỀN CHI PHIẾU

**Điều thứ 511** – Chi phiếu đưa trình lúc nào phải được trả tiền ngay lúc ấy. Mọi khoản ghi chú trái với thể lệ này sẽ coi như không có.

Chi phiếu đưa trình trước ngày được ghi là ngày phát hành, được trả tiền vào ngày đưa trình.

**Điều thứ 512** - Nếu là chi phiếu phát hành ở Việt nam để được trả tiền tại Việt nam, thì phải đưa trình trong hạn tám ngày kể từ ngày được ghi là ngày phát hành trên chi phiếu.

Nếu là chi phiếu được phát hành tại các quốc gia lân cận để trả tiền tại Việt nam thì phải đưa trình trong hạn 20 ngày.

Nếu là chi phiếu phát hành tại một quốc gia ngoài Viễn đông và trả tiền tại Việt nam thì phải đưa trình trong hạn 70 ngày.

**Điều thứ 513** – Quá hạn, người thụ lệnh vẫn phải trả tiền nếu có dự kim.

Người phát hành không thể ngăn chặn việc trả tiền, trừ trường hợp chi phiếu đã bị thất lạc hay người cầm phiếu bị tuyên bố khánh tận.

Nếu người phát hành ngăn chặn vì lý do khác, tòa khản cấp theo đơn xin của người cầm phiếu, sẽ phải truyền giải trừ sự ngăn chặn, ngay cả trong trường hợp tòa chánh vụ đã được thụ lý.

**Điều thứ 514** – Nếu sau ngày phát hành, người phát hành mệnh một hay trở thành vô năng, chi phiếu vẫn có giá trị.

**Điều thứ 515** – Người thụ lệnh khi trả tiền chi phiếu có thể buộc người cầm phiếu giao chi phiếu có chữ ký nhận lãnh tiền.

Người cầm phiếu không thể khước nhận nếu chỉ được trả một phần tiền.

Nếu tiền dự kim ít hơn ngạch số của chi phiếu, người cầm phiếu có quyền đòi người thụ lệnh phải trả đến ngạch số sự kim hiện hữu ấy.

Nếu chỉ trả một phần tiền, người thụ lệnh có thể buộc người thụ hưởng ghi rõ việc trả tiền này vào chi phiếu và làm giấy ký nhận.

Trả được phần nào tiền, thì người phát lệnh và bồi thụ giám được trách nhiệm đi phần ấy.

Đối với phần còn lại, người cầm phiếu phải lập chứng thư cự tuyệt.

**Điều thứ 516** – Nếu một chi phiếu không bị ngăn cản, người nào trả tiền được ước đoán là được giải nhiệm hữu hiệu.

Người thụ lệnh phải kiểm soát xem chi phiếu có hợp lệ không, nhất là chữ ký của người phát hành, phải kiểm soát căn cước của người thụ hưởng.

Nếu phiếu đã được bồi thụ, phải xem những sự bồi thụ có liên tiếp không, nhưng không cần kiểm soát chữ ký của những người bồi thụ.

Nếu là phiếu vô ký danh thì ai đưa trình phải trả tiền cho người ấy.

**Điều thứ 517** – Chi phiếu có thể được làm thành nhiều bản. Nếu mất một bản, có thể trình bản khác để lãnh tiền.

Người nào làm mất chi phiếu mà không xuất trình được bản nào khác thì chỉ được trả tiền nếu chứng minh được quyền sở hữu bằng giấy tờ, sổ sách, và được án lệnh của chánh án cho phép và có bảo lãnh.

**Điều thứ 518** – Sự cam kết của người bảo lãnh trong trường hợp chi phiếu bị thất lạc sẽ tiêu diệt sau sáu tháng nếu trong thời gian ấy không có sự khiếu nại hay truy tố.

**Điều thứ 519** – Các điều khoản nói về sự trả tiền hối phiếu cũng được áp dụng cho chi phiếu; điều 439 đoạn 2, 442, 447, 448.

## PHỤ TIẾT V

### CHI PHIẾU CÓ GẠCH

**Điều thứ 520** – Chi phiếu có gạch là một thứ chi phiếu trên mặt có gạch hai gạch song song. Đặc tính của chi phiếu này là chỉ có thể trả tiền cho một nhà ngân hàng hay một khách hàng của ngân hàng ấy.

**Điều thứ 521** – Chi phiếu có thể do người phát hành hay người cầm phiếu gạch theo hai cách:

- 1) Nếu chỉ gạch hai gạch mà không biên rõ nhà ngân hàng nào, thì là gạch không tên.
  - 2) Nếu gạch hai gạch rồi lại biên tên một nhà ngân hàng vào giữa, thì là gạch có tên.
- Tên ngân hàng phải biên đích xác, nếu chỉ biên “ngân hàng” mà không rõ ngân hàng nào, thì kể như gạch không tên.
- Gạch không tên có thể đổi thành gạch có tên. Trái lại gạch có tên không thể xóa đi để được đổi thành gạch không tên.
- Sự xóa bỏ gạch hay tên nhà ngân hàng đã chỉ định kể như không có.

**Điều thứ 522** - Nếu là gạch không tên, chi phiếu chỉ có thể trả tiền cho một nhà ngân hàng hay một khách hàng của nhà ngân hàng.

Nếu là gạch có tên thì chỉ nhà ngân hàng đã có ghi tên giữa hai gạch có quyền lãnh tiền, và nếu ngân hàng này thụ lệnh thì chỉ phiếu chỉ được trả tiền cho khách hàng của ngân hàng ấy mà thôi. Tuy nhiên, nhà ngân hàng được chỉ định có thể nhờ một ngân hàng khác lãnh tiền.

Một ngân hàng chỉ được nhận chi phiếu có gạch của một khách hàng của mình hay một ngân hàng khác. Ngoài ra không được lãnh tiền cho một người nào khác.

Nếu trên chi phiếu có nhiều gạch có tên, người thụ lệnh chỉ có thể trả tiền trong trường hợp chỉ gạch có hai lần mà một lần để trừ tiền do phòng bù trừ.

Người thụ lệnh hay nhà ngân hàng nào không tôn trọng các điều khoản nói trên phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho tới mức gạch số của chi phiếu.

## PHỤ TIẾT VI

### NHỮNG PHƯƠNG PHÁP TỔ CẦU

**Điều thứ 523** - Người cầm chi phiếu có thể sử dụng những phương pháp tổ cầu đối với người phát lệnh, các người bồi thụ và các người hữu trách khác, nếu không được trả tiền khi xuất trình chi phiếu trong thời hạn luật định và sau khi đã lập chứng thư cự tuyệt.

**Điều thứ 524** - Chứng thư cự tuyệt phải được lập trong thời hạn ấn định để xuất trình chi phiếu.

Nếu xuất trình chi phiếu vào ngày cuối cùng của thời hạn thì chứng thư cự tuyệt có thể làm vào ngày có làm việc sau đó.

**Điều thứ 525** - Các điều 453 và 454 về việc cáo tri và miễn lập chứng thư cự tuyệt về hối phiếu cũng áp dụng cho chi phiếu.

**Điều thứ 526** - Tất cả những người bị kết buộc do chi phiếu có trách nhiệm liên đới đối với người cầm chi phiếu, theo như điều 455 qui định về hối phiếu.

**Điều thứ 527** - Người cầm chi phiếu có quyền đòi người bị tố cầu:

- 1) Số tiền ghi trong chi phiếu không được trả;
- 2) Tiền lời pháp định kể từ ngày trình phiếu;
- 3) Sở phí về chứng thư cự tuyệt, các việc cáo tri và các sở phí khác nếu có.

**Điều thứ 527** - Điều 457, 458, 461 về hối phiếu cũng được áp dụng cho chi phiếu.

## PHỤ TIẾT VII

### SỰ THÀNH LẬP CHI PHIẾU LÀM NHIỀU BẢN

**Điều thứ 529** - Trừ chi phiếu vô ký danh, các chi phiếu khác phát hành tại một xứ để được trả tiền tại xứ khác, có thể lập thành nhiều bản giống y nhau; mỗi bản phải ghi số thứ tự ngay trong chính văn chi phiếu, nếu không, mỗi bản sẽ được coi như một chi phiếu khác biệt.

**Điều thứ 530** - Sự trả tiền về một trong các bản chi phiếu có hiệu lực giải trái, mặc dầu không có ghi rõ ràng các văn bản khác hết hiệu lực.

Người bồi thụ đã chuyển các bản chi phiếu cho nhiều người khác, cũng như các người bồi thụ kế tiếp, bị kết buộc bởi tất cả những bản không được giao hoàn có mang chữ ký của mình.

**Điều thứ 531** - Điều 481 nói về sự biến cải hồi phiếu cũng áp dụng cho chi phiếu.

## PHỤ TIẾT VIII

### THỜI HIỆU

**Điều thứ 532** - Tố quyền của người cầm chi phiếu đối với người phát hành, các người bồi thụ và các người hữu trách khác, bị thời tiêu sau sáu tháng kể từ ngày mãn hạn xuất trình chi phiếu.

Tố quyền của những người có trách vụ trả tiền chi phiếu chống đối nhau, bị thời tiêu sau sáu tháng kể từ ngày người có trách vụ đã trả tiền hay từ ngày người ấy bị kiện.

Tố quyền của người cầm phiếu đối với người thụ lệnh bị thời tiêu sau ba năm kể từ ngày mãn hạn xuất trình chi phiếu.

Tuy nhiên, trong trường hợp thất quyền tố cầu hoặc thời tiêu, người cầm phiếu vẫn có quyền hành sử tố quyền đối với người phát hành không có tiền dự kim hay đối với các hữu trách đặc lợi vô nguyên nhân.

**Điều thứ 533** - Thời hiệu có thể bị gián đoạn theo như đã qui định nơi điều 482 nói về hồi phiếu.

## PHỤ TIẾT IX

### CHỨNG THƯ CỤ TUYỆT

**Điều thứ 534** - Chứng thư cụ tuyệt do thừa phát lại lập tại nơi trú quán của người phải trả tiền hay nơi cư sở cuối cùng được biết của người này. Trong trường hợp ghi trú quán hư ngụy, trước khi lập chứng thư cụ tuyệt phải làm biên bản sưu tầm địa chỉ đích xác.

**Điều thứ 535** - Những điều khoản nói về chứng thư cụ tuyệt liên quan đến hồi phiếu, cũng được áp dụng cho chi phiếu trừ khoản nào không tương dung với tính chất chi phiếu.

## PHỤ TIẾT X

### ĐIỀU KHOẢN TỔNG QUÁT VÀ HÌNH PHẠT

Điều thứ 536 – Trong các điều khoản nói về chi phiếu, danh từ “ nhà ngân hàng” bao gồm luôn cả những người và cơ sở mà luật lệ đồng hoá với nhà ngân hàng.

**Điều thứ 537** - Sự xuất trình chi phiếu và chứng thư cự tuyệt chỉ có thể thực hiện vào một ngày có làm việc.

Nếu ngày cuối cùng của thời hạn luật định để làm một hành vi nào liên quan đến chi phiếu, như sự xuất trình chi phiếu hay việc lập chứng thư cự tuyệt, là ngày lễ pháp định, thì thời hạn được lui lại ngày có làm việc tiếp sau. Những ngày lễ ở khoảng giữa thời hạn phải được tính trong thời hạn.

Cũng được kể như ngày lễ pháp định những ngày mà theo luật hiện hành không thể đòi tiền và không thể lập chứng thư cự tuyệt.

**Điều thứ 538** - Mọi thời hạn dự liệu về chi phiếu không bao gồm ngày khởi điểm của thời hạn.

**Điều thứ 539** – Không thể được hưởng ân hạn pháp định hay tài phán, ngoại trừ trường hợp bất khả kháng như nói ở điều 461 về hối phiếu.

**Điều thứ 540** – Không có sự thế cải trái quyền khi chủ nợ chỉ mới nhận một chi phiếu để lấy nợ. Trái quyền nguyên thủy vẫn tồn tại với tất cả các bảo đảm liên hệ, cho đến khi chi phiếu được trả tiền.

**Điều thứ 541** - Người cầm một chi phiếu đã làm cự tuyệt có thể xin án lệnh sai áp bảo lưu tài vật của các người phát hành và bồi thự.

**Điều thứ 542** - Người ký phát một chi phiếu không ghi nơi phát hành hay không ghi ngày tháng, hoặc ghi ngày tháng giả mạo, hay phát hành một chi phiếu mà người thụ lệnh không phải là một nhà ngân hàng, sẽ bị phạt vạ thuế bằng 6 phần 100 số tiền ghi trong chi phiếu, nhưng số tiền phạt vạ không được quá ba ngàn đồng (3.000\$00).

Người nào phát hành một chi phiếu không có tiền dự trữ khả dụng cũng bị phạt như nói ở đoạn trên.

Nếu số tiền dự trữ ít hơn số tiền ghi trong chi phiếu, thì số tiền phạt vạ thuế sẽ tính theo số sai biệt giữa số tiền dự trữ và giá ngạch chi phiếu.

**Điều thứ 543** – Nhà ngân hàng nào cấp cho trái chủ của mình những mẫu chi phiếu để trống, được trả tiền tại quỹ của ngân hàng, phải ghi rõ trên mỗi tờ tên họ người được cấp phát, bằng không, sẽ bị phạt vạ thuế ba ngàn đồng về mỗi vi phạm.

Nhà ngân hàng nào có tiền trữ kim và mặc dầu không có sự ngăn cản nào, lại từ chối trả tiền một chi phiếu được xuất trình hợp lệ, phải chịu trách nhiệm bồi thường về sự thiệt hại gây cho người phát hành, vì không thi hành lệnh trả tiền cũng như làm tổn thương đến uy tín của khách hàng.

**Điều thứ 544** - Sẽ bị hình phạt của tội lường gạt, như qui định trong Bộ hình luật, nhưng tiền và không được dưới giá gạch chi phiếu hay số trữ kim đã thiếu:

1) Người nào đã gian ý phát hành một chi phiếu không tiền dự trữ khả dụng hay với một số trữ kim ít hơn giá gạch chi phiếu, hoặc sau khi phát hành, rút toàn phần hay một phần số trữ kim, hoặc cấm người thụ lệnh trả tiền chi phiếu.

2) Người nào đã tri tình nhận một chi phiếu phát hành trong những điều kiện nói ở đoạn trên. Sẽ bị hình phạt theo tội lường gạt, như qui định trong Bộ hình luật, nhưng tiền phạt và không được dưới giá gạch chi phiếu:

1) Người nào ngụy tạo hay biến cải một chi phiếu.

2) Người nào tri tình nhận một chi phiếu ngụy tạo hay biến cải.

**Điều thứ 545** - Nếu tái phạm, sẽ phải bị tuyên cấm chỉ sử dụng toàn thể hay một phần các quyền công dân, dân sự và gia đình.

**Điều thứ 546** - Tất cả các vi phạm nói trên được kể như một tội đồng loại về phương diện tái phạm.

**Điều thứ 547** – Nhân khi người phát lệnh bị truy tố về hình sự, người thụ hưởng đứng dân sự nguyên cáo có thể xin trước toà hình được bồi hoàn số tiền ghi trong chi phiếu và tiền thiệt hại khác nếu có. Tuy nhiên, người thụ hưởng nếu muốn có thể kiện đòi nợ trước toà dân sự thay vì trước toà hình sự.

**Điều thứ 548** - Người thụ lệnh tri tình ghi số tiền dự kim dưới số tiền dự trữ thực sự sẽ bị phạt vạ từ 10.000\$ đến 100.000\$.

**MỤC LỤC** \* **QUYỂN 1** \* **QUYỂN 2**  
\* **QUYỂN 4** \* **QUYỂN 5**

**BỘ THƯƠNG LUẬT - VNCH - Quyển 4**

31 August 2012

Hits: 6598

*QUYỂN THỨ TƯ*

**VỀ THƯƠNG MẠI HÀNG HẢI**

**CHƯƠNG THỨ NHẤT**

**ĐẠI CƯƠNG**

**Điều thứ 549** – Tàu biển là vật nổi được kiến trúc để tự di chuyển trên nước và được đem dùng trong những hải trình có phạm vi chánh là biển.

**Điều thứ 550** – Được xem là biển, những vùng ngập nước theo sự ghi chú theo các hải đồ chánh thức và những đoạn sông ngòi, kinh rạch và luật lệ Việt nam đồng hoá với biển để thi hành các qui tắc hàng hải.

**Điều thứ 551** – Tàu biển có quốc tịch, tên và cứ cảng là nơi lưu trữ chứng thư đăng kí và giấy tờ hành chánh khác.

## CHƯƠNG THỨ II

### VỀ TÀU BIỂN

**Điều thứ 552** – Tàu biển là một động sản nhưng bắt buộc phải đăng kí và có thể đề dương.

### TIẾT I

## SỰ ĐĂNG KÍ VÀ VIỆT NAM HOÁ TÀU BIỂN

**Điều thứ 553** - Bất cứ tàu biển nào có dung lượng nguyên tử một trăm đơn số trở lên đều phải được đăng kí vào sổ thương thuyền để có thể được cấp chứng thư Việt nam hoá

Không thể cùng một lúc, đăng kí một tàu biển tại hai hay nhiều nơi khác nhau.

**Điều thứ 554** - Sự đăng kí được thực hiện bằng cách ghi theo số thứ tự vào sổ thương thuyền lưu trữ tại quản hạt nơi tàu biển chọn cứ cảng.

**Điều thứ 555** - Muốn được đăng kí, tàu biển phải thuộc quyền sở hữu một thể nhân hay pháp nhân có quốc tịch Việt nam.

Nếu là pháp nhân thì phải có các điều kiện sau đây:

- 1) Hội sở phải đặt tên lãnh thổ quốc gia Việt nam;
- 2) Nếu là công ty nặc danh hay trách nhiệm hữu hạn, chủ tịch và đa số hội đồng quản trị, hội đồng kiểm soát, tổng giám đốc hay quản lý phải là người Việt nam;
- 3) Nếu là một hội hợp danh thì phần hùn của hội viên Việt nam ít nhất phải bằng 51% số vốn hội;
- 4) Nếu hội là một công ty nặc danh, thì những cổ phần đại diện cho năm mươi một phần trăm vốn ( 51%) bắt buộc phải là kí danh.



**Điều thứ 556** – Trong mọi trường hợp:

- 1) Thuyền trưởng, sĩ quan điều hành phải là người Việt nam;
- 2) Thủy thủ đoàn phải ít nhất là phân nửa quốc tịch Việt nam trừ trường hợp tại hải cảng trang bị không có đủ thủy thủ Việt nam hội đủ điều kiện bố buộc.

**Điều thứ 557** – Để được đăng ký, thuyền chủ phải nộp đơn tại ty quan thuế thuộc quản hạt nơi tàu biển chọn cứ cảng và kèm theo tài liệu chứng minh hội đủ các điều kiện dự liệu ở điều 555.

Ty quan thuế đo dung lượng nguyên của tàu biển, lập chứng thư dung lượng và ghi vào sổ hàng hải thương thuyền :

- 1) Tên tàu biển, dung lượng, trọng tải và các đặc tính quan trọng của tàu;
- 2) Tên họ, nghề nghiệp, trú quán và quốc tịch của thuyền chủ;
- 3) Hội sở, hội danh, số vốn, nguồn gốc vốn, tên họ của chủ tịch và hội đồng quản trị, của tổng giám nếu có và của quản lý.

**Điều thứ 558** - Tổng trưởng tài chánh cấp phát chứng thư Việt nam hoá các thể thức dự liệu ở các điều 555, 556, 557 đã được thực sự thi hành.

Chứng thư Việt nam hoá thuyền chủ đại diện của người này.

**Điều thứ 559** - Với sự cấp phát sự chứng thư Việt nam hoá, tàu biển thừa nhận có quốc tịch Việt nam được quyền mang quốc kì và hưởng những quyền kiên hệ.

Tuy nhiên, được miễn có chứng thư Việt nam hoá:

- 1) Các tàu của chính phủ với điều kiện là tàu này không làm những hành vi thương mại;
- 2) Các ghe xuồng phụ thuộc đặt trên tàu biển;
- 3) Những ghe thuyền chỉ lưu thông trong phạm vi của biển hay hải cảng;
- 4) Những ghe tàu dung lượng nguyên dưới 100 đôn số dùng vào việc khai thác hải sản hoặc chuyên chở hàng hoá xuyên quốc gia.

**Điều thứ 560** - Chứng thư Việt nam hoá chỉ được đem dùng vào hải trình.

Cần bán, cho mượn hoặc cho mượn chứng thư Việt nam hoá.

Mọi vi phạm vào sự cấm đoán này sẽ bị truy tố và xử phạt theo điều 564.

**Điều thứ 561** - Một khi được ghi vào chứng thư Việt nam hoá, tên tàu biển không được đổi nếu không có giấy phép.

**Điều thứ 562** - Nếu để mất chứng thư Việt nam hoá, thuyền chủ có thể xin một phó bản chứng thư.

**Điều thứ 563** – Trong thời hạn ba tháng, thuyền chủ bắt buộc phải nộp chứng thư Việt nam hoá và khai báo cho chánh thu quan thuế thuộc quản hạt nơi tàu biển đã chọn cứ cảng, nếu:

- 1) Có sự thay đổi về đặc tính quan trọng của tàu biển đã ghi trong Việt nam hoá;
- 2) Tàu biển bị tiêu huỷ hay lâm vào tình trạng bất khả hành thủy;
- 3) Có những sự kiện mới gây ra sự khiếm khuyết của một điều kiện dự liệu bởi các điều 555, 556.

Ty quan thể kiểm nhận tính cách đích xác của sự việc này và tùy trường hợp, hoặc thu hồi hẳn chứng thư Việt nam hoá cũ hoặc xin Tổng trưởng tài chánh cấp phát chứng thư mới phù hợp với đặc tính hiện tại của tàu biển hơn, hoặc gạch bỏ sự đăng ký đó trừ những đăng ký đề dương hay sai áp.

**Điều thứ 564** - Sẽ bị phạt vạ từ 100.000\$00 đến 1.000.000\$00, kẻ nào đã vi phạm điều 560. Sẽ bị phạt tù từ 1 đến 5 năm kẻ nào đã dùng mảnh khoé gian lận để được cấp chứng thư Việt nam hoá, hoặc đã giả mạo hay sử dụng chứng thư Việt nam hoá giả mạo.

## **TIẾT II**

# **VỀ SỰ THUẬN MÃI TÀU BIỂN**

**Điều thứ 565** - Chỉ có thuyền chủ mà tên họ được ghi hợp lệ trong sổ đăng ký và trong chứng thư Việt nam hoá, hay người nào được sự uỷ quyền đặc biệt của người này mới có quyền thuận mãi một tàu biển trừ trường hợp tàu biển lâm vào tình trạng bất khả hành thủy dự liệu ở điều 564.

**Điều thứ 566** - Sự thuận mãi có thể bao gồm toàn phần tàu biển hay chỉ liên quan đến một phần tàu biển, dù tàu đang cập bến hay đang hành trình.

**Điều thứ 567** - Sự thuận mãi sẽ vô hiệu nếu khi ký kết khế ước đoạn mãi, tàu biển đã bị tiêu huỷ, trừ trường hợp đôi bên ký kết đã dự liệu việc này ngay trong khế ước.

**Điều thứ 568** - Sự thuận mãi một tàu biển đã được Việt nam hoá hợp lệ tại Việt nam cho một thể nhân hay pháp nhân có ngoại tịch chỉ được thực hiện khi có giấy phép của Tổng thống.

**Điều thứ 569** - Cấm thuận mãi một tàu biển bị đề dương cho một người ngoại quốc dù là tại Việt nam hay ngoại quốc.

Vi phạm điều này sự thuận mãi bị coi như vô hiệu và người bán sẽ bị phạt về tội bội tín.

**Điều thứ 570** - Sự thuận mãi tàu biển phải làm bằng văn thư, có thể dùng hình thức công chứng thư hay tư chứng thư có trước bạ.

**Điều thứ 571** - Với tàu biển đã được Việt nam hoá, chứng thư thuận mãi phải ghi rõ :

- 1) Tên tàu và các đặc tính quan trọng ;
- 2) Ngày tháng và số của chứng thư Việt nam hoá;
- 3) Những chỉ dẫn cần thiết về chiếc tàu bán ;

**Điều thứ 572** – Trong thời hạn một tháng sau ngày ký kết, chứng thư đoạn mãi phải đưa trình ty chánh thu quan thuế thuộc quản hạt nơi tàu biển có cứ cảng để được sang tên.

Sự thuận mãi chỉ có hiệu lực chuyển quyền sở hữu đối với đệ tam nhân từ lúc đã thực hiện xong sự sang tên tại ty chánh thu quan thuế.

**Điều thứ 573** – Sau khi đã sang tên tại ty chánh thu quan thuế, sự thuận mãi phải được công bố trên Công báo Việt nam Cộng hoà và trên hai tờ báo hàng ngày được phép đăng các bố cáo tư pháp xuất bản nơi quản hạt mà tàu biển có cứ cảng; nếu tại đây không có báo hàng ngày thì có thể công bố trên hai tờ nhật báo xuất bản ở thủ đô.

Trong các bố cáo phải ghi:

- 1) Tên, dung lượng nguyên và cứ cảng của tàu biển;
- 2) Tên họ và trú quán của người mua và người bán;
- 3) Ngày thực hiện sự sang tên tại ty chánh thu quan thuế;
- 4) Trú quán tuyển chọn tại Việt nam của người mua.

Sự công bố nếu không theo đúng những thể thức bó buộc nói ở những khoản trên sẽ coi như vô hiệu.

Quá hạn hai tháng, sau ngày công bố, tính chất đặc quyền của các món nợ dự liệu bởi điều 575 sẽ bị tiêu diệt không kể những nguyên nhân thông thường về sự tiêu diệt trách vụ qui định bởi thường luật.

**Điều thứ 574** - Nếu có sự tranh chấp giữa các người mua, về quyền sở hữu tàu biển, thì người nào đã được sang tên hợp lệ trước tại ty chánh thu quan thuế có thẩm quyền sẽ được coi là chân chánh sở hữu chủ.

## TIẾT III

# VỀ ĐẶC QUYỀN HÀNG HẢI

**Điều thứ 575** – Các trói quyền phát sinh trong thời gian mỗi cuộc hành trình được bảo đảm theo thứ tự ưu tiên dưới đây trên tàu biển và thủy cước hành trình ấy, cũng như trên các phụ khoản của tàu biển và thủy cước đã thủ đắc từ lúc khởi hành.

- 1) Các án phí tụng lệ đã xuất ra để phát mãi tàu biển và phân chia số tiền bán tàu biển;
- 2) Những khoản thuế đánh trên trọng lượng hay thuế bến và mọi sắc thuế khác cùng loại, chi phí về hoa tiêu, về sự quản thủ và gìn giữ tàu biển kể từ khi tàu cập bến sau cùng;

- 3) Những tiền lương của thuyền trưởng, thủy thủ đoàn và các nhân viên khác để làm việc trên tàu;
- 4) Những khoản tiền thù đáp về công việc cứu trợ tàu biển và khoản tiền mà tàu phải đóng góp vào hải tòn chung;
- 5) Những khoản tiền bồi thường vì thuyền đột hay tai nạn thủy hành khác hay vì những thiệt hại đã gây ra cho công trình kiến trúc của hải cảng và thủy lộ, những khoản tiền bồi thường vì những thiệt hại về thân thể gây ra cho hành khách, thủy thủ đoàn cùng những khoản tiền bồi thường về các tổn thất hàng hoá và hành lý;
- 6) Những trái quyền do những giao kèo đã ký kết hoặc do các nghiệp vụ đã thực hiện, bởi thuyền trưởng ngoài cứ cảng, chiếu những quyền hạn luật định của mình về những nhu cầu thật sự để giữ gìn tàu biển hay để tiếp tục chuyến đi, bất cứ thuyền trưởng có phải đồng thời là thuyền chủ hay không, bất cứ trái chủ là chính thuyền trưởng hay là những nhà cung cấp, sửa chữa, cho vay, hoặc những người kết ước khác.

**Điều thứ 576** - Những phụ khoản về tàu biển và về thủy cước nói ở điều 575 gồm có:

- 1) Các khoản bồi thường cho thuyền chủ về những thiệt hại vật chất đã gây ra cho tàu biển và chưa được bồi thường hay về thủy cước thất thủ;
- 2) Những khoản tiền bồi thường cho thuyền chủ về những hải tòn chung, khi những hải tòn này cấu thành những thiệt hại vật chất gây ra cho tàu biển và chưa được bồi thường, hoặc những thủy cước thất thủ;
- 3) Những khoản tiền thù đáp cho thuyền chủ về cứu trợ đã thực hiện cho tới khi kết thúc chuyến đi, sau khi đem trừ các khoản tiền phải cấp cho thuyền trưởng và nhân viên phục vụ trên tàu.

Được đồng hoá với thủy cước, giá vé của hành khách và lâm thời số tiền khoán tiêu biểu cho thủy cước, dự liệu để giới hạn trách nhiệm của thuyền chủ.

Không thể coi như phụ khoản về tàu biển và về thủy cước, những tiền bồi thường thiếu của thuyền chủ chiếu các giao kèo bảo hiểm cũng như các khoản tiền thưởng, trợ cấp hay viện trợ khác của quốc gia hay của những tập thể công cộng.

Được coi như phá lệ của điều 575, đặc quyền dự liệu cho các nhân viên làm việc trên tàu biển; đặc quyền này tính trên toàn thể các thủy cước thu được trong tất cả các chuyến đi trong trọn thời gian của giao kèo tuyển dụng.

**Điều thứ 577** - Những trái quyền cùng thuộc một chuyến đi ưu tiên theo thứ tự đã xếp trong điều 575.

Những trái quyền xếp cùng một hạng được tính trả theo tỷ lệ trong trường hợp tiền phát mãi không đủ để trả tất.

Tuy nhiên, về các trái quyền kể ở khoản 4 và 6 của điều 575, trong mỗi hạng của loại này, thì những trái quyền mới phát sanh sau được trả ưu tiên đối với các trái quyền trước.

Những trái quyền cùng một biến cố được coi như đã phát sanh cùng lúc.

**Điều thứ 578** - Những trái quyền đặc ưu của mỗi chuyến đi được ưu tiên đối với những tái quyền đặc ưu thuộc về chuyến đi trước.

Tuy nhiên, những trái quyền phát sinh do một giao kèo tuyển dụng duy nhất gồm nhiều chuyến đi, đều được xếp đồng hạng với những trái quyền thuộc chuyến đi sau cùng.

**Điều thứ 579** – Các trái chủ được hưởng đặc quyền có thể khai trình toàn thể ngạch số trái quyền của họ mà không cần tôn trọng những nguyên tắc liên hệ đến sự giới hạn trách nhiệm dự định cho các thuyền chủ.

Tuy nhiên phân chia cho họ không được quá số tiền được hưởng chiếu theo các qui tắc này.

**Điều thứ 580** - Những đặc quyền dự liệu ở điều 575 vẫn được duy trì theo tàu biển, dù quyền sở hữu được di chuyển sang tay người khác.

Đối với mọi trái quyền, tính chất đặc quyền này sẽ bị tiêu diệt sau hạn một năm, trừ những trái quyền về cung cấp nói ở khoản 6 của điều 575.

Trong trường hợp sau này, thời hạn được thu ngắn còn 6 tháng.

**Điều thứ 581** - Thời hạn dự liệu bởi điều 580 bắt đầu:

- 1) Đối với những đặc quyền bảo đảm những khoản tiền thù đáp về công cứu trợ và cứu nạn, kể từ ngày mà các công tác này hoàn tất;
- 2) Đối với những đặc quyền bảo đảm các khoản tiền bồi thường về thuyền đột hay các tai nạn hàng hải khác hoặc về thiệt hại thân thể, kể từ ngày gây ra sự thiệt hại.
- 3) Đối với những đặc quyền bảo đảm các trái quyền phát sanh từ sự tổn thất hàng hoá và hành lý, kể từ ngày mà hàng hoá và hành lý được giao hay đăng lý phải giao cho chủ.
- 4) Đối với những đặc quyền bảo đảm những trái quyền về sự sửa chữa hay cung cấp và mọi trường hợp khác dự liệu ở khoản 6 điều 475, kể từ ngày mà trái quyền phát sanh.

Trong tất cả những trường hợp khác, thời hạn sẽ bắt đầu kể từ ngày trái quyền trở thành khả sách.

Trái quyền của thuyền trưởng, thủy thủ đoàn và nhân viên khác phục vụ trên tàu biển, sẽ không vì có sự ứng trước hay vay trước một phần lương mà coi như khả sách.

**Điều thứ 582** – Ngoài những phương cách thông thường về sự tiêu diệt các trách vụ, tính chất đặc quyền hàng hải sẽ bị tiêu diệt:

- 1) Bởi quyết định tịch thu tàu biển vi phạm luật lệ quan thuế, cảnh sát hay an ninh;
- 2) Bởi sự phát mãi tư pháp tàu biển do phán quyết của toà án, theo những thể thức dự liệu bởi tiết V của chương này.

**Điều thứ 583** – Có thể sử dụng đặc quyền trên thủy cước, khi nào thủy cước còn thiếu chưa trả hay tiền thủy cước còn ở trong tay thuyền trưởng hoặc đại lý của thuyền chủ.

Qui tắc này cũng áp dụng cho đặc quyền đặt trên những khoản tiền phụ thuộc.

**Điều thứ 584** - Những điều khoản từ 575 đến 583 được áp dụng cho các tàu biển khai thác hoặc bởi thuyền chủ, hoặc bởi người trang bị không phải thuyền chủ, hoặc bởi người thuê chánh, trừ phi họ bị tước đoạt quyền hành bởi một vi bất hợp pháp và nếu người chủ nợ không ngay tình.

## TIẾT IV

### VỀ ĐỀ DƯƠNG HÀNG HẢI

**Điều thứ 585** - Khế ước đề dương tàu biển phải làm bằng văn thư; có thể dùng hình thức tư chứng thư có trước bạ.

**Điều thứ 586** - Những đề dương hàng hải được xếp theo thứ tự đăng ký liền sau những trái quyền đặc ưu dự liệu bởi điều 575.

Tất cả những đặc quyền khác xếp sau các đặc quyền đề dương.

**Điều thứ 587** - Chỉ có thuyền chủ hay người nào được sự ủy quyền đặc biệt của người này, mới có thể ưng thuận đề dương tàu biển.

Trong trường hợp tàu biển thuộc quyền cộng hữu của nhiều người, người đứng tên trang bị có thể vì nhu cầu trang bị hay hàng hải, đề dương tàu biển nếu được đa số chấp thuận theo điều 634 và chánh án cho phép theo điều 650.

Một cộng chủ tàu biển chỉ có thể đề dương phần cộng hữu của mình khi có phép của đa số như đã định ở điều 634.

**Điều thứ 588** - Sự đề dương tàu biển hay một phần của tàu biển sẽ bao gồm cả thân tàu, đồ vật trang bị, máy móc và những phụ tùng khác, trừ phi có giao ước trái lại.

**Điều thứ 589** - Có thể đề dương một tàu biển đang kiến tạo.

Trong trường hợp này, cần phải khai báo trước khi đề dương tại ty chánh thu quan thuế thuộc quản hạt nơi tàu biển đang được kiến tạo.

Sự khai báo phải ghi rõ chiều dài của lườn tàu và đại khái các kích thước khác cùng trọng lượng phỏng định của tàu. Sự khai báo cũng phải nêu rõ nơi tọa lạc xưởng đang đóng tàu này.

**Điều thứ 590** - Sự đề dương được công bố rằng sự đăng ký vào một sổ đặc biệt tại ty chánh thu quan thuế thuộc quản hạt nơi tàu biển đang kiến tạo hay tại Ty nơi tàu đã đăng ký, nếu tàu được cấp chứng thư Việt nam hoá.

**Điều thứ 591** - Sở hữu chủ một tàu biển được kiến tạo tại Việt nam, muốn xin cấp chứng thư Việt nam hoá cho tàu này, cần phải đính theo các giấy tờ bó buộc để được Việt nam hoá, một bản liệt kê tình trạng đăng ký đề dương trên tàu đang kiến tạo, hay một chứng thư xác nhận tàu không bị đề dương.

Chánh thu quan thuế sẽ tự động chuyển ghi những sự đăng ký chưa được gạch bỏ theo đúng thứ tự ngày tháng vào sổ bộ nơi tàu xin cấp chứng thư Việt nam hoá, nếu nơi này khác với nơi tàu biển được kiến tạo.

Nếu tàu biển thay đổi cứ cảng, ty chánh thu quan thuế tại cứ cảng mới cũng sẽ tự động chuyển ghi vào sổ bộ của cứ cảng mới này, những sự đăng ký chưa được gạch bỏ theo đúng thứ tự ngày tháng tương xứng.

**Điều thứ 592** - Mọi tàu biển phải đem theo, ngoài các giấy tờ bó buộc, một bản kê khai cập nhật những đăng ký đề dương tính đến ngày khởi hành. Bảng này chỉ ghi chú ngày tháng của trái quyền, tên họ trái chủ, các số tiền được đảm bảo bằng sự đề dương.

**Điều thứ 593** - Để thực hiện đăng ký, trái chủ đưa trình để ký nạp cho Ty chánh thu quan thuế một bản của chứng thư thiết lập đề dương.

Nếu là tư chứng thư hay công chứng thư chánh cấp thì ký nạp bản chánh, nếu là công chứng thư được chấp giữ nguyên bản thì ký nạp bản toàn sao.

Phải đính theo hai bản biên lục có chữ ký của đương đơn. Các bản biên lục phải ghi:

- 1) Tên họ và trú quán của trái chủ và trái hộ, nghề nghiệp của họ, nếu có;
- 2) Ngày và bản chất của chứng khoán;
- 3) Ngạch số của trái quyền ghi trong chứng khoán;
- 4) Các giao ước về tiền lời và sự hoàn trả;
- 5) Tên và đặc điểm của tàu biển đề dương, ngày của chứng thư Việt nam hoá hay ngày khai báo việc kiến tạo;
- 6) Trú quán tuyển chọn của trái chủ trong quản hạt của ty chánh thu quan thuế.

**Điều thứ 594** – Chánh thu quan thuế ghi chép trên sổ của mình nội dung của các bản biên lục và giao lại cho đương đơn một bản biên lục trong đó ở phần cuối, viên chức này chứng thực là đã thực hiện việc đăng ký.

**Điều thứ 595** - Mỗi khi đăng ký hay tái đăng ký đề dương hàng hải, chánh thu quan thuế sẽ gửi một bản sao biên lục có chữ ký của đương đơn lên trụ sở của tổng nha quan thuế. Trong trường hợp có sự thay đổi trú quán, sang bộ, đại nhiệm, gạch bỏ, sai áp v.v... chánh thu quan thuế cũng phải gửi một trích lục những thỉnh nguyện hay biên bản liên hệ lên tổng nha quan thuế.

Những bản sao hay trích lục này được kèm gửi theo một phó bản thuận nhận Việt nam hoá, được chánh thu quan thuế thị thực. Tùy trường hợp, chánh thu quan thuế sẽ ghi những chỉ dẫn liên

quan đến số thứ tự đăng ký, ngày trước bạ của các đăng ký, những thay đổi về trú quán đại nhiệm hay gạch bỏ.

Các bút lục này sẽ được lưu giữ trong 10 năm để dùng vào việc tái lập hồ sơ đề dương, nếu cần.

**Điều thứ 596** - Nếu có hai hay nhiều đề dương trên cùng một tàu biển hay trên cùng một phần sở hữu của tàu biển, thứ bậc ưu tiên được định theo ngày đăng ký. Những đề dương đăng ký cùng ngày, được xếp ngạch ngang nhau dù đã đăng ký vào những giờ khác nhau.

**Điều thứ 597** - Sự đăng ký bảo tồn đề dương trong mười năm kể từ ngày đăng ký. Hiệu lực của đăng ký sẽ hết, nếu trước khi mãn hạn không có sự tái đăng trên sổ bộ quan thuế.

**Điều thứ 598** - Nếu chứng thư thiết lập đề dương có điều khoản chiếu lệnh, thì sự nhượng dịch bằng cách bồi thục có hiệu lực chuyển quyền đề dương.

**Điều thứ 599** - Sự đăng ký bảo đảm hai năm tiền lời không kể tiền lời của năm thiết lập đăng ký. Sự bảo đảm này cùng thứ bậc với số nợ gốc.

**Điều thứ 600** - Sự đăng ký được gạch bỏ hoặc do sự đồng ý của những người hữu quyền quan thiết hoặc do một bản án chung thẩm hay có uy lực của việc xử rồi.

**Điều thứ 601** - Nếu không có án toà, chánh thu quan thuế chỉ có thể gạch bỏ toàn thể hay một phần sự đăng ký khi có một công chứng thư hay một tư chứng thư có trước bạ được ký nạp xác nhận sự ưng thuận gạch bỏ do trái chủ hay do người được nhượng quyền có giấy tờ chứng minh.

Trong trường hợp chứng thư thiết lập đề dương là tư chứng thư hay công chứng thư chánh cấp, thì liền đó chánh thu quan thuế sẽ ghi chú sự gạch bỏ toàn thể hay một phần trên chứng thư ấy.

**Điều thứ 602** - Bất cứ ai cũng có thể xin chánh thu quan thuế cấp cho một bản trích lục lược kê các đăng ký đề dương còn hiệu lực trên một tàu biển, hay một chứng thư xác nhận không có sự đề dương nào.

**Điều thứ 603** - Những trái chủ có đề dương đăng ký trên một tàu biển hay một phần tàu biển có quyền truy sách tàu biển, dù tàu có chuyển nhượng sang bất cứ tay ai, để ấn định thuận tự và trả tiền theo thứ tự đăng ký.

Nếu sự đề dương chỉ đăng ký trên một phần tàu biển, trái chủ chỉ có quyền sai áp và phát mãi phần tàu bị đề dương mà thôi. Tuy nhiên, nếu phần bị đề dương quá phân nửa tàu biển, trái chủ có thể, sau khi sai áp, cho phát mãi toàn thể tàu biển với điều kiện phải cho gọi các cộng chủ đến tham dự cuộc phát mãi.

Trong tất cả các trường hợp có tình trạng cộng hữu tàu biển, những đề dương thỏa thuận trong thời kỳ vị phân do một hay nhiều cộng chủ trên một phần của tàu biển sẽ tiếp tục duy trì hiệu lực dù có sự tương phân cạnh mãi đề chia.



Tuy nhiên, nếu có sự cạnh mãi để chia do phán quyết của toà án theo các thể thức dự liệu bởi tiết V của chương này thì quyền của các trái chủ đề dương trên một phần của tàu biển sẽ giới hạn vào ưu quyền trên phần giá bán liên hệ đến phần tàu bị đề dương.

**Điều thứ 604** - Muốn trách quyền truy sách dự liệu bởi điều trên, người mua tàu hay một phần tàu bị đề dương phải, trước khi có sự truy sách hay trễ nhứt trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày có sự truy sách, tổng đạt cho các trái chủ đăng ký trong sổ bộ của cứ cảng, tại trú quán tuyên chọn ghi trong sự đăng ký:

- 1) Một trích lục chứng khoán của mình ghi rõ ngày và đặc tính của chứng thư, tên họ người bán, tên, loại và trọng lượng của tàu biển và các đảm phụ đã tính chung trong giá bán.
- 2) Một bảng kê có ba cột, cột thứ nhứt liệt kê ngày đăng ký, cột thứ nhì tên họ trái chủ và cột thứ ba gạch số các trái quyền được đăng ký.

Tờ tổng đạt phải ghi rõ nơi tuyên định cư trú của người mua.

**Điều thứ 605** – Cũng trong tờ tổng đạt này người mua tuyên cáo sẵn sàng trả ngay các số nợ đề dương cho đến gạch mức của giá mua không phân biệt nợ đã khả sách hay chưa.

**Điều thứ 606** - Mọi trái chủ đều có thể yêu cầu xin phát mãi đầu giá tàu biển hay phần tàu biển bằng cách nâng giá lên một phần mười (1/10) và cung nạp bảo lãnh về sự trả tiền bán cùng các đảm phụ khác.

**Điều thứ 607** – Văn thư yêu cầu phát mãi đầu giá kèm sự triệu hoán có chữ ký của trái chủ, phải cáo tri cho người mua trong hạn mười ngày kể từ khi nhận được tổng đạt nói ở điều 604 kèm theo sự triệu hoán người mua ra trước toà sơ thẩm nơi tàu hiện đậu, hay nếu tàu đang hành trình, nơi tàu đã được đăng ký, để nghe truyền cho phát mãi đầu giá.

**Điều thứ 608** - Việc phát mãi đầu giá sẽ được thực hiện do sự miễn cán hoặc của trái chủ đương đơn, hoặc của người mua, theo những thể thức ấn định cho sự sai áp phát mãi qui định ở tiết V, chương này.

**Điều thứ 609** - Những đề dương ưng thuận ở ngoại quốc chỉ có hiệu lực đối với đệ tam nhân như những đề dương ưng thuận tại Việt nam kể từ ngày các đề dương này được đăng ký trên sổ bộ của chánh thu quan thuế thuộc quản hạt nơi tọa lạc cứ cảng của tàu biển.

Tuy nhiên, sẽ được coi như có giá trị, những đề dương thiết lập trên tàu biển mua ở ngoại quốc, trước khi tàu được đăng ký ở Việt nam, miễn là các sự đề dương này đã được lãnh sự Việt nam ghi hợp lệ trên chứng thư xuất thuyền tạm thời và được đem qua sổ bộ của chánh thu quan thuế nơi tàu sẽ được đăng ký.

Việc đem qua sổ bộ sẽ được thực hiện theo thỉnh cầu của trái chủ sau khi xuất trình biên lục ấn định tại điều 593.

Điều khoản này sẽ được ghi vào chứng thư Việt nam hoá .

## TIẾT V

# VỀ SỰ SAI ÁP VÀ PHÁT MẠI TÀU BIỂN

**Điều thứ 610** – Tất cả các tàu biển đều có thể bị sai áp và phát mại bởi quyết định của tòa án, và đặc quyền của các trái chủ sẽ bị thanh tiêu bởi các thể thức định ở tiết này.

**Điều thứ 611** – Không thể sai áp một tàu biển đang sắp khởi hành, trừ phi về những món nợ phát sanh vì những nhu cầu hành trình. Nhưng ngay trong trường hợp này cũng không được sai áp nếu các món nợ có bảo lãnh.

Tàu được xem như sắp hành trình khi thuyền trưởng có đủ mọi chứng thư cần thiết cho chuyến đi.

**Điều thứ 612** - Sự sai áp chỉ có thể thực hiện 24 giờ sau khi chủ nợ, chấp hành án văn, để phát lệnh đòi tiền.

**Điều thứ 613** - Tờ phát lệnh phải tổng đạt đến tận tay hay tại trú quán của thuyền chủ. Nhưng nếu là những trái quyền đặc ưu nói tại điều 575 thì chủ nợ có thể tổng đạt tờ phát lệnh cho thuyền trưởng.

**Điều thứ 614** - Thừa phát lại ghi trong vi bằng sai áp:

- Tên họ, nghề nghiệp, và trú quán của trái chủ.
- Chứng thư đem chấp hành.
- Số tiền truy thu.
- Cơ sở tuyên trách của trái chủ tại quán hạt toà án nơi sự phát mại và nơi tàu bị sai áp đang thả neo.
- Tên họ người chủ và thuyền trưởng.
- Tên, loại và trọng lượng của tàu biển.

Thừa phát lại liệt kê và mô tả những ca nô, phao, dụng cụ trang bị, động cơ, vật liệu. v.v... và đặt người quản thủ.

**Điều thứ 615** – Trong thời hạn ba ngày, sau khi sai áp, người đứng sai áp phải tổng đạt cho thuyền chủ bản sao vi bằng sai áp và triệu hoán người này ra trước toà sơ thẩm thuộc nơi sai áp để nghe xử về việc phát mại các vật bị sai áp.

Nếu thuyền chủ không cư ngụ trong quán hạt của toà thụ lý, thì phải cáo tri và triệu hoán thuyền trưởng của tàu bị sai áp, nếu thuyền trưởng cũng vắng mặt thì phải cáo tri và triệu hoán người đại diện thuyền chủ hay đại diện thuyền trưởng.

Nếu thuyền chủ không cư trú tại Việt nam và cũng không có đại diện tại đây, thì sự cáo tri và triệu hoán sẽ thi hành theo điều 29 Bộ luật Dân sự tố tụng.

**Điều thứ 616** – Vi bằng sai áp sẽ được chuyển tả tại ty chánh thu quan thuế nơi tàu biển được kiến tạo hay nơi tàu biển được đăng ký, trong thời hạn ba ngày như đã định ở trên; thời hạn này được gia tăng mười lăm ngày nếu ty quan thuế không ở trong quán hạt toà thụ lý.

Trong thời hạn tám ngày, chánh thu quan thuế sẽ cấp một bảng liệt kê các đăng ký. Trong ba ngày sau khi được cấp bảng liệt kê (với sự gia tăng thời hạn như trên), chủ nợ sai áp sẽ cáo tri cho các trái chủ đăng ký tại những trú quán tuyển chọn của họ, với sự chỉ định ngày phải đến trình diện trước toà.

Thời hạn xuất đình sẽ là thời hạn qui định ở điều 29 Bộ luật dân sự tố tụng.

**Điều thứ 617** – Toà sẽ tuyên án ấn định giá đặt và các điều kiện phát mại. Nếu đến ngày đã định để phát mại, không có người chịu mua với giá đã đặt, toà sẽ lên án định ngày cho một sự phát mại khác với một giá đặt thấp hơn giá trước.

**Điều thứ 618** - Sự phát mại khai diễn trong một phiên nhóm đấu giá của toà sơ thẩm, mười lăm ngày sau khi đã cho niêm yết bích chương và đăng tải nội dung của bích chương trong một tờ báo phát hành tại quán hạt nơi tọa lạc toà án, nếu có, bằng không thì trong một những tờ báo phát hành tại thủ đô, không kể những thể thức công bố khác có thể được toà cho phép.

Tuy nhiên, toà án có thể tuyên định rằng sự phát mại sẽ khai diễn hoặc tại một toà sơ thẩm khác hoặc tại một văn phòng chương khế.

Trong những trường hợp sau này, án văn sẽ qui định cách công bố tại địa phương.

**Điều thứ 619** – Các bích chương sẽ được niêm yết trên tàu bị sai áp tại những nơi dễ thấy nhất, tại cửa chính toà nơi phát mại, tại một công trường hay tại một bến nơi tàu đang thả neo.

**Điều thứ 620** - Bỏ cáo và bích chương phải ghi:

- Tên họ nghề nghiệp, trú quán, của người phát mại;
- Các chứng thư đem chấp hành;
- Số tiền truy thu;
- Trú quán tuyển chọn của người phát mại trong quán hạt toà án nơi phát mại và đồng thời trong quán hạt nơi tàu bị sai áp đang thả neo;
- Tên họ, nghề nghiệp, trú quán của thuyền chủ chiếc tàu bị sai áp;
- Tên tàu biển, và nếu là tàu đã được trang bị hay đang trang bị, tên họ của thuyền trưởng;
- Đặc tính của cơ chế di chuyển, trọng lượng và tốc lực;
- Nơi tàu đang đậu;
- Giá đặt và những điều kiện của sự phát mại;
- Nơi, ngày giờ bán đấu giá.

**Điều thứ 621** – Sự tăng giá cạnh mại sẽ không được chấp thuận trong trường hợp phát mại tư pháp.

**Điều thứ 622** - Người đấu giá được trong cuộc sai áp phát mại, cũng như người đấu được giá trong cuộc tăng giá cạnh mại bắt buộc phải nộp giá tiền nhưng được miễn phí, cho quỹ cung thóc trong thời hạn hai mươi bốn giờ kể từ khi đấu giá được, bằng không sẽ bị coi như cưỡng ép.

**Điều thứ 623** - Sẽ được thu nhận trong hạn ba ngày, kể từ ngày phát mại, những đơn xin ngăn chặn việc chia giá tiền bán, quá hạn nói trên, đơn xin ngăn chặn sẽ không được chấp nhận.

**Điều thứ 624** – Các trái chủ ngăn chặn phải xuất trình cho phòng lục sự những chứng từ về trái quyền của họ, trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được đốc thúc do trái chủ đứng sai áp hay do đệ tam nhân bị sai áp, nếu không, sẽ khởi sự phân chia số tiền phát mại và họ sẽ không được dự chia.

**Điều thứ 625** – Sau hạn năm ngày, kể từ ngày phát mại, người đấu giá được phải đệ đơn lên chánh án toà sơ thẩm đề xin chỉ định một thẩm phán thừa ủy. Các trái chủ sẽ được thẩm phán thừa ủy triệu thỉnh tại địa chỉ tuyển chọn của họ để thỏa thuận phân chia giá tiền bán được.

Thời gian triệu thỉnh là mười lăm ngày bất kể trú quán cách biệt xa gần.

Nếu có sự thỏa thuận, thẩm phán thừa ủy lập một biên bản thanh quyết tương thuận và ra lệnh cho lục sự cấp phát biên lục thuận tự cho các trái chủ. Quỹ cung thóc sẽ trả tiền cho các trái chủ khi họ nộp biên lục. Chánh thu quan thuế khi nhận được bản sao biên lục nói trên, sẽ gạch bỏ những đăng ký đề dương như sẽ nói ở điều 629 đoạn chót.

**Điều thứ 626** - Những đơn xin trích xuất phải đệ nộp tại phòng lục sự toà án trước ngày đấu giá.

Nếu đơn xin trích xuất nộp sau ngày đấu giá thì sẽ đương nhiên được cải hoán thành thỉnh cầu ngăn chặn việc chia giá tiền bán được.

**Điều thứ 627** – Nguyên đơn xin trích xuất ngăn chặn có ba ngày để xuất trình phương chước. Bị đơn có ba ngày để kháng ngôn.

Vụ kiện sẽ được đem ra phiên xử do trát của phòng lục sự.

**Điều thứ 628** – Trong trường hợp các trái chủ bất đồng ý kiến về sự phân chia số tiền phát mại, thẩm phán thừa ủy sẽ cho thiết lập biên bản ghi nhận các yêu sách cùng kháng ngôn của họ.

Trong hạn tám ngày, chiếu theo biên bản trên, lục sự sẽ gửi thơ bảo đảm mời các trái chủ đến trước tòa để nghe tòa tuyên án.

Án tuyên sẽ có giá trị đối với mọi người, kể cả các trái chủ có đặc quyền.

**Điều thứ 629** – Án văn sẽ được cáo tri trong thời hạn tám ngày, kể từ ngày tuyên xử tại trú quán tuyển chọn của các đương sự. Án văn này không thể bị kháng tố.

Thời hạn kháng cáo là mười lăm ngày, kể từ ngày án văn được cáo tri.

Trong hạn tám ngày , kể từ khi mãn hạn kháng cáo và nếu có kháng cáo, trong hạn tám ngày kể từ khi có phúc quyết của tòa thượng thẩm, thẩm phán thừa ủy sẽ cho thiết lập bảng liệt kê các trái khoản được định thuận tự, ghi riêng biệt tiền vốn, tiền lời và phí tổn. Khi án sơ thẩm đã thành nhứt định hay đã có phúc quyết của tòa thượng thẩm, tiền lời của các trái khoản đã được định thuận tự sẽ thôi không được tính nữa. Các tổn phí về những sự tranh nại để định thuận tự sẽ do người thất kiện gánh chịu và không được tính là án phí để khấu trừ vào số tiền phải chia.

Do án lệnh của thẩm phán thừa ủy, lục sự sẽ cấp các bản biên lục về sự định thuận tự, có hiệu lực chấp hành đối với quỹ cung thác. Án lệnh này còn cho phép chánh thu quan thuế gạch bỏ những sự đăng ký của cả trái chủ không được định thuận tự. Bất cứ đương sự nào có quyền lợi cũng đều có thể xin thực hiện sự gạch bỏ này.

**Điều thứ 630** - Giữa các trái chủ đặc quyền và đề dương, sự định thuận tự các trái chủ và sự phân chia tiền phát mại được thi hành theo thứ bậc pháp định cho các đặc quyền và đề dương hàng hải, và giữa các trái chủ khác theo tỷ lệ trái quyền của họ.  
Sự định thuận tự có hiệu lực ấn định thứ bậc chẳng những cho số tiền vay mà còn cho số tiền lời và phí tổn.

**Điều thứ 631** - Sự bán đấu giá tàu biển bị sai áp có hậu quả chấm dứt nhiệm vụ của thuyền trưởng, ngoại trừ quyền đòi bồi thường của người này, nếu có.

## CHƯƠNG THỨ III

### VỀ THUYỀN CHỦ, NGƯỜI TRANG BỊ ĐỂ KHAI THÁC, THUYỀN TRƯỞNG VÀ CÁC ĐẠI LÝ TRÊN BỘ CỦA THUYỀN CHỦ

#### TIẾT I

### VỀ THUYỀN CHỦ

**Điều thứ 632** – Thuyền chủ chịu trách nhiệm dân sự về những hành vi của thuyền trưởng và bị ràng buộc bởi những cam kết của thuyền trưởng về mọi việc liên quan đến tàu biển và hành trình.

Trong mọi trường hợp, thuyền chủ có thể tự giải trách đối với các nghĩa vụ nói trên bằng sự bỏ tàu và thủy cước.

Tuy nhiên, người nào vừa là thuyền trưởng, vừa là thuyền chủ hay cộng chủ tàu biển, thì không có năng quyền để bỏ tàu biển và thủy cước. Thuyền trưởng nếu là cộng chủ tàu biển, chỉ chịu trách nhiệm theo tỷ lệ ký phần mình về những cam kết liên quan đến tàu biển và cuộc hành trình.

Trong trường hợp tàu đắm tại một hải cảng, tại một bến gần biển, tại những thủy lộ dẫn đến những bến này cũng như trong trường hợp tàu gây thiệt hại cho những công sự tại bến, thuyền chủ có thể bỏ tàu và thủy cước để được giải nhiệm ngay cả đối với quốc gia về sự chi phí để trục vớt, sửa chữa cũng như về mọi khoản bồi thường thiệt hại.

Thuyền trưởng, nếu là thuyền chủ hay cộng chủ tàu biển cũng có năng quyền này, trừ trường hợp tai nạn đã xảy ra do lỗi của mình.

**Điều thứ 633** - Thuyền chủ trực tiếp khai thác tàu biển có thể sa thải thuyền trưởng nhưng phải bồi thường, nếu sa thải quá lạm.

**Điều thứ 634** - Nếu thuyền trưởng bị sa thải là cộng chủ tàu biển, thì có thể khước từ sự cộng hữu và đòi số vốn trị giá phần công hữu.

Phần cộng hữu này sẽ được định giá bởi một cuộc giám định tương thuận hay giám định tư pháp.

**Điều thứ 635** - Về mọi việc liên hệ đến quyền lợi chung của các cộng chủ tàu biển, phải theo ý kiến của đa số.

Được coi như đa số, phần quyền lợi quá bán giá trị của tàu biển.

Nếu không có giao ước trái lại bằng văn thư, thì sự đấu giá để chia tàu biển chỉ có thể chấp thuận nếu có sự yêu cầu của những người cộng chủ mà quyền lợi hợp chung bằng phân nửa giá trị toàn thể của tàu biển.

## TIẾT II

# VỀ NGƯỜI KHAI THÁC TÀU BIỂN

**Điều thứ 636** - Thuyền chủ có thể cho mượn trông tàu biển để người thuê tự ý trang bị và khai thác lấy.

Khi có trường hợp này, người khai thác sẽ chọn thuyền trưởng và khai thác như danh mình. Tuy nhiên, giao kèo cho mượn trông phải xem như một khế ước thủy vận, nên phải lập theo thể thức dự liệu bởi điều 673.

**Điều thứ 637** - Người trang bị khác đứng tên mình ký giao kèo chuyên chở hàng hải với những người gửi hàng, phải chịu trách nhiệm một mình đối với những người này về hư hao và thất lạc hàng hoá.

**Điều thứ 638** – Dù có sự cho thuê nói ở điều 636, thuyền chủ đứng tên trong chứng thư Việt nam hoá phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại mà tàu biển đã gây ra cho đệ tam nhân. Dù không chọn thuyền trưởng và thủy thủ đoàn, thuyền chủ vẫn chịu trách nhiệm về những hành vi của những người này theo sự dự liệu của điều 632.

Thuyền chủ có thể giải trách như đã nói ở điều 632.

**Điều thứ 639** - Thuyền chủ đã bồi thường cho đệ tam nhân về những thiệt hại mà người trang bị khai thác hay nhân viên của người này đã gây ra, có thể sử dụng các tố cầu phản hoàn.

## **TIẾT III**

### **VỀ THUYỀN TRƯỞNG**

**Điều thứ 640** - Mọi thuyền trưởng được ủy thác việc điều khiển một tàu biển, trong khi thi hành nhiệm vụ phải chịu trách nhiệm về những lỗi của mình dù là lỗi nhẹ.

**Điều thứ 641** – Thuyền trưởng chịu trách nhiệm về hàng hoá do mình nhận lãnh và cấp biên nhận.

Biên nhận này được gọi là tải hoá đơn.

**Điều thứ 642** - Thuyền trưởng có nhiệm vụ thành lập thủy thủ đoàn, lựa chọn thuê mướn thủy thủ và nhân viên khác.

Tuy nhiên, thuyền trưởng đang ở nơi trú quán của thuyền chủ, phải phối hợp với người này để làm công việc tuyển chọn nói trên.

**Điều thứ 643** - Thuyền trưởng giữ một quyển sổ có đánh số và chữ ký tắt của một thẩm phán thuộc toà sơ thẩm và tại nơi không có toà án, của thị trưởng, tỉnh trưởng hay đại diện. Được ghi trong quyển sổ này:

- Các quyết định trong chuyến đi.
- Số thu xuất thuộc tàu biển và nói chung mọi sự liên quan đến việc quản trị tàu biển.

**Điều thứ 644** - Trước khi khởi hành, thuyền trưởng phải yêu cầu xét tàu theo những điều kiện và thể thức luật định.

Vi bằng xét tàu sẽ được ký nạp tại phòng lục sự của toà sơ thẩm. Phòng lục sự sẽ cấp cho thuyền trưởng bản trích lục.

**Điều thứ 645** - Thuyền trưởng giữ trên tàu:

- Chứng thư sở hữu tàu biển,
- Chứng thư Việt nam hoá,
- Danh sách thủy thủ đoàn,
- Khế ước thuyền tải và các tải hoá đơn,
- Vi bằng xét tàu,
- Biên nhận thanh toán hay bảo chứng thuế quan.

**Điều thứ 646** – Khi tàu ra vào bến, hải cảng hay sông ngòi, thuyền trưởng phải có mặt trên tàu.

**Điều thứ 647** – Trong trường hợp có sự vi phạm những nghĩa vụ bó buộc ở bốn điều trên đây, thuyền trưởng chịu trách nhiệm về mọi biến cố, đối với những người có quyền trên tàu biển và hàng hoá.

**Điều thứ 648** - Nếu thuyền trưởng không có sự ưng thuận bằng văn thư của người gửi, mà đã cho chất hàng hóa lên boong tàu, thì sẽ phải chịu trách nhiệm về những tổn hại xảy ra cho các hàng hoá đó.

**Điều thứ 649** - Chỉ khi có bằng cứ về tình trạng bất khả kháng, thuyền trưởng mới không còn trách nhiệm.

**Điều thứ 650** - Thuyền trưởng đang ở nơi cư ngụ của các thuyền chủ hay những người đại diện của họ, nếu không có sự ủy quyền đặc biệt của những người này, thì không thể cho thuê tàu biển, vay tiền sửa chữa, mua máy móc, dụng cụ trang bị trên tàu.

**Điều thứ 651** - Trước khi khởi hành từ một hải cảng ngoại quốc trở về Việt nam, thuyền trưởng phải gửi cho các thuyền chủ hay những người đại diện của họ một báo cáo có chữ ký của thuyền trưởng trong đó có ghi tình trạng và giá cả các hàng hoá chở trên tàu, các số tiền mà thuyền trưởng đã vay, tên họ và trú quán của những người cho vay.

**Điều thứ 652** - Thuyền trưởng nào tự tiện đem tàu, lương thực trên tàu, đồ vật trang bị trên tàu làm bảo đảm để vay tiền, thế chấp hay bán các hàng hoá hoặc lương thực, hay đã ghi trong các sổ mục của mình, những hải tổn và chi tiêu giả định sẽ phải chịu trách nhiệm đối với người đã khai thác tàu biển và với tư cách cá nhân phải hoàn lại tiền đã lấy hay trả tiền những món hàng đã bán.

Ngoài ra, thuyền trưởng còn có thể bị truy tố và xử phạt cấm cố.

**Điều thứ 653** – Ngoài trường hợp có sự bất khả hành thủy được kiểm chứng hợp pháp, thuyền trưởng không thể bán tàu biển nếu không có ủy quyền đặc biệt của thuyền chủ. Nếu vi phạm, sự đoan mại sẽ coi như vô hiệu. Ngoài ra thuyền trưởng có thể bị phạt về hình sự như nói tại điều trên.

**Điều thứ 654** - Mọi thuyền trưởng được tuyển dụng cho một chuyến đi, có trách vụ hoàn tất chuyến đi đó, bằng không, phải chịu phí tổn và bồi thường thiệt hại cho các thuyền chủ và người thuê tàu.

**Điều thứ 655** – Dù có sự nguy hiểm đến đâu, thuyền trưởng cũng không thể bỏ tàu đang hành trình mà không có ý kiến các sĩ quan và nếu có trường hợp phải bỏ tàu, thuyền trưởng phải đem theo tiền bạc và nếu có thể, những hàng hoá quý giá nhất trên tàu, bằng không thuyền trưởng chịu trách nhiệm với tư cách cá nhân.

Nếu đồ vật mang theo lại bị thất lạc vì trường hợp bất khả kháng, thuyền trưởng sẽ được giải trách.



**Điều thứ 656** – Trong vòng hai mươi bốn giờ sau khi tàu cập bến, thuyền trưởng phải làm phúc trình và đem trình chánh án chiếu khán sổ bộ.

**Điều thứ 657** – Phúc trình được ký nạp tại phòng lục sự và phải nêu rõ:

- Nơi và thời tiết lúc khởi hành.
- Hải trình đã theo.
- Những việc rủi ro đã gặp.
- Những việc hỗn độn đã xảy ra trên tàu và những hoàn cảnh đáng chú ý của chuyến đi.

**Điều thứ 658** - Nếu tàu cập bến tại một thương cảng ngoại quốc, thuyền trưởng phải đến trình diện và phúc trình trước lãnh sự Việt nam để xin cấp một chứng thư kiểm nhận thời kỳ tàu tới và đi, tình trạng và bản chất của hàng hóa trên tàu.

**Điều thứ 659** – Khi đang hành trình, nếu tàu buộc phải ghé một hải cảng Việt nam, thuyền trưởng phải đến khai báo với chánh án toà sơ thẩm tại chỗ những nguyên do của sự ghé bến này.

Nếu buộc phải ghé vào một hải cảng ngoại quốc, thuyền trưởng phải khai báo với lãnh sự Việt nam hay với thẩm phán tại chỗ, nếu nơi này không có lãnh sự Việt nam.

**Điều thứ 660** – Trong trường hợp tàu bị đắm, thuyền trưởng nếu thoát nạn được một mình hay với một số nhân viên thủy thủ đoàn, phải đến trình diện trước thẩm phán tại chỗ, hay nếu tại đây không có thẩm phán, trước một cơ quan dân sự nào khác, để làm phúc trình và để nhân viên sống sót có mặt tại đây làm nhân chứng xác nhận tờ phúc trình rồi xin cấp bản sao phúc trình đó.

**Điều thứ 661** - Để phối kiểm phúc trình của thuyền trưởng, thẩm phán hay cơ quan dân sự lấy lời khai của các nhân viên thuộc thủy thủ đoàn và nếu có thể, lời khai của hành khách, không kể những bằng chứng khác.

Những bản phúc trình không phối kiểm không được chấp nhận để miễn trách cho thuyền trưởng và không có tín lực trước toà án, ngoại trừ trường hợp thuyền trưởng bị đắm tàu là người duy nhất sống sót tại nơi lập phúc trình.

Các đương sự có quyền trưng bằng cứ trái lại.

**Điều thứ 662** – Ngoài trường hợp nguy kịch nhỡn tiền, thuyền trưởng không có thể cho bóc dỡ một món hàng nào, trước khi lập bản phúc trình nói ở điều 657.

Không tôn trọng khoản trên của điều này, thuyền trưởng có thể bị truy tố và xử phạt cấm cố.

**Điều thứ 663** – Khi tàu biển phải vào hải cảng hay sông ngòi, kinh rạch, thuyền trưởng đã tự ý hay bắt buộc nhờ đến hoa tiêu, vẫn phải chịu trách nhiệm.

Thuyền chủ có thể thi hành những phương sách tố cầu đối với hoa tiêu, nếu chứng minh được lỗi cá nhân của người này khi thi hành nhiệm vụ.

## TIẾT IV

# CÁC ĐẠI LÝ TRÊN BỘ CỦA THUYỀN CHỦ

**Điều thứ 664** - Thuyền chủ tự do lựa chọn người thụ thác tàu, để thay mặt mình làm các nghiệp vụ như nhận hàng của khách, giao hàng cho khách, thu góp thủy cước còn thiếu tại những bến hay hải cảng mà tàu biển của thuyền chủ phải ghé trong hành trình.

Thuyền trưởng cũng có thể vì nhu cầu hải trình, chỉ định người thụ thác tàu tại bến, hay hải cảng mà thuyền chủ chưa chọn người đại diện.

**Điều thứ 665** - Thuyền chủ hay thuyền trưởng có thể thỏa thuận với những người gửi hàng để lựa chọn những người thụ thác và ghi tên họ người này vào khế ước thuyền tải hay tải hoá đơn.

Trong trường hợp này, những người nhận hàng bắt buộc phải giao dịch với người thụ thác được chỉ định.

**Điều thứ 666** - Ngoại trừ trường hợp định ở điều trên, bất cứ lúc nào thuyền chủ cũng có thể chấm dứt nhiệm vụ của người thụ thác nhưng phải bồi thường, nếu không có lý do chính đáng.

**Điều thứ 667** - Người thụ thác được hưởng hoa hồng theo như giao ước với thuyền chủ. Nếu không có giao ước, thì sẽ căn cứ trên tục lệ địa phương.

**Điều thứ 668** – Khi tàu cập bến, người thụ thác tàu chỉ phụ tá thuyền trưởng trong việc kiểm điểm hàng mất hoặc hao bớt, nhận hay giao hàng cho khách.

Khi tàu rời bến, người thụ thác tàu sẽ thay thế thuyền chủ để làm mọi nghiệp vụ liên quan đến hoạt động thương mại hàng hải của thuyền chủ.

**Điều thứ 669** - Người thụ thác tàu có thể chính mình trực tiếp xử hành các tố cầu đối với những người nhận hàng để thu tiền thủy cước còn thiếu cho thuyền chủ.

**Điều thứ 670** - Người thụ thác tàu không chịu trách nhiệm về sự không thi hành hay thi hành không đúng đắn các nghĩa vụ của thuyền chủ phát sinh từ khế ước chuyên chở. Tuy nhiên, nếu phạm lỗi cá nhân, người thụ thác tàu có thể chịu trách nhiệm với tư cách riêng.

## CHƯƠNG THỨ IV

### VỀ SỰ VẬN TẢI HÀNG HÓA TRÊN BIỂN

# TIẾT I

## VỀ KHẾ ƯỚC MUỐN TÀU CHỞ HÀNG

**Điều thứ 671** - Thuyền chủ có thể cho thuê toàn thể hay một phần tàu biển để chở hàng hoá. Khế ước này phải làm bằng văn thư và được gọi là khế ước thuyền tải.

**Điều thứ 672** - Khế ước thuyền tải ghi rõ:

- Tên và dung lượng tàu biển,
- Tên họ thuyền trưởng,
- Tên họ người cho thuê và người thuê,
- Nơi và ngày tháng thoả thuận để cất dỡ hàng,
- Ngạch giá thủy cước,
- Đặc tính của sự cho thuê; toàn thể hay một phần tàu biển,
- Bồi khoản thoả thuận về những trường hợp chậm trễ.

**Điều thứ 673** - Thuyền chủ và người thuê tàu biển tự do ấn định thể thức thuê mượn và dự liệu các nghĩa vụ đôi bên miễn là phải tôn trọng các qui tắc thông thường về sự kết ước.

**Điều thứ 674** - Người thuê có thể cho thuê lại phần tàu biển đã thuê, cũng như có thể nhận chở hàng hoá cho khách trên phần đã thuê.

Khi có trường hợp thứ hai, người thuê sẽ chịu trách nhiệm với tư cách người chuyên chở đối với khách.

# TIẾT II

## VỀ TẢI HOÁ ĐƠN

**Điều thứ 675** - Người chuyên chở nhận chở hàng phải cấp tải hoá đơn cho người gửi hàng. Tải hoá đơn phải ghi:

- Tên, dung lượng và quốc tịch tàu biển,
- Tên họ thuyền trưởng,
- Loại, trọng lượng hay thể tích và cách thức gửi hàng, số hàng, dấu hiệu và số hiệu của hàng,
- Tên họ địa chỉ người gửi hàng,
- Tên họ địa chỉ người nhận hàng,
- Bến cất hàng,
- Bến dỡ hàng,
- Thủy cước,
- Nơi và ngày thành lập tải hoá đơn.

**Điều thứ 676** - Tải hoá đơn có thể lập dưới hình thức chiếu lệnh, vô danh hay ký danh.

**Điều thứ 677** - Mỗi tải hoá đơn được lập ít nhất làm bốn bản chánh:

- Một bản cho người gửi,
- Một bản cho người nhận hàng,
- Một bản cho thuyền trưởng,
- Một bản cho người khai thác tàu biển.

Số bản chánh phải được ghi trong tải hoá đơn.

**Điều thứ 678** – Các bốn chánh tải hoá đơn sẽ được thuyền trưởng và người gửi hàng ký tên trong hạn hai mươi bốn giờ , sau khi hàng hoá đã được cất lên tàu. Cũng trong thời hạn nói trên, người gửi hàng phải giao cho thuyền trưởng các biên lai thanh toán hay bảo chứng thuế quan về những món hàng đã cất trên tàu.

Thuyền chủ hay người khai thác có thể chỉ định đại lý để ký tên và cấp tải hoá đơn thay thế cho thuyền trưởng.

**Điều thứ 679** – Trong trường hợp có tải hoá đơn được cấp cùng với khế ước thuyền tải, các ước khoản trọng tải dự liệu trong khế ước thuyền tải được áp dụng trừ phi tải hoá đơn định khác.

Riêng về các ước khoản miễn trách của khế ước thuyền tải thì hiệu lực tùy thuộc tư cách người cấp tải hóa đơn.

Nếu người khai thác tàu biển đã cấp tải hoá đơn thì ước khoản miễn trách của khế ước thuyền tải kết buộc người thuê tàu biển, người gửi hàng cũng như người nhận hàng.

Nếu người thuê tàu biển đã cấp tải hóa đơn, thì dầu cho tải hoá đơn đã quy chiếu khế ước thuyền tải, và khế ước này có dự liệu đặc khoản miễn trách, người thuê tàu cũng không thể đem đối kháng đặc khoản này với người gửi hàng cũng như người nhận hàng.

**Điều thứ 680** - Để người chuyên chở hay đại diện để kiểm nhận hàng hoá và cấp tải hoá đơn, người gửi phải liệt kê trong một văn thư, các chi tiết liên quan đến những dấu hiệu, số kiện hàng, phẩm chất, trọng lượng..., tóm lại là những chỉ dẫn cần thiết để nhận biết dễ dàng món hàng gửi.

Những dấu hiệu phải ghi tên hàng hoá cách nào để còn có thể đọc được khi hàng tới bến.

Người chuyên chở hay đại diện có thể từ chối việc ghi vào tải hoá đơn những lời khai của người gửi về dấu hiệu, số lượng, phẩm chất hay trọng lượng của những hàng hoá gửi, nếu họ có lý do xác đáng để nghi ngờ về sự đứng đắn của các lời khai này hay nếu họ không có đủ phương tiện thích ứng để kiểm soát hàng hoá coi có đúng như lời khai hay không.

Tuy nhiên, người chuyên chở hay đại diện phải ghi rõ các lý do và sự trở ngại.

Trong trường hợp này, chính người gửi hay người nhận hàng phải trưng bằng có về sự thiếu hụt hàng hoá.

Biên nhận tạm mà người gửi hàng xin cấp phát cho mình trước khi cất hàng lên tàu sẽ được đổi lấy một tải hoá đơn khi hàng hoá đã đem lên tàu và được kiểm nhận.

**Điều thứ 681** - Người gửi hàng nào đã khai báo không đúng sự thật về những dấu hiệu, số lượng, phẩm chất hay trọng lượng hàng hoá, sẽ chịu trách nhiệm đối với người chuyên chở về những thiệt hại, thất lạc hay chi phí phát sanh từ lời khai thất thiệt đó.

Tuy nhiên, người chuyên chở không được viện dẫn lời khai thất thiệt này để đòi kháng với người nào khác hơn người gửi hàng.

## TIẾT III

# VỀ TÍN LỰC CỦA KHẾ ƯỚC THUYỀN TẢI VÀ TẢI HOÁ ĐƠN

**Điều thứ 682** - Về khế ước thuyền tải chỉ có thể dẫn chứng bằng văn thư. Nếu có sự tương phản giữa các điều khoản của một khế ước thuyền tải viết tay và một khế ước thuyền tải bằng chữ in, thì các điều khoản viết tay sẽ có tín lực.

**Điều thứ 683** - Tải hoá đơn lập đúng theo sự dự liệu của điều 675 có tín lực giữa mọi người quan thiết đến sự chở hàng và giữa những người này với những người bảo hiểm.

**Điều thứ 684** – Trong trường hợp có sự khác biệt giữa các tải hoá đơn về một sự chở hàng nhất định, sẽ có tín lực:

- 1) Tải hoá đơn do thuyền trưởng giữ, nếu được điền bằng chữ viết tay của người gửi này bằng chữ viết tay của người trọng mãi của người này.
- 2) Tải hoá đơn xuất trình do người gửi hay người thụ thác, được điền bằng chữ viết tay của thuyền trưởng.

**Điều thứ 685** - Nếu có sự tương phản giữa khế ước thuyền tải và tải hoá đơn, thì các điều khoản nào viết tay sẽ được coi như có tín lực hơn các điều khoản bằng chữ in. Nếu có sự tương phản của những điều khoản đều viết tay hay đều bằng chữ in giữa khế ước thuyền tải và tải hoá đơn, thì điều khoản của tải hoá đơn được coi như có giá trị. Tuy nhiên, các trường hợp dị biệt giữa khế ước thuyền tải và tải hoá đơn có thể do hai bên dự liệu định trước cách giải quyết.

**Điều thứ 686** - Bất cứ người trọng mãi hay thụ thác nào đã nhận các hàng hoá ghi trong các tải hoá đơn hay khế ước thuyền tải, đều phải cấp biên nhận cho thuyền trưởng theo sự yêu cầu của

người này, bằng không, phải gánh chịu những phí tổn bồi thường thiệt hại cùng mọi sở phí về sự trễ nải.

## TIẾT IV

# VỀ THỦY CƯỚC

**Điều thứ 687** – Giá thuê tàu biển được gọi là thủy cước. Thủy cước được thỏa thuận do các giao ước giữa các đương sự và chứng nhận bởi khế ước thuyền tải hay tải hoá đơn.

**Điều thứ 688** - Nếu tàu biển được thuê tháng và nếu không có giao ước trái lại, thủy cước sẽ bắt đầu kể từ ngày tàu khởi hành.

**Điều thứ 689** – Khi tàu được cho thuê toàn phần và người thuê không sử dụng hết dung lượng của tàu, thuyền trưởng vẫn không được nhận thêm hàng hoá khác nếu không có sự ưng thuận của người thuê.

Nếu ưng thuận cho sự chở thêm, người thuê sẽ hưởng thủy cước về số hàng hoá chở thêm trên tàu.

**Điều thứ 690** - Người thuê không cất lên tàu đúng số lượng hàng hoá đã ghi trong khế ước thuyền tải, vẫn phải trả đủ thủy cước cho trọn phần đã thuê.

Nếu số hàng cất lên tàu trội hơn số lượng thuê, sẽ phải trả thêm tiền tính theo giá cả qui định bởi khế ước thuyền tải.

Nhưng, nếu chưa cất hàng lên tàu mà lại hủy chuyến đi trước khi khởi hành, thì người thuê chỉ phải trả cho thuyền trưởng một số bồi khoản bằng phân nửa ngạch giá thủy cước đã thỏa thuận cho trọn phần thuê.

Nếu tàu biển chỉ nhận được một phần hàng phải chở và phải đi mà không chở đủ hàng, người thuê vẫn phải trả trọn thủy cước cho thuyền trưởng.

**Điều thứ 691** - Thuyền trưởng nào đã khai tàu của mình có một trọng tải lớn hơn thực sự, thì phải bồi thường thiệt hại cho người thuê.

Được coi như không có sai lầm về sự khai trọng tải, nếu sự sai lầm không quá một phần bốn mươi, hay nếu sự khai báo phù hợp với chứng thư ghi nhận đơn số của tàu biển.

**Điều thứ 692** - Nếu tàu biển chở hàng hoá cho nhiều người mà tính theo ta, theo đơn số hoặc tính khoán, người gọi hàng, có thể, trước khi tàu khởi hành, lấy lại hàng hoá của mình miễn là trả phân nửa thủy cước.

Người gọi phải chịu sở phí về sự cất hàng, dỡ hàng và cất lại những hàng khác đã phải dời chỗ để lấy lại hàng. Người gọi cũng phải gánh chịu phí tổn nếu gây ra chậm trễ.

**Điều thứ 693** - Thuyền trưởng có thể cho dỡ xuống, ngay tại nơi cất hàng, những hàng hoá không khai báo.

Thuyền trưởng cũng có thể giữ những hàng hoá này trên tàu và buộc người gọi phải trả giá thủy cước cao nhất, áp dụng tại nơi cất hàng đối với những hàng hoá đồng tính chất.

**Điều thứ 694** - Người gọi muốn lấy hàng hoá giữa cuộc hành trình, phải trả trọn thủy cước và mọi sở phí di chuyển do sự dỡ hàng này mà ra.

Nếu phải lấy lại hàng vì hành vi hay vì lỗi của thuyền trưởng, người này phải chịu trách nhiệm về mọi phí tổn.

**Điều thứ 695** - Nếu hành vi của người thuê, mà tàu phải chậm khởi hành hay phải chậm trễ trong cuộc hành trình hay tại nơi dỡ hàng, thì người thuê phải chịu sở phí.

**Điều thứ 696** - Nếu tàu được thuê khứ hồi thì dù trong bận về, tàu không chở hàng hay chỉ chở một ít hàng, người thuê vẫn phải trả trọn thủy cước khứ hồi và sở phí về chậm trễ nếu có.

**Điều thứ 697** - Thuyền trưởng phải bồi thường thiệt hại cho người thuê, nếu vì hành vi của mình tàu biển phải chậm trễ lúc khởi hành, trong cuộc hành trình hay tại nơi dỡ hàng. Những bồi khoản này sẽ do giám định viên ước lượng.

**Điều thứ 698** - Trong cuộc hành trình nếu thuyền trưởng bắt buộc phải sửa chữa tàu biển, thì người thuê tàu phải đợi, bằng muốn lấy lại hàng thì phải trả trọn thủy cước.

Trong trường hợp tàu không thể sửa chữa được, thuyền trưởng phải thuê một chiếc tàu khác.

Nếu thuyền trưởng không thuê được tàu thì hàng hoá chỉ phải chịu phần thủy cước tương đương với đoạn đường đã đi.

**Điều thứ 699** - Nếu người thuê chứng minh được rằng ngay sau khi khởi hành tàu ở trong tình trạng bất khả hành thủy, thì thuyền trưởng chẳng những mất thủy cước mà còn phải bồi thường thiệt hại.

Dù có chứng thư xét tàu hợp lệ trước khi tàu khởi hành, vẫn có thể dẫn chứng để chống lại chứng thư này.

**Điều thứ 700** - Nếu tàu biển đang đi đến một nước và bắt buộc phải trở về với số hàng hoá đang chở vì có sự cấm đoán buôn bán với nước đó, thì thuyền trưởng chỉ được quyền hưởng thủy cước của chuyến đi dù tàu đã được thuê khứ hồi.

**Điều thứ 701** - Nếu đang đi, tàu biển bị bắt giữ do lệnh của một cường quốc, thì sẽ không được tính thủy cước cho suốt thời gian tàu bị cầm giữ, nếu tàu thuê thặng và không được tăng thêm thủy cước, nếu tàu thuê từng chuyến.

Phí tổn về lương thực và tiền công của thủy thủ đoàn trong thời gian tàu bị cầm giữ sẽ được coi như hải tổn.

**Điều thứ 702** - Thuyền trưởng được trả thủy cước về những hàng hoá đã phải vứt bỏ để cứu nguy, nhưng phải đóng góp trả hải tổn.

**Điều thứ 703** - Những hàng hoá đã tiêu thất vì tàu đắm, mắc cạn bị cướp hay tịch thu bởi dịch quân, sẽ không phải chịu thủy cước. Thuyền trưởng phải hoàn lại phần thủy cước đã được trả trước, trừ phi có giao ước trái lại.

**Điều thứ 704** - Nếu tàu biển và các hàng hoá được chuộc lại sau khi bị cướp, bị tịch thu hay nếu các hàng hoá được cứu thoát khỏi đắm, thì thuyền trưởng chỉ được trả thủy cước cho tới nơi tàu biển bị giữ hay bị đắm.

Thuyền trưởng có quyền thu trọn thủy cước nếu đã đóng góp vào số tiền chuộc và chở được hàng hoá đến nơi đã định.

**Điều thứ 705** - Sự đóng góp để chuộc được tính trên phân nửa trị giá của tàu biển và thủy cước và trên thời giá của hàng hoá tại nơi dỡ hàng sau khi khấu trừ phí tổn. Tiền công của thủy thủ không được tính vào sự đóng góp.

**Điều thứ 706** - Nếu người chủ hàng không chịu nhận, thuyền trưởng có thể xin tòa án cho phép bán hàng để được thanh toán thủy cước và ký thác số hàng còn lại tại hóa khố.

Nếu số tiền bán không đủ để trả thủy cước, thuyền trưởng vẫn còn quyền đòi người gửi khoản tiền thiếu.

**Điều thứ 707** - Thuyền trưởng không thể lưu trì hàng hoá trên tàu vì lý do không được thanh toán thủy cước.

Nhưng thuyền trưởng có thể, trong khi dỡ hàng, xin ký thác hàng hoá trong tay đệ tam nhân cho đến khi thủy cước được thanh toán.

**Điều thứ 708** - Về thủy cước còn thiếu, thuyền trưởng được ưu quyền trên hàng hoá đã chở trên tàu, trong hạn 15 ngày sau khi giao hàng, nếu các hàng hoá này chưa qua tay đệ tam nhân.

**Điều thứ 709** - Trong hạn 15 ngày nói trên mà có sự khản tận của những người gửi hàng hay những người nhận hàng, thuyền trưởng được ưu quyền trước mọi trái chủ khác để được trả thủy cước và hải tổn còn thiếu.

**Điều thứ 710** - Ngoại trừ quyền đòi bồi thường, người gửi hàng không thể xin giảm bớt giá thủy cước, dù hàng bị hư hay đến chậm.



**Điều thứ 711** – Người gửi hàng không thể, để khỏi trả thủy cước, bỏ những hàng hoá đã mất giá, hay hư hỏng vì hà ti bản chất hoặc do trường hợp ngẫu nhiên.

## TIẾT V

# SỰ THI HÀNH KHẾ ƯỚC VẬN TẢI

**Điều thứ 712** – Thuyền chủ có trách vụ bảo đảm khả năng hành thủy của tàu biển chỉ định trong giao ước.

**Điều thứ 713** – Thuyền trưởng phải đem tàu biển đến hải cảng chỉ định theo khế ước để cất hàng.

Nếu lúc ký khế ước hải vận, người thuê dành quyền chỉ định hải cảng, thì khi có sự yêu cầu của người thuê, tàu phải đến tận hải cảng đó.

Người thuê phải dành cho thuyền trưởng một thời gian đầy đủ để đem tàu đến hải cảng.

Thuyền trưởng có thể từ chối, nếu hải cảng chỉ định không đủ điều kiện an toàn hay không thích ứng cho tàu cập bến.

**Điều thứ 714** – Người thuê tàu hay người gửi hàng chỉ được cất lên tàu những hàng hoá đã định rõ trong khế ước thuyền tải hay tải hoá đơn.

**Điều thứ 715** – Trong trường hợp phải nhận hàng nơi đệ tam nhân, nếu thuyền trưởng không tìm được người này hay người này không chịu cất hàng lên tàu, thuyền trưởng phải lập tức thông báo cho người thuê biết.

Trong trường hợp này người thuê có thể cất hàng nhưng phải làm trong thời gian đã được dự liệu.

**Điều thứ 716** – Dù không cất hàng hay cất hàng không đủ, người thuê tàu vẫn có quyền yêu cầu thuyền trưởng phải khởi hành.

Trong trường hợp này người thuê chẳng những phải trả đủ thủy cước và phí tổn vì không cất hàng mà còn phải ứng trước một khoản tiền để bảo đảm thủy cước và phí tổn, nếu thuyền trưởng hay người đại diện yêu cầu.

**Điều thứ 717** – Người thuê tàu biển có trách vụ cất hàng lên tàu.

Tuy nhiên có thể giao ước để thuyền chủ hay người khai thác thực hiện các nghiệp vụ cất hàng.

**Điều thứ 718** – Người làm công việc cất hàng sẽ gánh chịu những sự rủi ro xảy ra khi cất hàng.

Tuy nhiên có thể giao ước trước rằng chủ hàng gánh chịu lấy những sự rủi ro, mặc dù người làm công việc cất hàng là người chuyên chở.

**Điều thứ 719** – Thuyền trưởng chịu trách nhiệm về sự sắp xếp các hàng hoá trên tàu. Ước khoản miễn trách cho thuyền trưởng về việc này chỉ có giá trị trong khế ước thuyền tải chứ không có giá trị đối với sự chuyên chở theo tải hoá đơn.

**Điều thứ 720** – Nếu sắp xếp hàng hoá không đúng cách, để hàng bị hư hỏng thì lỗi đó là lỗi thương mại chứ không phải lỗi thuỷ vận.

**Điều thứ 721** – Trong trường hợp người thuê tàu tự cất hàng lên tàu, khi hết hạn dự liệu, thuyền trưởng có thể đòi khởi hành dù rằng người thuê chưa cất đủ số hàng phải chở.

**Điều thứ 722** – Trước khi tàu khởi hành, nếu có sự cấm đoán buôn bán với các quốc gia mà tàu phải đến, các giao ước được huỷ bỏ và không đương sự nào được đòi bồi thường.

Người gửi hàng phải chịu các phí tổn, về sự cất và dỡ hàng.

**Điều thứ 723** – Nếu vì có tình trạng bất khả kháng, trong một thời gian tàu bị chậm trễ khởi hành, các giao ước vẫn được duy trì và không có việc phải bồi thường vì chậm trễ. Nếu tình trạng bất khả kháng xảy ra khi tàu đang hành trình, thì giao ước cũng được duy trì và không có việc phải trả thêm thuỷ cước.

**Điều thứ 724** – Trong khi hành trình, tại các bến tàu ngừng, người gửi có thể dỡ hàng của mình, chịu lấy phí tổn nhưng phải cất hàng trở lại, nếu không, phải bồi thường cho thuyền trưởng.

**Điều thứ 725** – Trong chuyến đi, thuyền trưởng có trách vụ chăm nom chu đáo các hàng hoá trên tàu và sẽ chịu trách nhiệm nếu có lỗi và lỗi này là lỗi thương mại.

**Điều thứ 726** – Khế ước thuyền tải hay tải hoá đơn chỉ định bến mà thuyền trưởng phải đến để giao hàng.

Trong trường hợp bến giao hàng chỉ định bị phong tỏa, thuyền trưởng trừ phi có lệnh trái lại phải đưa tàu đến một trong những bến kế cận của cùng một quốc gia, nếu được phép cập bến.

**Điều thứ 727** – Các thời hạn để cất và dỡ hàng sẽ được ấn định trong khế ước, nếu không sẽ áp dụng tục lệ địa phương.

**Điều thứ 728** – Đối với việc cất hàng, thời hạn bắt đầu kể từ lúc cập bến, khi thuyền trưởng báo cáo tàu đã sẵn sàng nhận hàng.

Đối với việc dỡ hàng, thời hạn chỉ bắt đầu khi tàu đã thật sự vào bến, sau khi thuyền trưởng đã lập xong thủ tục khai báo quan thuế và khi tàu đã nằm ở vị trí sẵn sàng để dỡ hàng.

Thời hạn này là thời hạn tròn.

Chúa nhật và ngày lễ không tính trong thời hạn.

**Điều thứ 729** – Khi có biến cố có tính cách bất khả kháng làm cho người gửi hàng và người nhận hàng không thể thi hành trách vụ của mình, thì thời hạn sẽ hưu hoãn.

**Điều thứ 730** – Khi nào sự dỡ hàng và cất hàng không hoàn tất trong thời hạn, người thuê tàu phải bồi thường thiệt hại về sự tăng hạn cho thuyền chủ hay người khai thác.

Nếu không có giao ước, giá xuất bồi thường cho mỗi ngày tăng hạn sẽ tính theo tục lệ nơi dỡ hay cất hàng.

Các ngày lễ và ngày nghỉ được tính trong thời gian tăng hạn.  
Thời gian tăng hạn sẽ không hưu hoãn bất cứ vì lý do gì.

**Điều thứ 731** – Người nhận hàng hay đại diện phải đến bến chỉ định để nhận hàng.

**Điều thứ 732** – Thuyền trưởng phải giao hàng cho:

- 1) Người có tên trong tải hoá đơn, nếu là tải hoá đơn ký danh.
- 2) Người có tên họ bồi thụ trên tải hoá đơn, nếu là tải hoá đơn chiếu lệnh.
- 3) Người cầm tải hoá đơn, nếu là tải hoá đơn vô danh.

**Điều thứ 733** – Người nhận hàng có một tổ quyền cá nhân và riêng biệt đối với người chuyên chở.

Thuyền trưởng cũng có thể đòi thẳng người nhận hàng số thủy cước cùng sở phí về món hàng chuyên chở.

## TIẾT VI

# VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI CHUYÊN CHỞ

### PHỤ TIẾT I

#### VỀ TRÁCH NHIỆM THEO KHÉ ƯỚC THUYỀN TẢI

**Điều thứ 734** – Trách nhiệm của người chuyên chở theo khế ước thuyền tải là một trách nhiệm giao ước.

Các đương sự tự do ấn định nghĩa vụ của đôi bên, nhưng phải tôn trọng các điều có tính cách bó buộc của phụ tiết này.

**Điều thứ 735** – Tuy nhiên, mặc dù có trách nhiệm giao ước như nói trên, thuyền chủ không chịu trách nhiệm về những hà ti ẩn của tàu biển, trừ phi người thuê dẫn chứng được sự thật rằng hà ti

này phát sinh từ sự khiếm khuyết kiểm soát việc đóng tàu biển hay khiếm khuyết nghĩa vụ tu bổ thông thường tàu biển.

**Điều thứ 736** – Thuyền chủ không chịu trách nhiệm nếu sự mất mát hay hư hao là do lỗi của người thuê tàu biển.

Người thuê bị coi là có lỗi:

- 1) Nếu đã khai gian bản chất của hàng hoá chuyên chở;
- 2) Hay nếu của hàng hoá chuyên chở có hà ti bản chất nên không chịu nổi sự hành trình trên biển.

**Điều thứ 737** – Nếu hàng hoá chuyên chở là vật liệu nguy hiểm, thuyền trưởng có quyền cho dỡ hay vứt bỏ, khi có sự nguy kịch cho tàu biển.

**Điều thứ 738** – Thuyền chủ cũng không chịu trách nhiệm, khi sự thiệt hại xảy ra do trường hợp ngẫu nhiên hay bất khả kháng, hoặc do những biện pháp chuyên quyết của nhà cầm quyền, hoặc do những cuộc đình công hay giải công toàn diện của công nhân nơi bến tàu phải neo.

**Điều thứ 739** – Thuyền chủ có thể dự liệu trong kế ước thuyền tải những ước khoản miễn trách cho mình đối với người thuê tàu về những hành vi bất hợp pháp, bất cần, vụng về hay lỗi lầm của thuyền trưởng, hoa tiêu, thủy thủ đoàn và mọi người khác phục dịch trên tàu biển.

Tuy nhiên thuyền chủ mất quyền viện dẫn các ước khoản nói trên, nếu sự thiệt hại gây ra cho hàng hoá tuy là do lỗi của những người thừa sai hàng hải, nhưng lỗi này phát sinh do chính thuyền chủ hay các đại lý trên bộ.

Cũng có mất quyền viện dẫn ước khoản nói trên, nếu thuyền chủ nhận về mình lỗi của người thừa sai hay nhơn lỗi của người thừa sai mà được thủ lợi.

Các ước khoản miễn trách chỉ có giá trị giữa các đương sự kết ước và không thể đem đối kháng với đệ tam nhơn.

**Điều thứ 740** – Thuyền chủ cũng có thể giao ước không chịu trách nhiệm về các sự mất mát, hư hao, nếu người thuê tàu không chứng minh được thuyền chủ có phạm lỗi.

Được coi là ước khoản “Không chịu trách nhiệm”:

- 1) Những ước khoản liên quan đến sự kiểm nhận hàng hoá cất lên tàu, mà trên thực tế thuyền trưởng không làm xuê nên đã dự phòng bằng cách ghi chú, “trọng lượng không rõ”, “số lượng không rõ” hay những câu dè vật tương tự.
- 2) Những ước khoản liên quan đến một vài thứ hải tổn như hư bể, hư chảy, thấm nước, những sự thiệt hại gây ra do chuột hay sâu bọ.
- 3) Những ước khoản liên quan đến một vài nguyên do của hải tổn như hoả hoạn, tai nạn phát sinh từ máy móc, từ hà ti ẩn nặc của tàu biển v.v. . .

# PHỤ TIẾT II

## VỀ TRÁCH NHIỆM THEO TẢI HOÁ ĐƠN

**Điều thứ 741** – Phụ tiết này chỉ qui định riêng việc chuyên chở hàng hoá bằng đường biển theo tải hoá đơn và chỉ áp dụng kể từ khi hàng hoá được nhận dưới cần trục cho đến lúc được giao dưới cần trục.

Phụ tiết này không áp dụng cho các khế ước thuyền tải, nhưng nếu có tải hoá đơn được cấp thì sẽ áp dụng các điều khoản trong phụ tiết này.

**Điều thứ 742** – Người chuyên chở phải chịu trách nhiệm mọi sự mất mát, hư hao hay thiệt hại gây ra cho hàng hoá, trừ phi chứng minh được rằng sự thất lạc, hư hỏng hay thiệt hại đó phát sanh do những nguyên nhân sau đây:

- 1) Lỗi hàng hải củ thuyền trưởng, thủy thủ, hoa tiêu hay mọi thừa sai khác.
- 2) Hà ti ần nặc của tàu biển.
- 3) Trường hợp ngẫu nhiên hay bất khả kháng.
- 4) Sự đình công, giải công hay mọi sự ngăn cản công nhơn tại bến làm việc, dù toàn diện hay một phần và bất kỳ vì lý do gì.
- 5) Hà ti bản chất của hàng hoá hay sự sơ xuất trong việc bao gói hay ghi dấu, sự thất thoát về lượng khối trong lúc hành trình trong giới hạn do quán lệ chấp nhận tại các hải cảng phải đến.
- 6) Hành vi cứu trợ hay toan cứu trợ hay cứu nạn, hay sự thay đổi đường đi tàu biển để thực hiện mục đích này.

Tuy nhiên, trong những trường hợp ngoại lệ trên, người gửi hàng vẫn có thể trưng bằng có rằng những sự mất mát và thiệt hại là do lỗi của người chuyên chở hay do lỗi không có tính cách hàng hải của những thừa sai.

**Điều thứ 743** – Trong mọi trường hợp trách nhiệm bồi thường của người chuyên chở không thể quá số tiền 100.000\$00 cho mỗi kiện hàng hay mỗi đơn vị đo lường, trừ phi tính chất và giá trị của những món hàng này được người gửi khai báo trước khi cất lên tàu.

Lời khai này phải được ghi trong tải hoá đơn và có tín lực đối với người chuyên chở, trừ phi người này có bằng chứng tương phản.

Người chuyên chở nếu dị nghị sự chính xác của sự khai báo vào ngay lúc đó có quyền ghi vào tải hoá đơn những sự dự phòng có viện dẫn lý do. Trong trường hợp này, chính người gửi và nhận hàng phải trưng bằng có chứng minh giá trị thực sự của món hàng.

Mọi ước khoản giới hạn trách nhiệm cho người chuyên chở dưới số tiền ấn định nơi khoản I của điều này đều vô giá trị.

**Điều thứ 744** – Khi người gửi hàng cố ý gây thất thiệt bản chất hay giá trị của những món hàng gửi, người chuyên chở khỏi phải chịu trách nhiệm về sự mất mát hay thiệt hại đã xảy ra cho những hàng hoá này.

**Điều thứ 745** – Đối với những hàng hoá thuộc loại dễ cháy, dễ nổ hay nguy hiểm mà người chuyên chở, nếu biết rõ, ắt đã không chịu cho cất lên tàu thì người chuyên chở có quyền cho dỡ xuống, huỷ bỏ hay khử trừ tính chất nguy hiểm bất cứ lúc nào, hay nơi nào, mà khỏi phải bồi thường, ngoài ra, người gửi hàng còn phải chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại và sở phí do sự cất lên tàu những món hàng đó.

Nếu đã biết rõ bản chất của những món hàng này mà người chuyên chở vẫn nhận cất lên tàu, thì chỉ có thể cho dỡ xuống, huỷ bỏ hay khử trừ tính chất nguy hiểm khi hàng hoá này làm cho tàu biển và hàng hoá khác bị lâm nguy. Người chuyên chở sẽ không phải bồi thường, trừ phi với tính cách là hải tổn chung, nếu có.

**Điều thứ 746** – Trong trường hợp có sự mất mát hay thiệt hại xảy ra cho hàng hoá, người nhận hàng phải phản kháng bằng văn thư gửi cho người chuyên chở hay đại diện của người này tại bến dỡ hàng, chậm nhất vào lúc lãnh hàng, bằng không sẽ bị ước đoán là đã lãnh đúng những hàng hoá mô tả trong tải hoá đơn, trừ phi có bằng cứ trái lại.

Nếu sự mất mát và thiệt hại không thấy rõ bên ngoài thì sự phản kháng có thể được làm trong thời hạn ba ngày sau khi lãnh hàng, ngày lễ sẽ không tính vào thời hạn.

Người chuyên chở có quyền xin mở một cuộc kiểm nhận đối tịch về tình trạng của hàng hoá lúc được nhận lãnh.

Trong mọi trường hợp, tổ quyền chống người chuyên chở về mọi sự mất mát và thiệt hại xảy ra cho hàng hoá, sẽ bị thời tiêu sau một năm kể từ lúc giao hàng và nếu không có sự giao hàng, thì kể từ ngày mà hàng hoá đáng lý phải được giao.

**Điều thứ 747** – Sẽ vô giá trị và vô hiệu lực, ước khoản nào của tải hoá đơn hay mọi chứng thư chuyên chở hàng hoá đã trực tiếp hay gián tiếp, có đối tượng giải trừ cho người chuyên chở trách nhiệm mà thường luật hay phụ tiết này kết buộc, hay đảo lộn nghĩa vụ dẫn chứng được quy định bởi luật lệ hiện hành và phụ tiết này.

Được coi như ước khoản giải trừ trách nhiệm ước khoản nhượng cho người chuyên chở biệt lợi lãnh tiền bảo hiểm hàng hoá hay mọi ước khoản tương tự.

Điều này không áp dụng cho sự chuyên chở hàng hoá trên boong tàu hay cho sự chuyên chở súc vật.

**Điều thứ 748** – Những tổ quyền chánh tổ hay phản hoàng sẽ đưa ra trước các toà án chiếu các qui tắc về thẩm quyền theo thường luật.

Tuy nhiên, nếu bến dỡ hàng thuộc lãnh thổ Việt Nam thì người lãnh hàng, người gửi hàng và những người thụ quyền của họ, đều có thể khởi tố người chuyên chở trước toà án hải cảng này.

Trong mọi trường hợp, không thể dùng ước khoản trọng khoán để giao trọn quyền cho trọng tài điều giải đôi bên với toàn quyền thẩm lượng không cần tuân theo luật lệ, thủ tục.

## CHƯƠNG THỨ V

### SỰ CHUYÊN CHỞ HÀNH KHÁCH

#### TIẾT I

## VỀ KHẾ ƯỚC CHUYÊN CHỞ HÀNH KHÁCH

**Điều thứ 749** – Khế ước chuyên chở hành khách thành tựu khi người chuyên chở và hành khách đã thoả thuận với nhau về điều kiện và giá chuyên chở.

Đôi bên tự do kết ước miễn là phải tôn trọng các điều bó buộc dự liệu trong chương này.

**Điều thứ 750** – Vé tàu phải ghi rõ:

- Tên và quốc tịch tàu biển.
- Nơi và ngày cấp vé.
- Nơi đi và nơi đến.
- Các bến sẽ ghé, nhưng người chuyên chở có thể dành quyền thay đổi.
- Tên họ và địa chỉ của người chuyên chở.

Tuy nhiên, không thể vì vé không được cấp hay vì bị mất vé, hoặc vì không được cấp theo đúng thể thức nói trên mà khế ước chuyên chở bị như không có hay vô giá trị.

Bất cứ người quan thiết nào cũng có thể chứng minh khế ước chuyên chở hành khách bằng mọi phương tiện.

**Điều thứ 751** – Trong trường hợp vé tàu có ghi tên hành khách thì không thể nhượng vé cho người khác, trừ phi có giao ước trái lại.

**Điều thứ 752** – Hành khách đã nhận vé có ghi rõ những điều kiện chuyên chở được kể như đã chấp nhận những điều kiện này.

#### TIẾT II

# VỀ SỰ THI HÀNH KHẾ ƯỚC CHUYÊN CHỖ HÀNH KHÁCH

**Điều thứ 753** – Trong thời hạn ấn định, hành khách phải lên tàu và lo liệu để đem hành lý lên tàu.

**Điều thứ 754** – Hành khách không được mang các hàng hoá nguy hiểm theo hành lý. Hành khách phải chịu mọi rủi ro về các hành lý mang tay.

**Điều thứ 755** – Khi đã lên tàu, hành khách chịu quyền kỷ luật của thuyền trưởng.

**Điều thứ 756** – Thuyền trưởng có thể không cho lên tàu hành khách nào bệnh nặng hay mắc bệnh truyền nhiễm.

**Điều thứ 757** – Trước khi tàu khởi hành, hành khách có thể xin hủy khế ước chuyên chở và chịu một nửa giá vé.

Trừ phi hành khách mệnh một hay bị ngăn cản, vì mắc bệnh nặng hoặc vì một trường hợp bất khả kháng, thì được hoàn lại cả giá vé.

**Điều thứ 758** – Thuyền trưởng có quyền khởi hành hay tiếp tục cuộc hành trình, nếu hành khách không lên tàu trong thời gian ấn định, trong trường hợp này hành khách phải trả trọn vé đi.

Sau khi tàu đã khởi hành, hành khách nào không muốn tiếp tục cuộc hành trình cũng phải chịu trọn giá vé. Nếu những nguyên do dự liệu ở điều 757 xảy ra khi tàu đang đi, người chuyên chở có thể hoặc lấy phân nửa giá tiền của chuyên đi hoặc lấy một khoản tiền tương xứng với đoạn đường đã đi.

**Điều thứ 759** – Trường hợp giá tiền của chuyên đi chưa trả, người chuyên chở có đặc quyền trên hành lý của hành khách, để đảm bảo khoản tiền thiếu.

**Điều thứ 760** – Tố quyền để đòi trái khoản này sẽ tiêu diệt một năm sau khi chuyên đi kết thúc.

**Điều thứ 761** – Giữa cuộc hành trình, nếu cần phải sửa chữa tàu biển, người chuyên chở chịu phí tổn về ăn ở của hành khách theo những điều kiện vừa phải, nếu không thuê được một tàu biển khác đủ tiện nghi để đưa hành khách đến bến dự định.

**Điều thứ 762** – Trong trường hợp hành khách mệnh một khi tàu đang đi, thuyền trưởng phải giữ gìn hành lý cho người này bằng cách nào cho hợp với quyền lợi của các thừa kế.

**Điều thứ 763** – Hành khách bị tai nạn trên tàu có quyền khởi tố để buộc người chuyên chở bồi thường theo thường luật.



Người chuyên chở có thể dự liệu trước trong kế ước những điều khoản miễn trách hay giới hạn trách nhiệm, nhưng sự giới hạn này không thể đến mức làm cho người chuyên chở thực tế, được như miễn trách: những điều khoản miễn trách chỉ có hiệu lực buộc hành khách phải dẫn chứng thay vì người chuyên chở.

**Điều thứ 764** – Các thân nhân của hành khách tử nạn trong cuộc hành trình có quyền khởi tố người chuyên chở để xin bồi thường.

Người chuyên chở không thể đem đối kháng với các người này, những điều khoản miễn trách hay giới hạn trách nhiệm đã dự liệu trong kế ước chuyên chở.

**Điều thứ 765** – Trái quyền của hành khách bị nạn trong cuộc hành trình được hưởng đặc quyền theo khoản 5 của điều 575.

**Điều thứ 766** – Toà án có thẩm quyền để xét đơn đòi bồi thường là toà án nơi cư trú của người chuyên chở, nơi hải cảng xảy ra tai nạn, nơi kết ước hay nơi trả tiền vé.

Đôi bên kết ước cũng có thể tuyển chọn toà án khác. Ước khoản này không thể đối kháng với thân nhân của hành khách tử nạn, khi họ khởi tố nhơn danh chính mình.

## CHƯƠNG THỨ VI

### VỀ HẢI TỶN HẢI NẠN VÀ BẢO HIỂM HÀNG HẢI

#### TIẾT I

#### VỀ HẢI TỶN

#### PHỤ TIẾT I

#### ĐIỀU KHOẢN CHUNG

**Điều thứ 767** – Được kể như hải tỶn:

- 1) Mọi chi tiêu đặc biệt dùng chung cho cả tàu biển, lẫn hàng hoá chở trên tàu, hay dùng riêng biệt cho tàu biển, hoặc cho hàng hoá chở trên tàu.
- 2) Mọi thiệt hại xảy ra cho tàu biển và cho hàng hoá kể từ lúc cất hàng và khởi hành cho đến lúc trở về và dỡ hàng.

**Điều thứ 768** – Nếu không có giao ước đặc biệt giữa các đương sự, những điều khoản sau đây sẽ áp dụng cho các hải tỶn.

**Điều thứ 769** – Có hai loại hải tôn: hải tôn chung và hải tôn riêng.

## **PHỤ TIẾT II**

### **VỀ HẢI TÔN CHUNG**

**Điều thứ 770** – Thuyền trưởng hành động vì quyền lợi chung, có thể tự ý gây thiệt hại cho tàu biển và hàng hoá chở trên tàu hay tiêu dùng một số chi phí đặc biệt với mục đích cứu thoát tàu biển và hàng hoá ra khỏi tình trạng nguy kịch hiển nhiên, trong trường hợp này những thiệt hại gây ra cho tàu biển và hàng hoá cũng như mọi số phí tiêu dùng đều được gọi là hải tôn chung.

Được xem đại để như hải tôn chung:

- 1) Những đồ vật hay tiền bạc đã bỏ ra để chuộc lại tàu biển và hàng hoá.
- 2) Những đồ vật đã vất xuống biển.
- 3) Giây cáp và cột buồm đã gãy hay chặt bỏ.
- 4) Neo và đồ vật phải bỏ để cứu nguy.
- 5) Những thiệt hại mà sự vớt đồ xuống biển đã gây ra cho hàng hoá còn lại trên tàu.
- 6) Những khoản tiền thuốc men cho thủy thủ bị thương trong việc bảo vệ tàu, tiền công và tiền ăn cho các thủy thủ trong thời gian tàu phải ngưng hành trình vì bị cầm giữ theo lệnh của một cường quốc, hay trong thời gian cần thiết để sửa chữa những thiệt hại tự ý chịu đựng, nếu tàu cho thuê thặng.
- 7) Những chi phí dỡ hàng để làm nhẹ tàu và để vào bến hay sông nhỏ, khi tàu bắt buộc phải làm như vậy để tránh bão hay tránh sự săn đuổi của kẻ địch.
- 8) Những chi phí dùng để kéo tàu xuống nước, nếu tàu đã tự ý để mắc cạn để khỏi phải rơi vào tay địch hay mất toàn diện.

**Điều thứ 771** – Trong trường hợp có sự vớt bỏ hàng hoá để cứu nguy, thì những vật kèm cần thiết, nặng nề và ít giá trị sẽ bị vớt bỏ trước tiên, kể đó những hàng hoá cất lên boong nhưt.

**Điều thứ 772** – Ngay khi thuận tiện, thuyền trưởng phải ghi sự vớt bỏ nói trên vào sổ. Phải ghi rõ:

- Lý do vớt bỏ hàng hoá.
- Những đồ vật đã vớt bỏ hay đã bị thiệt hại vì sự vớt bỏ.

**Điều thứ 773** – Trong vòng hai mươi bốn giờ, sau khi tàu cập bến thứ nhứt kể từ lúc có sự vớt bỏ hàng hoá, thuyền trưởng phải xác nhận các sự việc đã xảy ra, như đã nói tại điều 656.

**Điều thứ 774** – Thuyền trưởng phải mẫn cán nhờ các giám định viên nơi tàu biển dỡ hàng xác định tình trạng mất mát và hư hại.

Nếu tàu dỡ hàng tại một hải cảng Việt Nam, thì giám định viên sẽ do chánh án toà sơ thẩm nơi đó chỉ định.

Nếu tàu dỡ hàng tại một bến ngoại quốc, thì lãnh sự Việt Nam tại đây sẽ cử giám định viên và nếu không có lãnh sự Việt Nam thì giám định viên sẽ do chánh án toà sở tại chỉ định.

**Điều thứ 775** – Những hàng hoá bị vớt bỏ sẽ được ước tính theo thời giá tại nơi dỡ hàng, phẩm chất sẽ căn cứ vào tải hoá đơn hay hoá đơn, nếu có.

**Điều thứ 776** – Các giám định viên phân phối sẽ được cho chấp hành bởi Lãnh sự Việt Nam và nếu không có Lãnh sự Việt Nam, bởi toà án có thẩm quyền tại chỗ.  
Hải tổn chung sẽ phân bổ để chung chịu.

**Điều thứ 777** – Hải tổn chung sẽ phân bổ để chung chịu giữa các hàng hoá, đồ vật được cứu thoát cũng như bị vớt bỏ, và phân nửa giá tàu biển cũng như phân nửa thủy cước, nhiều ít tùy theo tỉ lệ giá trị của những thứ ấy tại nơi dỡ hàng.

**Điều thứ 778** – Nếu đã khai man phẩm chất của hàng hoá trong tải hoá đơn và thực sự giá trị cao hơn thì hàng hoá phải đóng góp theo giá trị này, nếu được cứu thoát.

Trái lại, nếu hàng mất thì trả tiền cho chủ theo phẩm chất ghi trong tải hoá đơn.  
Đối với những hàng hoá mà phẩm chất kém hơn phẩm chất trong tải hoá đơn, sự đóng góp sẽ tính theo phẩm chất trong tải hoá đơn, nếu hàng hoá được cứu thoát.  
Trái lại, nếu hàng bị vớt bỏ hay hư hại thì trả tiền cho chủ theo giá trị thật sự.

**Điều thứ 779** – Lương thực và y phục của thủy thủ đoàn dù được cứu thoát cũng không góp phần vào việc trả hải tổn, nhưng nếu bị vớt bỏ thì sẽ được thường hoàn.

**Điều thứ 780** – Những đồ vật không có tải hoá đơn hay không có sự khai nhận của thuyền trưởng không được trả tiền nếu bị vớt bỏ, nhưng phải góp phần nếu được cứu thoát.

**Điều thứ 781** – Những đồ vật chở trên boong tàu phải góp phần nếu được cứu thoát.

Nếu đồ vật này bị vớt bỏ hay hư hại vì sự vớt hàng, thì sở hữu chủ không thể đòi bồi thường hải tổn, nhưng đòi thuyền trưởng bồi thường.

**Điều thứ 782** – Nếu vớt bỏ hàng hoá mà không ai cứu được tàu thì không phải đóng góp.

Nếu có hàng hoá được cứu sau này, sẽ khôi bồi hoàn cho hàng hoá bị vớt bỏ, hay bồi thường cho những hàng bị thiệt hại.

**Điều thứ 783** – Nếu vớt hàng hoá mà cứu được tàu, nhưng tàu bị đắm khi tiếp tục hành trình thì những hàng hoá sẽ góp phần theo trị giá vào lúc đó, sau khi khấu trừ các phí tổn cứu vớt.

**Điều thứ 784** – Trong mọi trường hợp, các đồ vật vớt bỏ khỏi phải góp phần để trả những thiệt hại xảy ra sau khi có sự vớt bỏ, cho những hàng hoá đã được cứu thoát.

Hàng hoá đó cũng phải góp phần để gánh chịu giá trị chiếc tàu bị đắm hay bị lâm vào tình trạng bất khả hành thủy.

**Điều thứ 785** – Nếu tàu bị đục phá để lấy hàng ra thì các hàng hoá phải đóng góp vào sự sửa chữa.

**Điều thứ 786** – Trong trường hợp có sự mất mát hàng hoá đã được dỡ xuống ghe để làm cho tàu được nhẹ đặng dễ vào hải cảng hay sông ngòi, thì tàu biển và toàn thể hàng hoá cất trên tàu phải đóng góp trả sự mất mát đó.

Nếu tàu đắm với số hàng hoá còn lại trên tàu, thì các đồ vật đã được dỡ xuống ghe khỏi phải đóng góp dù được nguyên vẹn đưa đến bến.

**Điều thứ 787** – Trong những trường hợp kể trên, thuyền trưởng và thuỷ thủ đoàn có đặc quyền trên hàng hoá hay giá tiền bán hàng hoá về tiền hải tôn mà chủ hàng hoá phải đóng góp.

**Điều thứ 788** – Sau khi hải tôn đã được phân bổ, nếu các sở hữu chủ tìm lại được những đồ vật đã vớt bỏ, thì phải giao lại cho thuyền trưởng và các người quan thiết cho số tiền bồi thường đã nhận, sau khi khấu trừ phần thiệt hại gây cho đồ vật và phí tôn đã bỏ ra để tìm kiếm các đồ vật đó.

### PHỤ TIẾT III

#### VỀ HẢI TÔN RIÊNG

**Điều thứ 789** – Được coi là hải tôn riêng, những sở phí đã bỏ ra hay sự thiệt hại đã xảy ra hoặc cho riêng tàu biển, hoặc cho riêng hàng hoá, kể từ lúc cất hàng, tàu khởi hành cho đến lúc cập bến và dỡ hàng xong.

Được xem đại để như hải tôn riêng:

- 1) Sự thiệt hại xảy ra cho hàng hoá vì hà ti bản chất, vì bão tố, vì tàu bị bắt giữ, vì tàu đắm hay mắc cạn.
- 2) Những chi phí đã phải bỏ ra để cứu hàng hoá.
- 3) Sự mất mát giây cáp, neo buồm hay mọi vật trang bị khác, do bão tố hay mọi tai nạn hàng hải.
- 4) Những sở phí gây ra do sự ghé bến bắt buộc vì rủi ro mất mát những đồ vật nói trên, vì nhu cầu tiếp tế lương thực, hoặc vì tàu hỏng phải sửa chữa.
- 5) Tiền ăn và tiền công thuỷ thủ trong thời gian tàu bị giữ, khi tàu phải ngưng hành trình do lệnh của một cường quốc, và trong thời gian mà tàu bắt buộc phải sửa chữa, nếu tàu được thuê.
- 6) Tiền ăn và tiền công thuỷ thủ trong thời gian tàu bị cô lập vì biện pháp y tế.

**Điều thứ 790** – Các hải tôn riêng sẽ được gánh chịu bởi sở hữu chủ đồ vật bị thiệt hại hay đã gây ra sở phí.

**Điều thứ 791** – Những thiệt hại xảy ra cho các hàng hoá do sơ xuất của thuyền trưởng và thuỷ thủ đoàn là những hải tôn riêng mà sở hữu chủ hàng hoá phải chịu, nhưng có thể kiện thuyền trưởng và chủ tàu để đòi thường hoàn.

**Điều thứ 792** – Hững phí tổn về hoa tiêu để ra vào bến hay sông ngòi, những sắc thuế xuất khẩu, neo bến và mọi thuế khác về hàng hải, đều không phải là hải tổn mà là những phí tổn thường do tàu phải chịu.

## PHỤ TIẾT IV

### VỀ TỔ QUYỀN THANH TOÁN HẢI TỔN

**Điều thứ 793** – Những ước khoản miễn thường hải tổn giải trừ cho các nhà bảo hiểm trách vụ bồi thường mọi hải tổn dù chung hay riêng, ngoại trừ những trường hợp cho phép vứt bỏ đồ vật bảo hiểm, trong những trường hợp này, người được bảo hiểm có quyền lựa chọn giữa sự bỏ đồ vật bảo hiểm và tổ quyền đòi bồi thường hải tổn.

**Điều thứ 794** – Tổ quyền đòi hải tổn chung sẽ thời tiêu sau năm (5) năm kể từ ngày người bị thiệt hại biết có xảy ra hải tổn.

## TIẾT II

### VỀ THUYỀN ĐỘT

**Điều thứ 795** – Trong trường hợp có thuyền đột giữa các tàu biển hay giữa tàu biển và tàu bè dùng trong thủy nội, thì bất luận tai nạn xảy ra tại thủy phận nào, việc bồi thường về những thiệt hại xảy ra cho tàu, vật hay người trên tàu, đều phải theo các điều khoản của tiết này.

**Điều thứ 796** – Nếu thuyền đột do sự ngẫu nhiên hay do tình trạng bất khả kháng hay nếu nguyên nhân gây ra tai nạn không rõ rệt thì mỗi bên phải tự gánh chịu sự thiệt hại của mình, không cần phân biệt tàu nào đang đi hay đang đậu.

**Điều thứ 797** – Nếu thuyền đột do lỗi của một trong những tàu biển, thì tàu có lỗi phải bồi thường cho những tàu khác.

**Điều thứ 798** – Nếu mỗi tàu đều có lỗi, thì trách nhiệm của mỗi bên sẽ ấn định phải tương xứng với sự nặng nhẹ của phần lỗi mình, tuy nhiên, nếu chiếu hoàn cảnh không thể định được tỉ lệ lỗi của đôi bên, hay lỗi đôi bên sấp si nhau, thì trách nhiệm sẽ được chia đồng.

Những tàu biển có lỗi, sẽ tùy theo tỉ lệ lỗi mà gánh chịu trách nhiệm, không liên đới về những thiệt hại đã gây ra cho tàu, hoặc cho hàng hoá chở trên tàu, hoặc cho đồ vật hay tài sản khác của thủy thủ đoàn, của hành khách hay của mọi người khác trên tàu.

Những tàu biển có lỗi phải chịu trách nhiệm liên đới về những thiệt hại gây tử thương hay thương tích, nhưng tàu nào đã trả một phần tiền cao hơn phần mình phải chịu theo sự dự liệu của khoản trên đây, thì có thể đòi tàu phạm lỗi hoàn lại phần tiền trả trội.

**Điều thứ 799** – Trách nhiệm quy định trong các điều khoản trên được áp dụng cho cả trường hợp thuyền bị đột do lỗi của hoa tiêu, dù việc nhờ hoa tiêu có tính cách bắt buộc.

**Điều thứ 800** – Các điều khoản trên cũng được áp dụng cho trường hợp tàu biển gây thiệt hại cho một tàu khác, hoặc cho người và vật trên hai tàu vì điều khiển vụng về hay thiếu điều khiển hay vì không tuân theo các qui lệ hàng hải, dù rằng không có thuyền đột.

**Điều thứ 801** – Trong trường hợp thuyền đột, nguyên đơn có thể khởi tố trước toà sơ thẩm nơi trú quán của bị đơn, hoặc trước toà án nơi hải cảng Việt Nam mà liền sau khi xảy ra tai nạn một trong hai tàu đụng đã đến để tạm trú.

Nếu thuyền đột đã xảy trong hải phận Việt Nam, thì có thể khởi tố trước toà án gần nơi xảy ra tai nạn.

## TIẾT III

# VỀ SỰ CỨU TRỢ HÀNG HẢI

**Điều thứ 802** – Các điều khoản của tiết này qui định sự cứu trợ những tàu biển lâm nguy, cũng như mọi dịch vụ đồng tính cách tương trợ giữa những tàu biển và tàu sông, bất luận sự cứu trợ đã xảy ra trong thủy phận nào.

**Điều thứ 803** – Mọi hành vi cứu trợ nếu có kết quả hữu ích được đền bù bằng một khoản thù lao tương xứng.

Không có thù lao, nếu hành vi cứu nguy không có kết quả hữu ích.  
Trong mọi trường hợp, số tiền phải trả không thể cao hơn giá trị của những đồ vật đã cứu được.

**Điều thứ 804** – Nếu tàu lâm nguy đã minh thị và hữu lý cấm chỉ, những người đã tự ý cứu trợ sẽ không được hưởng thù lao.

**Điều thứ 805** – Tàu kéo chỉ được hưởng thù lao cứu trợ nếu có làm những dịch vụ đặc biệt khác ngoài sự thi hành theo khế ước tàu kéo.

**Điều thứ 806** – Vẫn phải trả thù lao dù sự cứu trợ được thi hành giữa những tàu biển cùng thuộc quyền sở hữu của một người.

**Điều thứ 807** – Số thù lao được ấn định theo giao ước giữa các đương sự, nếu không có giao ước thì toà án sẽ định thù lao phải trả.

Cũng theo thể lệ ấy để phân chia thù lao hoặc giữa các người cứu trợ, hoặc giữa các thuyền chủ, thuyền trưởng và thủy thủ đoàn của mỗi chiến tàu đã tham dự vào việc cứu trợ.

Nếu tàu cứu trợ là tàu ngoại quốc thì sự phân chia thù lao giữa thuyền chủ, thuyền trưởng và thủy thủ đoàn sẽ theo luật lệ quốc gia của tàu đó.

**Điều thứ 808** – Mọi giao ước cứu trợ cam kết dưới ảnh hưởng của tai nạn đều có thể bị hủy bỏ hay sửa đổi bởi toà án, theo đơn xin của một trong các đương sự, nếu toà án xét rằng các điều kiện giao kết không công bình.

Trong mọi trường hợp, khi có bằng chứng rằng sự ưng thuận của một trong các đương sự đã bị hà hiếp vì có sự gian trá giấu giếm, lừa lọc của bên kia hay khi số thù lao xét ra quá đáng so với dịch vụ đã làm, toà án có thể hủy giao ước theo đơn xin của bên bị thiệt hại.

**Điều thứ 809** – Toà sẽ định thù lao căn cứ trên giá trị của đồ vật cứu được; trên thành quả thân lượm được, công lao của những người cứu trợ, mức độ của sự nguy cơ đối với tàu ngộ nạn, đối với hành khách và thủy thủ cùng hàng hoá; mức độ của sự nguy cơ đối với tàu cứu trợ, thời gian dùng cho việc cứu trợ, sở phí và thiệt hại của tàu cứu trợ.

Qui tắc trên đây cũng áp dụng cho sự phân chia thù lao dự liệu tại khoản 2 điều 807. Toà án có thể giảm hay không cho thù lao, nếu những người cứu trợ đã do lỗi của chính họ, làm cho sự cứu trợ trở nên cần thiết hay nhơn sự cứu trợ mà phạm tội trộm cắp, oa trử hay những hành vi gian lận khác.

**Điều thứ 810** – Cứu nhân mạng không được đòi nạn nhân trả thù lao.

Tuy nhiên, những người cứu nhơn mạng đã trải qua những nguy hiểm chung với những người cứu trợ khác sẽ có quyền đòi những người này chia lại một phần thù lao tương xứng.

**Điều thứ 811** – Tố quyền đòi thù lao cứu trợ sẽ thời tiêu sau hai năm kể từ ngày công việc cứu trợ hoàn tất.

Tuy nhiên, thời hạn này không khởi lưu, nếu tàu được cứu trợ, sau đó, không thể sai áp được ở Việt Nam vì không lưu nhập một thời gian nào ở hải phận Việt Nam.

## TIẾT IV

# VỀ BẢO HIỂM HÀNG HẢI

### PHỤ TIẾT I

#### VỀ HÌNH THỨC VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA KHẾ ƯỚC BẢO HIỂM

**Điều thứ 812** – Khế ước bảo hiểm phải làm bằng văn thư và ghi:

- Tên họ và trú quán của người xin bảo hiểm, tư cách là sở hữu hay là trọng mãi.
- Tên và mọi chi tiết khác về tàu biển.
- Tên họ thuyền trưởng.
- Nơi mà hàng hoá đã được đưa lên tàu hay phải đưa lên tàu.
- Hải cảng khởi hành của tàu biển.
- Những bến mà tàu phải cập hay cất hàng, dỡ hàng.
- Tính chất và giá tiền hay ước giá của đồ vật bảo hiểm.
- Thời gian bảo hiểm.
- Số tiền bảo hiểm tới mức nào và nói chung, tất cả mọi điều kiện khác mà đôi bên đã thoả thuận.

Tuy nhiên, có thể bảo hiểm hàng hoá mà không chỉ định đích danh người được bảo hiểm, hoặc không chỉ định hàng hoá, miễn là sẽ khai báo sau.

**Điều thứ 813** – Mọi bảo hiểm trùng phức tức bảo hiểm hai lần về cùng một tài vật đều bị cấm chỉ.

Trong những trường hợp có bảo hiểm trùng phức, nếu có sự gian trá của người được bảo hiểm thì sự bảo hiểm chỉ vô giá trị đối với người này mà thôi; nếu không có sự lừa dối hay gian trá, thì sự bảo hiểm sẽ được giảm bớt xuống bằng giá trị của vật đã được bảo hiểm hai lần. Nếu đã có hai hay nhiều bảo hiểm liên tiếp, sẽ giảm trên bảo hiểm mới nhất.

**Điều thứ 814** – Trong trường hợp có sự ước giá gian lận đồ vật bảo hiểm, có sự tráo hàng hay gian lận nào khác, người bảo hiểm có thể xin mở cuộc kiểm tra và định giá lại các đồ vật này không kể những sự truy tố khác về dân sự hay hình sự

**Điều thứ 815** – Nếu đồ vật được ước giá bằng ngoại tệ trong khế ước bảo hiểm sẽ được ước lượng theo hối suất chánh thức của ngoại tệ đó đối với đồng bạc Việt Nam vào ngày ký khế ước

**Điều thứ 816** – Nếu trong khế ước không có định giá các hàng hoá, thì có thể dùng hoá đơn hay sổ sách để chứng minh; bằng không, có thể ước tính theo thời giá tại nơi cất hàng, tính gộp với mọi sắc thuế và phí tổn đã bỏ ra cho tới lúc hàng được đem lên tàu.

**Điều thứ 817** – Nếu khế ước bảo hiểm không định thời gian cho những rủi ro được bảo hiểm thì thời gian bảo hiểm:

- 1) Đối với tàu biển và phụ tùng, bắt đầu từ ngày tàu khởi hành cho tới lúc tàu thả neo tại nơi phải đến.
- 2) Đối với hàng hoá, bắt đầu từ ngày hàng được cất lên tàu hay cất lên ghe để được cất lên tàu cho đến ngày hàng được giao trên bộ.

**Điều thứ 818** – Người bảo hiểm có thể nhờ người khác tái bảo hiểm những đồ vật đã nhận bảo hiểm.

Người được bảo hiểm lại có thể đem bảo hiểm cả tiền bảo phí.  
Bảo phí tái bảo hiểm có thể cao hơn hay thấp hơn bảo phí bảo hiểm.



**Điều thứ 819** – Nếu bảo khoản ký trong thời bình có dự liệu một sự gia tăng bảo phí vì tình trạng chiến tranh có thể xảy ra nhưng lại không định trước tỉ lệ, thì toà án chiếu những rủi ro, hoàn cảnh và những ước khoản trong bảo khoản để định sự gia tăng.

**Điều thứ 820** – Trong trường hợp hàng hoá được hiểm chở trên tàu và bị mất là chính của thuyền trưởng, thuyền trưởng phải chứng minh với hãng bảo hiểm việc mua hàng và xuất trình một tải hoá đơn có chữ ký của hai nhân viên chính trong thủy thủ đoàn.

**Điều thứ 821** – Nếu người bảo hiểm bị khánh tận, trong khi khế ước bảo hiểm chưa chấm dứt người được bảo hiểm có thể yêu cầu được bảo lãnh hay xin giải ước. Người bảo hiểm cũng có quyền nói trên đối với người được bảo hiểm bị khánh tận.

**Điều thứ 822** – Mọi sự ần nặc, mọi sự khai man của người được bảo hiểm, mọi sự sai biệt giữa khế ước bảo hiểm và tải hoá đơn đều làm cho sự bảo hiểm vô giá trị, nếu làm thay đổi đối tượng hay giảm thiểu sự ước tính rủi ro bảo hiểm.

Sự bảo hiểm vô giá trị dẫu rằng sự ần nặc, khai man hay khác biệt nói trên không có ảnh hưởng gì đến sự thiệt hại hay mất mát của đồ vật được bảo hiểm.

## PHỤ TIẾT II

### VỀ TRÁCH VỤ CỦA ĐÔI BÊN KẾT ƯỚC

**Điều thứ 823** – Nếu sự chuyên chở hàng hoá được bảo hiểm bị huỷ bỏ trước khi tàu biển khởi hành, dù do hành vi của người được bảo hiểm, sự bảo hiểm cũng được huỷ bỏ theo và người bảo hiểm được một khoản bồi thường là nửa phần trăm của số tiền bảo hiểm.

**Điều thứ 824** – Người bảo hiểm phải chịu những rủi ro về tất cả thiệt hại xảy ra cho đồ vật bảo hiểm vì mọi tai biến hàng hải như bão tố, tàu đắm, mắc cạn, thuyền đột ngẫu nhiên, thay đổi cường bách hướng đi v.v. . .

**Điều thứ 825** – Người bảo hiểm không phải chịu hậu quả về những sự thay đổi hướng đi, chuyển đi hay bất cứ sự thiệt hại về sự gì gây ra cho đồ vật được bảo hiểm nếu những sự thay đổi, thiệt hại ấy là do hành vi của người được bảo hiểm gây ra. Ngoài ra tiền bảo kim được coi như thụ đắc cho người bảo hiểm nếu người này đã bắt đầu nhận lãnh sự rủi ro.

**Điều thứ 826** – Người bảo hiểm không phải chịu trách nhiệm về những hao hụt do hà tì bản chất của đồ vật bảo hiểm và những thiệt hại xảy ra do hành vi hay lỗi lầm của các sở hữu chủ, người thuê tàu hay người gửi hàng.

**Điều thứ 827** – Người bảo hiểm không có trách nhiệm về các lỗi của thuyền trưởng và thủy thủ đoàn cố ý gây ra hải tổn, trừ phi có giao ước trái lại.

**Điều thứ 828** – Người bảo hiểm không có trách nhiệm phải trả phí tổn về sự dẫn tàu và mọi sắc thuế đánh trên tàu và các hàng hoá.

**Điều thứ 829** – Trong bảo khoản, phải ghi rõ hàng hoá nào do bản chất dễ hư hỏng hay hao hụt, nếu không, người bảo hiểm sẽ không phải chịu trách nhiệm về sự thiệt hại xảy ra, trừ phi chính người được bảo hiểm cũng không biết rõ tính chất của hàng cất lên tàu khi ký bảo khoản.

**Điều thứ 830** – Một khế ước bảo hiểm hay tái bảo hiểm ung thuận với một số tiền cao hơn giá trị thật sự của đồ vật cất trên tàu, chỉ vô giá trị đối với người được bảo hiểm, nếu có bằng chứng người này đã gian lận.

**Điều thứ 831** – Nếu không có gian lận, khế ước chỉ có hiệu lực tới mức giá trị sẽ được ước lượng hay được thoả thuận chấp thuận của đồ vật cất lên tàu.

Người bảo hiểm không được đòi bảo kim về giá trị khai tăng cho đồ vật, nhưng được hưởng một số tiền bồi thường bằng nửa phần trăm giá trị này.

Trong trường hợp có sự mất mát, mỗi người bảo hiểm phải đền bù theo tỉ lệ số tiền mà họ chịu lãnh bảo hiểm.

**Điều thứ 832** – Nếu có nhiều khế ước bảo hiểm cùng được lập không gian lận trên một số hàng chở trên tàu, và nếu khế ước này đã bảo hiểm trọn vẹn giá trị của số hàng này thì chỉ riêng có khế ước đầu tiên tồn tại.

Những người bảo hiểm kế tiếp đều được giải trách, họ chỉ được nửa phần trăm của số tiền bảo hiểm.

Nếu giá trị của đồ vật cất trên tàu chưa được bảo hiểm trọn vẹn bởi khế ước đầu, những người bảo hiểm kế tiếp có trách nhiệm đối với dư khoản còn lại theo thứ tự ngày tháng của các khế ước.

**Điều thứ 833** – Nếu số hàng chuyên chở ngang với số tiền bảo hiểm và có một phần bị tiêu thất, phần đó sẽ do tất cả những người bảo hiểm phải trả theo tỷ lệ quyền lợi của họ.

**Điều thứ 834** – Nếu một số hàng được bảo hiểm phải cất trên nhiều tàu được chỉ định và có ghi rõ số tiền được bảo hiểm riêng cho số hàng trên mỗi chiếc tàu, và nếu trọn số hàng được cất lên một chiếc tàu hay trên một số tàu ít hơn số chỉ định trong khế ước bảo hiểm, người bảo hiểm chỉ phải chịu số tiền bảo hiểm về chiếc tàu hay những tàu đã nhận hàng, dù rằng tất cả các tàu chỉ định bị đắm; và người bảo hiểm được nhận nửa phần trăm số tiền bảo hiểm về những khế ước bị huỷ bỏ.

**Điều thứ 835** – Trong trường hợp thuyền trưởng được tự do vào các hải cảng khác nhau để lấy thêm hay trao đổi hàng, người bảo hiểm chỉ phải chịu những rủi ro xảy đến cho các đồ vật được giữ nguyên trên tàu mà thôi, trừ phi có giao ước trái lại.

**Điều thứ 836** – Người bảo hiểm được giải trách đối với mọi rủi ro và vẫn thủ đắc bảo kim, nếu đồ vật được bảo hiểm được gửi xa hơn nơi khế ước chỉ định, dù vẫn trên một hải trình.

Sự bảo hiểm giữ nguyên hiệu lực, nếu chuyến đi được rút ngắn.

**Điều thứ 837** – Mọi khế ước bảo hiểm lập sau khi đồ vật bảo hiểm đã mất hay đã đến nơi đều vô giá trị nếu có bằng chứng trước khi ký khế ước người được bảo hiểm đã có thể biết là hàng đã mất hay người bảo hiểm đã có thể biết là hàng đã đến nơi.

**Điều thứ 838** – Trong trường hợp có bằng chứng là người được bảo hiểm không ngay tình thì người này phải trả cho người bảo hiểm một số tiền gấp đôi số bảo phí.  
Trong trường hợp có bằng chứng là người bảo hiểm không ngay tình người này phải trả cho người được bảo hiểm một số tiền gấp đôi số bảo phí thoả thuận, ngoài việc hoàn lại số bảo phí đã thu rồi.

Người gian tình có thể bị truy tố ra trước toà tiểu hình.

## TIẾT III

# SỰ NHƯỢNG BỎ ĐỒ VẬT BẢO HIỂM

**Điều thứ 839** – Có thể nhượng bỏ đồ vật bảo hiểm trong trường hợp sau đây:

- Tàu bị bắt giữ,
- Tàu đắm,
- Tàu mắc cạn và bị vỡ,
- Bất khả hành thuỷ vì tai nạn hàng hải,
- Tàu bị một cường quốc chặn giữ,
- Đồ vật bảo hiểm bị tiêu thất hay hư hại đến ba phần tư.

Có thể bỏ đồ vật bảo hiểm khi có sự ngăn chặn của Chánh phủ sau khi chuyến đi bắt đầu.

**Điều thứ 840** – Không thể nhượng bỏ đồ vật bảo hiểm trước khi thời gian bảo hiểm khởi lưu như đã định ở điều 817.

**Điều thứ 841** – Không thể chỉ nhượng bỏ một phần đồ vật bảo hiểm hay nhượng bỏ với điều kiện.

**Điều thứ 842** – Người được bảo hiểm phải nhượng bỏ trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày nhận được tin rủi ro.

**Điều thứ 843** – Trong trường hợp có thể nhượng bỏ đồ vật, cũng như trong trường hợp mọi tai nạn khác được bảo hiểm, bảo viên phải tổng đạt cho người bảo hiểm những báo thị nhận được về những tai nạn đã xảy ra.

Phải tổng đạt trong hạn ba ngày kể từ khi nhận được báo thị.

**Điều thứ 844** – Sau thời hạn sáu tháng, kể từ ngày tàu khởi hành hay từ ngày nhận được những tin tức cuối cùng, người được bảo hiểm nếu không còn nhận được tin tức gì, thì có thể nhượng bỏ đồ vật bảo hiểm để được bồi thường không cần phải có giấy chứng nhận sự tiêu thất.

Sự nhượng bộ trong trường hợp này cũng phải làm trong thời gian định tại điều 842.

**Điều thứ 845** – Trong trường hợp bảo hiểm có hạn định thời gian, quá hạn định dự liệu ở điều trên, sự tiêu thất được ước đoán là đã xảy ra trong thời gian bảo hiểm.

**Điều thứ 846** – Người được bảo hiểm có thể, do sự tổng đạt nói ở điều 843, tuyên bố nhượng bộ đồ vật bảo hiểm và đốc thúc người bảo hiểm phải trả bồi thường trong thời hạn ước định, hoặc dành quyền nhượng bộ trong thời hạn pháp định.

**Điều thứ 847** – Người được bảo hiểm khi nhượng bộ đồ vật phải khai báo mọi sự bảo hiểm khác, bằng không, thời hạn trả tiền bồi thường đáng lý bắt đầu kể từ ngày nhượng bộ, sẽ hoãn lại đến ngày tổng đạt sự khai báo nói trên, song việc này không triển hạn thời gian ấn định cho sự nhượng bộ.

**Điều thứ 848** – Trong trường hợp khai gian, người được bảo hiểm sẽ mất hết quyền lợi đối với hãng bảo hiểm.

**Điều thứ 849** – Trong trường hợp tàu đắm hay mắc cạn bị vỡ, người được bảo hiểm phải gắng cứu các đồ vật bị hoại, việc này không làm thiệt hại đến quyền nhượng bộ sau này. Người được bảo hiểm sẽ được trả phí tổn đến mức giá trị của những đồ vật cứu được.

**Điều thứ 850** – Người bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm, ba tháng sau khi nhận được tổng đạt bỏ hàng, nếu khế ước không ấn định thời kỳ.

**Điều thứ 851** – Trong trường hợp nhượng bộ cũng như trong các trường hợp khác, trước khi khởi tố người bảo hiểm để đòi bồi thường, phải tổng đạt cho người này các chứng thư minh xác sự cất hàng và sự tiêu thất.

Người bảo hiểm có thể dẫn chứng tương phản những sự kiện đã nêu trong các chứng thư này.

**Điều thứ 852** – Một khi sự nhượng bộ hàng đã được tổng đạt và chấp nhận hay được xử là có giá trị thì các vật bảo hiểm sẽ thuộc về người bảo hiểm kể từ lúc bỏ.

Sau này người bảo hiểm không thể lấy có tàu đã trở về để khởi phải trả tiền bồi thường.

**Điều thứ 853** – Trong trường hợp tàu bị chặn giữ do lệnh của một cường quốc, người được bảo hiểm phải tổng đạt cho người bảo hiểm trong hạn ba ngày sau khi nhận được tin.

Chỉ có thể nhượng bộ đồ vật bị chặn giữ trong thời hạn sáu (6) tháng kể từ ngày tổng đạt.

Trong trường hợp hàng bị chặn giữ thuộc loại dễ hư hỏng, thì thời hạn nhượng bộ sẽ là 20 ngày.

**Điều thứ 854** – Không thể nhượng bộ tàu vì lý do bất khả hành thủy nếu tàu mắc cạn có thể trực lên, sửa chữa để tiếp tục đi đến nơi chỉ định.

Trong trường hợp này, người được bảo hiểm có quyền đòi người bảo hiểm bồi thường phí tổn và hư hao do sự mắc cạn gây ra.

**Điều thứ 855** – Trong trường hợp tàu bất khả hành thủy, thuyền trưởng phải hành động mẫn cán để có một chiếc tàu khác chở hàng hoá đến nơi chỉ định.

Người bảo hiểm sẽ chịu các rủi ro về hàng hoá chở trên tàu thay thế cho đến lúc hàng này đến bến và được dỡ.

Ngoài ra, người bảo hiểm còn phải gánh chịu các sự hư hỏng, phí tổn dỡ hàng, lưu kho, cất hàng trở lại, thủy cước phụ trội và mọi phí tổn khác đã bỏ ra để cứu hàng cho đến ngạch số được bảo hiểm.

**Điều thứ 856** – Nếu, trong thời hạn định ở điều 853 thuyền trưởng không tìm được một chiếc tàu khác cất lại hàng và chở hàng hoá đến nơi chỉ định, người được bảo hiểm có quyền nhượng bỏ hàng.

**Điều thứ 857** – Trong trường hợp tàu bị tước đoạt do dịch quốc hay một quốc gia tham chiến, người được bảo hiểm có quyền tự ý chuộc đồ vật nếu không thể báo thị sự tước đoạt cho người bảo hiểm.

Người được bảo hiểm phải tổng đạt cho người bảo hiểm sự chuộc đồ vật ngay khi có phương tiện.

**Điều thứ 858** – Người bảo hiểm có thể thuận nhận việc chuộc đồ vật, hoặc từ chối, và phải báo thị quyết định của mình cho người được bảo hiểm trong hai mươi bốn giờ sau khi nhận được tổng đạt nói ở điều trên.

Nếu nhận, người bảo hiểm phải góp ngay phần chuộc chiếu theo khế ước bảo hiểm và khế ước này tiếp tục thi hành.

Nếu từ chối, người bảo hiểm phải trả tiền bồi thường và không có quyền gì trên đồ vật đã chuộc.

Nếu không tổng đạt sự lựa chọn trong thời hạn hai mươi bốn giờ nói trên, người bảo hiểm được coi như đã từ chối.

## CHƯƠNG THỨ VII

### VỀ THỜI HIỆU VÀ KHÁNG CHẤP

#### TIẾT I

### VỀ NHỮNG THỜI HIỆU

**Điều thứ 859** – Tổ quyền xin nhượng bỏ hàng sẽ thời tiêu theo thời hạn dự liệu ở điều 842.

**Điều thứ 860** – Mọi tổ quyền xuất phát từ một khế ước bảo hiểm sẽ thời tiêu sau năm năm kể từ ngày ký khế ước

**Điều thứ 861** – Sẽ thời tiêu sau một năm mọi tổ quyền:

- 1) Đòi tiền thủy cước của tàu biển, kể từ khi chuyến đi đã hoàn tất.
- 2) Về các sự tiêu thất, hải tổn hay chậm trễ chờ hàng, kể từ lúc giao hàng, thì kể từ ngày mà hàng đáng lý phải được giao.
- 3) Của hành khách đòi thuyền trưởng, thuyền chủ bồi thường mọi sự thiệt hại xảy ra cho bản thân hay cho hành lý trong cuộc hành trình.

## TIẾT II

# VỀ NHỮNG KHÁNG CHẤP

**Điều thứ 862** – Không thể chuẩn chấp:

- Mọi tổ quyền chống thuyền trưởng hay những người bảo hiểm về thiệt hại xảy ra cho hàng hoá, nếu hàng đã được nhận lãnh không có kê nài, dị nghị.
  - Mọi tổ quyền chống người thuê tàu về những hải tổn, nếu thuyền trưởng đã giao hàng hoá và nhận tiền trả thủy cước của người này mà không phản đối dị nghị.
- Những sự phản đối dị nghị nói trên đều vô giá trị, nếu không được làm theo thể thức và thời hạn định ở điều 746.

**Điều thứ 863** – Mọi tổ quyền đòi bồi thường thiệt hại do thuyền đột trong các trường hợp dự liệu ở điều 795 và kế tiếp đều thời tiêu sau hai năm kể từ ngày xảy ra tai nạn.  
Tuy nhiên, tố cầu dự liệu bởi điều 798 đoạn chót sẽ chỉ thời tiêu sau một năm kể từ ngày trả tiền.

Những thời hạn dự liệu ở hai khoản trên đây sẽ không khởi lưu, nếu tàu biển gây tai nạn, sau đó không vào hải phận Việt Nam đủ để có thể bị sai áp.

**MỤC LỤC \* QUYỂN 1 \* QUYỂN 2**  
**\* QUYỂN 3      QUYỂN 5**

**BỘ THƯƠNG LUẬT - VNCH - Quyển 5**

31 August 2012  
Hits: 7537

*QUYỂN THỨ NĂM*

# CHƯƠNG THỨ NHỨT

## NÓI VỀ KHÁNH TẬN

### TIẾT I

# SỰ TUYÊN BỐ VÀ HIỆU LỰC KHÁNH TẬN

**Điều thứ 864** – Thương gia ngưng trả nợ có thể, đương nhiên hoặc theo đơn xin của trái chủ, bị toà tuyên án khánh tận.

“Một thương gia, sinh thời đã ngưng trả nợ, co thể bị tuyên án khánh tận sau khi mệnh một, miễn là toà án được thụ lý trong hạn sáu tháng kể từ ngày đương sự mệnh một” không bị đình chỉ phải tiếp tục hay phát động chống quản tài.

Nếu xét cần thiết, toà có thể chấp nhận sự can thiệp của người khánh tận vào nội vụ.

**Điều thứ 871** – Án khánh tận có hiệu quả làm cho những món nợ chưa đáo hạn thành khả sách đối với người bị khánh tận.

**Điều thứ 872** – Đối với tổng thể trái chủ, án khánh tận đình chỉ việc sanh lời của mọi trái quyền, trừ các trái quyền được bảo đảm bằng một quyền đặc ưu, cầm cố hay để đương. Nhưng tiền lời các trái quyền có bảo đảm cũng chỉ được lấy trên các tài sản được sung dụng cho sự bảo đảm mà thôi.

**Điều thứ 873** – Đối với tổng thể trái chủ, những hành vi sau đây, do người thiếu nợ thực hiện từ ngày ngưng trả nợ sẽ bất khả đối kháng.

- 1) Mọi sự chuyển dịch quyền sở hữu động sản hay bất động sản với tính cách vô thường;
- 2) Mọi sự trả nợ, bất kể bằng tiền mặt hay bằng cách nào khác, đối với các món nợ chưa đáo hạn;
- 3) Mọi sự trả nợ, không phải bằng tiền mặt hay thương phiếu, đối với các món nợ đã đáo hạn;
- 4) Mọi để đương và mọi thế chấp hay cầm cố tài sản của người bị khánh tận để bảo đảm những món nợ đã vay từ trước.

**Điều thứ 874** – Còn về những sự trả nợ khác do người bị khánh tận thực hiện để thanh toán các món nợ đáo hạn cũng như hết thấy những hành vi có tính cách hữu thường ký kết sau ngày ngưng trả nợ và trước ngày có phán quyết tuyên cáo khánh tận, thì toà án có thể tiêu huỷ nếu những đương sự đã nhận tiền hay kết ước với người bị khánh tận biết rõ rằng người này ở vào tình trạng ngưng trả nợ.

**Điều thứ 875** – Quyền để đương và ưu quyền thủ đắc hợp lệ có thể được ghi chú cho đến ngày có án khánh tận.

**Điều thứ 876** – Sự bất khả kháng dự liệu tại điều 873.2 và điều 874 không áp dụng cho sự thanh toán hối phiếu và lệnh phiếu.

Tuy nhiên, tổng thể trái chủ có thể đòi người phát hành hối phiếu, người bồi thụ đầu tiên lệnh phiếu chi phiếu hoàn lại số tiền mà họ được trả trong thời kỳ khả nghi nếu chứng minh được là khi được trả, họ có hay biết sự ngưng trả nợ.

**Điều thứ 877** – Tại án khánh tận, toà có thể ra lệnh niêm phong tài sản của con nợ nếu xét cần.

Nếu thẩm phán thừa nhiệm xét rằng tích sản của người bị khánh tận có thể kê khai nội trong một ngày, thời khởi phải niêm phong và sẽ làm ngay bằng kê khai.

**Điều thứ 878** – Lục sự phải báo thị ngay cho thẩm phán hoà giải được biết phán quyết ra lệnh niêm phong, để thi hành.

Thẩm phán hoà giải còn có thể, trước khi có án khánh tận tự động niêm phong hoặc niêm phong thế theo lời yêu cầu của một hay nhiều trái chủ, nhưng chỉ trong trường hợp con nợ bỏ trốn.

**Điều thứ 879** – Sẽ niêm phong kho hàng, cửa tiệm, ngân quỹ, phiếu khoán, sổ sách, giấy tờ, động sản của con nợ.

Nếu là một hội hợp danh bị khánh tận, phải niêm phong không những tại trụ sở của hội mà còn cả tại tư gia của mỗi hội viên nữa.

Trong mọi trường hợp, thẩm phán hoà giải phúc trình ngay cho chánh án khi công việc niêm phong đã làm xong.

**Điều thứ 880** – Lục sự sẽ gửi ngay cho biện lý sở tại một bản trích lục án văn khánh tận, ghi đủ khoản chủ văn, nội trong 48 giờ.

Điều thứ 881 – Nếu tiền bạc còn lại của người bị khánh tận không đủ để đài thọ các chi phí về án văn, đăng báo, niêm phong thì do án lệnh của thẩm phán thừa nhiệm, công quỹ sẽ ứng trước tiền và được ưu tiên hoàn lại ngay khi có sự thâm nhập, nhưng không làm thiệt hại cho ưu quyền của chủ nhà, như nói tại điều 971.

## TIẾT II

# THẨM PHÁN THỪA NHIỆM VÀ QUẢN TÀI VIÊN



**Điều thứ 882** – Trong án khánh tận, toà sẽ chỉ định một thẩm phán toà sở tại làm thẩm phán thừa nhiệm.

**Điều thứ 883** – Thẩm phán thừa nhiệm đặc trách việc xúc tiến và kiểm soát các công tác khánh tận.

Thẩm phán thừa nhiệm phải phúc trình cho toà về mọi tranh tụng phát sanh do vụ khánh tận. Án lệnh của thẩm phán thừa nhiệm có thể bị thượng cầu lên toà án sở tại, theo thủ tục thông thường

**Điều thứ 884** – Bất cứ lúc nào, chánh án cũng có thể thay thẩm phán được chỉ định bằng một vị khác trong số các thẩm phán đồng toà bằng một án lệnh phê đơn.

**Điều thứ 885** – Cũng trong án khánh tận, toà sẽ chỉ định một hay nhiều quản tài.

Số quản tài có thể được gia tăng lên đến ba người bất cứ lúc nào; họ phải được lựa chọn trong những người ngoài khối trái chủ và sẽ được trả thù lao do định lệnh của thẩm phán thừa nhiệm sau khi thi hành xong nhiệm vụ.

Bất cứ lúc nào, thẩm phán thừa nhiệm cũng có thể bằng án lệnh cử một hay nhiều kiểm soát viên trong số các trái chủ sẵn sàng nhận trách vụ ấy.

Kiểm soát viên có nhiệm vụ kiểm tra sổ sách và tình trạng tài chánh do người khánh tận trình bày cùng giám sát mọi trách vụ của quản tài. Kiểm soát viên lúc nào cũng có quyền đòi duyệt xét tình trạng vụ khánh tận, cùng tiền bạc thâm nhập hoặc chi xuất.

Quản tài có bốn phận tham khảo ý kiến của kiểm soát viên mỗi khi khởi tố hay thưa kiện. Kiểm soát viên không được hưởng thù lao chỉ có toà án mới bãi nhiệm được kiểm soát viên với sự đồng ý của đa số trái chủ và theo lời đề nghị của thẩm phán thừa nhiệm. Kiểm soát viên chỉ có thể bị tuyên bố có trách nhiệm trong trường hợp phạm lỗi cá nhân nặng.

Điều thứ 886 – Thân thuộc hoặc thích thuộc của người bị khánh tận cho đến bậc thứ tư (anh em con chú bác v.v. . . ) không được cử làm quản tài cũng như không được cử làm kiểm soát viên.

**Điều thứ 887** – Nếu cần thay thế hoặc cử thêm quản tài viên, chánh án do lời đề nghị của thẩm phán thừa nhiệm sẽ quyết định bằng án lệnh.

**Điều thứ 888** – Nếu có nhiều quản tài viên, tất cả đều phải hành động tập thể; tuy nhiên thẩm phán thừa nhiệm có thể giao cho một người nhiệm vụ riêng về một số tác vụ quản trị; trong trường hợp này, chỉ người được phép làm việc đó có trách nhiệm.

**Điều thứ 889** – Nếu có sự khiếu nại về các công tác của quản tài viên, thẩm phán thừa nhiệm sẽ phân xử nội trong 3 ngày với quyền thượng cầu của đương sự lên toà án. Quyết định của thẩm phán thừa nhiệm được thi hành tạm.

**Điều thứ 890** – Thẩm phán thừa nhiệm có thể hoặc tự động, hoặc sau khi nhận được đơn khiếu nại của người bị khánh tận hay các trái chủ, đề nghị bãi nhiệm quản tài viên. Nếu trong tám ngày thẩm phán thừa nhiệm không thoả mãn lời thỉnh cầu, sự khiếu nại có thể đệ lên toà án.

Toà sẽ họp trong phòng nghị xử để nghe phúc trình của thẩm phán thừa nhiệm, lời giải thích của quản tài viên, rồi tuyên xử công khai.

## **TIẾT III**

# **NHIỆM VỤ QUẢN TÀI VIÊN**

### **PHỤ TIẾT I**

#### **PHƯƠNG PHÁP BẢO THỦ, GIẢI TOẢ NIÊM PHONG VÀ LIỆT KÊ TÀI SẢN**

**Điều thứ 891** – Kể từ ngày nhận chức, quản tài viên có nhiệm vụ làm mọi biện pháp bảo tồn quyền lợi của người bị khánh tận đối với con nợ của người này.

**Điều thứ 892** – Án khánh tận có hậu quả đem lại cho tổng thể trái chủ quyền để đương trên các bất động sản của người bị khánh tận, kể cả các bất động sản thủ đắc sau ngày có án. Quản tài có phận sự xin đăng ký quyền để đương đó vào sổ điền thổ, chỉ cần xuất trình bản trích lục chủ văn án khánh tận.

**Điều thứ 893** – Thẩm phán thừa nhiệm có quyền theo đơn xin của quản tài viên, cho phép người này được trích xuất hoặc miễn niêm phong những món sau đây:

- 1) Quần áo, đồ đạc, vật dụng cần thiết cho người bị khánh tận và gia đình theo một bảng kê khai được thẩm phán phê duyệt;
- 2) Đồ vật sắp bị hỏng hoặc sắp bị mất giá;
- 3) Đồ vật dùng vào việc khai thác sản nghiệp thương mại, nếu ngưng sự khai thác có phương hại cho trái chủ.

Hai loại đồ vật sau cũng được quản tài viên liệt kê và trị giá trước sự chứng kiến của thẩm phán hoà giải.

**Điều thứ 894** – Với sự cho phép của thẩm phán thừa nhiệm, các đồ vật dễ hư hỏng hoặc sắp mất giá hoặc sự gìn giữ quá tốn kém sẽ được đem phát mại theo sự miễn cản của quản tài viên.

**Điều thứ 895** – Sổ sách thương mại được giải niêm phong và sẽ do thẩm phán hoà giải giao cho quản tài viên sau khi khoá sổ; thẩm phán sẽ ghi nhận sơ lược trên biên bản tình trạng của các tài liệu đó.

Các thương phiếu ngắn hạn hoặc phải xin chuẩn nhận hoặc phải làm những biện pháp bảo thủ, cũng sẽ được thẩm phán hoà giải trích xuất ra khỏi niêm phong, mô tả rõ ràng giao cho quản tài viên đầu tiên: bảng kê khai phải đưa cho thẩm phán thừa nhiệm.

Thư tín gửi cho người khánh tận sẽ phải đưa cho quản tài viên, đương sự nếu có mặt được phép dự khán và sẽ được giao hoàn các thư từ riêng tư.

**Điều thứ 896** – Người bị khánh tận có thể xin cứu trợ, cấp dưỡng cho mình và gia đình; tiền này được lấy trong tích sản và sẽ do thẩm phán thừa nhiệm ấn định theo đề nghị của quản tài viên.

**Điều thứ 897** – Quản tài viên sẽ mời người bị khánh tận đến tham dự việc kết toán sổ sách; nếu không đến, quản tài sẽ nhờ thừa phát lại đốc thúc và 48 giờ sau đó sẽ tiến hành công việc dù người thiếu nợ có mặt hay không.

**Điều thứ 898** – Trong trường hợp bảng đối kê tài sản chưa được người khánh tận đệ trình toà án, quản tài viên sẽ căn cứ vào sổ sách và giấy tờ của người khánh tận và vào các tài liệu khác thu thập được, để thiết lập rồi đem ký nẹp tại phòng lục sự.

**Điều thứ 899** – Thẩm phán thừa nhiệm có quyền lấy lời khai của người bị khánh tận, nhân viên giúp việc người này và bất cứ ai khác về việc thành lập bảng đối kê tài sản cũng như về những nguyên nhân và trường hợp khánh tận.

**Điều thứ 900** – Nếu một thương gia bị án khánh tận đã chết, goá phụ, con cái, thừa kế có thể tự trình diện hoặc cử người thay mặt trong việc thành lập bảng đối kê tài sản cũng như trong tất cả các tác vụ khác về vụ khánh tận.

**Điều thứ 901** – Nội trong 3 ngày quản tài viên phải xin giải toả niêm phong và thiết lập bảng liệt kê tài sản của người khánh tận trước mặt người này hay sau khi người ấy được mời hợp lệ.

Nếu án khánh tận không truyền niêm phong, quản tài phải lập bảng liệt kê tài sản trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày có án khánh tận.

**Điều thứ 902** – Bảng liệt kê sẽ được thiết lập thành hai nguyên bản trước mặt thẩm phán hoà giải, thẩm phán hoà giải sẽ duyệt ký sau mỗi buổi làm việc; một bản sẽ được ký thác nơi phòng lục sự, quản tài viên giữ lại bản kia.

Quản tài viên được phép tự quyền chọn người phụ tá trong việc thiết lập bảng liệt kê cũng như trong việc trị giá đồ vật.

Những tài sản được miễn niêm nói ở điều 893 sẽ được kiểm điểm lại.

**Điều thứ 903** – Nếu bảng liệt kê chưa được lập khi sanh thời người thương gia, quản tài viên phải theo hình thức nói trong điều trên để làm ngay trước mặt các thừa kế hay sau khi đã hợp lệ mời những người này đến dự kiến.

**Điều thứ 904** – Trong mọi vụ khánh tận, quản tài viên phải nộp cho thẩm phán thừa nhiệm nội trong 15 ngày sau khi nhận chức một tờ phúc trình lược giải tình trạng ngoại biểu vụ khánh tận, với những nguyên nhân, trường hợp và đặc tính nhận xét được trong nội vụ. Thời gian trên có thể gia tăng bằng án lệnh có dẫn lý của thẩm phán thừa nhiệm.

Thẩm phán thừa nhiệm sẽ chuyển ngay tài liệu đó với ý kiến riêng của mình cho biện lý.

**Điều thứ 905** – Công tố viên có thể đích thân đến nhà người khánh tận để tham dự việc thiết lập bảng liệt kê và có quyền bất cứ lúc nào, yêu cầu thông tri mọi văn kiện, sổ sách và giấy tờ liên quan đến vụ khánh tận.

## PHỤ TIẾT II

### SỰ QUẢN TRỊ TÀI SẢN CỦA NGƯỜI KHÁNH TẬN

**Điều thứ 906** – Bảng liệt kê làm xong thì mọi hàng hoá, tiền bạc, chứng khoán, thương phiếu, giấy nợ, sổ sách, giấy tờ, động sản của người thiếu nợ đều được giao cho quản tài, người này sẽ ký nhận dưới bảng kê khai tài sản đó.

**Điều thứ 907** – Dưới sự kiểm soát của thẩm phán thừa nhiệm, quản tài có bổn phận đòi và thu nhận những món nợ do người khác thiếu của người bị khánh tận.

**Điều thứ 908** – Với sự cho phép của thẩm phán thừa nhiệm, quản tài bán những đồ vật dễ hư hỏng hoặc sắp mất giá hoặc sự gìn giữ quá tốn kém.

Thẩm phán thừa nhiệm có thể cho phép quản tài bán các động sản khác hay hàng hoá sau khi đã hỏi ý kiến người khánh tận hay mời người này đến hỏi ý kiến bằng thơ bảo đảm.

Thẩm phán thừa nhiệm tự quyết định sẽ bán theo hình thức tương thuận, hay đấu giá công khai do công lại có thẩm quyền được thẩm phán thừa nhiệm chỉ định.

**Điều thứ 909** – Quản tài có thể được phép của thẩm phán thừa nhiệm, và sau khi mời hợp lệ người bị khánh tận đến tham dự, điều đình mọi vụ tranh chấp liên quan đến quyền lợi của tổng thể trái chủ.

Nếu giá ngạch sự tranh chấp không thể minh định được hoặc quá 200.000\$00, thì sự điều đình chỉ có giá trị sau khi được toà án phê chuẩn.

Người bị khánh tận phải được gọi ra dự sự trong thủ tục phê chuẩn.

**Điều thứ 910** – Tiền bán các đồ vật và tiền nợ thu hồi sẽ phải ký thác ngay vào quỹ cung thác tại ngân khố, sau khi trừ những chi xuất và lệ phí do thẩm phán thừa nhiệm quyết định. Nội trong 8 ngày đầu tiên, phải nộp thẩm phán thừa nhiệm chứng từ đóng tiền vào công quỹ; nếu chậm trễ, quản tài viên phải trả tiền lời và những món tiền chưa ký nạp.

Tiền bạc do quản tài viên đóng hoặc do bất cứ đệ tam nhơn nào ký nạp vào tích sản vụ khánh tận, chỉ có thể được rút ra nếu có án lệnh của thẩm phán thừa nhiệm. Nếu có sự phản kháng không cho rút tiền, quản tài viên phải xin giải trừ.

Thẩm phán thừa nhiệm có thể cho phép quỹ cung thóc trả thẳng nơi tay các trái chủ của vụ khánh tận theo một bảng phân chia do quản tài viên thiết lập, được thẩm phán phê duyệt bằng án lệnh.

**Điều thứ 911** – Theo phúc trình của thẩm phán thừa nhiệm, toà án có thể cho phép quản tài tiếp tục khai thác cửa hàng, nếu quyền lợi chung hay quyền lợi của các trái chủ đòi hỏi như vậy.

**Điều thứ 912** – Quản tài viên có thể nhờ người bị khánh tận giúp đỡ trong công việc quản lý với những nhiệm vụ do thẩm phán thừa nhiệm ấn định.

**Điều thứ 913** – Sự khánh tận không phải là một lý do huỷ bãi hợp đồng thuê mướn bất động sản dùng làm cơ sở thương mãi hay kỹ nghệ, kể cả phần phụ thuộc dùng làm chỗ ở cho người thương gia hay gia đình, trừ khi được dự liệu minh thị tại hợp đồng.

Quản tài viên có một thời hạn là ba tháng kể từ ngày có án khánh tận để quyết định, với sự cho phép của thẩm phán thừa nhiệm, chấm dứt, hay tiếp tục việc thuê mướn với điều kiện thoả mãn mọi trách vụ của người thuê, và tổng đạt quyết định ấy cho chủ nhà.

Chủ nhà có một thời hạn là 15 ngày kể từ khi được tổng đạt, để khởi tố xin huỷ hợp đồng thuê mướn; nếu để quá hạn sẽ coi như đã từ khước viện dẫn các lý do huỷ bãi đã có vào lúc đó.

Trước khi được tổng đạt ý định tiếp tục hay chấm dứt việc thuê mướn, tố quyền xin huỷ bãi hợp đồng của chủ nhà được tạm đình chỉ, cũng như mọi phương cách chấp hành trên động sản dùng cho việc khai thác cơ sở thương mãi hay kỹ nghệ của người bị khánh tận.

### PHỤ TIẾT III

#### KIỂM TRA TRÁI QUYỀN

**Điều thứ 914** – Kể từ ngày có án khánh tận, các trái chủ kể cả những trái chủ có một ưu quyền tổng quát phải nạp cho quản tài tờ khai trái quyền cùng bảng kê khai các chứng từ xuất nạp. Tờ khai phải được chủ nợ hay người đại diện ký tên; nếu tờ khai do người đại diện ký, giấy uỷ quyền phải đính theo.

Quản tài cấp phát lại cho mỗi hồ sơ trình nạp; hồ sơ có thể gửi bảo đảm với hội báo đến tay quản tài.

Sau hội nghị hải ước, quản tài hoàn lại cho các đương sự giấy tờ giao phó cho mình; trách nhiệm gìn giữ giấy tờ được giới hạn trong thời hạn một năm kể từ ngày hội nghị.

**Điều thứ 915** – Các trái chủ được ghi trên bảng đối kê mà không nạp tờ khai trái quyền trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án khánh tận sẽ được, sau thời hạn đó, loan báo bằng một bố cáo

trên một tờ báo được phép đăng bố cáo pháp định và bằng thơ của quản tài để làm tờ khai trong một hạn 15 ngày kể từ khi đăng báo; thời hạn này được đồng nhất gia tăng thêm một tháng cho các trái chủ ở ngoài lãnh thổ Việt Nam.

**Điều thứ 916** – Việc kiểm tra trái quyền sẽ do quản tài phụ trách với sự giúp đỡ của kiểm soát viên nếu có, và sự hiện diện của người thiếu nợ, hoặc sau khi người này được mời đến họp lệ.

Nếu trái quyền bị quản tài phủ nhận toàn thể hay một phần, người này sẽ loan báo cho trái chủ liên hệ bằng thơ bảo đảm. Trái chủ có một thời hạn 10 ngày để giải thích bằng giấy tờ hay bằng miệng. Quản tài trình cho thẩm phán thừa nhiệm đề nghị chấp nhận hay bác bỏ các trái quyền để quyết định. Trái quyền bị phủ nhận có thể được thẩm phán thừa nhiệm tạm thời chấp nhận toàn thể hay một phần.

**Điều thứ 917** – Ngay khi kiểm tra trái quyền xong, và chậm nhất là trong thời hạn 3 tháng sau ngày có án khánh tận, quản tài phải nộp tại phòng lục sự danh sách trái chủ đã kiểm nhận có ghi chú quyết định của thẩm phán thừa nhiệm về mỗi trái quyền theo đề nghị của mình.

Lục sự báo thị ngày cho trái chủ biết sự ký nạp trái chủ bằng cách đăng tải trên một tờ báo được phép đăng bố cáo pháp định; ngoài ra, còn phải gửi thư cho mỗi chủ nợ để tin cho họ biết số tiền được chấp nhận cho mỗi trái quyền.

Trong những trường hợp tối đặc biệt, thời hạn 3 tháng nói trên có thể được thẩm phán thừa nhiệm cho phép tăng thêm.

**Điều thứ 918** – Tất cả các trái chủ đã được kiểm nhận hay được ghi vào bảng đối kê đều có quyền, trong thời hạn 15 ngày kể từ khi đăng báo nói trên, tự mình hay nhờ người đại diện khiếu nại tại phòng lục sự bằng cách xin ghi vào bảng kê khai trái quyền. Người bị khánh tận cũng có quyền đó.

Mãn hạn 15 ngày, thẩm phán thừa nhiệm khoá bảng kê khai trái quyền căn cứ vào đề nghị của quản tài dành lại các khiếu nại sẽ đem trình toà án phán xử; để thi hành quyết định của thẩm phán thừa nhiệm, quản tài ghi trên mỗi bảng kê khai nợ của mỗi trái chủ mà trái quyền không bị tranh nại, số tiền được chấp nhận thiệt thọ hay tạm thời cùng tính cách là nợ thường, ưu tiên hay để đương.

**Điều thứ 919** – Những trái quyền bị tranh nại được lục sự đưa ra một phiên xử gần nhất để phán quyết theo bản phúc trình của thẩm phán thừa nhiệm.

**Điều thứ 920** – Toà có thể quyết định tạm thời cho ghi trái quyền bị tranh chấp vào bảng kê khai theo một ngạch số mà toà sẽ ấn định trong án văn.

**Điều thứ 921** – Nếu vụ tranh tụng được đưa ra một toà án không phải là toà thụ lý vụ khánh tận, toà án này sẽ quyết định nên tạm đình hoãn các tác vụ khánh tận hay trái lại vẫn tiến hành, trong trường hợp sau, toà án thụ lý vụ tranh nại về các trái quyền bị chỉ trích phải quyết định ngay nên tạm thời chấp nhận trái quyền hay không, và tới ngạch số nào.

Trong trường hợp trái quyền là đối tượng của một vụ truy tố về hình sự, toà án thụ lý vụ kháng tặn cũng có thể cho đình hoãn hoặc cứ tiến hành; nếu là giải pháp thứ hai, sẽ không thể tạm thời chấp nhận trái quyền cho trái chủ tham dự các tác vụ kháng tặn trước khi toà xét xử xong.

**Điều thứ 922** – Trái chủ chỉ bị dị nghị về đặc quyền hay quyền để đương sẽ được ghi nhận trong bảng kê khai như một chủ nợ thường.

**Điều thứ 923** – Những chủ nợ không khai trình trái quyền trong thời hạn luật định sẽ không được tham dự vào việc chia tiền; tuy nhiên, họ có quyền phản kháng cho đến ngày chia tiền, nhưng phải chịu sở phí về thủ tục phản kháng.

Sự phản kháng không đình chỉ việc phân chia đã được thẩm phán thừa nhiệm phán định; nhưng nếu còn tiền đem phân chia nữa trước khi có phán quyết về sự phản kháng, thì họ được ghi nhận theo một gạch số tạm thời ấn định bởi toà án; số tiền này được giữ lại cho đến khi có án văn về sự phản kháng.

Những chủ nợ nào chỉ sau này mới được công nhận không thể đòi hỏi được gì về các số bạc đã phân chia trước theo lệnh của thẩm phán thừa nhiệm, nhưng họ có quyền lấy trước trên số tích sản chưa chia, phần tiền đáng lẽ họ được lãnh trong những lần phân chia trước nếu họ có tham dự.

## TIẾT IV

# HÀI ƯỚC VÀ LIÊN HIỆP TRÁI CHỦ

### PHỤ TIẾT I

#### SỰ THÀNH LẬP VÀ HIỆU LỰC HÀI ƯỚC

**Điều thứ 924** – Ngay sau khi khoá bảng kê khai trái quyền hay nếu có sự tranh nại, sau khi có phán quyết của toà nói ở điều 920 và 921, người kháng tặn phải nộp tại phòng lục sự đề nghị hài ước.

Nếu người kháng tặn không nộp thì sẽ được đốc thúc bằng thơ bảo đảm của lục sự phải nộp trong hạn 8 ngày.

Quá thời hạn nói trên, đương sự sẽ mất quyền đề nghị hài ước và thủ tục kháng tặn sẽ tiếp tục theo các thể thức định ở điều 951 và kế tiếp.

**Điều thứ 925** – Đề nghị hài ước phải nói rõ những phương pháp có mục đích cải thiện tình trạng của người bị kháng tặn và các điều kiện trả nợ, nhất là tỉ lệ các số tiền xin trả, thời hạn trả nợ và lâm thời các bảo đảm.

Đề nghị hài ước sẽ được lục sự thông báo ngay cho quản tài.

**Điều thứ 926** – Nội trong 3 ngày sau khi đề nghị hài ước được nạp, thẩm phán thừa nhiệm ra lệnh cho lục sự gửi thư cho mỗi trái chủ đã được kiểm nhận và đăng bố cáo pháp định để triệu tập các chủ nợ thảo luận và biểu quyết về hài ước.

Các trái chủ được chấp nhận tạm thời cũng có thư triệu tập riêng trong thời hạn 3 ngày kể từ khi có phán quyết về phần họ.

Bố cáo và thư mời phải nói rõ mục đích của cuộc hội họp. Ngoài ra, kèm với thư phải được đính theo nội dung đề nghị hài ước.

**Điều thứ 927** – Thẩm phán thừa nhiệm chủ tọa hội nghị nhóm vào ngày giờ và nơi đã định; những trái chủ được chấp nhận thiết thọ hay tạm thời phải đích thân có mặt hay cử người có uỷ quyền hợp lệ.

Người bị khánh tận được gọi ra tham dự, phải đích thân trình diện và chỉ có thể nhờ người thay mặt nếu có lý do chánh đáng được thẩm phán thừa nhiệm chấp nhận.

**Điều thứ 928** – Quản tài phúc trình trước hội nghị về tình trạng vụ khánh tận, về những thể thức và tác vụ đã thi hành; người bị khánh tận sẽ trình bày ý kiến.

Bản phúc trình do quản tài ký tên sẽ đệ nạp thẩm phán thừa nhiệm; thẩm phán thừa nhiệm sẽ lập biên bản ghi những lời tranh luận và quyết định của hội nghị.

**Điều thứ 929** – Hài ước chỉ có thể được thoả thuận do một cuộc bỏ thăm bởi đa số các trái chủ có mặt hay được đại diện và tiêu biểu ít nhất cho 2/3 tổng số nợ được chấp nhận thiết thọ hay tạm thời.

Trái quyền của các người không bỏ phiếu sẽ không được dùng để tính đa số, đa số trái chủ cũng như đa số nợ.

Sự bỏ phiếu bằng thư tuyệt đối không được chấp nhận.

**Điều thứ 930** – Chủ nợ có quyền đảm bảo đối vật chỉ có quyền biểu quyết hài ước về phần các trái quyền được bảo đảm nếu khước từ các bảo đảm.

Sự khước từ sẽ được ghi vào biên bản phiên họp.

Đã tham dự vào cuộc bỏ thăm hài ước thì đương nhiên được kể như khước từ quyền bảo đảm.

Sự khước từ, dầu công nhiên hay mặc nhiên chỉ trở nên thiết thọ nếu hài ước được thoả thuận và chuẩn phê.

**Điều thứ 931** – Hài ước phải được ký tên ngay trong phiên họp, bằng không sẽ vô hiệu. Nếu chỉ một trong hai điều kiện đa số nói trong điều 929 được hội đủ, thì cuộc thảo luận sẽ đình lại tám



ngày sau và không phải làm thế thức gì. Trong trường hợp này, trái chủ có mặt hay được đại diện hợp pháp đã ký biên bản buổi nhóm lần thứ nhất không bắt buộc phải tham dự hội nghị thứ nhì nữa; những sự quyết định và tán đồng của họ được coi như thủ đắc cho người kháng tặn, nếu họ không trở lại cuộc hội lần sau và thay đổi ý kiến.

Chữ ký của trái chủ hay của người đại diện trên tấm thăm được coi có giá trị như ký vào biên bản.

**Điều thứ 932** – Không thể thành lập hải ước được, nếu người bị kháng tặn có án phạt về tội phá sản gian trá.

Nếu người bị kháng tặn chỉ mới bị truy tố về tội đó thì việc biểu quyết hải ước tạm thời đình hoãn.

**Điều thứ 933** – Tất cả các trái chủ có quyền tham gia thành lập hải ước hay có quyền lợi được công nhận sau ngày thành lập đều có thể phản kháng hải ước này.

Sự phản kháng phải được viện dẫn lý do và tổng đạt cho người bị kháng tặn và cho quản tài trong thời hạn 8 ngày sau ngày hải ước được thoả thuận, nếu không sẽ vô hiệu, sự phản kháng sẽ đem ra xét xử trước phiên toà sớm nhất bằng triệu hoán trạng tổng đạt chung với sự phản kháng.

Nếu sự phân xử về phản kháng tùy thuộc vào sự giải quyết các vấn đề khác, không thuộc thẩm quyền toà án thụ lý vụ kháng tặn, thì toà án này sẽ hoãn xử đến ngày có phán quyết về các vấn đề đó.

Toà sẽ ấn định một thời hạn ngắn để cho trái chủ phản đối đệ đơn khởi tố trước toà án có thẩm quyền.

**Điều thứ 934** – Hải ước được đưa ra phê chuẩn trước toà án theo đơn xin của đương sự nào miễn cần nhưt. Toà chỉ được phán xét sau thời hạn 8 ngày đã nói ở điều trên.

Nếu có phản kháng trong thời hạn trên, toà sẽ quyết định về các đơn phản kháng và sự phê chuẩn bằng một án văn duy nhất.

Nếu sự phản kháng được chấp nhận, hải ước sẽ bị tiêu huỷ đối với tất cả mọi người quan thiết.

**Điều thứ 935** – Trong mọi trường hợp, trước khi toà tuyên xử về sự phê chuẩn hải ước, thẩm phán thừa nhiệm phải đệ trình toà một bản phúc trình về tình trạng vụ kháng tặn và tánh cách khả chấp của hải ước.

**Điều thứ 936** – Trong trường hợp các định lệ trên đây không được tôn trọng, hoặc nếu có những lý do chánh đáng căn cứ vào lợi ích công cộng hay quyền lợi của các chủ nợ, toà sẽ từ chối phê chuẩn.

**Điều thứ 937** – Án phê chuẩn có thể chỉ định một hay nhiều uỷ viên để phụ trách việc thi hành hải ước.

**Điều thứ 938** – Sự phê chuẩn bó buộc tất cả các trái chủ, dầu trái quyền đã được kiểm nhận hay không.

**Điều thứ 939** – Trừ phi hài ước quyết định khác, sự phê chuẩn vẫn bảo tồn cho mỗi trái chủ quyền để đương trên các bất động sản của người bị khánh tận căn cứ đăng ký theo điều 892. Để đạt mục đích này, quản tài phải xin đăng ký bản án phê chuẩn vào sổ bộ.

**Điều thứ 940** – Liên ngay khi án văn phê chuẩn trở thành nhất định, nhiệm vụ quản tài chấm dứt và người khánh tận thu hồi lại quyền tự do sử dụng tài sản.

Quản tài sẽ phải thanh lý dứt khoát với người bị khánh tận trước mặt thẩm phán thừa nhiệm. Quản tài sẽ giao hoàn cho người bị khánh tận toàn thể tài sản, sổ sách, giấy tờ và đồ vật và được người này giải nhiệm.

Biên bản sẽ được thiết lập do thẩm phán thừa nhiệm, mà nhiệm vụ cũng chấm dứt. Trong trường hợp có sự tranh nại, toà sẽ phân xử.

**Điều thứ 941** – Hài ước sau ngày được phê chuẩn không thể xin tiêu hủy, ngoại trừ có khi trá khám phá ra sau ngày đó hoặc vì tích sản đã bị giấu giếm hoặc vì tiêu sản đã được khai tạng.

Hài ước cũng tiêu hủy nếu sau ngày có án phê chuẩn, người bị khánh tận bị tuyên án phá sản gian trá.

Sự tiêu hủy đương nhiên có hiệu lực giải trách cho người bảo lãnh, trừ phi họ hay biết có sự khi trá khi cam kết.

## PHỤ TIẾT II

### TIÊU HUỖ VÀ GIẢI TIÊU HÀI ƯỚC

**Điều thứ 942** – Trong trường hợp người khánh tận không thi hành các điều kiện của hài ước, sự giải tiêu có thể được yêu cầu trước toà án đã phê chuẩn hài ước.

Sự giải tiêu hài ước không giải trách cho các người bảo lãnh đã can thiệp để bảo đảm việc thi hành toàn thể hay một phần hài ước, các người này phải được gọi ra dự sự vào vụ kiện.

**Điều thứ 943** – Nếu sau ngày phê chuẩn hài ước, người bị khánh tận lại bị truy tố và giam cầm về tội phá sản gian trá, toà xử vụ khánh tận có thể truyền thi hành những biện pháp bảo thủ xét là cần thiết, các biện pháp này sẽ đương nhiên hết hiệu lực trong trường hợp có phán quyết miễn tố hoặc tha bổng.

**Điều thứ 944** – Nếu hài ước bị tiêu hủy hoặc giải tiêu, toà chỉ định một thẩm phán thừa nhiệm và một hay nhiều quản tài.

Quản tài có thể xin niêm phong.

Căn cứ vào bảng liệt kê tài sản cũ, quản tài phải kiểm điểm ngay những tài vật, chứng khoán và giấy tờ, rồi nếu cần làm một bảng liệt kê bổ túc.

Quản tài phải đặt giấy và cho đăng báo mời ngay các trái chủ mới, nếu có, để khai trình trái khoán và kiểm tra theo thể thức nói ở điều 914 và kế tiếp.

**Điều thứ 945** – Sự kiểm tra trái quyền khai trình theo điều trên phải thực hiện tức thời.

Khởi cần kiểm tra lại những món nợ đã được chấp nhận từ trước; các món nợ này đương nhiên được ghi vào bảng kê khai trái quyền theo cách thức nói tại điều 947 dưới đây.

**Điều thứ 946** – Những hành vi của người bị khánh tận làm sau ngày có án phê chuẩn và trước ngày tiêu huỷ hoặc giải tiêu hải ước chỉ có thể bị huỷ bằng tố quyền triệt bãi trong trường hợp gian trá có phương hại đến quyền lợi của chủ nợ.

**Điều thứ 947** – Các trái chủ hữu quyền từ trước ngày lập hải ước được thâu hồi toàn vẹn quyền lợi của họ riêng đối với người khánh tận, trái quyền của họ được ghi vào bảng kê khai trái quyền theo cách thức sau đây: nếu chưa lãnh được phần chia nào thì được ghi trọn vẹn; nếu đã lãnh một phần chia rồi thì chỉ được ghi theo tỷ lệ tương đương với phần chia nhưng chưa được lãnh.

Điều khoản này sẽ áp dụng cho trường hợp thương gia bị tuyên án khánh tận một lần thứ hai mà không có tiêu huỷ hoặc giải tiêu hải ước trong vụ trước.

### PHỤ TIẾT III

#### KẾT THÚC KHÁNH TẬN VÌ THIẾU TÍCH SẢN

**Điều thứ 948** – Bất cứ lúc nào, nếu sự diễn biến của tác vụ khánh tận xét ra không thể tiếp tục vì thiếu tích sản, toà án cũng có thể chiếu phúc trình của thẩm phán thừa nhiệm tự động tuyên xử kết thúc tác vụ khánh tận, dầu không có lời yêu cầu của một đương sự nào.

Do hiệu lực án này mỗi trái chủ thâu lại việc hành sử tố quyền cá nhân của mình đối với người bị khánh tận.

Trái chủ mà trái quyền đã được kiểm nhận có thể yêu cầu chánh án toà án đã thụ lý vụ khánh tận cấp cho chứng thư chấp hành dưới hình thức một án lệnh phê đơn có lệnh truyền trả tiền và văn thức chấp hành.

**Điều thứ 949** – Người khánh tận hoặc bất cứ người quan thiết nào khác, có thể bất cứ lúc nào xin toà thâu hồi án văn trên, nếu chứng minh đã có đủ tiền để đài thọ sở phí các tác vụ khánh tận hoặc nếu tiền bạc đủ dùng vào việc này đã được ký thác nơi tay quản tài. Trong mọi trường hợp, sở phí về vụ kết thúc khánh tận vì không đủ tích sản phải được trả trước.

Nếu cần phải đi kiện các người có trách nhiệm về vụ khánh tận, quản tài, theo án lệnh phê đơn của thẩm phán thừa nhiệm có thể được phép xin tư pháp bảo trợ.

## PHỤ TIẾT IV

### KẾT THÚC KHÁNH TẬN VÌ KHÔNG CÒN TIÊU SẢN

**Điều thứ 950** – Sau ngày các trái quyền được kiểm tra, toà án có thể bất cứ lúc nào, theo lời yêu cầu của người khánh tận hay tự động và chiếu phúc trình của thẩm phán thừa nhiệm, tuyên án kết thúc khánh tận, nếu có bằng cứ là các món nợ được thanh toán hết, hoặc nếu quản tài đã có trong tay tiền bạc đủ để trả hết nợ và sớ phí.

Án kết thúc có hậu quả phục hồi cho người khánh tận mọi quyền lợi.

## PHỤ TIẾT V

### LIÊN HIỆP TRÁI CHỦ

**Điều thứ 951** – Nếu không thành lập được hải ước, hoặc nếu hải ước không được đề nghị, các chủ nợ đương nhiên hợp thành liên hiệp trái chủ.

Thẩm phán thừa nhiệm tham khảo ý kiến họ ngay tại hội nghị nói tại điều 927 về công việc của quản tài, về việc nên lưu nhiệm quản tài hay nên thay thế. Các trái chủ có đặc quyền, để đương hay thế chấp, được tham dự cuộc thảo luận này theo cách thức nói tại điều 930. Sẽ thiết lập biên bản về những nhận xét của trái chủ và căn cứ vào tài liệu này, toà sẽ xét định.

Quản tài bãi nhiệm phải bàn giao sổ sách kế toán cho người mới được chỉ định trước sự hiện diện của thẩm phán thừa nhiệm và sau khi đã đòi người khánh tận đến dự hợp lệ.

**Điều thứ 952** – Các trái chủ sẽ được tham khảo ý kiến xem có thể trợ cấp cho người khánh tận hay không.

Nếu có sự thoả thuận của đa số các trái chủ hiện diện hoặc được đại diện, sẽ trích trong tích sản vụ khánh tận một số tiền trợ cấp do quản tài đề nghị và thẩm phán thừa nhiệm ấn định.

**Điều thứ 953** – Nếu một thương hội bị tuyên bố khánh tận, thì đối với các hội viên phải chịu trách nhiệm liên đới; các chủ nợ có quyền chỉ thoả thuận ký hải ước cho một số hội viên mà thôi.

Trong trường hợp đó, toàn thể tích sản của thương hội sẽ được đặt dưới chế độ liên hiệp. Tài sản riêng của các hội viên được hưởng hải ước phải để ra ngoài và hải ước chỉ có thể dự liệu trả nợ bằng tài sản không phải là tích sản của hội mà thôi.

Hội viên được hưởng hải ước riêng sẽ không còn bị trách nhiệm liên đới nữa.

**Điều thứ 954** – Quản tài có nhiệm vụ thanh toán tài sản.

Tuy nhiên, quản tài có thể tạm thời tiếp tục khai thác cơ sở của người khánh tận, nhưng phải được sự uỷ nhiệm của các trái chủ, đầu rằng trước đó đã được phép toà như đã nói ở điều 911.

Quyết nghị uỷ quyền sẽ ấn định thời gian và quyền hạn của quản tài cùng những số tiền mà quản tài được giữ trong tay để đài thọ mọi sở phí và chi xuất. Quyết nghị phải hội đủ đa số ba phần tư trái chủ có mặt hay được đại diện và tiêu biểu cho ba phần tư các trái quyền.

Quyết nghị phải được thẩm phán thừa nhiệm phê chuẩn bằng án lệnh.

**Điều thứ 955** – Nếu các tác vụ của quản tài thực hiện đưa đến những cam kết vượt quá tích sản của liên hiệp trái chủ thì những chủ nợ nào đã cho phép hành động sẽ phải trả riêng, ngoài phần của mình trong tích sản, nhưng chỉ trong giới hạn sự uỷ nhiệm đã ban cấp; chủ nợ đó sẽ phải đóng góp theo tỷ lệ trái quyền của họ.

**Điều thứ 956** – Quản tài có nhiệm vụ phát mại bất động sản hàng hoá, đồ vật của người khánh tận cùng thu hồi các trái quyền và thanh toán các món nợ của người khánh tận dưới sự kiểm soát của thẩm phán thừa nhiệm, nhưng không phải đòi người khánh tận ra tham dự.

**Điều thứ 957** – Quản tài có thể theo các định lệ nói trong điều 909 đứng ra điều đình về mọi quyền lợi của người bị khánh tận.

**Điều thứ 958** – Liên hiệp trái chủ có thể bằng một quyết định theo các điều kiện về đa số nói tại điều 954 và sau khi đã hỏi ý kiến người khánh tận, xin toà cho phép bán cho người khác với một giá khoán tất cả hay một phần tích sản, động sản hay bất động sản.

Mọi trái chủ hay người khánh tận đều có quyền yêu cầu thẩm phán thừa nhiệm triệu tập một phiên họp liên hiệp trái chủ để thảo luận về vấn đề ấy.

Án toà sẽ không thể được kháng cáo.

Quản tài sẽ làm mọi hành vi cần thiết.

**Điều thứ 959** – Các trái chủ sẽ được thẩm phán thừa nhiệm mời họp ít ra một lần trong năm thứ nhứt kể từ ngày có liên hiệp, và sau đó, mỗi năm một lần trong các năm kế tiếp. Trong các cuộc nhóm họp này, quản tài phải tường trình việc quản lý của mình.

**Điều thứ 960** – Khi các tác vụ khánh tận hoàn tất, các trái chủ được thẩm phán thừa nhiệm mời đến hội.

Trong cuộc nhóm họp chót này, quản tài sẽ phải kết toán sổ sách. Người khánh tận phải được mời bằng thơ bảo đảm.

**Điều thứ 961** – Sau phiên nhóm liên hiệp trái chủ sẽ đương nhiên giải tán.

Các trái chủ sẽ thu hồi lại các tổ quyền cá nhân của mình.

Trái chủ mà trái quyền đã được kiểm nhận hợp lệ, cá quyền xin cấp một chứng thư chấp hành theo thể thức nói tại điều 948.

Quản tài có trách nhiệm về sổ sách, giấy tờ và đồ vật của người khánh tận hoặc do người này giao lại, trong thời hạn năm năm kể từ ngày kết toán sổ sách.

Điều thứ 962 – Trong trường hợp một hài ước được thiết lập bằng cách phó nhượng tất cả hay một phần tích sản của người khánh tận cho các trái chủ, sự thanh toán tích sản phó nhượng cũng được làm theo các điều 952, 954 kế tiếp.

## TIẾT V

# CÁC LOẠI TRÁI CHỦ VÀ QUYỀN LỢI CỦA HỌ

## TRONG VỤ KHÁNH TẬN

**Điều thứ 963** – Trong trường hợp nhiều người cùng có trách nhiệm trả một món nợ, hoặc với tính cách con nợ liên đới, hoặc với tính cách người bảo lãnh mà đều bị tuyên án khánh tận, chủ nợ có quyền tham dự vào việc phân chia tiền bạc trong tất cả các vụ khánh tận và được khai trình toàn thể món nợ trong mỗi vụ khánh tận.

**Điều thứ 964** – Nếu cộng lại các số tiền chủ nợ được chia trong các vụ khánh tận của những người đồng nợ không vượt quá tổng số món nợ thì những người đồng nợ không có tố quyền phản hoàn người này với người kia. Tuy nhiên, nếu các số tiền được chia vượt quá món nợ thì số sai biệt sẽ được trả về người đồng nợ nào đáng lẽ chỉ phải trả nợ sau các người khác.

**Điều thứ 965** – Trong trường hợp nhiều người cùng có trách nhiệm trả một món nợ, hoặc với tính cách con nợ liên đới, hoặc với tính cách người bảo lãnh mà chỉ có một người đồng nợ bị tuyên án khánh tận, người trái chủ đã được trả bớt nợ trước khi có án khánh tận chỉ có thể khai trình với quản tài số tiền còn thiếu lại và được bảo lưu mọi quyền lợi đối với các người đồng nợ khác về số tiền chưa được trả hết.

Người đồng nợ nào đã xuất tiền ra trả bớt để giải nhiệm cho người khánh tận được khai trình với quản tài số tiền đã xuất ra.

**Điều thứ 966** – Mặc dầu có hài ước được thoả thuận, các trái chủ vẫn được giữ tố quyền đối với những người đồng nợ với người khánh tận về toàn thể trái quyền của mình.

**Điều thứ 967** – Chủ nợ được thế chấp động sản của người bị khánh tận chỉ được ghi danh trong tổng thể trái chủ để ghi nhớ.

**Điều thứ 968** – Nếu được thẩm phán thừa nhiệm cho phép, quản tài bất cứ lúc nào cũng có thể trả nợ để rút đồ vật thế chấp về cho trái chủ.

**Điều thứ 969** – Trong trường hợp quản tài không rút đồ vật thế chấp về, nếu chủ nợ bán được giá cao hơn số nợ, số tiền thừa sẽ được quản tài thu hồi cho tổng thể, nếu giá bán thấp hơn trái quyền, chủ nợ thế chấp được phép tham dự vào việc chia tiền của tổng thể với tư cách chủ nợ thường về phần tiền nợ còn thiếu.

Quản tài cũng có quyền, bằng thơ bảo đảm đốc thúc trái chủ thế chấp phải phát mãi vật thế chấp theo thể thức luật định trong thời hạn hai tháng, quá hạn quản tài sẽ có quyền đứng ra bán với sự cho phép của thẩm phán thừa nhiệm.

**Điều thứ 970** – Khi có khánh tận, lương bổng của công nhân và thuộc viên được bảo đảm bởi quyền đặc ưu như đã định trong dân luật và luật lao động, điều 128.

**Điều thứ 971** – Nếu hợp đồng thuê mướn bị giải tiêu, sở hữu chủ cơ sở dùng vào xí nghiệp hay thương nghiệp của người khánh tận sẽ được ưu tiên trả tiền thuê còn thiếu theo hợp đồng về ba năm chót trước khi có án văn khánh tận và về mọi khoản bồi thường được toà ban cấp nếu có.

Trong trường hợp giao kèo cầm cho thuê lại, song nếu chủ nhà đã lấy tiền thuê trước, thì quản tài vẫn có thể cho thuê lại nhưng chỉ về thời gian đã trả tiền rồi và không được thay đổi dụng đích bất động sản.

Ưu quyền và sách hoàn ấn định cho người bán động sản dự liệu trong dân luật không thể đem hành sử đối với tổng thể trái chủ.

**Điều thứ 972** – Quản tài sẽ trình với thẩm phán thừa nhiệm bảng kê khai các trái chủ có ưu quyền trên các động sản; Thẩm phán sẽ truyền trả cho các chủ nợ này ngay khi thu được tiền.

Toà án sẽ phân xử, nếu ưu quyền bị tranh nại.

**Điều thứ 973** – Nếu việc chia tiền bán bất động sản được làm trước hay cùng một lúc với việc chia tiền bán bất động sản, các trái chủ có ưu quyền hoặc để đương mà chưa được chia đủ trong cuộc chia giá bán bất động sản sẽ được tham dự phần chia giá bán bất động sản theo tỷ lệ cùng với các chủ nợ thường về phần nợ còn thiếu với điều kiện là trái quyền của họ đã được kiểm tra.

**Điều thứ 974** – Nếu một hay nhiều cuộc chia tiền bán bất động sản lại được làm trước cuộc chia tiền bán bất động sản, thì các trái chủ có ưu quyền để đương đã được kiểm tra sẽ được phép tham dự vào sự phân chia tiền bất động sản theo tỷ lệ của toàn thể trái quyền của họ, nhưng lâm thời có thể được quy hoàn một phần cho tổng thể các trái chủ thường như nói tại hai điều sau.

**Điều thứ 975** – Sau khi bất động sản được phát mãi và việc phân chia theo thứ tự ưu tiên cho các trái chủ để đương về đặc ưu đã được quyết định, những người nào được ghi tên với đủ số nợ của mình, không được lãnh tất cả số tiền được chia mà phải khấu trừ đi số tiền đã lãnh trong tổng thể chủ nợ thường.

Tiền bị trừ bớt đi như vậy sẽ không thuộc khối trái chủ để đương, nhưng sẽ được quy hoàn cho khối chủ nợ thường để chia cho các chủ nợ này.

**Điều thứ 976** – Đối với trái chủ để đương chỉ được trả một phần nợ trong cuộc phân chia giá bán bất động sản, sẽ phải làm như sau: quyền lợi của họ trong khối chủ nợ thường sẽ chỉ là phần nợ còn thiếu sau khi được chia tiền bán bất động sản; và tiền bạc được lãnh quá tỷ lệ ấy trong cuộc chia tiền bán động sản sẽ bị giữ lại trên số được chia trong giá bán bất động sản để hoàn lại cho khối chủ nợ thường.

**Điều thứ 977** – Những trái chủ để đương hay có ưu quyền mà bị loại trừ bởi chủ nợ ở hàng trên trong cuộc chia tiền bán động sản sẽ được coi như chủ nợ thường, và với tư cách này bị chi phối bởi hiệu lực của hải ước và của tất cả các tác vụ của khối chủ nợ thường.

**Điều thứ 978** – Tài sản riêng của người phối ngẫu của người khánh tận không bị nhập vào tài sản đem phân chia cho các trái chủ của vụ khánh tận.

**Điều thứ 979** – Dưới bất cứ chế độ hôn sản nào, tổng thể trái chủ có thể chứng minh bằng mọi cách là một tài sản của người phối ngẫu đã được thủ đắc bằng tiền bạc của người khánh tận, để đem quy nhập vào tích sản vụ khánh tận.

Điều thứ 980 – Tài sản được thu hồi về theo điều 978 vẫn phải gánh chịu những món nợ và để đương mà người phối ngẫu của người khánh tận đã tự thuận cam kết hoặc bị toà tuyên xử phải chịu.

**Điều thứ 981** – Khi người chồng đã là thương gia vào lúc kết hôn hoặc trong thời hạn một năm kể từ ngày kết hôn, đã ra hành nghề buôn bán rồi bị khánh tận thì trong vụ khánh tận người phối ngẫu sẽ không được đòi những biệt lợi dành cho mình tại hôn khó; ngược lại, các trái chủ vụ khánh tận cũng không có quyền nại dẫn những biệt lợi dành cho người khánh tận do người phối ngẫu.

## TIẾT VI

### PHÂN CHIA TIỀN KHÁNH TẬN

**Điều thứ 982** – Sau khi đã trích xuất các chi phí quản trị khánh tận cùng lâm thời tiền trợ cấp cho người khánh tận hay gia đình nếu có, và đã trả tiền cho trái chủ có ưu quyền, tích sản sẽ được đem phân chia cho các chủ nợ theo tỷ lệ các trái quyền đã kiểm tra.

Nếu có các trái quyền bị danh nại mà chưa được xét xử, phần tương đương sẽ được dành lại.

**Điều thứ 983** – Để thực hiện công việc này, mỗi tháng quản tài phải nộp cho thẩm phán thừa nhiệm một bảng kê khai tình trạng vụ khánh tận và ghi đủ các số tiền ký gửi tại quỹ cung thác.



Thẩm phán thừa nhiệm sẽ truyền phân phối tiền cho các chủ nợ, ấn định phân suất của mỗi người và sẽ lưu ý để tất cả các trái chủ được loan báo việc chia tiền.

**Điều thứ 984** – Quản tài chỉ trả tiền nếu chủ nợ trình được chứng từ.

Sẽ ghi trên văn tự này số tiền được quản tài viên trả hay được thẩm phán thừa nhiệm ra lệnh thanh toán theo hình thứ dự liệu trong điều 910.

Tuy nhiên, nếu không xuất trình được văn tự nợ, thẩm phán thừa nhiệm vẫn có thể tham chiếu biên bản kiểm tra trái quyền để ra lệnh trả tiền.

Trong mọi trường hợp, chủ nợ lãnh tiền phải ký nhận trên bảng phân chia.

## TIẾT VII

# VIỆC BÁN BẤT ĐỘNG SẢN

**Điều thứ 985** – Kể từ ngày có án văn khánh tận, chủ nợ không có quyền sai áp phát mại các bất động sản trên đó họ không có một quyền để đương hay đặc ưu biệt định.

**Điều thứ 986** – Các trái chủ để đương hay có đặc quyền nói trên chỉ có thể sai áp phát mại các bất động sản phải chịu để đương hay quyền đặc ưu cho đến khi thành lập liên hiệp, kể từ ngày này chỉ có quản tài có quyền làm thủ tục.

Quản tài có bổn phận xin phép thẩm phán thừa nhiệm và khởi sự thủ tục phát mại trong thời hạn một tháng kể từ ngày thành lập liên hiệp, theo thể thức ấn định cho việc sai áp phát mại bất động sản tại sắc lệnh ngày 21-7-1925, dầu bất động sản phát mại thuộc chế độ tân điền thổ hay địa bộ.

Án lệnh cho phép của thẩm phán thừa nhiệm thay thế cho tờ trình lĩnh trả tiền, án lệnh đó sẽ được đăng ký vào sổ điền thổ hay địa bộ và không cần phải tổng đạt cho người khánh tận. Nếu không có ai trả giá, quản tài cũng không bao giờ được coi là mua đấu giá được.

**Điều thứ 987** – Sau khi bất động sản được công khai phát mại, sự tăng giá cạnh mại cũng được thực hiện theo các điều kiện và thể thức quy định cho việc sai áp bất động sản tại sắc lệnh nói trên.

## TIẾT VIII

# QUYỀN SÁCH HOÀN

**Điều thứ 988** – Trong vụ khánh tận, nguyên chủ có thể sách hoàn những thương phiếu hoặc chứng khoán khác đã đưa cho người khánh tận để nhờ thu tiền hộ mà người này chưa thu và còn giữ nguyên trong tay khi bị tuyên án khánh tận.

**Điều thứ 989** – Cũng có thể được sách hoàn một phần hay toàn phần hàng hoá ký gởi nơi tay người khánh tận dưới danh nghĩa ký thác hay với mục đích bán hộ chủ nhân, nếu các hàng hoá đó hãy còn nguyên vẹn và có thể phân biệt được với hàng hoá của người khánh tận.

Trong trường hợp hàng hoá đã được bán nhưng giá cả chưa được thanh toán bằng tiền mặt, bằng thương phiếu hay bằng cách bù trừ trong trương mục vãng lai giữa người mua và người khánh tận, nguyên chủ cũng có thể sách hoàn giá cả trong tay người mua.

**Điều thứ 990** – Có thể được sách hoàn những hàng hoá đã gởi để bán cho người khánh tận, nhưng chưa được giao vào kho của những người này hay của nha viên được người khánh tận nhờ bán hộ để ăn hoa hồng.

Tuy nhiên, sự sách hoàn sẽ không được chuẩn chấp, nếu trước khi nhập kho hàng hoá đã được bán lại ngay tình theo hoá đơn, tải hoá đơn hay chứng từ vận tải hợp lý.

**Điều thứ 991** – Có thể được sách hoàn một phần hay toàn phần hàng hoá đã bán cho người khánh tận mà việc mua bán đã được giải tiêu trước ngày có án khánh tận, nếu hàng hoá còn nguyên vẹn.

Sự sách hoàn cũng sẽ được chấp nhận dẫu rằng án giải tiêu được tuyên sau ngày có án khánh tận.

**Điều thứ 992** – Quyền sách hoàn nói tại các điều trên chỉ có thể sử dụng chống quản tài trong thời hạn một năm kể từ ngày án khánh tận được công bố.

Trong trường hợp nói tại đoạn 2 điều 991, nếu án giải tiêu được tuyên sau thời hạn một năm vừa nói, nguyên chủ được thêm một hạn là ba tháng kể từ ngày có án giải tiêu để xin sách hoàn

**Điều thứ 993** – Người bán có thể giữ lại hàng hoá đã bán cho người khánh tận nhưng chưa giao, chưa gửi cho người này hay cho một đệ tam nhân đứng ra nhận lãnh giùm.

**Điều thứ 994** – Trong các trường hợp dự liệu ở hai điều 991 và 993, quản tài với sự cho phép của thẩm phán thừa nhiệm có quyền yêu cầu người bán phải giao hàng, nhưng phải trả giá tiền đã thoả hiệp giữa người bán và người khánh tận.

Nếu quản tài không sử dụng quyền đó, khế ước bán hàng coi như không được thi hành, người bán hàng phải hoàn trả cho tổng thể trái chủ tiền cọc đã nhận cùng mọi khoản tiền đã được ứng trước.

Tuy nhiên, do sự bất thi hành khế ước, người bán có quyền đòi bồi thường.

**Điều thứ 995** – Với sự đồng ý của thẩm phán thừa nhiệm, quản tài có thể chấp nhận các yêu cầu sách hoàn; nếu có tranh nại, toà án sẽ phân xử sau khi lấy ý kiến của thẩm phán thừa nhiệm.

# CHƯƠNG THỨ II

## NÓI VỀ THANH TOÁN TƯ PHÁP

**Điều thứ 996** – Thương gia ở vào tình trạng không trả được nợ và không may có thể được hưởng sự thanh toán tư pháp thay vì bị tuyên án khánh tận, nếu là người ngay tình.

### TIẾT I

## SỰ TỔ CHỨC THANH TOÁN TƯ PHÁP

**Điều thứ 997** – Muốn được hưởng thanh toán tư pháp, con nợ phải vào đơn trước toà án nơi cư ngụ của mình trong mười lăm (15) ngày sau khi ngưng trả nợ. Người thiếu nợ bị kiện khánh tận trong thời kỳ đó cũng có quyền xin thanh toán tư pháp.

Cùng với đơn xin thanh toán tư pháp phải đính theo bảng đối kê tài sản và một danh sách họ tên, địa chỉ của tất cả các trái chủ.

Nếu người thiếu nợ đã qua đời nhưng sự ngưng trả nợ không lâu quá mười lăm (15) ngày trước ngày qua đời, các thừa kế đã thu nhận di sản có thể xin thanh toán tư pháp cho người quá cố nếu nộp đơn trong thời hạn một tháng kể từ ngày mệnh một.

**Điều thứ 998** – Đối với hợp doanh hay hợp tư không trả được nợ, đem xin thanh toán tư pháp, phải ghi tên họ, địa chỉ của mỗi hội viên liên đới và mang chữ ký của mỗi hội viên có quyền cam kết nhân danh hội.

Nếu là hội vô danh ở vào trường hợp ngưng trả nợ, đơn phải do tổng giám đốc hay quản trị viên giữ chức vụ này ký tên.

Trong mọi trường hợp, đơn phải nộp tại phòng lục sự toà án nơi đặt hội sở. Nếu không có hội sở tại Việt Nam, đơn phải nộp tại toà án nơi hội có doanh sở chính.

**Điều thứ 999** – Người thiếu nợ phải đích thân ra trình bày tại phiên toà, trừ phi có lý do cáo miễn chính đáng. Nếu đơn được chấp nhận, án văn sẽ chỉ định một thẩm phán toà sở tại làm thẩm phán thừa nhiệm và một hay nhiều thanh toán viên. Được phòng lục sự laon báo ngay, thanh toán viên khoa sổ và ký tên lên những sổ sách của thương gia và cùng với con nợ thiết lập bảng kê khai tài sản trong thời hạn ba ngày kể từ khi được bổ nhiệm. Cũng thời hạn này, thanh toán viên phải đăng ký quyền để đương của tổng thể trái chủ trên các bất động sản của con nợ như dự liệu ở điều 892.

Trong trường hợp một thương hội đã được giải tán, và đang được thanh toán, mà sau đó bị tuyên án thanh toán tư pháp, thanh toán viên được chỉ định từ trước sẽ thay mặt hội trong mọi tác vụ thanh toán tư pháp và sẽ trình với các trái chủ trong phiên nhóm họp đầu tiên công việc quản trị

của mình. Thanh toán viên ấy cũng có thể được chỉ định làm thanh toán viên của vụ thanh toán tư pháp.

Án thanh toán tư pháp được công bố theo điều 869.

**Điều thứ 1000** – Cũng như trong trường hợp có án khánh tận, kể từ ngày có án thanh toán tư pháp, chỉ trừ đối với các trái chủ có quyền đề đương, quyền đặc ưu đặc định và quyền thế chấp, mọi tổ quyền động sản hay bất động sản và tất cả các phương cách chấp hành trên tài sản của con nợ đều phải đình chỉ. Các tổ quyền và các phương cách chấp hành không bị đình chỉ phải tiếp tục hay phát động chống cả thanh toán viên và thương gia phải được hưởng thanh toán.

Trên tài sản của người mắc nợ, không còn thể thực hiện sự đăng ký một vật quyền nào khác hơn quyền đề đương của tổng thể dự liệu tại điều trên. Trái chủ không thể sai áp phát mại những bất động sản trên đó họ không có quyền đề đương. Về phần người thiếu nợ không thể kết trái thêm và cũng không thể chuyển dịch một phần hoặc toàn phần tích sản, ngoại trừ các trường hợp kể tại các điều sau đây.

**Điều thứ 1001** – Với sự hỗ trợ của thanh toán viên, người mắc nợ có thể đòi và nhận tiền trả về những thương phiếu và những món nợ khả sách, thực hiện mọi hành vi bảo toàn, bán những đồ vật dễ hư hại, sắp mất giá hay giữ gìn quá tốn kém, cùng phát khởi hay tiếp tục mọi tổ quyền động sản hay bất động sản.

Nếu con nợ không chịu hành động, thanh toán viên có thể xin phép thẩm phán thừa nhiệm hành động một mình. Tuy nhiên, nếu phát động tổ quyền thì không phải xin phép, nhưng thanh toán viên phải đòi người thiếu nợ ra dự sự.

Được thẩm phán thừa nhiệm cho phép, thương gia thiếu nợ có thể tiếp tục khai thác thương nghiệp hay xí nghiệp của mình với sự hỗ trợ của thanh toán viên.

Án lệnh cho phép tiếp tục khai thác được thi hành tạm và có thể bị bất cứ người quan thiết nào kháng ra trước toà xin xét lại.

Tiền bạc do sự đòi nợ và bán tài sản đều được giao cho thanh toán viên để ký gửi tại quỹ cung thác.

**Điều thứ 1002** – Nếu được thẩm phán thừa nhiệm cho phép và sau khi hội ý với kiểm soát viên nếu có, người thiếu nợ có thể thực hiện mọi sự bãi nại, khước từ và thuận tuân với sự hỗ trợ của thanh toán viên.

Cũng với các điều kiện đó, người thiếu nợ có thể điều đình trong mọi vụ tranh tụng có liên quan đến quyền lợi của tổng thể trái chủ.

Nếu đối tượng của sự điều đình lại có một trị giá không thể minh định được, hoặc quá 200.000\$00 thoả hiệp chỉ có hiệu lực cưỡng hành sau khi được toà án phê chuẩn.

Trái chủ nào cũng có quyền can thiệp vào thủ tục phê chuẩn.

**Điều thứ 1003** – Án thanh toán tư pháp có hậu quả làm cho những món nợ chưa đáo hạn do người thương gia thiếu, trở nên khả sách.

Đối với tổng thể trái chủ, án ấy đình chỉ sự sinh lời trừ các trái quyền được bảo đảm bằng một quyền để đương, đặc ưu hay cầm cố. Nhưng chủ nợ có bảo đảm chỉ được đòi tiền lời trên giá bán những tài sản sung dụng cho việc bảo đảm mà thôi.

**Điều thứ 1004** – Thẩm phán thừa nhiệm có thể, theo đề nghị của các trái chủ, chỉ định một hay nhiều kiểm soát viên để kiểm tra sổ sách và tình trạng tài chánh do người thiếu nợ trình bày, cùng giám sát mọi tác vụ của thanh toán viên.

**Điều thứ 1005** – Các điều khoản qui định về khánh tận đều được áp dụng cho thanh toán tư pháp, nếu không trái với các điều khoản của chương II tiết I này.

## TIẾT II

# SỰ HOÁN CẢI THANH TOÁN RA KHÁNH TẬN

**Điều thứ 1006** - Một thương gia đã được hưởng thanh toán tư pháp có thể, hoặc đương nhiên hoặc do đơn thưa của trái chủ, bị toà án tuyên-cáo ở vào tình trạng khánh-tận, trong các trường hợp sau đây:

- 1) Nếu đơn xin hưởng thanh toán đã không đệ nạp trong thời hạn 15 ngày kể từ khi ngưng trả nợ.
- 2) Nếu con nợ không xin được hài ước. Trong trường hợp này, nếu toà không hoán cải thì sự thanh toán tư pháp sẽ được tiếp tục cho đến khi thể hiện và phân chia xong tích sản

**Điều thứ 1007** - Toà cũng sẽ tuyên bố khánh tận bất cứ trong giai đoạn nào của thủ tục thanh toán tư pháp:

- 1) Nếu kể từ ngày ngưng trả nợ, con nợ đã ưng thuận một trong những hành vi dự liệu ở các điều 873, 874 và 876 Bộ luật này, nhưng chỉ trong trường hợp sự vô hiệu được toà tuyên xử hoặc được các đương sự nhìn nhận.
- 2) Nếu người thiếu nợ đã giấu bớt tích sản hay phóng đại tiêu sản, cố ý không khai một hay nhiều trái chủ hay phạm bất cứ một sự gian trá nào.
- 3) Nếu hài ước bị tiêu huỷ hay giải tiêu.
- 4) Nếu con nợ ở trong tình trạng thanh toán tư pháp bị xử phạt vì phá sản đơn thường hay phá sản gian trá.

Những tác vụ khánh tận được thi hành nối tiếp ngay với động tác cuối cùng của thủ tục thanh toán.

# CHƯƠNG THỨ BA

## NÓI VỀ TỘI PHÁ SẢN

**Điều thứ 1008** - Những thương gia ở trong tình trạng khánh tận hay thanh toán tư pháp sẽ bị truy tố về tội phá sản trong các trường hợp sau đây.

### TIẾT I

## PHÁ SẢN ĐƠN THƯỜNG

**Điều thứ 1009** - Sẽ bị phạt về tội phá sản đơn thường, thương gia ngưng trả nợ ở vào một trong những trường hợp sau đây:

- 1) Nếu những sự chi tiêu riêng cho mình hoặc cho gia đình được xét là quá đáng.
- 2) Nếu đã phung phí những món tiền lớn vào những công việc hoàn toàn may rủi.
- 3) Nếu vì muốn kéo dài tình trạng để khỏi bị tuyên án khánh tận, đã dùng các phương tiện bại sản để có tiền bạc.
- 4) Nếu bị tuyên án khánh tận tới hai lần, mà cả hai thủ tục đều kết thúc vì thiếu tích sản.
- 5) Nếu đã hành nghề trái với dự đoán của luật-pháp.

**Điều thứ 1010** – Có thể bị phạt về tội phá sản đơn thường thương-gia ngưng trả nợ ở vào một trong những trường hợp sau đây:

- 1) Nếu đã ký nhận trả những thương phiếu giả tưởng và không có đối khoản.
- 2) Nếu đã không thi hành một hài ước được hưởng trong một vụ khánh tận hay thanh toán tư-pháp trước mà nay lại bị tuyên án khánh tận.
- 3) Nếu nội trong 15 ngày sau khi ngưng trả nợ, đã không khai ở phòng lục sự như dự liệu ở điều 865 và 866, trừ phi có lý do cáo miễn chính đáng.
- 4) Nếu không đích thân trình diện với quản tài viên trong các trường hợp và thời hạn ấn định trừ phi có lý do cản trở chính đáng.
- 5) Nếu kế toán không đầy đủ hoặc gìn giữ không hợp lệ.
- 6) Nếu, sau khi đã ngưng trả nợ, lại còn thanh toán cho một chủ nợ để làm thiệt hại cho khối trái chủ.

### TIẾT II

## PHÁ SẢN GIAN TRÁ

**Điều thứ 1011** – Sẽ bị phạt về tội phá sản gian trá và bị xử phạt theo hình luật những thương gia ở trong tình trạng ngưng trả nợ, đã cất giấu sổ sách, sang đoạt hay tẩu tán tất cả hay một phần tích sản hoặc đã gian lận làm sổ sách giấy tờ nhận những món nợ thật ra không thiếu.

## **TIẾT III**

# **CÁC TỘI PHẠM KHÁC**

**Điều thứ 1012** – Trong trường hợp ngưng trả nợ của một công-ty được lập dưới bất cứ hình thức nào, sẽ bị tuyên xử các hình phạt áp dụng cho tội phá sản đơn thường các người điều khiển. Công ty ở vào một trong cá trường hợp sau đây:

- 1) Phung phí những món tiền lớn của công-ty vào những tác vụ có tính cách hoàn toàn may rủi.
- 1) Vì muốn kéo dài tình trạng để công-ty khỏi bị xác nhận ngưng trả nợ đã dùng các phương tiện bại sản để có tiền bạc.
- 1) Đã ký trả nhân danh công-ty những thương phiếu giả tưởng không có đối khoản.
- 2) Đã không khai sự ngưng trả nợ của công-ty trong thời hạn 15 ngày.
- 3) Đã không giữ sổ sách kê toán đầy đủ hoặc hợp lệ.
- 4) Đã thanh toán cho một trái chủ để làm thiệt hại cho khối trái chủ sau khi công-ty ngưng trả nợ.

**Điều thứ 1013** – Trong trường hợp ngưng trả nợ của một công-ty được lập bất luận dưới hình thức nào, sẽ bị tuyên xử các hình phạt của tội phá sản gian trá những người điều khiển công-ty ở trong một những trường hợp sau đây:

- 1) Đã cất giấu sổ sách của công-ty.
- 2) Đã sang đoạt hay tẩu tán một phần tích sản của công-ty.
- 3) Bằng sổ sách giấy tờ đã nhận những món nợ mà thật ra công-ty không thiếu.

**Điều thứ 1014** – Sẽ bị tuyên xử những hình phạt dự liệu cho tội phá sản gian trá:

1. Những người vì quyền lợi của người khánh tận đã gian đoạt, oa trữ hay cất giấu một phần hay toàn phần động sản hay bất động sản của người này; chưa kê còn có thể bị truy tố như tòng phạm của người khánh tận.
2. Những người nhân danh mình hay do sự trung gian của người khác, đã khai trình với quản tài hay thanh toán viên những trái quyền thực ra không có.
3. Những người mượn tên hoặc lấy tên ma để buôn bán đã có những hành động dự liệu ở điều 1011.

**Điều thứ 1015** – Phối ngẫu, tôn thuộc hay ti thuộc cùng thích thuộc trực hệ người khánh tận mà làm thủ tục hay oa trữ các tài vật hoặc tích sản khánh tận, nếu không hành động đồng loã với con nợ, sẽ bị tuyên xử các hình phạt về tội trộm.

**Điều thứ 1016** – Quản tài hay thanh toán viên mà lạm thủ tiền tài trong lúc điều hành vụ khánh tận hay thanh toán tư pháp sẽ bị tuyên xử các hình phạt áp dụng cho tội bội tín.

**Điều thứ 1017** – Trái chủ nào để được hưởng những lợi lộc riêng đã giao kết với người khánh tận hay với bất cứ ai khác về cách sử dụng lá thăm của mình trong các hội nghị trái chủ, hoặc đã ký một hiệp ước riêng có lợi cho mình nhưng thiệt cho tích sản của người khánh tận, sẽ bị tuyên xử những hình phạt dự liệu cho tội bội tín.

Mọi giao kết và khế ước bất hợp pháp sẽ bị tuyên bố vô hiệu đối với tất cả mọi người kể cả con nợ và toà hình thụ lý công-tổ quyền, cũng có thẩm quyền tuyên bố sự vô hiệu đó.

**Điều thứ 1018** – Trong mọi trường hợp dự liệu tại các điều nói trên, toà hình ngoại việc quyết định về bồi thường thiệt hại sẽ truyền qui hoàn cho khối trái chủ các quyền lợi hay tài sản bị tước đoạt.

**Điều thứ 1019** – Quản tài chỉ có thể đi thừa hoặc nhân danh khối trái chủ đứng dân sự nguyên cáo, nếu được các trái chủ cho phép bằng một quyết định của đa số những người hiện diện.

## CHƯƠNG THỨ IV

### NÓI VỀ PHƯƠNG CÁCH TỐ CẦU ÁN VĂN KHÁNH TẬN VÀ THANH TOÁN TƯ PHÁP

**Điều thứ 1020** – Đối với tất cả các án văn được tuyên về vụ khánh tận, thời hạn kháng tố và kháng cáo được ấn định đồng nhất là 15 ngày kể từ ngày có trát báo thị của phòng lục sự. Toà thượng thẩm phải phúc xét lại nội trong 3 tháng, phúc quyết sẽ được thi hành tạm trên nguyên bản.

Nếu chỉ có người thiếu nợ xin thanh toán tư-pháp, án văn chấp nhận sẽ không thể bị đệ tam kháng tố.

Nếu được thụ lý đơn xin hưởng thanh toán đồng thời với đơn xin tuyên cáo khánh tận, toà sẽ xử bằng một bản án duy nhất được thi hành tạm và có thể bị kháng tố và kháng cáo.

**Điều thứ 1021** – Không được kháng tố, kháng cáo và thượng tố:

- 1) Phán quyết liên hệ tới sự chỉ định hay thay thế thẩm phán thừa nhiệm, chỉ định hay bãi miễn quản-tài-viên và thanh toán viên.
- 2) Phán quyết xét về đơn trợ cấp cho người bị khánh tận hay thanh toán tư pháp và gia đình của họ.
- 3) Phán quyết cho phép phát mại đồ vật hoặc hàng hoá của vụ khánh tận và thanh toán tư pháp.
- 4) Phán quyết tuyên xử theo các điều 920 và 921.
- 5) Phán quyết xét về các yếu tố cầu chống lại các án lệnh của thẩm phán thừa nhiệm trong giới hạn chức vụ vị này.



6) Phán quyết cho phép khai thác nghiệp sản thương mại của các người bị khánh tận và thanh toán tư pháp.

## CHƯƠNG THỨ V

### NÓI VỀ CÁC SỰ TRUẤT QUYỀN, CẤM QUYỀN VÀ PHỤC QUYỀN

#### TIẾT I

## TRUẤT QUYỀN VÀ CẤM QUYỀN

**Điều thứ 1022** – Người thiếu nợ được hưởng thanh toán tư pháp không thể được chấp nhận làm một nhiệm vụ công cử nào. Nếu đương thi hành một chức vụ có bản chất đó, đương sự được coi như từ dịch.

Điều thứ 1023 – Thương gia bị tuyên cáo khánh tận cũng bị truất quyền ứng cử trên; ngoài ra, còn mất quyền đầu phiếu.

**Điều thứ 1024** – Người khánh tận hoặc bị thanh toán tư pháp không thể hành nghề luật sư hoặc giữ chức vụ công lại như Chương-khế, thừa phát lại, hồ giá viên, hoặc các chức vụ quản-tài, thanh toán viên.

**Điều thứ 1025** - Người bị khánh tận cũng không thể giữ các chức vụ trong mọi ngành công chức điều khiển, hoặc được chỉ định làm phụ thẩm nhân dân hay làm nhân chứng trong các văn tự chương khế; đương sự còn có thể mất quyền mang những huy chương trong những trường hợp được luật dự liệu.

**Điều thứ 1026** - Người bị khánh tận bị truất quyền ứng cử và bầu cử vào các phòng thương mại canh nông và các nghiệp đoàn khác có tính cách chuyên nghiệp liên hệ đến ngành hoạt động của mình.

**Điều thứ 1027** – Toá án tuyên xử khánh tận còn có thể cấm đương sự hành mọi nghề thương mại và kỹ nghệ, cấm giữ tất cả các chức vụ điều khiển, quản lý, quản trị hay kiểm soát trong mọi xí nghiệp hay thương mại, nhưng chỉ trong một thời gian nhất định; đương sự bị cấm các quyền này có thể xin toà án đã tuyên án rút ngắn thời hạn hoặc giải trừ sự cấm chỉ.

**Điều thứ 1028** – Sự cấm quyền nói ở điều 320 Bộ luật này liên hệ đến những nhân viên điều khiển quản trị hay quản lý các hội cổ phần hay trách nhiệm hữu hạn phạm các trọng tội hay khinh tội, sẽ áp dụng cho người bị khánh tận chưa được phục quyền.

**Điều thứ 1029** – Nếu án khánh tận tuyên ở ngoại quốc được chuẩn hành ở Việt Nam, sự cấm quyền nói ở điều 320 cũng sẽ đem áp dụng cho người bị khánh tận chưa được phục quyền.

Riêng để thi hành điều khoản này, đơn xin chuẩn hành có thể do công tố viên đệ nạp trước toà sơ thẩm xử việc dân sự nơi cơ sở người bị khánh tận.

**Điều thứ 1030** – Những người phạm vào các sự cấm quyền nói ở các điều trên sẽ bị phạt tù từ 6 tháng đến 2 năm và phạt vạ từ 50.000\$ đến 500.000\$ hay một trong hai hình phạt đó. Nếu đã bị xử phạt theo điều khoản này thì đương sự không thể làm việc bất cứ với tước vị nào tại thương hội dùng người đó vào các chức vụ bị cấm chỉ. Phạm vào điều cấm này thì cả người phạm pháp lẫn chủ nhân đều bị xử phạt như ở đoạn trên.

**Điều thứ 1031** – Khi một hội vô danh hay trách nhiệm bị tuyên bố khánh tận thì những quản trị viên và quản lý viên có thể bị toà tuyên án truất quyền quản trị và quản lý tất cả các thương hội, nếu đã có những hành vi dự liệu tại các điều 323 và 325.

**Điều thứ 1032** – Ngay lúc biết có những hành vi trên, quản tài viên phải làm tờ phúc trình gửi thẩm phán thừa nhận để vị này chuyển đạt các sự kiện lên chánh án. Chánh án liên lạc với biện lý và lâm thời, đưa nội vụ ra toà thụ lý.

Các người quan thiết và quản tài viên sẽ được gọi ra trước toà bằng thơ bảo đảm ít nhất 8 ngày trước phiên xử.

**Điều thứ 1033** – Án văn truất quyền xử theo điều 1031 sẽ được quản tài trích đăng vào một tờ báo xuất bản tại nơi có thương hiệu bị tuyên cáo khánh tận và nơi cơ sở của người bị truất quyền, hoặc nếu không có báo xuất bản ở đó, tại những nơi gần nhất và tại thủ đô.

**Điều thứ 1034** – Những người bị xử truất quyền theo điều 1031 có thể sử dụng các phương cách tố cầu trong thời hạn định tại điều 1020.

**Điều thứ 1035** – Nếu toà sơ thẩm từ chối tuyên bố truất quyền lục sự sở nội trong 3 ngày gửi trích lục án văn lên chương lý để nếu xét thấy cần thiết có thể kháng cáo trong thời hạn 15 ngày. Toà thượng thẩm phải tuyên xử trong hạn 3 tháng sau khi thụ lý hồ sơ.

**Điều thứ 1036** – Nếu đã bị truất quyền theo điều 1031 mà vẫn cứ quản lý hay quản trị một thương hội, thì sẽ bị xử phạt theo điều 1030.

**Điều thứ 1037** – Nếu những người bị truất quyền theo điều 1031 có thể, sau một thời gian 5 năm, xin toà thu hồi biện pháp đã tuyên xử.

**Điều thứ 1038** – Án khánh tận sẽ ghi vào tư pháp lý lịch.

Những phán quyết truất quyền hay cấm quyền dự liệu trong chương V tiết I này cũng phải ghi vào đó.

Khi cấp phát các phiếu số 2 và 3, quyết định phải được sao chép rõ. Nhưng nếu được toà thu hồi biện pháp truất quyền như đã nói trên, thì chỉ phải ghi trên phiếu số 2 mà thôi.

## TIẾT II

# PHỤC QUYỀN

**Điều thứ 1039** – Án kết thúc kháng tặn tuyên theo điều 950 có hiệu lực đương nhiên phục hồi cho con nợ mọi quyền lợi.

**Điều thứ 1040** – Những thương gia bị tuyên án kháng tặn hay thanh toán tư pháp mà trả đủ những tiền thiếu, kể cả vốn, lời và sở phí, thì sẽ được phục quyền. Tiền lời không phải trả quá 5 năm.

Để được phục quyền, hội viên liên đới của một thương hội bị kháng tặn hay thanh toán tư pháp phải chứng minh đã trả, trong những điều kiện trên, tất cả các món nợ của hội, dù rằng một hải ước riêng đã được thoả hiệp cho người đó.

Trong trường hợp chủ nợ mất tích, thất tung hay từ chối nhận lãnh, tiền phải trả sẽ được gửi vào quỹ cung thác và sự ký thác có giá trị như đã thanh lý.

**Điều thứ 1041** – Nếu được công nhận là ngay thẳng những người sau đây có thể xin được phục quyền:

- 1) Con nợ được hưởng hải ước đã thanh toán xong các số tiền phải trả cho hải ước.
- 2) Con nợ chứng tỏ được các chủ nợ đã hoàn toàn miễn trái cho mình hoặc đã đồng thanh thoả hiệp cho phục quyền.

Đoạn 1 trên cũng được áp dụng cho hội viên liên đới đã ký một hải ước riêng với trái chủ.

**Điều thứ 1042** – Nếu là trường hợp pháp nhân bị kháng tặn hay thanh toán tư pháp, các người điều khiển bị truất quyền có thể được phục quyền trong các trường hợp và các điều kiện dự liệu tại các điều 1039 và 1040.

**Điều thứ 1043** – Đơn xin phục quyền phải gửi đến biện lý nơi sự kháng tặn hay thanh toán tư pháp đã được tuyên cùng với biên lai và văn kiện chứng minh.

Biện lý thông tri tất cả các bút lục cho chánh án toà đã tuyên án kháng tặn hay thanh toán tư pháp và cho biện lý nơi cơ sở nguyên đơn để cho thủ thập tài liệu về sự hư thực những điều đã trình.

Những văn kiện xuất trình trong thủ tục phục quyền được miễn trước bạ, trước những văn kiện phải trước bạ vì bản chất.

**Điều thứ 1044** – Lục sự toà án sẽ gửi báo thị bằng thơ bảo đảm có hồi báo cho các trái chủ mà trái quyền đã được kiểm tra hay đã được xác nhận sau này bằng một phán quyết, nhưng chưa được trả đủ các số nợ theo điều kiện nói ở điều 1040.

**Điều thứ 1045** – Bất cứ trái chủ nào chưa được trả hết nợ như đã nói ở điều 1041 cũng có thể, trong một tháng kể từ ngày nhận được báo thị, phản kháng đơn xin phục quyền bằng lời khai ký tại phòng lục sự kèm theo văn kiện chứng minh.

Trái chủ phản kháng có thể, do đơn đệ nạp toà án xin can thiệp vào thủ tục phục quyền.

**Điều thứ 1046** – Mãn thời hạn 1 tháng, kết quả cuộc điều tra dự liệu trên cùng với hồ sơ trái chủ phản kháng sẽ được thông tri cho biện lý đã thụ lý đơn xin; biện lý sẽ chuyển đạt tất cả giấy tờ, cùng với ý kiến có viện dẫn lý do, đến chánh án.

**Điều thứ 1047** – Toà án, nếu cần, sẽ cho đòi nguyên đơn và những người phản kháng đến để nghe họ giải thích đối tịch tại phòng thẩm nghị. Bản án sẽ được tuyên xử trong phiên họp công khai và có thể bị kháng cáo theo thủ tục thông thường.

**Điều thứ 1048** – Nếu đơn xin phục quyền bị bác khước, chỉ có thể tái xét sau một năm. Nếu được chấp thuận, án văn sơ thẩm hay thượng thẩm sẽ được chuyển tổ vào sổ khánh tận nơi tuyên án khánh tận và nơi cư sở nguyên đơn.

Ngoài ra án văn còn được gửi đến biện lý cuộc đã nhận đơn để chuyển đến biện lý cuộc nơi sinh của nguyên đơn. Biện lý này sẽ cho biên chú án văn phục quyền trên tư pháp lý lịch.

**Điều thứ 1049** – Không thể được chấp nhận phục quyền những người đã bị phạt về tội trộm, lường gạt và bội tín, nếu chưa được phục quyền về những tội này.

**Điều thứ 1050** – Người phụ trái bị khánh tận hay được hưởng thanh toán có thể được phục quyền sau khi đã mệnh một.

## ĐIỀU KHOẢN CHUNG

**Điều thứ 1051** – Kể từ ngày ban hành Bộ Luật này, Bộ thương luật Trung-Việt và Bộ Thương Mãi Pháp Quốc áp dụng tại Việt Nam từ trước đến nay và các bản văn cùng những điều luật trái với Bộ Luật này đều bị bãi bỏ.

Bộ Luật Thương Mãi đính kèm  
Sắc-luật số 029-TT/SLU  
Ngày 20 tháng chạp năm 1972  
TỔNG THỐNG VIỆT NAM CỘNG HOÀ  
NGUYỄN VĂN THIỆU

MỤC LỤC \* QUYỀN 1 \* QUYỀN 2  
\* QUYỀN 3 \* QUYỀN 4

